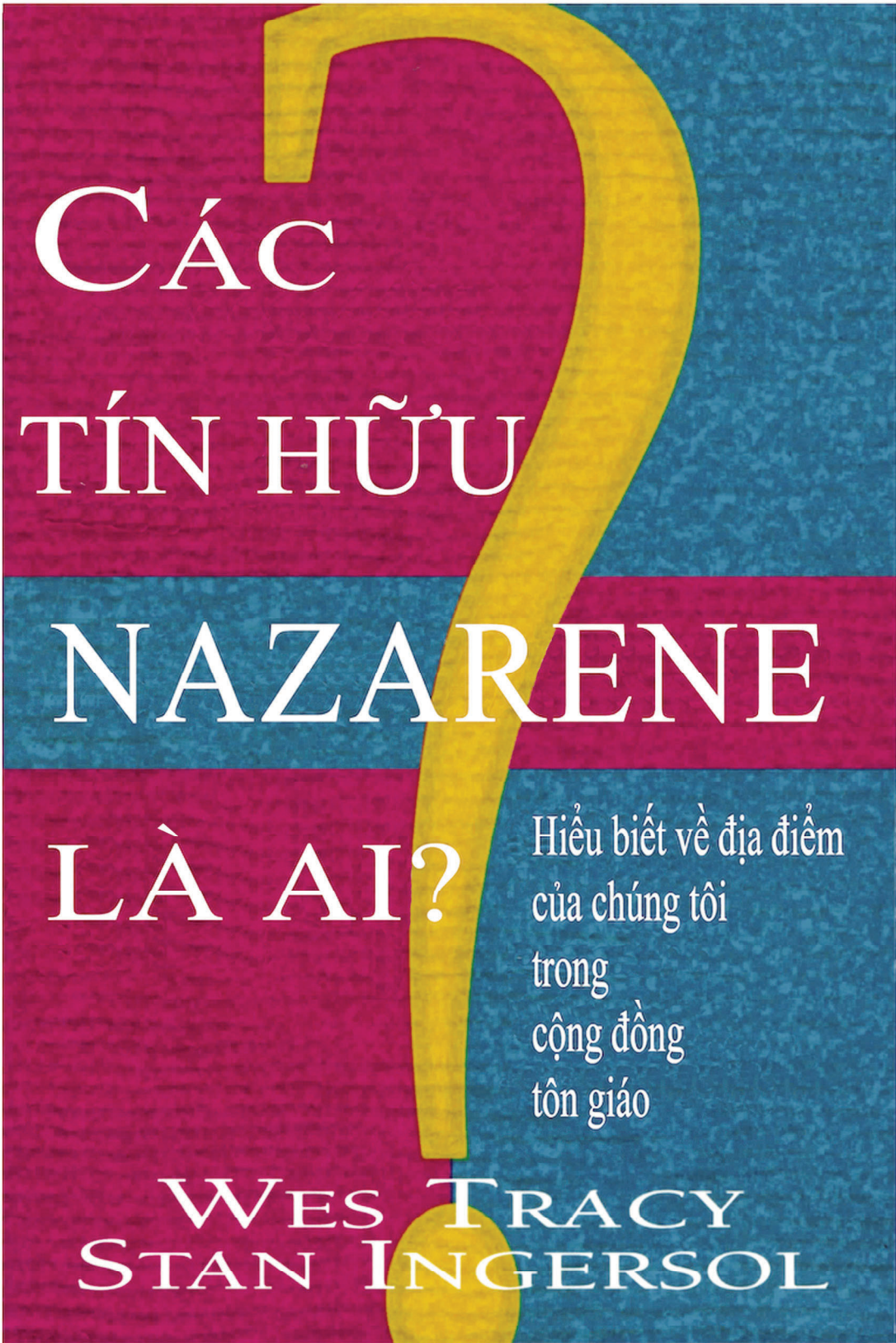




CÁC TÍN HỮU NAZARENE LÀ AI?

Hiểu biết về địa điểm
của chúng tôi
trong
cộng đồng
tôn giáo

WES TRACY
STAN INGERSOL

CÁC

TÍN HỮU

NAZARENE

LÀ AI?

Hiểu biết về địa điểm
của chúng tôi
trong
cộng đồng
tôn giáo

WES TRACY
STAN INGERSOL



Nhà Xuất Bản Sống Thật

“Printed with permission of Beacon Hill Press of Kansas City. Kansas City, MO, USA.”



Mục Lục

Một Gia Đình Thuộc Linh

PHẦN 1 AI LÀ NHỮNG TÍN HỮU NAZARENE?

Chương 1	Họ Cùng Chia Sẻ Một Giác Mơ: sự Ra Đời và Tăng Trưởng của Phong Trào Nazarene	11
Chương 2	Tín Lý và Thực Hành của Tín Hữu Nazarene	18

PHẦN 2 ANH EM HỌ HÀNG GÂN NHẤT CỦA CHÚNG TÔI: CÁC HỘI THÁNH GIÁM LÝ VÀ THÁNH KHIẾT

Chương 3	Các Nền Tảng Wesley Đầu Tiên	32
Chương 4	Tín Hữu Giám Lý Mỹ	45
Chương 5	Các Giáo Hội Chị Em Với Chúng Tôi: Các Hội Thánh Thánh Khiết	54

PHẦN 3 CÁC GIÁO HỘI THEO LỄ NGHI TÔN GIÁO

Chương 6	Giáo Hội Chính Thống Giáo Phương Đông	65
Chương 7	Giáo Hội Công Giáo La Mã	78

PHẦN 4 CÁC GIÁO HỘI CẢI CHÍNH GIÁO KINH ĐIỂN

Chương 8	Tín Hữu Cải Chính Giáo Đầu Tiên: Tín Hữu Tín Nghĩa (Luther) Đã Sắp Xếp Lại Thế Giới Cơ Đốc Giáo	93
Chương 9	Dòng Họ của Calvin: Tín Hữu Trưởng Lão (Presbyterians) và các Giáo Hội Cải Chính Giáo	102
Chương 10	Công Giáo và Cải Chính Giáo: Sự Mâu Thuẫn của Anh Giáo	114

PHẦN 5 TRUYỀN THÔNG HỘI THÁNH THUỘC VỀ CÁC TÍN HỮU

Chương 11	Các Hội Thánh Chủ Trương Hòa Bình: Tái Báp-têm (Anabaptist), Các Anh Em (Brethren) và Anh Em Quakers	125
Chương 12	Tín Hữu Báp-tít: Thánh Chức Tế Lễ của các Tín Hữu	139
Chương 13	Hiệp Nhất và Bình Đẳng: Hội Thánh Cơ Đốc (Christian Church) [Các Tín Đồ Đấng Christ (Disciples of Christ)]	153

PHẦN 6 CÁC HỘI THÁNH NGŨ TUẦN VÀ ÂN TỬ

Chương 14	Tín Hữu Ngũ Tuần và Ân Tử	162
Chương 15	Đối Thoại Giữa Tín Hữu Nazarene và Tín Hữu Ngũ Tuần và Ân Tử	172
<i>Phụ Lục</i>	Bảng Tuyên Xưng Đức Tin Nazarene, Giáo Hội Nazarene (bao gồm Bảng Tuyên Xưng Đức Tin Thống Nhất và Quy Luật Chung)	180
<i>Chú Thích</i>		189



PHẦN GIỚI THIỆU

Một Gia Đình Thuộc Linh

Tôi thật sự yêu thương Giáo Hội Nazarene, với tất cả các nhược điểm, khuyết điểm và tất cả những đặc tính của giáo hội này. Khi tôi đi đến nhiều nơi khác nhau, tôi càng khám phá rất nhiều điểm để yêu thương hơn nữa đại gia đình đức tin tuyệt vời này, một gia đình đã nối vòng tay lớn cho khắp thế giới và tạo ra những hội thánh như thể những gia đình. Chúng tôi là một cộng đồng kết ước với nhau để sống trong giao ước của đức tin.

Các tín hữu Nazarene ở khắp mọi nơi trông như cảm nhận rằng đức tin chúng tôi chia sẻ với nhau nơi Đấng Christ, di sản của truyền thống Thánh Khiết – Wesley cũng như các quan hệ thân thiết trong đại gia đình đức tin với nhau còn quan trọng các khác biệt về khu vực địa lý và văn hóa.

Tôi rất thích cách đại gia đình tín hữu Nazarene trân trọng và gìn giữ quá khứ với ký ức của những sự trải nghiệm trong thánh chức và nghịch cảnh đã thật sự tạo ra quá khứ đó. Tuy vậy chúng tôi không bị các lời lẽ, phương pháp và sự đặc trưng của một thế giới giam cầm, dù đó là thế giới chúng tôi đã từ đó trưởng thành. Đặt cội rễ vững chắc nơi những điều trọng yếu, chúng tôi hướng về tương lai, biết chắc rằng Đức Chúa Trời chia sẻ với chúng tôi tính sáng tạo để chúng tôi có khả năng uốn nắn những năm tháng sắp đến theo mẫu mực của Đấng Christ.

Tôi cũng rất thích tính hài hước, ví von của anh em chúng tôi. Chúng tôi thường không tự xem mình quá nghiêm túc. Rất ít trong anh em chúng tôi có thể phù hợp với định nghĩa của một tín hữu thánh giáo, một người luôn luôn có một nỗi lo sợ: có một người nào đó đang vui vẻ! Khả năng vui đùa, cười về chính mình, cách chúng tôi nói đùa và làm trò hề về những anh em trong gia đình của chúng tôi ở một buổi nhóm họp, tất cả là một tặng phẩm thật quý báu.

Là một anh em tín hữu Nazarene không hẳn lúc nào cũng được mọi người ưa thích và ngưỡng mộ. Đa số các tín hữu Nazarene đến từ tầng lớp lao động và nghèo khó. Họ hiểu rõ thế nào là cầu nguyện cho có được tiền mua nhà, đặt giấy cạt-tông làm đế giày, mặc quần áo đã từng được vá lại, và chỉ đặt sự tin cậy trên đức tin hơn là tiền dự trữ hay tiết kiệm. Hơn thế nữa, các giáo lý của chúng tôi thường bị xem thường dù được chấp nhận, ngay cả bởi những Cơ Đốc Nhân khác. Ý tưởng có được một tâm lòng và một đời sống trong sạch, với bàn tay và trái tim thánh khiết, trông như đáng buồn cười trong một xã hội được nuôi dưỡng bởi tâm tâm lý học theo khuynh hướng của Freud. Đối với những tín hữu trung hòa và đối với những người bạn theo nền thần học Calvin của chúng tôi, sự nên thánh trọn vẹn trông như quá tự cao tự đại và khó có thể chấp nhận được, và đôi khi họ nói với chúng tôi điều đó.

Các tiêu chuẩn sống Nazarene về trang phục và cách cư xử, và sự chống đối của chúng tôi đối với khuynh hướng giải trí của thế giới này đã đem đến những lời chỉ trích, xuyên tạc như là “người giả dối lúc nào cũng quỳ gối” từ những người bạn cũng như địch thù. Anh chị có bao giờ đối diện với sự xung đột về lập trường “Chúng tôi không hút thuốc, không nhai thuốc lá và không quan hệ với gái dâm làm chuyện đó” không? Đúng, cũng có những tín hữu trong số anh em chúng tôi đã từng phát triển kỹ xảo tự phô trương mà chúng tôi không muốn cho phép trở thành một nghệ thuật, nhưng tất cả anh em chúng tôi đều bị ảnh hưởng và bị chỉ trích, tấn công vì lập trường cực đoan đó. Tinh thần luật pháp là một trong những khuyết điểm có thể tiên đoán được của chúng tôi, anh chị biết không, nhất là khi giáo lý nên thánh trọn vẹn bởi đức tin duy nhất khi bị đem ra khỏi bối cảnh hay bị hiểu lầm bởi một số người cố tình hiểu sai.

Nhưng dù sao đi nữa, sự dâng hiến của chính mình cho một đời sống tập trung vào Đấng Christ đã đánh dấu phong trào. Đối với chúng tôi, sự thánh khiết là sự thiên định chứ không phải là một sự lựa chọn phụ thuộc. Nhưng điều đó không có nghĩa là chúng tôi sẽ trở nên phổ biến và bình dân. Sự thánh khiết thường bị chỉ trích, chế nhạo hơn là được ca ngợi khi ông John Wesley kêu gọi Anh Quốc đi tìm



ân điển thánh hóa trong sự cầu nguyện. Khi ông và những người truyền đạo tại thế theo ông loan truyền tình yêu thương toàn hảo thì họ đã trở nên cùng một lúc sự tai tiếng và ân phúc của cả một quốc gia.

Thánh chức đã đem cả đại gia đình tín hữu Nazarene gắn bó và đoàn kết lại với nhau. Anh chị hãy đọc các tín thư được sứ đồ Phao-lô viết trong ngục tù và anh chị sẽ thấy tâm trí của ông khi đối diện với sự chết và sự vĩnh cửu. Ông không nói về thị trường chứng khoán hay giải vô địch thể giới về bóng đá. Ông viết cho những người bạn cũ, những người ông từng chia sẻ các dự án của thánh chức Cơ Đốc. Các tín hữu Nazarene đã nối vòng tay lớn để thiết lập các mũi nhọn quảng bá Phúc Âm trong gần 120 quốc gia.

Chúng tôi cũng đã từng có những sai lầm của một giáo hội khi bước vào tuổi thiếu niên. Chúng tôi đã hơn một lần ve vãn với tinh thần luật pháp. Thật đáng ngạc nhiên phải không anh chị khi chính sức mạnh của anh chị lại tạo ra cùng một lúc những khuyết và nhược điểm? Các chuẩn mực của chúng tôi về trang phục và hạnh kiểm cũng làm chúng tôi yếu đi. Chắc chắn là đã có những người hành động như thể giữ các quy luật sẽ đem đến sự cứu rỗi hay sự nên thánh. Chỉ có Đức Chúa Trời mới có đủ quyền năng chuộc tội và thanh tẩy một người. Đó chính là điều Cải Chính Giáo (Tin Lành) phải dạy chúng ta.

Những người khác không phải lúc nào cũng hiểu được các quy luật về hạnh kiểm của chúng tôi. Nhưng chúng tôi đã đến với họ với tất cả tấm lòng thành thật. Nguồn gốc tầng lớp lao động của chúng tôi (đó không phải là một ý nghĩa tiêu cực) đã khiến cho chúng tôi bày tỏ lương tâm đối với xã hội của chúng tôi qua sự tự chủ, kềm chế các thói hư tật xấu và tệ nạn xã hội. Nguồn gốc tầng lớp lao động của chúng tôi cũng có nghĩa là của chúng tôi có rất ít thế lực trong xã hội. Chúng tôi không biết cách thay đổi luật pháp hay đàm phán về ảnh hưởng chính trị. Nhưng chúng tôi có khả năng điều chỉnh và cải thiện hạnh kiểm cá nhân của chúng tôi. Chúng tôi có khả năng tránh xa thuốc lá, say sưa với rượu, khiêu vũ, phim ảnh và những điều tương tự. Lương tâm xã hội của các Cơ Đốc Nhân trong các tầng lớp xã hội khác cũng bắt đầu hình thành với những dạng thức khác nhau. Các anh em tín hữu Trưởng Lão trung lưu cố gắng thay đổi xã hội với ảnh hưởng Cơ Đốc hơn bằng cách thay đổi luật pháp và đường lối chính trị. Họ rất quen thuộc với môi trường quyền thế còn chúng tôi thì không thành thạo trong môi trường đó. Họ là những chủ tịch hội đồng quản trị các doanh nghiệp và tập đoàn, những người chủ ngân hàng, thống đốc tiểu bang, và tổng thống. So sánh với việc bầu một luật lao động hay chống phân biệt chủng tộc, màu da cho công bằng hơn, việc tránh được việc xung đột trong bầu cử là tầm thường. Nhưng bây giờ chúng tôi đã trưởng thành hơn; những điều chúng tôi quan tâm trong xã hội còn đi xa hơn (nhưng không loại trừ) hạnh kiểm đạo đức cá nhân.

Trong thời niên thiếu chúng tôi cũng đã một thời ve vãn hẹn hò với khuynh hướng Bảo Thủ Cực Đoan. Trong khi chúng tôi tin nơi Cơ Đốc Giáo truyền thống, chúng tôi cũng tin rằng có một điều gì đó tốt hơn các thái cực của khuynh hướng Bảo Thủ Cực Đoan cứng nhắc một thời của chúng tôi. Chúng tôi tin rằng có một điều gì đó tốt hơn đường lối chính trị độc hướng hay nền thần học cực đoan “nhìn-theo-hướng-của-tôi-hay-rời-bỏ-tổ-chức” và tiêu chuẩn trung bình thấp nhất của giáo phẩm hội thánh. Chúng tôi thích tinh thần bao quát, phóng khoáng của di sản Wesley của chúng tôi, không phải ở tinh thần giáo phái chia rẽ và cục bộ. Sự quan tâm trở lại của di sản Wesley một cách tổng thể kết nối tín ngưỡng cá nhân và trách nhiệm đối với xã hội là một biến cố định đoạt trong giáo hội chúng tôi.

Một khuyết điểm hay nhược điểm khác đã đến từ những thế mạnh của chúng tôi. Chúng tôi đã giảng dạy một cách đúng đắn rằng một Cơ Đốc Nhân có khả năng sống vượt qua được các tội lỗi cố tình. Nhưng chúng tôi lại cho phép những người thách thức chúng tôi lại đẩy chúng tôi quá xa về hướng của sự “toàn hảo vô tội” đến nỗi nhiều anh em trong chúng tôi mất đi nghệ thuật xưng tội. Những người được cứu rỗi theo ảo ảnh và hướng đến sự nên thánh không cần phải phạm tội, nhưng đôi khi họ vẫn phạm tội. Điều duy nhất một Cơ Đốc Nhân có thể làm khi họ thức dậy với sự phạm tội trong tay là xưng tội đó với Đức Chúa Trời. Gọi việc đó với một tên nào khác chẳng tốt lành gì cả. Nhưng một số trong các anh em của chúng tôi đã sai lầm ở đây. Ngay cả những chương trình cầu nguyện của hội chúng để



sự xưng tội bị loại bỏ khỏi các buổi nhóm họp. Đó là một bài học thật khó mà chúng tôi đã phải học. Nhưng chúng tôi đã khám phá ra một điều, ông John Wesley hiểu rõ việc ông làm khi khuyên người thánh khiết nhất cũng cần phải cầu nguyện thật đúng đắn bài cầu nguyện của Chúa, trong đó có việc “tha thứ cho những sai phạm của chúng con.” Điều đó không có nghĩa là một tín hữu phải cố tình phạm tội; nhưng tất cả mọi người trong chúng ta đều là thành viên của một chủng loại bị sa ngã, bất toàn và với nỗ lực tốt nhất vẫn không giải thoát chúng ta, chúng ta vẫn phải cần huyết của Đấng Christ để thanh tẩy các sai lầm và thất bại đền từ “hàng ngàn khiếm khuyết.”

Chúng tôi đã học hỏi được rất nhiều, như mọi giáo hội một thời ở tuổi niên thiếu. Bây giờ chúng tôi đã trở nên sẵn sàng hơn bao giờ hết. Giáo lý của sự lạc quan tuyệt đối của chúng tôi, sự thanh tẩy của tội lỗi bên trong, được cần đến hơn bao giờ hết. Nhiều người cho rằng Giáo Hội Nazarene được xây dựng không phải cho thế kỷ thứ 20 mà cho thế kỷ thứ 21. Chúng tôi có sự đóng góp chiến lược cho thế giới hậu hiện đại.

Không phải ai cũng được thuyết phục bởi các tín hữu Nazarene. Mỗi Cơ Đốc Nhân đều có thể trở thành một tín hữu Nazarene chân chính. Nhưng thông điệp theo truyền thống Wesley – Thánh Khiết của chúng tôi về sự lạc quan tuyệt đối của ân điển là điều thế giới chúng ta cần nhất. Một số những người khác cũng tin như chúng tôi là gần như không có sự hạn chế trong những điều tốt lành có thể xảy đến cho anh/chị và qua anh/chị bởi ân điển chuộc tội của Chúa Giê-su Christ. Các khoa học gia về xã hội học cho rằng nhân cách một người đã được thiết lập vào năm 3 tuổi, hay có khi còn sớm hơn nữa. Họ tuyên bố rằng một môi trường gia đình hay một khu phố láng giềng xấu sẽ ảnh hưởng một người mãi mãi. Chúng tôi tin nơi những phép lạ, mâu nhiệm của ân điển, trong đó có phép lạ của một trái tim trong sáng được tái tạo theo hình ảnh của Đấng Christ! Nhiều người bạn tín hữu Cải Chánh Giáo tin rằng không có sự giải thoát đối với tội lỗi bên trong thâm tâm một người. Ngay cả sự cứu chuộc của Chúa Giê-su, theo họ, cũng không thể thực hiện điều đó. Chúng ta cần phải tranh chiến chống lại tội lỗi trong suốt cuộc đời của chúng ta. Nhưng chúng tôi tin nơi sự mâu nhiệm của sự nên thánh trọn vẹn.

Ở bất cứ nơi nào tôi nghe một ban thánh ca Nazarene hát, nghe một mục sư Nazarene truyền giảng, đến thăm một nhà nguyện trong một đại học, hay thưởng thức một bữa cơm họp mặt thân tình, tôi biết rằng tôi đang ở giữa những người đặt trọng tâm vào sự kêu gọi của Chúa cho sự thánh khiết của tâm lòng. Khi nhìn thấy gương mặt của họ, tôi biết rằng họ từng đã gặp gỡ Chúa trong một biến cố cứu rỗi. Họ từng đau buồn khi thất bại và luôn luôn đặt ưu tiên hàng đầu vào sự mưu cầu và đạt được ân điển nên thánh. Không có tội lỗi bình thường chấp nhận được, không có ân điển rẻ tiền, không có sự môn đồ hóa hào nhoáng ở đây, đó chính là các tín hữu Nazarene.

Tôi yêu thương Giáo Hội Nazarene. Tôi thiết nghĩ mình hiểu được tâm lòng của hội thánh này. Nhưng tôi cũng trân trọng các truyền thống Cơ Đốc khác. Rất nhiều truyền thống Cơ Đốc đã đóng góp vào đặc tính của chúng tôi. Một số truyền thống Cơ Đốc thực hiện những điều rất tốt đẹp mà chúng tôi chỉ là tầm thường.

Chúng ta cần hiểu rằng các giáo hội Cơ Đốc hay hội thánh đều có những sức mạnh và điểm yếu có thể tiên đoán được. Các nhóm Cơ Đốc chủ trương sự tiền định sẽ gặp vấn đề với sự thiếu vắng về đời sống thánh khiết hàng ngày của các thành viên của họ. Ngược lại, các nhóm nhấn mạnh về hạnh kiểm thánh khiết đến mức độ làm giảm đi ân điển sẽ dễ dàng đi đến tinh thần luật pháp. Các hệ phái tập trung vào sự đi tìm kinh nghiệm ngây ngất về mặt thuộc linh sẽ tạo nên tư duy nông cạn hay sự thiếu suy luận, lý luận và phản luận ở giữa các môn đồ của họ. Các nhóm trông như nghĩ rằng nghi thức xưa cổ có thể đem đến sự cứu rỗi với thẩm quyền của giáo hội, hay sự cải đạo là việc nhớ thuộc lòng giáo lý đối đáp sẽ phải thận trọng trong việc tầm thường hóa quan hệ cá nhân với Đức Chúa Trời hay xem thường sự trải nghiệm cải đạo trong một khoảnh khắc.

Đó là lý do quyển sách này đã được viết. Trong thời đại của Cơ Đốc Giáo đi theo khuynh hướng



thị trường tiêu thụ, việc hiểu thấu và gìn giữ một bản tánh và danh tánh rất là quan trọng.

Tác giả đồng biên soạn quyển sách này với tôi là một tín hữu Nazarene thế hệ thứ 3 của cả hai bên nội và ngoại trong gia đình anh. Anh đã gia nhập hội thánh tại thành phố Ponca, tiểu bang Oklahoma, Hoa Kỳ. Còn tôi thì đã tham gia hội thánh ở đâu đó trên thế giới khi tôi mới ba tuần tuổi. Ba mẹ tôi đã đặt tên cho tôi theo ông John Wesley và đã mang tôi vào Giáo Hội Nazarene ở thành phố Howard, tiểu bang Kansas, Hoa Kỳ. Đó cũng là nơi họ đã được cứu rỗi với sự truyền giảng của nhà truyền giáo A.F. Balsimeier.

Tôi yêu thương đại gia đình anh em tín hữu Nazarene, gia đình nuôi dưỡng tôi trong suốt cuộc đời tôi. Tôi ước mong giáo hội của chúng tôi đóng góp một cách tốt đẹp nhất cho thời đại chúng ta đang sống. Hiểu và cảm thông các anh chị em trong Đảng Christ của chúng ta chính là điểm khởi đầu.

Wesley D. Tracy





PHẦN 1

CÁC TÍN HỮU NAZARENES LÀ AI ?



TÓM LƯỢC

HỌ CÙNG CHIA SẺ MỘT GIÁC MƠ: SỰ TRỞ DẬY CỦA PHONG TRÀO NAZARENE

Bối Cảnh Lịch Sử

Bắt nguồn từ phong trào phục hưng Wesley của thế kỷ thứ 18 tại Anh Quốc, Phong Trào Thánh Khiết đã trăm hoa đua nở tại Hoa Kỳ. Các giáo hội theo truyền thống Wesley - Thánh Khiết đã trở dậy ở khắp mọi nơi tại Hoa Kỳ. Ba trong số các giáo hội này đã kết hợp với nhau vào năm 1907 (tại Chicago) và vào năm 1908 (tại Pilot Point, tiểu bang Texas) để thành lập Giáo Hội Nazarene. Trong số các lãnh đạo chính có Phineas F. Breese, C.B. Jernigan, H.F. Reynolds, và C.W. Ruth.

Niềm tin Cốt lõi

Giác mơ đã đem những người đã thành lập giáo hội này lại với nhau chính là giấc mơ xây dựng một hội thánh của các tín hữu theo truyền thống Wesley. Điều này đã thành hình từ các tín lý vững chắc của Cơ Đốc Giáo chính thống. Các giáo lý truyền thống là dấu ấn của Giáo Hội Nazarene mới được thành lập. Các giáo lý truyền thống này gồm có sự thần cảm của Kinh Thánh, Đức Chúa Trời Ba Ngôi Hiệp Một, thần thể và thần tánh của Đấng Christ, và các tín lý của Cải Chánh Giáo về Kinh Thánh duy nhất như là tiêu chuẩn đo lường của đức tin và sự thực hành, sự cứu rỗi duy nhất bởi ân điển qua đức tin, và thánh chức tư tế của các tín hữu.

Giáo lý Wesley về sự cứu rỗi, và đặc biệt là giáo lý của sự nên thánh trọn vẹn đã trở nên nền tảng của nền thần học, sự thờ phượng, sự truyền giảng phúc âm, sự chăm sóc và nuôi dưỡng, sự phục vụ và sự quản nhiệm của hội thánh.

Giáo hội mới này cũng nhấn mạnh trên giáo dục, sự tân phong phụ nữ, sự tương thân tương trợ với người nghèo, đời sống hằng ngày thánh khiết tránh xa sự gian ác hay các thực hành của thế gian, và khái tượng sứ mệnh truyền giáo trên toàn cầu.



Những người đã thành lập Giáo Hội Nazarene ước muốn xây dựng một hội thánh của các tín hữu được thiết lập vững chắc theo truyền thống Wesley.

CHƯƠNG 1

HỌ CÙNG CHIA SẺ MỘT GIÁC MƠ: SỰ TRỞ DẬY CỦA PHONG TRÀO NAZARENE

HOA KỲ CỦA THẾ KỶ THỨ MƯỜI CHÍN là một môi trường thuận lợi cho sự hỗn loạn về mặt tín ngưỡng. Các tiên tri giả phỉ báng nhau và như thế lại phồn thịnh. Các tín ngưỡng lợi dụng sự mê tín và khờ dại của các tín đồ đã trăm hoa đua nở. Các thuật sĩ đầy phô trương tự xưng mình là những người truyền giảng phúc âm làm mê hoặc những người ngây ngô với những lời đe dọa và các lời hứa hẹn cho rằng Thượng Đế (Đấng mà họ mượn danh) đã chấp thuận họ. “Nông dân trở nên những giáo sư thần học, thanh niên quái dị ở làng quê trở nên những giám mục, thiếu nữ quái đản trở nên những nữ tiên tri.”¹ Đó cũng là thời đại mà những dị giáo đã ra đời như Mormon, Cơ Đốc Khoa Học và Chứng Nhân Giê-hô-va.

Phong trào Wesley - Thánh Khiết cũng không được che chở khỏi các áp lực. Chia rẽ bởi các vấn đề chủng tộc và định kiến cục bộ, phong trào này đã đi đến bờ vực của thảm họa ly giáo vào đầu thế kỷ thứ 20. Tuy thế, trong một bối cảnh đáng nghi ngờ như thế mà Giáo Hội Nazarene đã trở dậy, bắt nguồn gốc từ Cơ Đốc Giáo chính thống và được dẫn dắt bởi một khái tượng.

Khởi đầu như là *một hội thánh của các tín hữu theo truyền thống Wesley*. “Các hội thánh của các tín hữu” thật khác biệt. Đó là các thông công tự nguyện của những người đã trải nghiệm quyền năng của thiên ân tái tạo. Các thành viên của các hội thánh này đã thiết lập một giao ước với Đức Chúa Trời cũng như giữa các thành viên với nhau, và rất tích cực trong các công việc Cơ Đốc. Họ không cho phép sự dung thứ tội lỗi hiển nhiên hiện có ở giữa hàng giáo phẩm và tín hữu; ngược lại họ thực hành kỷ luật của hội thánh. Họ tự nguyện chia sẻ với người nghèo và theo một khuôn mẫu thờ phượng đơn giản. Và “họ tập trung mọi sự vào Lời của Đức Chúa Trời, sự cầu nguyện, và tình yêu thương.”²

Nhưng đối với những người thành lập giáo hội, việc đơn thuần có được một hội thánh của các tín hữu vẫn chưa đủ. Họ mong muốn có được một hội thánh của các tín hữu *với nền tảng được thiết lập vững chắc theo truyền thống Wesley*, với nền thần học hướng về các giáo lý nền tảng của nguyên tội, sự xưng công chính và sự nên thánh được đem đến bởi ân điển qua đức tin, và sự làm chứng rõ rệt của Đức Thánh Linh với các công việc của Đức Thánh Linh được nhận thấy rất rõ trong đời sống của chúng ta.

Francis Asbury, người đã thành lập Giáo Hội Giám Lý Hoa Kỳ [American Methodism], đã cùng



chia sẻ giấc mơ đó. Vào năm 1784, Giáo Hội Giám Lý chỉ có một số rất ít tín hữu tại Hoa Kỳ, nhưng đến năm 1850 thì giáo hội này trở nên lớn nhất ở Mỹ, sự phát triển của giáo hội này được tác động bởi những nguồn máy phục hưng và sự quyết chí của những người truyền giảng lưu động. Nhưng giáo hội này cũng trở thành nạn nhân của sự thành công của mình. Giáo hội này trở nên xuất chúng trong việc tiếp cận với những người chưa cải đạo nhưng lại thu hút họ quá nhanh đến nỗi họ không tiếp nhận tư duy của ông Wesley như một giáo lý và lần lần bản chất của giáo hội đã thay đổi. Cuối cùng những người thành lập Giáo Hội Nazarene đã tách rời với Giáo Hội Giám Lý.

Hiệp Một Trong Sự Thánh Khiết

Fred Hillery đã tổ chức Hội thánh Truyền giáo Bình dân (People's Evangelical Church), tại Providence, bang Rhode Island, Hoa Kỳ năm 1887. Hội thánh Truyền giáo (Mission Church) được thành lập tại Lynn, Massachusetts, Hoa kỳ năm 1888. Vào năm 1890 họ cùng tám hội chúng khác tại New England đã thành lập Hội đoàn Thánh khiết Tin lành Miền Trung (Central Evangelical Holiness Association). Bà Anna S. Hanscombe được tấn phong năm 1892, là phụ nữ Nazarene đầu tiên được tấn phong. Năm 1894-1895, William Howard Hoople đã tổ chức ba hội chúng thánh khiết tại Brooklyn, bang New York, thành lập Hiệp hội Những Hội thánh Ngũ tuần của Mỹ (Association of Pentecostal Churches of America). “Ngũ tuần” lúc đó đồng nghĩa với “Thánh khiết” đối với họ và những người thành lập Giáo hội Nazarene khác. Những nhóm của Ông Hillary và Ông Hoople sáp nhập vào năm 1896, đã bắt đầu thành lập hầu việc tại Ấn Độ năm (1899) và Đảo Cape Verde (1901), và Ông Hiram Reynolds người điều hành đã tổ chức hội chúng tại Canada (1902). Những hội chúng từ tỉnh Nova Scotia, Canada đã lan đến bang Iowa, Hoa Kỳ năm 1907.

Ông Robert Lee Harris thành lập Hội thánh Thời Tân ước của Đấng Christ (The New Testament Church of Christ) ở Milan, Tennessee, Hoa Kỳ vào năm 1894. Sau đó một thời gian ngắn thì ông qua đời. Bà Mary Lee Cagle, vợ ông, đã đưa hội thánh đến miền tây Texas năm 1895. C. B. Jernigan đã tổ chức hội chúng đầu tiên của Giáo hội Thánh khiết Độc lập (Independence Holiness Church) ở Van Alstyne, Texas, Hoa Kỳ, năm 1901. Những hội thánh này đã sáp nhập với nhau tại Rising Star, Texas, Hoa Kỳ năm 1904, để thành lập Hội thánh Thánh khiết của Đấng Christ (Holiness Church of Christ). Từ năm 1908, hội thánh đã lan ra từ bang Georgia đến bang New Mexico, Hoa Kỳ, đã có mục vụ với những người đau khổ và nghèo khổ, làm từ thiện cho trẻ mồ côi và những người mẹ đơn thân, và cùng với những người làm hầu việc tại Ấn Độ và Nhật Bản.

Phineas F. Bresee, cùng Joseph P. Widney, với khoảng 100 người khác, tổ chức Giáo hội Nazarene tại Los Angeles, Hoa Kỳ vào năm 1895. Họ đã tin Cơ đốc nhân được nên thánh do đức tin phải theo gương mẫu của Đấng Christ và rao giảng Phúc Âm cho người nghèo. Họ tin rằng thời gian và tiền bạc của họ nên dâng cho mục vụ của sự cứu rỗi của linh hồn và giúp đỡ những người nghèo khổ. Giáo hội Nazarene lan rộng chủ yếu dọc theo miền Duyên hải phía tây Hoa Kỳ, với những hội chúng rải rác ở phía đông Núi Rocky xa đến tận bang Illinois, Hoa Kỳ. Giáo Hội đã ủng hộ cho mục vụ của người Calcutta, Ấn Độ.



Vào tháng 10 năm 1907, Hiệp hội những Giáo hội Ngũ tuần của Mỹ và Giáo hội Nazarene ngồi lại với nhau tại Chicago, Hoa Kỳ, để tạo ra một chính thể giáo hội với sự cân đối giữa quản nhiệm lãnh đạo và hội chúng. Những quản nhiệm lãnh đạo phải giúp đỡ và chăm sóc những hội thánh được thành lập, tổ chức và khuyến khích những hội thánh mới, nhưng không can thiệp vào những hoạt động độc lập của một hội thánh đã được tổ chức hoàn toàn. Những đại biểu của Giáo hội Thánh khiết của Đấng Christ đã tham gia. Đại Hội đồng Tổng hội đầu tiên chấp thuận danh xưng cho tập thể thống nhất rút ra từ 2 tổ chức là: Hội thánh Ngũ tuần Nazarene (The Pentecostal Church of the Nazarene). Ông Bresee và Ông Reynolds được bầu cử làm những vị tổng quản nhiệm.

Vào tháng 9 năm 1908, tại Hội nghị Pennsylvania của Giáo hội Cơ đốc nhân Thánh khiết tại Hội nghị Pennsylvania của Giáo hội Cơ đốc nhân Thánh khiết, được hiệp nhất với Hội thánh Ngũ tuần Nazarene.

Vào tháng 10, Đại Hội đồng Tổng hội lần thứ hai họp chung tại Pilot Point, bang Texas với Đại Hội đồng của Hội thánh Thánh khiết của Đấng Christ. Vào sáng thứ ba ngày 13 tháng 10, Ông R.B. Mitchum và C.W. Ruth tán thành đề nghị: “Sự hiệp nhất hai hội thánh bắt đầu từ đây”. Ông Bresee phải liên tục vận dụng mọi cố gắng để đạt được sự thắng lợi dự kiến. Đến 10 giờ 40 sáng hôm đó, trong niềm vui phấn khởi, sự hiệp nhất được mọi người chấp thuận với phiếu tuyệt đối.

Lãnh đạo bởi Ông J.O. McClurkan, Hội Liên hiệp Ngũ tuần (Pentecostal Alliance) thành lập tại Nashville, Hoa Kỳ vào năm 1898, kết hợp những người Thánh khiết từ tiểu bang Tennessee, và những tiểu bang phụ cận. Họ đã gọi những mục sư và giáo sư sang Cuba, Guatemala, Mexico và Ấn Độ. Vào năm 1906, Ông George Sharpe, thuộc Hội thánh của Giáo đoàn Parkhead (Parkhead Congregational Church) tại Glasgow, bị cách chức vì Ông giảng về Giáo lý Thánh khiết Cơ đốc nhân của Wesley. Hội thánh Ngũ tuần Parkhead được hình thành, những hội chúng khác được tổ chức, Hội thánh Ngũ tuần Scotland được thành lập vào năm 1909. Hội Truyền giáo Ngũ tuần (Pentecostal Mission) và Hội thánh Ngũ tuần Scotland được sáp nhập với Hội thánh Ngũ tuần Nazarene vào năm 1915.

Đại Hội đồng Tổng hội lần thứ năm (1919), đã chính thức thay đổi tên thành Giáo hội Nazarene (Church of the Nazarene) vì những ý nghĩa mới đã kết hợp với từ “Ngũ tuần”

Điều gì phân biệt giáo hội hiệp nhất này với các giáo hội khác?

1. Phụ nữ đã sát cánh với nam giới tham gia vào mục vụ. Chị em phụ nữ có điều kiện tham gia vào mọi chức vụ trong giáo hội mới này. Sự tấn phong phụ nữ là thực hành phổ biến trong ba giáo thể chính đã cho ra đời giáo hội, và các phụ nữ đã được phong chức tại 2 Đại Hội Đồng đã hiệp nhất thành lập giáo hội. Sự tấn phong phụ nữ không là một vấn đề phụ thuộc. Ông Bresee đã nhấn mạnh rằng một mục vụ gồm có phụ nữ là phù hợp *với truyền thống các sứ đồ*, trong khi một mục vụ loại bỏ phụ nữ mới không phù hợp với truyền thống này.³ Câu gốc Kinh Thánh được trích dẫn là Công Vụ 2:16-17. Nhưng đây chính là điều Chúa đã phán qua nhà tiên tri Giô-ên. Đức Chúa Trời phán: “*Trong những ngày sau cùng, Ta sẽ Thánh Linh ta trên tất cả mọi người, con trai và con gái các ngươi sẽ nói tiên tri!*”

2. Giáo hội mới này thật sự tương thân tương trợ với người nghèo và người thống khổ. Các cô nhi viện ở Bắc Mỹ và Ấn Độ, nhà ở cho những người mẹ đơn thân, các sứ mệnh cứu giúp người nghiện rượu – đó là sự thể hiện hữu hình của sự thánh khiết của nội tâm. “Chúng tôi ước muốn có được những nơi thật đơn giản với tấm bảng chào đón tất cả những người nghèo nhất,” ông Bresee đã viết khi

ở thành phố Los Angeles, trong khi cách đó nửa châu lục cô Mary Lee Cagle đang truyền giảng cho những tù nhân, da trắng cũng như da đen, trong một trại tù ở tiểu bang Arkansas.⁴ Các tín hữu Nazarene đầu tiên đã lắng nghe với tất cả tấm lòng của họ lời nói, “Thần Chúa ngự trên Ta vì Ngài đã xức dầu cho Ta để truyền giảng Tin Mừng cho người nghèo khổ,” (Lu-ca 4:18) Một sự nhận dạng với chính sứ mệnh truyền giáo của Chúa đã đưa ông Wesley đến các trại tù, những khu ổ chuột, các cộng đồng thợ hầm mỏ ở Anh Quốc. Bấy giờ đã đến lượt các thành lập viên của Giáo Hội Nazarene cũng có một sự quan tâm như thế. Sự thánh khiết đã xây dựng một hội thánh với tấm lòng rộng mở cho người nghèo và người thống khổ !

3. Các tín hữu Nazarene đầu tiên được tác động bởi khái niệm truyền giáo trên khắp thế giới. Vào năm 1908, các tín hữu Nazarene đã phục vụ ở Cape Verde, Ấn Độ và Nhật Bản. Họ nhanh chóng đi đến Trung và Nam Mỹ, Châu Phi và Trung Quốc. Sự truyền giảng phúc âm, giáo dục và các thánh chức thương cảm là những phương thức nổi bật và riêng biệt của họ. Và trạm truyền giáo, các điểm truyền giảng phúc âm, phụ nữ Thánh Kinh Hội, những người truyền giảng lưu động, các trường học, trạm y tế, bệnh viện, và các nhà ấn hành đều được dâng hiến cho sự loan truyền của sự phục hưng của truyền thống Wesley-Thánh Khiết.

4. Cao đẳng Cơ Đốc là một thành phần thiết yếu của một giáo hội theo truyền thống Wesley - Thánh Khiết. Giáo hội hiệp nhất khởi đầu với nhiều trường cao đẳng hơn khả năng của mình và đã phải củng cố các trường này. Các cộng đồng tín hữu Nazarene đã phát triển chung quanh các trường cao đẳng này và một số phụ huynh đã đem gia đình họ đến sống trong các cộng đồng để con của họ có thể hưởng được hệ thống giáo dục Nazarene.

5. Sự tin kính trọng yếu. Buổi nhóm cầu nguyện Nazarene, buổi nhóm làm chứng, và sự phục vụ bàn thờ là một trong những cách quan tâm đến sự truyền bá đời sống tin kính cá nhân đến một thế hệ mới. Sự trải nghiệm ân điển biến đổi của Đức Chúa Trời thật sự là trọng tâm của phong trào Nazarene.

6. Sự nên thánh trọn vẹn như là giáo lý trụ cột. Cốt lõi đem đến sự hiệp nhất chính là ý tưởng về một hội thánh của các tín hữu với ân điển thiên thượng như là một thực tại trong đời sống con người. Ân điển xưng công chính và ân điển nên thánh là kinh nghiệm trọng tâm cũng như tư tưởng của các thành lập viên giáo hội, vì chính họ đã từng trải nghiệm bản tính biến đổi của ân điển này.

Sự nên thánh trọn vẹn biểu tượng cho một sự thanh tẩy thật sự - một ân điển thật sự trong đời sống này – có quyền năng chinh phục tội lỗi. Tất cả các giáo lý Cơ Đốc khác đều liên quan bằng một cách nào đó với giáo lý này, và không có phương pháp nào có thể sử dụng được để phản biện lại giáo lý này. Sự cảm nhận sâu nghiệm về tội lỗi, sự ăn năn hối cải, quyền năng tái tạo của sự tái sanh, sự sống trong Đức Thánh Linh, Tiệc Thánh thật của Chúa, tất cả đều liên quan đến sự nên thánh trọn vẹn.

Công việc thứ hai của ân điển là cánh cửa với nhiều phòng mà một người có thể tìm được thêm rất nhiều kinh nghiệm và sự sống. Các nhà sáng lập của giáo hội đã bước qua cánh cửa đó để đi vào các



phòng này.⁵ Và nếu họ vẫn còn sống, họ vẫn khuyến khích chúng ta theo họ bước qua cánh cửa này.

7. Sự kết ước với lối sống công chính. Các tín hữu Nazarene đầu tiên đã nhất trí về đời sống thánh khiết như là một phần quan trọng của tinh thần quản gia và sự làm chứng Cơ Đốc. Họ tự kết ước để tránh xa sự gian ác và các thực hành theo thế gian này trong đời sống hàng ngày. Làm sao một người có thể là một môn đồ thật sự mà vẫn giữ lối sống buông thả theo thế gian này? Họ đã tiếp thu ba quy tắc của ông John Wesley cho các hiệp hội Giám Lý và đã thiết lập thêm một số quy luật để dẫn dắt họ. Họ thống nhất tránh xa những sự giải trí, thói quen cá nhân, thói hư tật xấu, trang phục và hạnh kiểm xung đột với sự bình dị Cơ Đốc.

Giữ quy luật không thể đem đến sự cứu rỗi cho họ. Nhưng họ biết hạnh kiểm đạo đức là quan trọng khi nói đến đời sống một người quản gia, hệ thống môn đồ hóa và sự làm chứng.



TÓM LƯỢC

TÍN LÝ VÀ THỰC HÀNH CỦA TÍN HỮU NAZARENE

Nền Tảng Lịch Sử

Có năm tảng đá được đặt làm nền tảng cho Giáo Hội Nazarene:

Cơ Đốc Giáo Kinh điển – tín ngưỡng của Tân Ước và Giáo Hội Nguyên Thủy

Cải Chính Giáo – các giáo lý của Cải Chính Giáo bao gồm thánh chức mục vụ của các tín hữu, Kinh Thánh như là mẫu mực cho đức tin và thực hành, và sự cứu rỗi duy nhất bởi đức tin (không qua công đức)

Tư duy luận giáo theo ông Arminius – Chúa Giê-su đã trả giá chuộc tội cho mọi người. Bởi ân điển miễn phí, mỗi người có khả năng lựa chọn Đức Chúa Trời và sự tốt lành. Sự thay đổi của chúng ta có thể tạo được sự khác biệt, chúng ta không phải chấp nhận thuyết tiền định một cách tuyệt đối như không thể thay đổi cho sự cứu rỗi hay sự đọa đày.

Thần học thực tiễn theo ông Wesley – tiếp nhận và bước theo hệ thống giáo lý và thần học mục vụ của ông John Wesley, tín hữu Nazarene tiếp tục nhấn mạnh và làm nổi bật giáo lý khác biệt về sự nên thánh trọn vẹn của ông Wesley.

Sự Thánh Khiết – sự giảng dạy về sự phục hưng của ông Wesley đối với sự nên thánh và sự toàn vẹn Cơ Đốc đã lan tràn trên khắp Hoa Kỳ của thế kỷ 19 và 20 cũng được gọi là Phong Trào Thánh Khiết Mỹ. Giáo Hội Nazarene đã hiện hữu ở trọng tâm của phong trào này.

Niềm Tin Cốt lõi

Các tín lý Nazarene được tìm thấy trước hết trong Kinh Thánh và trong các giáo lý Cơ Đốc kinh điển. Các Điều Khoản của bản Tuyên Xưng Đức Tin của chúng tôi đến từ Ba Mươi Chín Điều Khoản Tín Ngưỡng của Giáo Hội Anh được chỉnh sửa và tóm lược lại bởi ông John Wesley thành Hai Mươi Lăm Điều Khoản của Hệ Thống Giám Lý. Từ nền tảng này, các Điều Khoản của bản Tuyên Xưng Đức Tin Giáo Hội Nazarene đã được soạn thảo.

Nội Quy Chung của Giáo Hội Nazarene được biên soạn trực tiếp từ nội quy chung của các hiệp hội Giám Lý của ông John Wesley. Nội Quy Đặc Biệt của chúng tôi cố gắng đem vào đời sống hàng ngày các nguyên tắc của hệ thống thần học từ truyền thống Wesley – Thánh Khiết.

Giáo Hội Nazarene Ngày Nay

Hiện nay có đến 1,2 triệu tín hữu Nazarene thờ phượng trong 11.857 hội chúng trong 116 quốc gia và khu vực - vùng trên thế giới. Chúng tôi có 59 trường cao đẳng phục vụ cho 26.000 sinh viên. Chúng tôi cũng có 100 trung tâm phục vụ từ thiện và 700 hội thánh Người Sa-ma-ri Nhơn Lành. Giáo



Hội Nazarene tin nơi sự kêu gọi đảm trách sự thờ phượng nhân danh Đấng Christ, hệ thống truyền bá Phúc Âm, sự nuôi dưỡng và phục vụ.



CHƯƠNG 2

TÍN LÝ VÀ THỰC HÀNH CỦA TÍN HỮU NAZARENE

GIÁO HỘI NAZARENE LÀ:

một cộng đồng đức tin Cơ Đốc,

Cải Chính Giáo,

Theo tư duy luận giáo của hệ thống Arminian

Theo thần học Wesley

Và theo truyền thống Thánh Khiết.

Và các điều khoản của bản tuyên xưng đức tin và giáo điều chứng tỏ điều đó. Bản Tuyên Xưng Đức Tin, Hiến Chương của Giáo Hội, Bản Tuyên Xưng Đức Tin Thống Nhất và Nội Quy Chung đều được tìm thấy trong phần phụ lục của quyển sách này, và đương nhiên với phiên bản đầy đủ và trọn vẹn hơn trong quyển *Cẩm Nang của Giáo Hội Nazarene*.

Giáo Hội

Giáo Hội Nazarene không để rơi vào cạm bẫy tự xưng là Giáo Hội chính thống duy nhất. Rất nhiều giáo hội, hội thánh, giáo phái ngày tự xưng điều đó. Nhưng các tín hữu Nazarene đã diệt đi quan niệm cuồng tín, cực đoan đó ngay từ trong trứng nước khi tuyên xưng trước cả mọi sự, “Giáo Hội Đức Chúa Trời được tạo thành bởi những người đã được tái thiết về mặt thuộc linh.” (*Cẩm Nang của Giáo Hội Nazarene*, 2017 – 2021 đoạn 11).

Sự tuyên xưng này cho chúng tôi dấu ấn của “hội thánh thuộc về các tín hữu”. Bản Tuyên Xưng Đức Tin Thống Nhất tuyên bố: “Quyền lợi và đặc ân của mỗi người như là thành viên hội thánh và giáo hội dựa trên yếu tố của sự tái thiết (cứu rỗi, cải đạo hay được tái sinh). Quyển *Cẩm Nang của Giáo Hội Nazarene* miêu tả các thành viên giáo hội như là “những người tự nguyện nhóm họp với nhau” (đoạn 19)

Bản Tuyên Xưng Đức Tin của chúng tôi xác định Giáo Hội Nazarene là một gia đình của đức tin. Những câu như “cộng đồng xưng nhận Chúa Giê-su Christ như là Cứu Chúa, “dân tộc của giao ước”, “trong sự hiệp nhất và hiệp thông của Thánh Linh” và “có tinh thần đồng trách nhiệm và giải trình với nhau” (đoạn 19) đánh dấu chúng tôi như là một hội thánh các tín hữu, một cộng đồng đức tin theo Kinh Thánh, và cũng hướng chúng tôi về các hiệp hội, lớp học, nhóm nhỏ, và hệ thống truyền đạt kinh nghiệm và đào tạo theo từng cặp hai người với nhau, theo di sản của truyền thống thần học theo ông Wesley của chúng tôi.



Cơ Đốc Nhân Cổ Điển

Một số các Điều Khoản của Bản Tuyên Xưng Đức Tin của chúng tôi đặt chúng tôi với truyền thống Cơ Đốc chính thống, lịch sử và kinh điển. Ví dụ, ba điều khoản đầu tiên của chúng tôi về Đức Chúa Trời Ba Ngôi Hiệp Một, Chúa Giê-su Christ và Đức Thánh Linh cho thấy là chúng tôi công nhận các giáo lý Cơ Đốc kinh điển về Đức Chúa Trời Ba Ngôi Hiệp Một. “Ngài, Thượng Đế, căn bản là một Chúa Ba Ngôi Hiệp Một được mặc khải như là Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh (phân đoạn 1). Chúng tôi cũng xưng nhận đức tin của chúng tôi nơi Chúa Giê-su Christ như “vừa là Đức Chúa Trời Trời vừa là con người một cách trọn vẹn, trong thần thể cũng như nhân thể”, Đấng “đã chịu chết cho mọi tội lỗi của chúng ta” và “thật sự sống lại từ cõi chết” (phân đoạn 2). Đức Thánh Linh không chỉ là một *năng lực* hay một *quyền năng tác động* của Đức Chúa Trời, mà là “Ngôi Vị Thứ Ba đáng ngợi khen của Đức Chúa Trời Ba Ngôi Hiệp Một” thuyết phục và lên án các tội nhân, “hồi phục những người biết ăn năn hối cải và tin, [và] thánh hóa các tín hữu” (phân đoạn 3). Khi tin nơi giáo lý Đức Chúa Trời Ba Ngôi Hiệp Một, chúng tôi xác định không thể đồng ý với những người phủ nhận giáo lý này như tín hữu giáo phái Mormon, Chứng Nhân Giê-hô-va (Jehovah’s Witnesses), tín hữu Hồi Giáo và một số nhóm Ngũ Tuần.

Các điều khoản của bản Tuyên Xưng Đức Tin của chúng tôi về sự tái lâm của Đấng Christ (sự hiện đến lần thứ hai) (XV) và sự sống lại hay phục sinh, sự phán xét và định mệnh (XVI) cũng kết nối chúng tôi với Cơ Đốc Nhân cổ điển. Chúng tôi giảng dạy rằng “những người ngoan cố không chấp nhận sự ăn năn hối cải sẽ phải chịu thống khổ đời đời trong hỏa ngục.” Nhưng chúng tôi cũng xác định rằng “đời sống vinh hiển và vĩnh cửu được dành cho tất cả những ai có đức tin trong sự cứu rỗi và sống thuận phục theo Chúa Giê-su Christ, Cứu Chúa chúng ta.” (đoạn 16). Các tín lý của chúng tôi về sự tái lâm của Chúa Giê-su Christ, sự sống lại của những người chết, sự phán xét cuối cùng và phần thưởng hay sự trừng phạt đời đời (đoạn 16-16.2) hướng chúng tôi không những về Kinh Thánh mà còn về các giáo điều cổ điển của Giáo Hội. Vì thế Giáo Điều Các Sứ Đồ (Apostles’ Creed) và Giáo Điều Ni-xê (Nicene Creed) thường được sử dụng trong sự thờ phượng của các tín hữu Nazarene.

Cơ Đốc Nhân Cải Chính Giáo

Ba trong số các điều khoản của Bản Tuyên Xưng Đức Tin nhận dạng chúng tôi với các giá trị tranh đấu vào thế kỷ thứ 16 bởi những nhà tiên phong của Cải Chính Giáo. Điều khoản IV thiết lập vị trí của chúng tôi với nguyên tắc *sola scriptura*. Đối với các tín hữu Cải Chính Giáo đầu tiên và đối với chúng tôi, *chỉ có Kinh Thánh duy nhất* là được Thượng Đế mặc khải “ý chỉ thiên thượng về ... mọi sự cần thiết cho sự cứu rỗi của chúng ta để bất cứ điều gì không có trong Kinh Thánh thì không thể được xem như là điều khoản của đức tin” (đoạn 4). Chúng tôi tin rằng các lãnh đạo hay truyền thống giáo hội không thể có thẩm quyền ngang với Kinh Thánh.



Chúng tôi chỉ cử hành hai thánh lễ. Con số này nhận dạng chúng tôi là tín hữu theo truyền thống Cải Chính Giáo. Thánh lễ thứ nhất là phép báp-têm Cơ Đốc (đoạn 12). Chúng tôi không tin rằng phép báp-têm có những quyền năng thanh tẩy, tái thiết một người. Ngược lại, đó là “một thánh lễ mang ý nghĩa chấp nhận phúc lợi đến từ sự chuộc tội của Chúa Giê-su Christ, được cử hành cho tất cả các tín hữu ... Thánh lễ báp-têm có thể được cử hành [đối với các tín hữu Nazarene] bằng sự rải nước, đổ nước trên đầu hay trùm mình dưới nước” (đoạn 12). Mặc dù thường khi các tín hữu Nazarene cử hành thánh lễ báp-têm cho một “tín hữu” ở tuổi trưởng thành, phép báp-têm cho trẻ sơ sinh cũng có thể được cử hành theo giáo điều và nghi thức (các đoạn 12, 701). “Trẻ em có thể tiếp nhận phép báp-têm theo sự yêu cầu của cha mẹ hay người giám hộ”, theo điều khoản của bản tuyên xưng đức tin. Đa số các tín hữu Nazarene cử hành lễ dâng hiến trẻ sơ sinh. Nhưng thánh lễ báp-têm trẻ sơ sinh là một thực hành thông dụng đối với các tín hữu Nazarene đầu tiên. Tại các đại hội đồng giáo hạt hàng năm, các vị tổng quản nhiệm thường cử hành phép báp-têm cho trẻ sơ sinh. Tài liệu cho thấy các ông Phineas F. Breeze, Hiram F. Reynolds, R. T. Williams, J.B. Chapman và John W. Goodwin thường cử hành nghi thức này (2). Chúng tôi tin nơi “quyền tự do quyết định theo lương tâm của mỗi người” ở lãnh vực của phép báp-têm.

Điều khoản của bản tuyên xưng đức tin về Tiệc Thánh của Chúa có nguồn gốc về mặt ngôn ngữ học cũng như thần học từ hệ phái Anh Giáo của Cải Chính Giáo. Chúng tôi xem Tiệc Thánh của Chúa như là một “lễ kỷ niệm” sự chết hy sinh của Chúa Giê-su Christ. Vì thế, “bánh và rượu” được xem như những biểu tượng hay là “biểu hiệu cho thân thể đau đớn và đổ máu của Chúa” (các đoạn 13, 700). Điều này đặt chúng tôi gần hơn với khuynh hướng Cải Chính Giáo thay vì hệ phái Tín Nghĩa của ông Luther (Lutheran).

Hệ phái Tín Nghĩa xem sự hiện diện thật sự của Đấng Christ với và trong bánh và rượu.

Với thánh lễ Tiệc Thánh của Chúa, các tín hữu Nazarene tự xem xét lòng của họ trước mặt Chúa, suy gẫm về “sự chết và thương khó của Chúa chúng ta” và trông đợi sự Tái Lâm của Chúa Giê-su (các đoạn 13, 700). Một số hệ phái chỉ cho phép các thành viên của hội chúng địa phương tham dự Tiệc Thánh của Chúa nhưng các hội thánh Nazarene mời gọi tất cả các tín hữu dự phần vào Tiệc Thánh của Chúa mà không phân biệt giáo hội hay hệ phái. Nói cho cùng, đó là *bàn tiệc* của Chúa.

Cơ Đốc Nhân theo Tư Duy Luận Giáo của ông Arminius, Thần Học ông Wesley và Truyền Thống Thánh Khiết

Ông James Arminius, một mục sư người Hòa Lan đã truyền giảng quyền Rô-ma trong suốt 13 năm, đã có một ảnh hưởng sâu sắc trên Cải Chính Giáo nói chung và nhất là truyền thống Wesley nói riêng. Ông Arminius đã trở thành tiếng nói của những người cảm nhận rằng các lãnh đạo Cải Chính Giáo như ông John Calvin và các môn đồ của ông đã dẫn dắt chuyến tàu thần học đi quá bến.

Các lãnh đạo Cải Chính Giáo đã giảng dạy rằng không có đức giáo hoàng hay giáo hội nào có



khả năng tha thứ tội lỗi hay tuyên bố người nào được cứu rồi, và duy nhất Đức Chúa Trời mới có quyền năng làm việc đó. Họ còn nói rằng Đức Chúa Trời đã tiền định ai có thể được cứu rồi và ai sẽ bị hư mất, và theo ông Arminius họ đã đi quá xa trong quan niệm thần học của họ. Dù một người có thực hiện bất cứ điều gì cũng không thay đổi hay ảnh hưởng các thiên chỉ của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời toàn quyền chứ không phải giáo hội hay hàng giáo phẩm mới có quyền năng thực hiện mọi quyết định.

Thuyết tiền định đã trở nên giáo lý căn bản của giáo hội Calvin: Chúa Giê-su chịu chết cho những người được tuyển chọn, những người được tiền định cho sự cứu rồi; tất cả những người khác phải trả giá cho tội lỗi của họ ở hỏa ngục. “Sự chuộc tội giới hạn” là tên chính thức của giáo lý này. “Ân điển không thể chống cự được” cũng là một giáo lý nền tảng bất di bất dịch khác, với ý nghĩa là những người được tiền định cho sự cứu rồi không thể thay đổi điều Đức Chúa Trời đã định đoạt trước cho họ. Kết quả của ý tưởng này là sự an toàn vĩnh viễn cho một tín hữu: một khi Đức Chúa Trời đã tiền định anh chị cho sự cứu rồi, anh chị không thể mất đi hay ra khỏi vùng ân điển của Ngài. Đó là điều các tín hữu theo giáo hội Calvin tuyên bố.

Ông James Arminius đã mạnh dạn phản luận giáo lý đó và truyền giảng rằng Chúa Giê-su đã chịu chết cho mọi người và vì thế, mọi người đều có khả năng có được sự cứu rồi và ân điển miễn phí được ban cho mọi người. Hơn thế nữa, một người muốn được cứu rồi phải tự nguyện chọn lựa Đức Chúa Trời và sống cho sự tốt lành.

Ông John Wesley (và nhiều người khác) đã xây dựng một nền thần học phát triển từ thần học của ông Arminius. Ông Wesley đã thay đổi Ba Mươi Chín Điều Khoản của Giáo Hội Anh Quốc để tạo thành Hai Mươi Lăm Điều Khoản của Đức Tin Giám Lý. Các tín hữu Nazarene khởi nguyên, như một phần của Phong Trào Thánh Khiết Hoa Kỳ đã tiếp nhận một phần lớn sự tuyên xưng đức tin của ông Wesley.

Nhiều điều này được thấy rõ qua các xác định trong giáo điều của chúng tôi, đặc biệt từ điều V. Các giáo điều này nói về tội lỗi (nguyên tội và tội lỗi cá nhân), sự chuộc tội, quyền tự do quyết định, sự ăn năn hối cải, sự xưng công chính, sự tái thiết, giáo lý nhận làm con và sự nên thánh trọn vẹn.

Chúng tôi sẽ không đi vào chi tiết ở đây đối với các điều khoản tuyên xưng đức tin này. Anh chị sẽ thấy sự luận giải của điều khoản tuyên xưng đức tin này qua suốt quyển sách với sự so sánh và tương phản của các giáo lý của Giáo Hội Nazarene đối với các tín lý Cơ Đốc khác. Chúng tôi khuyến khích anh chị nghiên cứu các điều khoản này trong quyển *Cẩm Nang* hay trong phần phụ lục của quyển này.

Nếu anh chị sống ở tiểu bang Florida hay Louisiana, anh chị cần bao nhiêu từ ngữ để miêu tả tuyết? Chắc có lẽ chỉ có một từ tuyết duy nhất. Ngược lại, người Inuit sống ở Alaska có đến 12 từ cho tuyết: tuyết đang rơi, tuyết đã có trên mặt đất, gió tuyết và còn 9 từ ngữ khác.

Bao nhiêu từ Cơ Đốc Nhân cần để miêu tả tội lỗi? Nếu anh chị là một tín hữu giáo hội Calvin, một từ có lẽ là đủ, mọi sự lèn hướng và xa cách với tiêu chuẩn toàn hảo của Đức Chúa Trời là tội lỗi.

Nếu anh chị là một tín hữu công giáo, anh chị cần hai từ: tiêu tội và trọng tội. Nếu anh chị là một Cơ Đốc Nhân theo truyền thống Wesley – Thánh Khiết, anh chị cần rất nhiều từ để miêu tả và đánh giá tội lỗi, như tội lỗi bẩm sinh, hành vi tội lỗi, trạng thái tội lỗi, tội lỗi bất ngờ hay đột biến, tội lỗi như một khuyết tật, tội lỗi trong ý định, tội lỗi trong sự bỏ sót, và trầm trọng hơn hết là tội lỗi như là sự cố tình vi phạm một định luật của Đức Chúa Trời đã được hiểu biết. Anh chị có lẽ sẽ nói rằng tín hữu Nazarene là những người Eskimo về giáo lý của tội lỗi.

Điều khoản tuyên xưng đức tin thứ năm của chúng tôi định nghĩa rõ sự khác biệt mà chúng tôi thấy giữa nguyên tội và các hành động tội lỗi cá nhân. Chúng tôi có lập trường thật rõ rệt đứng về phía tư duy thần học của ông Augustine, tin rằng con người chúng ta sinh ra trong tội lỗi. “Chúng tôi tin rằng nguyên tội hay sự sa đọa chính là sự suy đồi, hư hỏng trong bản chất đối với tất cả hậu duệ của ông A-đam, và vì lý do đó mọi người đã đi rất xa với sự công chính nguyên thủy” (các đoạn 5, 5.1, 5.2, 5.3). Tuy thế, nguồn gốc Arminius của chúng tôi ngăn cản chúng tôi tuyên bố rằng sự sa đọa hoàn toàn đã hủy diệt mọi điều tốt lành trong lòng con người. Tư duy luận giáo theo ông Arminius nhấn mạnh trên ân điển miễn phí. Giáo lý theo ông Wesley nhấn mạnh là vẫn còn phần nào đó hình ảnh Đức Chúa Trời trong một người xấu xa nhất với góc độ tiên ân (ân điển dự phòng). Điều này thuyết phục chúng tôi là dù con người sinh ra như là người tội lỗi, chúng ta vẫn tìm được điều gì đó trong cốt lõi của bản chất chúng ta, điều gì đó tích cực, mang hình ảnh Đức Chúa Trời mà chúng ta có thể tin cậy trong sự đi tìm Thương Đế và sự tốt lành của chúng ta.

Điều này đem chúng ta đến Điều Khoản VII, quyền tự do quyết định. Khi chúng tôi truyền giảng tự do ý chí, chúng tôi nói đến ý nghĩa của sự tự do vô hạn, hỗn loạn của tư duy Tân Phái hay của một số triết học. Ý nghĩa của chúng tôi là con người có khả năng lựa chọn trong phạm trù đạo lý. Chúng ta có được sự tiếp trợ của tiên ân (theo từ vựng của ông John Wesley) để tự lựa chọn Đức Chúa Trời và sự tốt lành. Nhiều truyền thống Cơ Đốc phủ nhận điều này. Nhưng đó là một phần và trọn gói của luận giải thần học *ân điển miễn phí ban cho mọi người* được các ông Arminius và Wesley cũng như các phụ giáo Nazarene truyền giảng.

Sự nên thánh trọn vẹn được nghiên cứu trong Điều Khoản X. Giáo lý này tuyên xưng tư duy tích cực tuyệt đối về ân điển được ông Wesley và những người kế thừa ông về mặt thần học truyền giảng. Chúng tôi nhìn nhận rằng con người không hoàn toàn bị ảnh hưởng bởi những sức mạnh tiêu cực của môi trường như sự nghèo khổ, sự phân biệt chủng tộc, lạm dụng quyền cha mẹ, hay tội lỗi cá nhân trầm trọng. Tuy vậy, chúng tôi tin và giảng dạy rằng với sự phong phú qua sự chuộc tội của Đấng Christ thì sẽ không có giới hạn đối với những điều tốt lành có thể xảy đến cho bất cứ người nào. Tặng phẩm của chúng tôi cho thời đại tăm tối này là tin mừng của sự nên thánh trọn vẹn.

Điều khoản này trích dẫn một giáo lý phân biệt rõ rệt những tín hữu theo truyền thống Wesley – Thánh Khiết với các tín hữu sử dụng nhãn hiệu “Thánh Khiết”. Một số nhóm giảng dạy về sự thánh

khuyết như là phép báp-têm của Thánh Linh thêm sức cho một tín hữu cho chức vụ, nhưng họ không tin rằng nguyên tội hay sự sa đọa được thanh tẩy. Điều khoản của bản tuyên xưng đức tin của chúng tôi định nghĩa rất rõ về sự nên thánh trọn vẹn (hay báp-têm với Đức Thánh Linh) gồm có “sự thanh tẩy của tấm lòng khỏi mọi tội lỗi” (đoạn 12). Chúng tôi xem Kinh Thánh một cách rất nghiêm túc khi quyền sách này kêu gọi mọi tín hữu phải được thanh tẩy khỏi “hãy thanh tẩy chính mình cho sạch những điều ô uế về phần thân thể lẫn tâm linh” (2 Cô-rinh-tô 7:1). Các tín hữu Nazarene tin rằng sứ đồ Giảng rất nghiêm túc khi ông viết về “huyết Đức Giê-su, Con Ngài, thanh tẩy mọi tội lỗi chúng ta” (1 Giăng 1:7). Sứ đồ Gia-cơ kêu gọi các tín hữu “người hai lòng hãy tẩy thanh lòng dạ.” (Gia-cơ 4:8).

Điều khoản của bản tuyên xưng đức tin về sự chữa lành (XIV) là điều khoản ngắn nhất. Điều khoản này xác nhận phản ứng của Phong Trào Thánh Khiết về “phong trào phục hưng với sự chữa lành” trỗi dậy vào đầu thế kỷ thứ 20. Điều khoản chỉ xác nhận một cách đơn giản về tín lý của chúng tôi đối với sự chữa lành của Đức Chúa Trời tùy theo ý chỉ của Ngài và Ngài có quyền năng can thiệp vào đời sống và chữa lành một người. Nhưng các phong trào như Ngũ Tuần và Cơ Đốc Khoa Học đã đem sự chữa lành đến sự cực đoan, cuồng tín mà khoa học và y khoa không cho phép, và điều đó đã khiến cho các tín hữu Nazarene tuyên bố rất rõ là họ tin vào cả hai, sự chữa lành của Đức Chúa Trời và y khoa. Xức dầu cho người bệnh và kêu gọi các trưởng lão cầu nguyện cho người đó là một thực hành được chấp nhận trong giới các tín hữu Nazarene.

Nội Quy Chung và Các Quy Luật Đặc Biệt

Nội Quy Chung (đoạn 28) cũng tương tự như ba quy luật được ông John Wesley đặt ra cho các tín hữu Giám Lý đầu tiên. Những ai muốn tham gia sự hiệp thông với chúng tôi “cần chứng tỏ sự cứu rỗi khỏi tội lỗi của họ với một sự bước đi với Đức Chúa Trời và một sự tin kính hằng sống” và cần “chứng tỏ sự kết ước của họ với Đức Chúa Trời” (đoạn 28) với những điều như sau:

1. “Thực hiện những điều được khuyến khích bởi Lời của Đức Chúa Trời ... mẫu mực cho đức tin và thực hành của chúng ta” (28:1). Điều này được giải thích như là yêu thương Đức Chúa Trời với tất cả tấm lòng, linh hồn và nghị lực và yêu thương người bên cạnh như chính mình. Nhã nhận, lễ phép, sẵn sàng giúp đỡ người khác, và hoạt động tích cực trong chức vụ thiện nguyện, hỗ trợ thánh chức, và nhóm họp một cách trung tín với hội thánh là những điều được liệt kê.
2. “Tránh xa mọi điều gian ác” (28.2). Chửi thề, không tôn trọng ngày Sa-bát, tà dâm, gây gổ, bắt lương trong thương mại kinh doanh và trong đời sống, trang phục hay tư cách thể hiện sự kiêu ngạo, và giải trí, nhạc và sách không kính trọng Đức Chúa Trời đều bị ngăn cấm.
3. “Hết lòng bước theo sự hiệp thông với hội thánh ... các giáo lý của hội thánh ... và tích cực hoạt động trong sự làm chứng và truyền giáo” (28.3)

Các Quy Luật Đặc Biệt

Các Quy Luật Đặc Biệt (đoạn 28-29.6) thể hiện nỗ lực của giáo hội để luận giải và áp dụng Các Điều Khoản của Bản Tuyên Xưng Đức Tin và Nội Quy Chung đối với một số nhu cầu chính xác của một văn hóa đang biến đổi. Hiện nay, Các Quy Luật Đặc Biệt phản ánh lập trường chống lại “mọi giải trí làm hủy hoại đạo lý sống Cơ Đốc” (28-29.6) cờ bạc, tham gia và trở nên thành viên các đoàn thể, tổ chức đòi hỏi hội viên tuyên thệ giữ bí mật, khiêu vũ, sử dụng thuốc lá hay rượu, thức uống có chất gây nghiện, ly dị, phá thai và các thực hành tình dục - sinh lý suy đồi, sa đọa như đồng tính luyến ái hay khiêu dâm, ngay cả trong hôn nhân (28-29.6) Các Quy Luật Đặc Biệt khích lệ và đề cao hôn nhân Cơ Đốc và sinh lý như một tặng phẩm của Đức Chúa Trời, tinh thần phục vụ - quản gia, dâng hiến một phần mười vào nhà kho của Chúa và sự hỗ trợ các mục sư và những người trong thánh chức.

Các Tín Hữu Nazarene Làm Gì Trong Thế Giới Hiện Tại?

Hội Thánh, và Giáo Hội Nazarene chỉ có bốn điều phải thực hiện: sự thờ phượng, truyền giảng Phúc Âm, nuôi dưỡng và phục vụ. Được trang bị và đầy nghị lực, các tín hữu Nazarene ở khắp nơi luôn bận việc phát triển bốn khía cạnh của trách nhiệm và công việc họ được giao phó.

Sự thờ phượng

Không có điều gì có thể xảy ra trên trái đất này là quan trọng hơn sự thờ phượng Đức Chúa Trời. Sự thờ phượng là đặc ân mà cũng là trách nhiệm đầu tiên và lớn nhất của chúng ta. Hội thánh dù được gọi bằng bất cứ danh xưng nào cũng chỉ là một cộng đồng để thờ phượng. Maria Harris đã viết, “Một Cơ Đốc Nhân lẽ loi không còn là một Cơ Đốc Nhân; chúng ta cùng nhau đến với Đức Chúa Trời hay chúng ta chẳng đi đến đâu.”³

Đời sống Cơ Đốc Nhân là một cộng đồng. Sự thờ phượng riêng tư và với cộng đồng là căn bản, cũng như thức ăn và hơi thở. Ngày nay, 1,2 triệu tín hữu Nazarene đảm trách sứ mệnh truyền giáo trong 11857 hội chúng trong 340 giáo hạt, nằm trong 116 quốc gia và khu vực trên khắp thế giới.⁴

Những người lên kế hoạch và dẫn dắt những buổi nhóm thờ phượng có được sự tự do trong công việc của mình. Trái ngược với các giáo hội như Chính Thống Giáo Phương Đông có một nghi thức và nghi lễ được ấn định trước cho mỗi Chúa Nhật trong năm, Giáo Hội Nazarene không có nghi thức hay nghi lễ được thiết lập trước. Phong cách thờ phượng rất đa dạng có thể được tìm thấy ở giữa chúng tôi, từ hệ thống nghi lễ đơn giản đến sự thờ phượng thật tự do và tự phát.

Các phần trọng yếu trong sự thờ phượng của Giáo Hội Nazarene bao gồm phần ngợi khen – ca hát, cầu nguyện, đọc Kinh Thánh, nhận lãnh sự dâng hiến một phần mười và những dâng hiến khác, và sự truyền giảng.

Âm nhạc là một phần quan trọng trong sự thờ phượng của Giáo Hội Nazarene và thường có

dương cầm (piano) và organ và có thể có các nhạc cụ khác. Đôi khi các ban hợp ca hay những nhóm nhỏ hơn sẽ ca hát, nhưng luôn luôn sẽ có cả hội chúng đồng ca.

Thật là một đặc ân để có thể tham gia với những người hành hương và vai kẻ vai để ca ngợi Chúa:

Hỡi Chúa, với sự hiện diện của Ngài linh hồn con thật sự vui mừng

Ngài là người mà con sẽ gọi khi đau khổ

Ngài là sự An ủi ban ngày và Bài Ca ban đêm của con

Niềm Hy vọng, sự Cứu rỗi và tất cả của con.

Sự cầu nguyện bởi hàng giáo phẩm và các tín hữu là một phần của đa số các buổi nhóm của sự thờ phượng trong các hội thánh Nazarene. Sự cầu khẩn, cầu thay, cầu nguyện chúc phước và ban phước, cầu nguyện của các mục sư, cầu nguyện tự phát của các tín hữu hướng dẫn buổi nhóm, đọc Lời Cầu Nguyện của Chúa (Lời Cầu Nguyện Chung), cầu nguyện trước bàn thờ, câu cầu nguyện, cầu nguyện dẫn dắt, và cầu nguyện tại bàn thờ khi kết thúc một buổi nhóm truyền giảng Phúc Âm, tất cả đều là những phần trọng yếu của sự thờ phượng Nazarene.

Đọc Kinh Thánh cho công chúng được xem như là một phần trong đa số các buổi nhóm của các tín hữu Nazarene. Thường thì là việc đọc chung Kinh Thánh hơn là việc đọc Kinh Thánh từ một bài giảng của mục sư.

Không có một buổi nhóm Nazarene nào có thể được xem là trọn vẹn nếu các tín hữu không có cơ hội dâng hiến một phần mười và các dâng hiến để hỗ trợ giáo hội và các hội thánh trên khắp thế giới. Đối với chúng tôi, dâng hiến là sự thờ phượng thể hiện qua hành động.

Sự truyền giảng là một trọng tâm của đa số các buổi nhóm Nazarene và điều đó là điều đúng nhất. Các hội thánh của chúng tôi là những bục giảng bằng gỗ và đá chứ không phải là những điện thờ hay bàn thờ bằng gỗ và đá. Các mục sư của chúng tôi trước hết là những người truyền giảng và sau đó mới là thầy tế lễ. Như các tín hữu thanh giáo, chúng tôi có khuynh hướng xem bài giảng như là “thánh lễ bằng Lời của Đức Chúa Trời”.

Sự truyền giảng có một vị trí trọng yếu trong truyền thống Cơ Đốc. Ông Dietrich Bonhoeffer đã tuyên bố, “Lời của Đức Chúa Trời được loan truyền chính là Hiện Thân của Đấng Christ ... Đấng Christ được truyền giảng là Đấng Christ của lịch sử và Đấng Christ của hiện tại ... bước đi ở giữa hội chúng của Ngài như là Lời của Đức Chúa Trời.”⁵ “Và như thế Chúa Giê-su Ngôi Lời được nhận dạng với lời truyền giảng”, ông Richard Lischer đã viết, “để Đấng đã từng được loan truyền một lần nữa trở nên Đấng loan truyền. Trong phạm trù của sự truyền giảng ... ban tặng đời sống của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ, đó chính là Chúa Giê-su là Đấng đang truyền giảng.”⁶

Sự truyền giáo

“Vì Đức Chúa Trời yêu thương nhân loại, đến nỗi đã ban Con Một của Ngài, để ai tin nhận

Đáng ấy sẽ không bị hư mất nhưng được sự sống vĩnh phúc.” (Giăng 3:16 BDM) Phân đoạn này của Kinh Thánh thể hiện thực tế vĩ đại nhất mà nhân loại có thể biết được.

Khi một người khám phá chân lý này qua ân điển cứu rỗi của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ, điều đó là tự nhiên khi anh hay chị đó thật sự khao khát chia sẻ điều đó với những người khác. Và đó cũng là điều Chúa chúng ta đã cho chúng ta một mệnh lệnh và trọng trách: *“Vậy, hãy đi làm cho muôn dân thành môn đệ Ta, làm phép báp-têm cho họ nhân danh Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh, dạy họ giữ mọi điều Ta đã truyền cho các con. Và này, Ta hằng ở cùng các con luôn cho đến tận thế.”* (Ma-thi-ơ 28:19-20 BDM)

Truyền giáo không được chấp nhận như là “đúng đắn về mặt chính trị” đối với một số định kiến văn hóa và tôn giáo. Nhưng Cơ Đốc Nhân không phải là những người tự cao tự đại khi họ chia sẻ về Chúa Giê-su Christ, Bánh của Sự Sống. Chúng ta như là một người ăn xin chia sẻ với một người ăn xin khác nơi nào có bánh (hay Bánh). Ông Augustine đã gọi người truyền giảng Phúc Âm là một cái rổ mà bánh, Bánh của Sự Sống, được đặt vào. Một Cơ Đốc Nhân có thể tìm được một sứ mệnh nào cao thượng hơn nữa không? Vì thế, chúng tôi đồng tình đáp lại sự kêu gọi trở thành *“... đại sứ của Chúa Cứu Thế, như thể Đức Chúa Trời nhờ chúng tôi mà khuyên bảo. ... van nài anh chị em hãy hòa giải với Đức Chúa Trời”*. (2 Cô-rinh-tô 5:20 BDM)

Khoảng một phần tư triệu tín hữu Nazarene được tiếp nhận như là thành viên mới từ năm 1992 đến 1996, có nghĩa là một sự gia tăng của 146.000 thành viên mới. Mỗi vùng – khu vực trên thế giới đều báo cáo sự gia tăng thật tốt, riêng Châu Phi và Nam Mỹ chứng tỏ những tăng trưởng thật đáng ngạc nhiên. Trong thời kỳ bốn năm này, 24.879 tín hữu Nazarene đã tham gia vào 1.484 Đội Làm Việc và Làm Chứng, tự lực trả tất cả các chi phí trong các cánh đồng truyền giáo và đạt đến thành quả dâng hiến tương đương với tiền công của 812 năm làm việc!

Các tín hữu Nazarene đã thật sự dâng hiến một cách rộng lượng cho sự truyền giảng Phúc Âm trên khắp thế giới, đặt 197,6 triệu đô-la Mỹ trên đĩa dâng hiến cho thời kỳ 1992-96. Hiện nay có đến 665 giáo sĩ truyền giáo hoạt động trong 116 quốc gia. Hai mươi chín quốc gia đã gửi nhân sự cho các cánh đồng truyền giáo Nazarene.

Nhưng sự truyền giáo không chỉ là công việc truyền giáo. Các tín hữu Nazarene truyền giáo qua các buổi nhóm phục hưng, truyền giáo cá nhân hay qua chính lối sống của mình, qua hội thánh mới, Trường Chủ Nhật, các nhóm nhỏ, cộng đồng, và qua các chương trình thanh niên, và còn nhiều phương pháp khác.

Sự nuôi dưỡng

*“Chúa đã ban cho chúng ta cơ hội làm vững mạnh và củng cố lẫn nhau.”*⁷ Những lời lẽ thông sáng này của ông John Wesley đã nói rõ trọng tâm của sự nuôi dưỡng Cơ Đốc.



Sự nuôi dưỡng Cơ Đốc là một công việc lâu dài, chăm chỉ của tình yêu thương và được cảm hứng bởi tinh thần tương tự như sự cảm hứng mà sứ đồ Phao-lô đã viết cho các tín hữu ở Tê-sa-lô-ni-ca: *“Chúng tôi yêu mến anh chị em đến nỗi mong ước được chia sẻ cho anh chị em, không những Phúc Âm của Đức Chúa Trời, mà cả đời sống chúng tôi nữa, vì anh chị em đã trở nên những người yêu quý của chúng tôi.”* (1 Tê-sa-lô-ni-ca 2:8 BDM)

Sự nuôi dưỡng Cơ Đốc bao gồm tất cả những điều hội thánh giảng dạy, đề cao sự trưởng thành thuộc linh và công việc môn đồ hóa. Điều đó bao gồm sự linh hướng hay truyền dạy kinh nghiệm và điều dắt trong đức tin, các nhóm nghiên cứu Kinh Thánh, các nhóm hỗ trợ, sự thờ phượng trong gia đình, sự đào tạo về thuộc linh, hệ thống cắm trại Cơ Đốc, Trường Chủ Nhật, các trường Cao đẳng Cơ Đốc và đơn thuần là sự thông công Cơ Đốc.

Chủ đích là đem mọi người đến *“...sự hiểu biết Con của Đức Chúa Trời, đến mức trưởng thành, đến tầm thước vóc dáng đầy trọn của Chúa Cứu Thế”* (Ê-phê-sô 4:13 BDM)

Tín hữu Nazarene lãnh đạo nhiều hệ thống giáo dục. Trường Chủ Nhật vững mạnh là dấu ấn của Giáo Hội Nazarene trên khắp thế giới. Các nhóm nhỏ tổ chức theo khuôn mẫu để lại bởi các lớp học và nhóm nhỏ của ông John Wesley vẫn phát triển ở khắp nơi. Nhà Xuất bản Nazarene [the Nazarene Publishing House] là nhà sản xuất ấn phẩm Thánh Khiết lớn nhất trên thế giới. Đài Phát Thanh Truyền Giáo Toàn Cầu [World Mission Radio] và nhánh của Bộ Phận Truyền Thông [Communication Division] đã thiết lập sự hiện diện quốc tế của sự nuôi dưỡng Nazarene. Đặc điểm của công việc phát triển sự nuôi dưỡng của chúng tôi ngày nay là các trường cao đẳng, chủng viện và trường thần học, đại học và trường cao đẳng Kinh Thánh. Vào năm 1912 chúng tôi có 12 trường cao đẳng; hiện nay chúng tôi có đến 59 trường cao đẳng, giáo dục 26000 sinh viên trong khuôn viên các trường đại học cùng một số các chương trình đào tạo tại chức với tổng số ngân sách 175 triệu đô-la Mỹ và tài sản cố khoảng 307 triệu đô-la Mỹ.

Trông như các tín hữu Nazarene đã hiểu được điều ông John Greeleaf Whittier đã viết,

*Bàn tay nhỏ bé của người hoài nghi không làm chúng ta phải sợ
Khi gần trường học hội thánh vẫn đứng vững,
Không cần phải sợ sự cai trị của kẻ mù quáng cực đoan
Khi gần hội thánh trường học vẫn đứng vững.⁹*

Như ông A.M. Hills, người thành lập Đại Học Nazarene Olivet [Olivet Nazarene University] đã viết, *“thuộc linh mà không có trí tuệ sẽ trở thành sự cuồng tín, và trí tuệ mà không có thuộc linh sẽ trở thành sự bội đạo.”*¹⁰

Sự nuôi dưỡng là tinh hoa và cốt lõi của truyền thống Wesley – Thánh Khiết, như bài thánh ca viết bởi ông Charles Wesley đã thể hiện:



*Xin Chúa giúp chúng con hỗ trợ lẫn nhau;
Để chúng con cùng nhau vác lấy thập tự giá.
Mỗi người hãy đem đến sự trợ giúp bằng hữu
Và cảm nhận được sự quan tâm của người anh em mình.
Xin Chúa giúp chúng con xây dựng cho nhau,
Gầy dựng sở hữu nhỏ nhoi của chúng con;
Tăng trưởng đức tin, xác định niềm hy vọng,
Và giúp cho nhau trở nên toàn vẹn trong tình yêu thương.*

Phục vụ

Phục vụ Cơ Đốc không phải là một sự lựa chọn. Ông Maxie Dunman nói rất đúng: “Thuộc linh không dẫn đến mục vụ sẽ trở thành một sự quan tâm ích kỷ đến cá nhân, và như thế sẽ làm đau lòng Đức Thánh Linh và vi phạm sự ngự trị bên trong một người của Đấng Christ.”¹² Mẹ Teresa đã nói như thế này: “Có quá nhiều lời nói ... hãy cầm lấy một cây chổi và quét sạch nhà một người. Như thế là đủ rồi.”¹³

Ông John Wesley đã tuyên bố, “Tôi sẽ không nhìn nhận nơi anh ấy một hạt bé nhỏ của đức tin nếu anh ấy không tiếp tục ... sẵn sàng dâng mình và được sử dụng cho việc tốt lành ... cho mọi người”¹⁴ Ông Phineas F. Breese đã viết, “Bằng chứng sự hiện diện của Chúa Giê-su ở giữa chúng ta là điều chúng ta mang lấy Phúc Âm, nhất là cho người nghèo.” Ông nói thêm, “Tôi có thể có đức tin làm chuyển động đồi núi, và nếu tôi thiếu tình yêu thương vĩ đại để có thể tự hạ mình hầu khích lệ những người khác, *tôi không là gì cả.*”

Sự nghèo khổ đã đến kích cỡ khủng khiếp trên khắp thế giới của chúng ta. Nhưng các tín hữu Nazarene, với tất cả năng lực, đã giành lại di sản của Kinh Thánh và truyền thống Wesley để có thể “dâng mình và được sử dụng” cho những người khác. Các tín hữu Nazarene đã dâng hiến gần 9,5 triệu đô-la Mỹ cho các thánh chức thiện nguyện cho người nghèo và người bị đàn áp. Giáo hội điều khiển 100 trung tâm thánh chức từ thiện và có 700 hội thánh Người Sa-ma-ri Nhơn Lành giúp đỡ những người có nhu cầu cấp bách.

Đó là rất nhiều cách thể hiện thánh chức ở giữa chúng tôi mà việc tham gia các tín hữu Nazarene là một quyết định đưa anh chị đến sự dâng mình để phụng sự Đấng Christ và những người mà Chúa đã chịu chết cho.

Vậy bây giờ anh chị đã có một cái nhìn tổng quan về các tín lý và thực hành của Giáo Hội Nazarene. Nếu anh chị thích những gì anh chị thấy, hãy đến cùng sống giấc mơ đó với chúng tôi.



PHẦN 2

HỌ HÀNG GẦN NHẤT CỦA CHÚNG TÔI: CÁC HỘI THÁNH GIÁM LÝ VÀ THÁNH KHIẾT



TÓM LƯỢC

CÁC NỀN TẢNG WESLEY ĐẦU TIÊN

Nguồn Gốc Lịch Sử

Ông John Wesley (1703-91) con trai một mục sư, giáo sư đại học Oxford, và cũng là phụ giáo thành lập phong trào Giám Lý [Methodist movement]. John và những người bước theo ông đã nỗ lực tìm cách cải cách đất nước, đặc biệt nhất là cải cách giáo hội và bành trướng sự thánh khiết của Kinh Thánh trên khắp Anh Quốc, và còn có thể xa hơn nữa. Để thực hiện được việc này, họ đã tạo ra những hiệp hội, lớp học, các nhóm nhỏ, và hệ thống từng cặp linh hướng, dìu dắt nhau trong việc mưu cầu sự toàn vẹn Cơ Đốc. Họ cũng đã vươn đến và đụng chạm được một cách độc nhất, và chưa ai có thể làm được điều đó trước họ, những đám đông bị đàn áp, bóc lột. Họ đã mang đến cho những đám đông này thức ăn, quần áo, sự chăm sóc về y tế, giáo dục và phúc âm.

Niềm Tin Cốt Lõi

Phong trào Wesley khởi nguyên [Early Wesleyanism] đã chủ trương một nền thần học dựa trên ân điển dự phòng, ân điển cứu rỗi, ân điển nên thánh.

Chủ đích của giáo hội là sự cứu rỗi các linh hồn.

Sự nên thánh trọn vẹn là động lực tác động cả phong trào.

Phong trào Wesley đã thiết lập một khuôn mẫu cho người nghèo và người bị đàn áp về sự lựa chọn tình nguyện, theo lương tâm của họ.

Các anh em sống theo ông Wesley là những người đã kết ước và dấn thân với hội thánh như là một cộng đồng nơi mà các Cơ Đốc Nhân hỗ trợ lẫn nhau trong sự mưu cầu và thực hành của tình yêu thương toàn vẹn.

Các anh em sống theo ông Wesley đã tiếp nhận Cơ Đốc Giáo chính thống, trong đó có một tín lý về sự toàn vẹn và trọn vẹn của Thánh Kinh để mặc khải con đường dẫn đến sự cứu rỗi.

Sự trải nghiệm tôn giáo cá nhân đem đến sự đảm bảo nội tại của ân điển (thay vì hệ thống tôn giáo theo nghi thức và nghi lễ) đã đánh dấu các tín hữu Giám Lý đầu tiên.

Điểm Tương Đồng và Các Khác Biệt.

Các tín hữu Nazarene không tìm thấy điểm bất đồng nào với các tín lý cốt lõi của thần học Wesley. Thật ra, các phụ giáo thành lập giáo hội của chúng tôi đã thiết lập mẫu mực cho tín lý và thực hành theo hệ thống của ông Wesley. Mặc dù với sự thay đổi của thời gian thường đem đến một số thích nghi, các tín hữu Nazarene vẫn tin là sẽ rất khó tìm được một hệ thống khuôn mẫu nào toàn vẹn hơn hệ



thông để lại bởi các anh em bước theo ông Wesley khi nói về sự cân đối, phù hợp với Kinh Thánh cũng như khởi điểm thực tế để đi đến sứ mệnh mà Đấng Christ đã kêu gọi chúng ta.

Thần Học Wesley Ngày Nay

Mặc dù có một số người đã có định hướng khác với di sản họ thừa kế được, gần 80 giáo hội và hệ phái trên khắp thế giới đã xem ông Wesley như là tổ phụ trong hàng giáo phẩm của họ, trong đó có Giáo Hội Giám Lý Hiệp Nhất [United Methodist Church], Giáo Hội Wesley [the Wesleyan Church], Giáo Hội Giám Lý Độc Lập [Free Methodist Church] và Giáo Hội Nazarene [the Church of the Nazarene].



“Lòng tôi âm áp lạ lòng. Tôi cảm nhận là tôi đã tin nơi Đấng Christ, duy nhất nơi Đấng Christ cho sự cứu rỗi, và sự đảm bảo được ban cho tôi rằng Chúa đã cất đi mọi tội lỗi của tôi, tất cả mọi tội lỗi của tôi.”

-John Wesley

CHƯƠNG 3

CÁC NỀN TẢNG WESLEY ĐẦU TIÊN

NHƯ LÁ PHONG bị cơn gió lạnh tháng 11 cuốn đi, cách mạng công nghiệp Anh Quốc đã cuốn đi và đưa đẩy người nghèo đến các đô thị, rồi chồng chất họ ở những khu ổ chuột. Điều kiện sinh sống của họ thật khủng khiếp và không thể chấp nhận được. Mười người trong một phòng là chuyện bình thường. Phân ngựa ô nhiễm những con đường bằng đất, không được lát đá, có khi đến hơn 3 thước bên lề đường một số giao lộ, đại lộ của thủ đô Luân-đôn. Bệnh thương hàn, dịch hạch, kiết lỵ và đậu mùa tàn sát dân chúng. Gần 90 % dân số là người nghèo, và 40 % thuộc thành phần vô vọng. Nạn đói là một thực tế hàng ngày, gần như số báo nào mỗi ngày đều nói đến. Mộ chôn của họ chỉ là “những lỗ thật lớn, mộ tập thể dành cho người nghèo” không bao giờ được lấp cho đến khi số lượng thi thể không tên mỗi ngày lấp đầy dần.

Bạo lực và tội phạm xảy ra mỗi ngày. Cờ bạc, nhậu nhẹt say sưa với rượu gin trở thành thú tiêu khiển của cả nước. Cứ mỗi 6 căn nhà ở thủ đô Luân-đôn là một quán rượu, và Anh quốc có thể dễ dàng được xem như là quốc gia nghiện rượu nhất trên toàn thế giới. Thể thao bao gồm quyền anh, đấu bò, đá gà và treo cổ tử hình. Đối với trẻ em thì chỉ còn có đường phố hay các xí nghiệp khổ hình. Chỉ 1 trên 25 trẻ em mới có khả năng đi học.

Ông Henry Fielding đã mô tả thành phố ông sinh sống như là: “Người nghèo chỉ là một gánh nặng lớn và luôn luôn là sự phiền toái ... Có những gia đình phải đi ăn xin vì thiếu điều tối thiểu của sự sống, bị đàn áp với nạn đói, rét lạnh, thiếu quần áo mặc, sống trong sự bẩn thỉu và bệnh tật ... Họ đói khát, còng lưng và trộm cắp những người khá giả hơn họ.”¹

Một bức thư của ông John Wesley được đăng trên các tuần báo như *Ký Sự Thành Phố Luân-đôn* [*London Chronicle*], *Báo Chiều Lloyd* [*Lloyd Evening Post*] và *Báo Leeds Mercury*. Chúng ta có thể đọc được một đoạn như:

Tại sao hàng ngàn người phải chịu đói khát? ... Tôi từng chứng kiến tận mắt điều đó ở mọi góc đường ở khắp nước Anh. Tôi từng biết những người chỉ có đủ tiền để mua thức ăn cho một bữa ăn đạm

bạc mỗi hai ngày. Tôi từng biết một phụ nữ lượm rác hôi hám ở bãi rác để đem về cho con bà ăn. Tôi từng biết một người khác lượm xương mà chớ bỏ lại trên đường phố để đem về nấu canh để cố kéo dài một kiếp người thống khổ. Tại sao hàng ngàn người ở các thành phố như Luân-đôn, Bristol, Norwich, ở mỗi vùng nông thôn của cả Anh quốc đã hầu như lâm vào nạn mất việc làm? ²

Lao công làm việc khổ cực trong những điều kiện khủng khiếp. 12 đến 15 giờ làm việc cực nhọc trong các mỏ than hay xưởng dệt vải, may mặc là chuyện thường và cũng là tiêu chuẩn. Nhân công hầm mỏ sống trong sự tuyệt vọng. Hàng giờ làm việc cực khổ trong lòng đất ẩm thấp khiến cho “bệnh phong thấp và lao phổi là chuyện thông thường.” ³ Tai nạn và khí độc khiến cho bao nhiêu người tử vong mỗi ngày.

Một tờ báo đã ghi lại, “Thảm họa từ khí độc [trong hầm mỏ] trở nên chuyện bình thường hơn bao giờ hết; nhưng chúng tôi được yêu cầu đừng đặc biệt nêu lên điều này, thật ra có thể đem đến một xu hướng tốt hơn đôi chút, nên chúng tôi đã bỏ qua không đi sâu vào điều này.” ⁴

Phụ nữ lao động trong mỏ than “như súc vật, bò bằng tay và trên đầu gối qua những hành lang chật hẹp và kéo theo những xe chở than với giây xích buộc vào ngang hông của họ.” ⁵ Lao công trẻ nhất là 3 tuổi vẫn được các xưởng dệt may sử dụng, với những điều kiện không thua gì hầm mỏ.

Luật Phá Sản [Enclosure Act] đuổi những người nghèo khỏi đất họ đã sinh sống từ bao thế kỷ, nơi họ lượm củi đốt, trồng cải, nuôi gà và heo. Bây giờ họ chẳng còn gì cả, mất hết đất đai, vườn trồng trọt, mất cả công việc làm. Một phóng viên của Báo Leeds đã tuyên bố, “Người nghèo chẳng hy vọng nhận được bất cứ sự cứu trợ nào ... chẳng có nhiên liệu, thức ăn hay phương tiện pháp lý để có được những điều thiết yếu đó để sống.” ⁶

Khi các biện pháp sống còn hợp lệ không còn nữa, họ chỉ còn các giải pháp bất hợp lệ. Một người bị hành xử vì tội tham gia vào hai cuộc nổi loạn vì nạn đói đã được *Ký Sự Thành Phố Luân-đôn* hỏi tại sao ông làm điều đó. Ông đáp lại, “Chẳng ai trong chúng tôi muốn nghe con của mình khóc vì đói và không có bánh ăn, mà chúng tôi lại không có bánh cho chúng ăn.” ⁷

Bồi Thảm Đoàn của Tòa Án Hoàng Gia được yêu cầu quan tâm đến các đoàn quân những người đói đông nghẹt đường phố Luân-đôn. Mô tả họ như “sự phiến toái đáng sợ” như là “một gánh nặng gây mất thẩm mỹ,” Bồi Thảm Đoàn đề nghị phải cương nghị thực thi luật pháp hơn nữa, “để chúng ta không còn bị người nghèo gây rối loạn nữa.” ⁸

Ít nhất 250 tội đáng bị xử tử hình. Tòa án hành xử tử hình dễ dàng đối với tội trộm cắp một con cừu, một ổ bánh mì, một miếng phô-ma, hay thử móc túi. Những người phạm tội đối với người quý tộc sẽ bị trừng phạt thật nghiêm ngặt. Mỗi mùa Chay và Giáng Sinh, tòa án đưa ra một loạt phán quyết đẫm máu. Những phiên tòa là trọng tâm của sự tiêu khiển của dân chúng, nhưng các lễ hội khiêu vũ, hội nghị thương mại và các sự kiện xã hội khác cũng được tổ chức trong “tuần lễ chay”. Trước khi phiên tòa bắt đầu có một bài giảng cho những tội phạm và đám đông từ một giáo phẩm thuộc về thể chế giáo hội của

chính quyền, và cũng để khen ngợi, chúc phước cho việc tòa án sắp sửa thực hiện. Và cứ như thế, tuần này qua tuần khác tòa án cứ tiếp tục phán xử án tử hình đối với những người phạm tội, dù là tội sát nhân hay trộm cắp vồn vện chỉ có một ổ bánh mì. Hàng ngàn tội phạm “nghèo đói” bị đày sang Châu Phi, Úc và Mỹ như tội tởm cả đời và vô điều kiện. Những người khác bị đánh bằng roi, hỏa thiêu và bỏ tù. Trẻ em 10 tuổi vẫn bị xử tử hình, Anh quốc cho treo cổ mỗi năm đến 500 công dân của mình.

Ông John Wesley Vào Cuộc

Với bối cảnh bất công xã hội và đàn áp bởi luật pháp, sự thờ ơ của chính quyền và sự nghèo đói ở khắp mọi nơi thì một người bé nhỏ với quyển Kinh Thánh trong tay đã vào cuộc. Ông John Wesley cao chưa tới 1,7 thước và không bao giờ nặng hơn 61 kí-lô, nhưng người “bé nhỏ này” đã lãnh đạo và dẫn dắt cả Anh quốc đến sự phục hưng tôn giáo được gọi là cuộc Cách Mạng Giám Lý.

Chiến dịch truyền giảng với Đấng Christ là trọng tâm đã nâng cao đời sống xã hội và tâm linh của từng lớp dưới đáy xã hội luôn luôn bị đàn áp, bóc lột.

Ông John Wesley sinh ra vào năm 1703 từ cha mẹ rất mộ đạo. Cha của ông, Samuel, là một linh mục Anh Giáo và cũng là một học giả. Mẹ ông, bà Susanna, là một phụ nữ phi thường về học vấn và tín ngưỡng. Chính bà đảm trách việc giáo huấn tôn giáo cho các con của bà, ngoài việc thiết lập một trường ngay tại nhà bà để đào tạo những đứa trẻ khác. Bà là người con thứ 4 của cha bà, bà đã sinh ra 19 người con. Ông John, người con thứ 15 của bà, là người kính trọng lời khuyên của bà nhất.

Khi John 17 tuổi, ông đã vào được Đại Học Oxford. Năm 1724 ông đã tốt nghiệp đại học này. Năm 1726 ông đã trở nên một giáo sư tại Trường Cao Đẳng Lincoln của thành phố Oxford. Ông đã nhận được văn bằng thạc sĩ của Đại Học Oxford vào năm 1727, và vào năm 1728 ông đã được thụ phong như là linh mục Anh Giáo (Giáo Hội Anh). Người đã thành lập phong trào Giám Lý vẫn là một linh mục Anh Giáo trong suốt cuộc đời ông.

Tại thành phố Oxford, John và em trai của ông, Charles đã quy tụ được một nhóm sinh viên hết lòng muốn sống theo ý chỉ của Đức Chúa Trời mỗi giờ trong ngày sống của họ. Họ bị mọi người gán cho những tên mang đầy thành kiến như “loại một sống vì Kinh Thánh”, “Anh Em Giám Lý”, “Câu Lạc Bộ Thánh Khiết.” “Anh Em Giám Lý” là cái tên thật sự tồn tại với họ. Trong khi mọi người chế nhạo họ, họ vẫn dành thời giờ cho sự tĩnh nguyện, nghiên cứu, và làm việc mỗi ngày với người bệnh, người nghèo khổ và người bị giam cầm trong ngục tù.

Sau đó, vào năm 1736, ông Wesley cố gắng chinh phục người thổ dân ở tiểu bang Georgia cho Đấng Christ. Thánh chức của ông cho dân cư thuộc địa và thổ dân Mỹ tại thuộc địa này chứng tỏ là một thất bại hơn là một thành công. Ông trở về Anh Quốc sau thời gian dưới 2 năm và bắt tay làm việc trở lại với các anh em Giám Lý của ông tại Luân-đôn.

Tín Ngưỡng Cá Nhân.

Vào ngày 23 tháng 5, năm 1738, sau một thời gian dài và đau đớn để đi tìm một quan hệ với cả tâm lòng với Đấng Christ, ông cuối cùng đã kết cuộc với kết quả mỹ mãn. Ông tham dự một buổi nhóm của một hiệp hội một cách gượng ép nhưng tại đây ông nghe ai đó đọc lớn tiếng bài giới thiệu của ông Luther về tín thư gửi cho các tín hữu tại thành Rô-ma. Với sự mô tả của ông Luther về sự cứu rỗi bởi đức tin duy nhất, ông Wesley cảm thấy lòng ông “trở nên ấm áp một cách lạ lùng.” “Tôi cảm nhận là tôi tin cậy được vào Đấng Christ, Ngài là duy nhất sự cứu rỗi và là sự đảm bảo cho tôi rằng Ngài đã cất lấy tất cả mọi tội lỗi *của tôi*, mọi tội lỗi *của riêng tôi*, và giải thoát tôi khỏi định luật của tội lỗi và cái chết.”

Với tín ngưỡng mới đang bùng cháy trong lòng, ông Wesley sẵn sàng cùng những đồng nghiệp như ông George Whitefield phát huy một sự phục hưng đem đến sự thay đổi hoàn toàn cho Anh Quốc và một phần lớn thế giới.

Các ông Whitefield và Wesley cùng với bao nhiêu người khác đã đem thông điệp của họ đến cho những người trong các cánh đồng vùng nông thôn và trên đường phố. Hàng ngàn người đã lắng nghe họ.

Bao nhiêu linh hồn được đổi mới với sự truyền giảng của ông đã được tổ chức thành các “hiệp hội”, “lớp học”, “nhóm nhỏ” và từng cặp linh hướng hỗ trợ nhau cho sự dưỡng dục của tín ngưỡng cá nhân và việc mưu cầu sự toàn vẹn Cơ Đốc.

Cho đến ngày nay chưa có ai có thể làm tốt hơn nền thần học mục vụ và chương trình đào tạo thuộc linh của ông Wesley. Ngoài việc tham dự các buổi lễ chính của Giáo Hội Anh, những tín hữu Giám Lý mới này còn nhóm với nhau hai lần trong tuần theo từng “hiệp hội” để học hỏi và truyền giảng. Mỗi thành viên hiệp hội được đòi hỏi gia nhập một “lớp học” 12 người gặp nhau hàng tuần để hỗ trợ nhau và giáo huấn tôn giáo cho nhau. Những ai vẫn còn khao khát cho một sự bước đi sâu nghiêm hơn với Đức Chúa Trời sẽ được mời gọi, sau khi được thẩm định, tham gia một “nhóm nhỏ”. Đây là một nhóm từ 4 đến 6 người cùng giới tính mỗi tuần chia sẻ cho nhau cuộc hành trình thuộc linh của họ, “không giữ riêng hay giả tạo một điều gì.” Mỗi buổi nhóm bắt đầu bằng việc nghe kể lại những thất bại về mặt thuộc linh mà mỗi thành viên đã gặp phải trong tuần. Sự cầu nguyện và khôi phục tiếp theo sau đó. Kế đến, mọi người chia sẻ các cảm dỗ họ đã đối diện và các chiến lược và sự mộ đạo, cầu khẩn đã giải cứu họ. Ông Wesley cảm nhận rằng hệ thống Giám Lý thành công nhất ở các nhóm nhỏ.

Ông Wesley đã sắp đặt cho hàng trăm tín hữu Giám Lý hợp lại với nhau thành từng cặp linh hướng dìu dắt nhau về mặt thuộc linh hay những cặp “linh hồn song sinh.” Những người cha và mẹ thuộc linh được sắp đặt để truyền đạt kinh nghiệm và linh hướng một cách cụ thể và chính xác các Cơ Đốc Nhân mới. Các cặp linh hồn song sinh là những Cơ Đốc Nhân có đức tin như nhau được sắp đặt thành những người bạn tâm linh và hỗ trợ, dẫn dắt nhau về mặt thuộc linh (chứ không phải những giám đốc thuộc linh). Tất cả các hệ thống này, hiệp hội, lớp học, nhóm nhỏ và các cặp linh hướng dìu dắt nhau

và các linh hồn song sinh được ông Wesley gọi là “Hội Nghị Cơ Đốc.” Hệ thống này vẫn duy trì được thành quả của phong trào phục hưng và tạo ra những Cơ Đốc Nhân vững mạnh hơn, cung cấp một môi trường cho các tín hữu phát huy được tinh thần trách nhiệm với nhau, và tạo được một đầu trường cho ân điển thánh hóa được mưu cầu và trải nghiệm, và đem đến cho nhau một sự mộ đạo sâu nghiêm và tình bằng hữu cả đời. Hệ thống tín ngưỡng cho gia đình của ông Wesley cũng là một dạng thức của Hội Nghị Cơ Đốc mà mọi người nên xem với sự nghiêm túc.¹⁰

Ông Wesley đã nói với ông Frances Godfrey, “Thật là một ân phước khi có những anh đồng hành để đi đến thành Giê-ru-sa-lem Mới. Nếu anh không tìm thấy được một anh em nào đồng hành với anh thì anh phải tạo nên họ vì không ai có thể du hành một mình trên con đường này.”¹¹ Với ông William Holland, ông Wesley đã viết, “Chúa đã ban mỗi người chúng ta như một tặng phẩm cho nhau ... để chúng ta làm cho bàn tay của mỗi người vững mạnh hơn trong Ngài.”¹² Không có gì định nghĩa một cách chính xác sự kết ước Giám Lý hơn Hội Nghị Cơ Đốc.

Một hệ thống những người truyền giảng hay chấp sự, những mục sư tại thế và một đoàn quân lãnh đạo các lớp đã quản nhiệm hệ thống dưỡng dục Cơ Đốc. Phong trào và thần học hệ Giám Lý của ông Wesley nhanh chóng trở thành tổ chức hay “mạng lưới” hoạt động hiệu quả nhất trên khắp Anh Quốc. Ông George Whitefield đã di chuyển từ một buổi nhóm hội chúng phục hưng này đến buổi nhóm hội chúng phục hưng khác. Sau này nhìn lại sự nghiệp của ông, ông đau buồn nhìn nhận, “Người anh em Wesley đã thật sự hành động với sự thông sáng. Các linh hồn đã tỉnh thức với thách thức của anh ấy, vì anh đã sắp đặt cho họ vào các lớp học và như thế gìn giữ được thành quả của công việc anh gây dựng. Tôi đã xem thường điều đó và dân sự của tôi chỉ là một sợi dây thừng bằng cát.”¹³

Trách Nhiệm Xã Hội

Ông John Wesley và các tín hữu Giám Lý đã uốn nắn thế giới cho một sự kết hôn gần như toàn vẹn giữa tín ngưỡng cá nhân và trách nhiệm về mặt xã hội. Có lẽ không có nhóm nào khác đã sống được các ước nguyện của sự kết hôn này tốt đẹp hơn họ. Đối với các tín hữu Wesley đầu tiên, việc tham gia vào các hiệp hội, lớp học, nhóm nhỏ, sự cầu nguyện và các buổi nhóm của các nhóm nhỏ trong nỗ lực mưu cầu sự toàn vẹn Cơ Đốc chưa hẳn là đủ. Không, đối với họ chức vụ Cơ Đốc vẫn là một kỷ luật thuộc linh tương đương với sự cầu nguyện và kiên ăn.

Ông Wesley đã tuyên bố, “Không những chúng tôi không công nhận nơi anh ấy một hạt nào của đức tin ... người không sẵn sàng ‘dâng mình và được sử dụng’ cho công việc tốt lành, nếu anh ấy có cơ hội thực hiện điều đó đối với mọi người.”¹⁴ Ông Wesley tin là Cơ Đốc Giáo chân chính mang đến “sự khao khát làm được mọi điều thiện một cách tốt nhất.” Ông tự gọi mình là một quản gia của Đức Chúa Trời đối với người nghèo. “Cùng nhau nắm tay với Đức Chúa Trời để đem sự sống đến cho người nghèo!” là sự kêu gọi thường xuyên của ông.¹⁵ Mỗi lớp học và nhóm nhỏ đều có sự dâng hiến cho người

nghèo. Mục đích vẫn là “chia sẻ bánh mình cho người đói khổ và đem áo quần mặc cho người trần trụi ... và trang bị cho họ [người nghèo của chúng ta] cách tự chu cấp về sau cho thân nhân của họ.”¹⁶

Ông Wesley và những người theo ông đã đảm trách rất nhiều chức vụ, thánh chức trong đó có:

1. Nhiều loại trường học khác nhau, trường xóa mù chữ, Trường Chủ Nhật, trường cho người tuổi trưởng thành, trường đào tạo mục vụ, trường ban ngày, trường tại chức.
2. Mục vụ cho người bệnh. Thủ đô Luân-đôn được chia ra thành từng quận, và anh em Giám Lý được bổ nhiệm viếng thăm mỗi người bệnh ít nhất ba lần mỗi tuần, kiểm tra sức khỏe và linh hồn của người bệnh trong khu vực mình đảm trách.
3. Trợ giúp về y tế. Ông John Wesley đã thiết lập phòng khám bệnh miễn phí đầu tiên ở Anh Quốc vào năm 1748.
4. Phân phát thực phẩm và quần áo, nhất là ở thành phố Luân-đôn và Bristol.
5. Thánh chức giúp phụ nữ không có chồng hay bị chồng bỏ. Thánh chức Người Nằm Trong Bệnh Viện [The Lying in Hospital] chu cấp sự chăm sóc y tế trước vào sau khi sanh con, giáo huấn về tôn giáo và dạy nghề cho khoảng 300 phụ nữ mỗi năm.
6. Hiệp Hội Bằng Hữu Người Xa Lạ [the Stranger's Friend Society], một chương trình từ thiện được các anh em Giám Lý thành lập để giúp người không là tín hữu Giám Lý. Chương trình này nhanh chóng phổ biến ở khắp Anh Quốc và ngay cả vua và hoàng hậu cũng quyên góp để hỗ trợ chương trình này.
7. Cộng Đồng Cơ Đốc [the Christian Community] để trợ giúp người “cơ nhỡ và vô gia cư” tại các nơi làm việc của thủ đô Luân-đôn.
8. Nhà ở cho các quả phụ tại Luân-đôn.
9. Một cô nhi viện tại thành phố New Castle.
10. Trợ giúp cho những người không có việc làm, chu cấp việc làm cho những anh em Giám Lý mất việc. Dự án thất bại nhưng nỗ lực vẫn còn đó.
11. Nguồn vốn tài trợ cho các doanh nghiệp nhỏ. Anh em Giám Lý nào khởi nghiệp và muốn bước vào thương mại có thể vay vốn từ nguồn tài trợ Giám Lý để triển khai doanh nghiệp của họ.
12. Mục vụ giúp người bị giam trong ngục tù. Để gia nhập hiệp hội Giám Lý tại thành phố Bristol, mỗi người phải hứa thực hiện chức vụ trong các ngục tù. Ngục tù Newgate tại Bristol là một trại giam được xem như là “một vùng kinh khiếp ... bẩn thỉu, hôi thối, thông khí, hung bạo làm một người có lẽ chỉ còn một tia sáng nhân bản nhỏ nhoi nào đó cũng phải chấn động.”¹⁷ Các tín hữu theo ông Wesley đã nhanh chóng giúp cho một anh em giám lý được bổ nhiệm làm người quản lý trại tù. Cả trại tù được cải thiện lại, và ông Wesley đã mời cả vương quốc đến xem cách một trại tù có thể được điều hành ở một quốc gia Cơ Đốc. Ông

Charles Wesley, tác giả các bài thánh ca, là một trong những người không hề biết mệt mỏi trong việc đem chương trình trợ giúp những tù nhân này thành một thực tế.

Ngoài quá trình cải thiện và thanh lọc mà các anh em đầu tiên theo thần học hệ của ông Wesley chủ trương trước công chúng, họ còn dâng mình cho sự thanh tẩy của nội tâm trong đời sống cá nhân cũng như sự toàn vẹn Cơ Đốc và sự thánh khiết của tâm lòng. Ông Wesley đã kêu gọi ân điển thánh hóa như là “thuốc chữa cho cuộc sống không bao giờ thất bại chống lại mọi sự gian ác, xấu xa của thế giới hỗn loạn và tất cả sự thống khổ và những thói hư tật xấu của con người.”¹⁸

Nguyên Thễ của Giám Lý

John Wesley đã tạo ra một nền thần học cho thời đại của ông. Mỗi sự đổi mới về giáo lý của ông có thể tìm thấy từ nguồn gốc không những từ Kinh Thánh và các giáo điều Cơ Đốc mà còn ở những nhu cầu rõ rệt và riêng biệt của thời đại của ông. Thí dụ, sự giảng dạy của ông chống lại thuyết tiền định và cho ân điển miễn phí đã dạy cho công chúng thường bị đàn áp thời của ông có được niềm hy vọng. Sự nghèo đói, dốt chữ, thiếu kiến thức, thống khổ là khác hẳn với kế hoạch của Đức Chúa Trời đã có đối với mỗi người và bị xem như là một mâu thuẫn với ý chỉ thiên thượng đối với con người. Khi ông Wesley bắt đầu giảng dạy về sự tự do và bình đẳng của con người, ông đã bị rất nhiều chính trị gia và hàng giáo phẩm Anh giáo xuyên tạc cho rằng ông có ý đồ chống lại sự quan phòng thiên thượng bằng cách dám thay đổi vị trí xã hội của người nghèo.

Phương pháp thần học của ông Wesley rất đơn giản: nghiên cứu những nhu cầu của thời đại rồi xem xét lại tất cả các tài nguyên của đức tin Cơ Đốc để đem các tài nguyên này giải đáp cho các nhu cầu đó. Sau ông đã có nhiều người đã nói đến phương pháp của ông như một thần học hệ tứ giác Wesley [quadrilateral], một hệ thống mà các ý tưởng và giáo lý được thử thách trước hết bởi Kinh Thánh (căn bản nhất), lý trí (điều đó có hợp lý không?), truyền thống (Giáo Hội đã làm gì và nói gì đối với vấn đề này trong quá khứ?), và sự trải nghiệm (ý tưởng được thảo luận có mang tính kiên định với sự trải nghiệm về tôn giáo của dân Đức Chúa Trời?)

Niềm tin Cốt lõi của truyền thống Giám Lý rất đơn giản.

- 1. Sự cứu rỗi là trọng tâm.** Dù với bất cứ hành động tin kính và thương xót mà các anh em bước theo ông Wesley sống theo, trọng tâm và chủ đích vẫn là sự cứu rỗi các linh hồn. Các tín hữu Giám Lý xem tội lỗi là nghiêm trọng. Điều gì đó đã thật sự sai trật trong đời sống của con người. Trái tim của con người, như ông Albert Outler đã nói, là một diêm quẹt đốt lên lửa của tội lỗi. Không có danh sách nào của tính chất luật pháp hay cả chồng sách của tâm lý học hướng về sự tự hỗ trợ, tự lực có thể chữa được căn bệnh của tội lỗi.

Vậy thì sự cứu rỗi là gì? Ông Wesley đã nói, “Khi nói đến sự cứu rỗi tôi muốn nói không chỉ là một ý nghĩa hời hợt theo quan điểm bình thường của sự giải thoát khỏi hỏa ngục, hay được

lên thiên đàng, nhưng đó là sự giải thoát hiện tại khỏi tội lỗi, sự hồi phục của linh hồn trở về sức khỏe của nó thời khởi nguyên, sự trong sáng lúc ban đầu của nó; một sự tái thiết của thần thánh; sự đổi mới của linh hồn chúng ta theo hình ảnh của Thượng Đế trong sự chính trực và thánh khiết thật sự, trong sự công chính, thương cảm và lễ thật.”¹⁹ Các anh em bước theo ông Wesley đầu tiên tha thiết ước muốn có được một sự hiểu biết cá nhân về Đấng Christ như là Cứu Chúa của họ.

2. **Sự nên thánh vừa là nguyên tắc tổ chức và cũng là sự góp phần riêng biệt nhất của thần học hệ thuộc linh Wesley.** Không có giáo lý nào của truyền thống Giám Lý là đặc trưng hơn sự nên thánh. Đó là nền tảng cốt lõi trong tất cả các mô hình của ông Wesley về sự đào tạo thuộc linh. Giáo lý nên thánh như là một cái tát vào mặt đối với tư duy Cải Chính Giáo cho rằng loài người chỉ là tội lỗi đến nỗi chúng ta sẽ không bao giờ ra khỏi sự suy đồi, sa đọa trong suốt cuộc đời này. Ông Wesley đã mạnh dạn truyền giảng là tấm lòng một tín hữu có thể được thanh tẩy khỏi mọi tội lỗi và được tràn đầy tình yêu thương thiên thượng. Ông đã viết cho Lawrence Coughlan rằng sự thánh khiết là “tình yêu thương của Đức Chúa Trời và người lân cận; với tấm lòng mang dấu ấn của hình ảnh Đức Chúa Trời ... tâm trí của họ là trong Đấng Christ giúp chúng ta bước đi như Chúa ... trong sự hiệp thông sâu nghiêm với Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con, vì họ đã dâng hiến cho Ngài trọn cả tấm lòng của họ để yêu thương mọi người như chính họ.”²⁰

Đó là sự toàn vẹn của trái tim, tấm lòng và chủ tâm nhưng chắc chắn đó không phải là một thành quả. Hàng ngàn khuyết tật vẫn còn bám theo chúng ta, thành viên của một chủng loại mang lấy gánh nặng của sự xung khắc với tội lỗi từ bao nhiêu thế kỷ hạn chế tất cả các nỗ lực của chúng ta. Nhưng như ông Wesley đã viết cho cô Dorothy Furly, “tôi muốn cô trở thành tình yêu thương trọn vẹn. Đó là sự toàn vẹn mà tôi tin và giảng dạy.”²¹ Ông cũng đã định nghĩa cho thần học gia trẻ tuổi Joseph Benson về sự cứu rỗi trọn vẹn như là “sự giải thoát khỏi tội lỗi [có tình], một sự khôi phục trọn vẹn của hình ảnh Đức Chúa Trời, Thượng Đế yêu thương với tất cả tấm lòng, linh hồn và nghị lực của chúng ta.”²²

3. **Nền thần học Wesley được đặt trên nền tảng của ân điển.** Sự cứu rỗi duy nhất bởi ân điển thật là một nền tảng đối với nền thần học theo ông Wesley đến nỗi ông Henry Bett đã tuyên bố, “Từ thời của ông Wesley đến nay không có một tín hữu Giám Lý nào có thể mơ tưởng đặt sự tha thứ tội lỗi trên bất cứ nền tảng nào ngoại trừ ân điển miễn phí của Đức Chúa Trời và công việc chuộc tội của Đấng Christ.”²³ Hệ thống của nền thần học Wesley là một quá trình của ân điển: ân điển chuộc tội, tiên ân, ân điển xưng công chính (cứu rỗi), ân điển nên thánh, ân điển toàn vẹn

hóa, và ân điển vinh hiển. Các công việc tốt lành (công đức) và sự phục vụ là cần thiết nhưng chỉ có ân điển thiên thượng mới giải cứu.

4. **Nền thần học Wesley được đặt trên sự toàn tại của Kinh Thánh.** “Xin Ngài ban cho con quyển sách đó! Với bất cứ giá nào xin Ngài ban cho con quyển sách của Ngài!” như ông Wesley đã thốt lên. “Tôi đã có được điều đó: đây là kiến thức đối với tôi là đầy đủ. Để tôi xin là một *homo unis libri* [một người của một quyển sách]”²⁴. Đối với các anh em đầu tiên bước theo ông Wesley, Kinh Thánh là thẩm quyền tối thượng và tối hậu. Tuy vậy truyền thống Giám Lý tiếp cận Kinh Thánh một cách tổng quan chứ không cực đoan và bảo thủ. Truyền thống này tập trung vào các nguyên tắc của Thánh Kinh và không đem các phân đoạn của quyển sách này ra khỏi văn cảnh và bối cảnh của chúng. Luận giải khô khan, chỉ trích với nguyên tắc nghiêm khắc sự toàn tại không đến từ bối cảnh của Giám Lý. Các tín hữu Giám Lý tin rằng Kinh Thánh là toàn tại cho sự dẫn dắt chúng ta đến con đường của sự cứu rỗi. Các anh em thật sự bước theo ông Wesley kính trọng Kinh Thánh và không bao giờ có thể cắt ra từng phân đoạn để chỉ trích quyển sách này.

5. **Nền thần học Wesley đón nhận một tinh thần công giáo.** Tinh thần công giáo của các tín hữu Giám Lý đầu tiên không mang một ý nghĩa như Giáo Hội Công Giáo La Mã. Trái ngược lại, ông John Wesley tin chắc rằng các tín hữu đều có một điểm tương đồng chung qua sự hiện hữu của Đấng Christ, và đặc điểm này còn quan trọng hơn những khác biệt về giáo hội, hệ phái của họ. Tinh thần chia rẽ cục bộ và định kiến thật xa lạ với tinh thần của nền thần học Wesley. Ông đã tuyên bố rằng “Đức Chúa Trời không cho bất cứ ai quyền ... thống trị trên lương tâm của người anh em của mình.”²⁵ Ngược lại ông kêu gọi, “Mặc dù chúng ta không suy nghĩ giống nhau, chúng ta vẫn có thể yêu thương như nhau? Chúng ta vẫn có thể có một tấm lòng như nhau dù không có một ý tưởng tương đồng hay không?”²⁶ Ông đã loan truyền, “Nếu trái tim của anh chị giống như trái tim của tôi, nếu anh chị yêu thương Đức Chúa Trời và cả nhân loại, tôi không cần đòi hỏi điều gì nơi anh chị: anh chị chỉ cần đưa cho tôi bàn tay của anh chị.”²⁷

6. **Nền thần học Wesley đặt Đấng Christ là trọng tâm.** Tác giả Albert Outler đã viết về ông Wesley, “Qua hàng trăm cách, hàng ngàn cơ hội khác nhau, thập niên kế tiếp năm thập niên, thông điệp của ông vẫn là Chúa Giê-su Christ và Đấng Christ bị đóng đinh trên thập tự giá. *“Christus crucifixus, Christus redemptor, Christus Victor.”*”²⁸

7. **Tính thiên tài của truyền thống Giám Lý khởi nguyên chính là tính sáng tạo tổng hợp.** Ông

Wesley luôn luôn kiên định với phương pháp tổng hợp. Khi thiết lập nền thần học, giáo lý, chính sách thể chế giáo hội hay triết học giáo dục, ông đã tham khảo một số rộng lớn tài liệu và dữ liệu. Theo tiêu chuẩn của thần học hệ “tứ giải” [quadrilateral], (với sự mặc khải, lý trí, truyền thống, sự trải nghiệm), ông đã đan lại những dây thừng mới để giải cứu những người vô vọng. Ông đã không sợ làm gục ngã “những người Ai-cập” của y khoa, văn học, triết học trần thế hay thương mại. Thí dụ, nơi nào trong Kinh Thánh mà ông Wesley đã học hỏi được cách thiết lập một hệ thống tín dụng hay nguồn vốn tài trợ cho các anh em Giám Lý khởi nghiệp trong kinh doanh? Ông đã liên kết các nhà giáo dục tại thế cũng như tôn giáo để tìm cách quản lý các trường Foundery và Kingswood. Giữ định hướng của thần học hệ tứ giải ở bất cứ nơi nào tư duy định kiến về truyền thống, duy lý hay trải nghiệm, hay dựa trên Kinh Thánh bị ảnh hưởng thì “có một sự khởi đầu xây dựng cho sự chống cự của thần học hệ Wesley đối với mỗi cách tiếp cận như thế khi được thực hiện một cách riêng rẽ.”²⁹

8. **Truyền thống Giám Lý khởi nguyên nhấn mạnh trên sự trọng yếu của sự trải nghiệm tôn giáo.** “Tôi ước muốn có được đức tin đó, đức tin mà không ai có thể có được mà không biết mình có đức tin đó,” người thanh niên Wesley đã từng cầu nguyện như thế.³⁰ Tôn giáo theo nghi thức, nghi lễ nhưng trống rỗng không đem đến sự thỏa mãn cho sự mưu cầu tôn giáo tâm lòng của ông Wesley. Ông đã tuyên bố, “Anh muốn có được một tín ngưỡng cao thượng, một tôn giáo cao thượng và sâu nhiệm hơn tín ngưỡng như thế. Anh không thể nuôi sống mọi người với điều đáng thương, nông cạn và theo nghi thức, nghi lễ, như thể anh không thể làm cho bụng mình no đầy với gió phương đông.”³¹
9. **Nền thần học Wesley nhấn mạnh giáo hội như là một cộng đồng của đức tin.** Ông Wesley tin rằng “sự thánh khiết xã hội” là chân chính và căn bản cho đức tin. Vì thế, hệ thống Giám Lý luôn luôn đề cao sự truyền giảng giữa công chúng, sự thờ phượng với hội chúng, và thánh chức mục vụ với các nhóm nhỏ. Các nguyên tắc của sự hiệp thông Cơ Đốc đã được thể hiện qua các hiệp hội, các lớp học, các nhóm nhỏ, các cặp linh hướng và hỗ trợ lẫn nhau, và các buổi tiệc trong tình yêu thương như là đặc điểm của thần học hệ Wesley chân chính.
10. **Nền thần học Wesley chứa đựng tính thu hút như một nam châm người nghèo và người bị đàn áp.** Thần học hệ Wesley từ bỏ “tính mộ đạo cá nhân, riêng biệt bám chặt vào Đấng Christ mà lại thờ ơ và quên lãng đi sự thống khổ của trần thế.”³² Như Chúa Giê-su đã xác định tính hiệu lực đối với các thành tích Đấng Mê-si của Ngài với thánh chức của Chúa với những người



mù, tàn tật, người cùi, khiếm thính, và người nghèo khổ, thần học hệ Wesley xác định tính hiệu lực của mình với sự lựa chọn tình nguyện để phục vụ người nghèo và người bị đàn áp.

Các tín hữu theo thần học hệ Wesley đầu tiên đã thiết lập các tiêu chuẩn rất cao cho 80 giáo hội và hệ phái mà cho đến ngày hôm nay vẫn tự khẳng định thuộc về truyền thống thần học hệ Wesley.



TÓM LƯỢC

CÁC TÍN HỮU GIÁM LÝ HOA KỲ

Bối Cảnh Lịch Sử

Truyền thống Giám lý đã đến Hoa Kỳ vào những năm 1760. Bà Barbara Heck, một người di dân đến từ Ai Nhĩ Lan đã đóng góp vào việc thành lập hiệp hội Giám Lý đầu tiên tại Hoa Kỳ vào năm 1768. Hội Nghị Giảng Sinh được tổ chức vào năm 1784 tại thành phố Baltimore đã cho ra đời Giáo Hội Giám Lý [Methodist Episcopal Church]. Ông Francis Asbury, một trong các giáo sĩ truyền giáo của ông Wesley, đã trở thành lãnh đạo có ảnh hưởng nhất của Giáo Hội Giám Lý. Giáo Hội Giám Lý Phi Châu Hoa Kỳ [African-American Methodism] và Giáo Hội Giám Lý Đức [German Methodism] cũng đã góp phần vào việc viết lên lịch sử giáo hội Wesley tại Hoa Kỳ.

Niềm tin Cốt lõi

Các niềm tin cốt lõi của giáo hội Giám Lý, bao gồm nền thần học của Cải Chính Giáo về Ba Ngôi Hiệp Một; Đấng Christ như là Chúa Cứu Thế; sự xưng công chính bởi đức tin; các thánh lễ của báp-têm và Tiệc Thánh của Chúa; tiên ân, ân điển cứu rỗi và ân điển nên thánh; và sự toàn vẹn và trọn vẹn của Kinh Thánh. Quyển sách *Kỷ Luật* cũng đem đến thần học có tính “đột phá”, đặt giáo hội vào các lập trường thần học về người da đen, nam nữ bình quyền, và thần học với quy trình.

Các Điểm Tương Đồng và Khác Biệt

Các tín hữu Nazarene và các tín hữu Giám Lý hòa hợp với nhau về Cải Chính Giáo chính thống và các quan điểm của ông Arminius. Các khác biệt đến với định hướng giảng dạy thần học được các tín hữu Giám Lý chấp thuận. Các thần học gia và mục sư có sự tự do tìm kiếm các thần học “đột phá”. Trên lãnh vực khuôn mẫu thì các tín hữu Nazarene duy trì lập trường theo sự giảng dạy truyền thống của ông Wesley. Mặc dù các tuyên xưng chính thống trong quyển *Kỷ Luật* rất là chính thống, tinh thần giảng dạy của một tín hữu Giám Lý có thể làm phân vân rất nhiều anh em tín hữu Nazarene. Các tín hữu Nazarene và các tín hữu Giám Lý có khuynh hướng khác biệt ở trọng điểm chúng tôi đề cao - sự nên thánh. Các tín hữu Giám Lý thường đưa ra quan điểm của sự nên thánh như một quy trình. Các tín hữu Nazarene và Phong Trào Thánh Khiết Hoa Kỳ [American Methodist Movement] đã lựa chọn sự giảng dạy của ông Wesley về sự nên thánh trọn vẹn như vừa là khía cạnh của một quá trình và cũng là điều có thể xảy ra ngay lập tức. Các tín hữu Giám Lý thường nghĩ đến sự cải đạo (hay quy đạo) như là sự dưỡng dục Cơ Đốc. Các tín hữu Nazarene hiểu biết về sự cải đạo như là một kinh nghiệm xảy đến tức thời.



Các Tín Hữu Giám Lý Hoa Kỳ Ngày Nay

Giáo Hội Giám Lý Hiệp Nhất [the United Methodist Church] là giáo hội Cải Chính Giáo đứng thứ hai tại Hoa Kỳ. Cộng vào ba nhóm Giám Lý Phi Châu Hoa Kỳ thì tổng số các tín hữu Giám Lý lên đến 14 triệu người tại Hoa Kỳ.



Câu hỏi: Điều gì cho chúng ta có thể tin một cách hợp lý rằng đó là sự thiết kế của Đức Chúa Trời khi đẩy lên các anh em truyền giảng Giám Lý ?

Trả lời: Để cải chính cả Lục Địa và làm lan tràn sự Thánh Khiết của Kinh Thánh trên đất nước này.

- Quyển *Kỷ Luật* đầu tiên của Hội Thánh Công Hội Giám Lý

CHƯƠNG 4

CÁC TÍN HỮU GIÁM LÝ HOA KỲ

DANH HIỆU THẬP TỰ GIÁ VÀ NGỌN LỬA CỦA GIÁO HỘI GIÁM LÝ HIỆP NHẤT có lẽ là biểu tượng giáo hội được nhiều người biết đến ở Hoa Kỳ. Danh hiệu đó kết nối các biểu tượng của Đấng Christ và Đức Thánh Linh. Hai ngọn lửa hồng bùng cháy, kết hợp với nhau ở nền tảng cùng biểu tượng cho sự liên kết vào năm 1968 của Giáo Hội Giám Lý [Methodist Church] và Các Hội Thánh Anh Em Truyền Giáo Hiệp Nhất [Evangelical United Brethren Church].

Tín hữu Giám Lý chiếm một tỷ lệ đa số các tín hữu Cơ Đốc ở Hoa Kỳ. Giáo Hội Giám Lý Hiệp Nhất [United Methodist Church], với trên 8,5 triệu thành viên là giáo hội Cải Chính Giáo lớn thứ hai tại Bắc Mỹ và có thêm 1 triệu thành viên ở những quốc gia khác. Ba (3) giáo hội với đa số thành viên là tín hữu Giám Lý Mỹ gốc Châu Phi tăng thêm 5,5 triệu tín hữu ở Hoa Kỳ.

Truyền thống Giám Lý Mỹ là kết quả của nghị lực truyền giáo Giám Lý từ Anh Quốc. Được đem đến Hoa Kỳ vào những năm 1760, truyền thống Giám Lý đã phát triển để trở thành giáo hội lớn nhất ở Mỹ vào năm 1850. Họ đã thực hiện được chủ đích này vì họ không bị tê liệt khi đối diện với sự thách thức để thi đua, cạnh tranh ngay bên trong môi trường tôn giáo thời đó thống trị bởi truyền thống Calvin. Cùng lúc đó, họ đã trở nên giáo hội đặc trưng nhất của Hoa Kỳ, hoàn toàn thích nghi với những áp lực của đời sống của cả một quốc gia. Sự phân biệt chủng tộc và tính đề cao từng dân tộc cũng như hệ thống dân chủ đã đòi hỏi một cái giá phải trả. Ba truyền thống đã phát triển từ đó: một hệ thống có thể được xem như có lập trường trung lập, Thánh Công Hội Giám Lý [Episcopal Methodist Church], và hai hệ thống giáo hội Giám Lý riêng biệt, Châu Phi và Đức Quốc.

Ông Francis Asbury

Các tín hữu Giám Lý Mỹ đầu tiên là những người mới di dân đến Hoa Kỳ như cô Barbara Heck (người đến từ thành phố Limerick, Ái-nhĩ-lan) mang theo với họ tín ngưỡng Giám Lý. Vào năm 1768, bà Heck đã góp phần vào việc tổ chức hiệp hội Giám Lý đầu tiên tại thành phố New York, Hoa Kỳ.¹

Ông John Wesley đã biệt phái những nhà truyền giảng tại thế đến Hoa Kỳ để lãnh đạo các hiệp hội và đoàn thể này cũng như tổ chức những hiệp hội và đoàn thể mới. Đây nhiệt tình nhưng mang tính bảo thủ, các nhà truyền giảng này đã trở về Anh Quốc khi Cách Mạng Mỹ bùng nổ. Một người là ngoại lệ, ông Francis Asbury (1745-1816), người duy nhất đã theo tinh thần của Mỹ và ở lại để quản nhiệm công việc của giáo hội Giám Lý. Mặc dù với tất cả sự hỗn loạn thời chiến, cội rễ của truyền thống Giám Lý đã ăn sâu vào văn hóa của Mỹ trong suốt thời Cách Mạng Mỹ. Các nhà truyền giảng đã đủ vững mạnh như một thể chế giáo hội để tổ chức Giáo Hội Giám Lý toàn cầu đầu tiên vào năm 1784.

Tại sao người Mỹ lại rời bỏ Giáo Hội Anh của Wesley để tự thành lập một giáo hội riêng của họ? Các yếu tố dẫn đến sự kiện này bao gồm:

- Khủng hoảng về các thánh lễ
- Một sự khẩn trương để truyền giảng Phúc Âm cho người Mỹ
- Sự chấp nhận của người Mỹ với các thách thức mà môi trường quốc gia và xã hội của Hoa Kỳ phải đối diện.

Sự thất bại của Giáo Hội Anh trong việc thiết lập một giám mục tại Mỹ trước và sau cuộc Cách Mạng Mỹ đã dẫn đến cuộc khủng hoảng các thánh lễ. Không có một giám mục thì việc phong chức các giáo chức ở Tân Thế Giới là bất khả thi dưới thể chế của Giáo Hội Anh. Với hậu quả không đủ giáo chức thì cũng có nghĩa là phép báp-têm, Tiệc Thánh của Chúa và sự truyền giảng cũng không được cử hành đều đặn và ổn định.

Ông Wesley cảm nhận rằng ông không thể đợi chờ để giáo hội của ông phải hành động. Vào năm 1784 ông đã cho phép ông Thomas Coke (1747-1814), một giáo chức của Giáo Hội Anh như ông, trở nên một trong hai vị tổng quản nhiệm của các tín hữu Giám Lý Mỹ. Chính ông Wesley cũng đã phong chức cho nhiều nhà truyền giảng tại thế để bước vào thánh chức mục vụ. Đó là điều trái với quy tắc của Giáo Hội Anh. Chỉ có các giám mục mới có quyền phong chức, nhưng ông Wesley cảm nhận rằng “sự khẩn trương về giáo chức” đòi hỏi một quyết định như thế. Ông Coke được cho phép phong chức cho ông Francis Asbury, người mà ông Wesley đã ủy nhiệm như vị tổng quản nhiệm thứ hai.

Ông Asbury đã du hành bằng ngựa và xe ngựa theo chiều dài và một phần ba bề ngang xuyên khắp Hoa Kỳ mới được lập quốc. Ông Richard Whatcoat, một tín hữu Giám Lý đã được thánh hóa cũng được bầu làm giám mục vào năm 1801 để hỗ trợ cho ông Asbury. Ông Whatcoat đã được ông William McKendree nổi nghiệp, giám mục đầu tiên sinh ở Hoa Kỳ và là một người truyền giảng phục hưng cứng rắn của vùng biên thùy nước Mỹ và được mọi nhà truyền giảng kính trọng. Dưới sự lãnh đạo của các ông Asbury, Whatcoat, và McKendree, chiến lược truyền giáo cho vùng Bắc Mỹ của Giáo Hội Giám Lý đã thành hình.

“Cải Cách Cả Quốc Gia”



Các tín hữu Giám Lý đã thành công vào thế kỷ thứ 19 với nhiều lý do. Trong các lý do đó có:

- Những nhà truyền giảng lưu hành
- Hệ thống nhóm họp của các lớp học và các lãnh đạo cho mỗi lớp học
- Các hội nghị doanh trại cho sự phục hưng
- Sứ điệp
- Hệ thống chỉ định các mục sư bởi vị giám mục

Hoa Kỳ phần lớn là một xã hội của vùng biên thùy. Một giáo chức Giám Lý lưu hành có thể có đến 20 điểm truyền giảng hay nhiều hơn nữa. Các giám mục đã có một hệ thống triển khai các nhà truyền giảng để trải rộng ra trong các lãnh thổ thật rộng lớn. Điều này cũng bắt buộc giáo hội phải dựa trên các lãnh đạo tại thể có bản lãnh nhiệm chức thay thế cho các nhà truyền giảng lưu hành vào những thời điểm giữa các lần viếng thăm. Điều kiện làm việc và lưu hành thật khắc nghiệt và nhiều nhà truyền giảng đã kiệt sức vào tuổi trung tuần. Ở mỗi địa phương các tín hữu Giám Lý được tổ chức thành từng lớp học dưới sự lãnh đạo của các lãnh tụ thuộc linh. Sự truyền giảng và Tiệc Thánh của Chúa được cử hành mỗi lần vị giáo chức thụ phong đến viếng thăm nhưng một số lãnh đạo các lớp học cũng là những nhà truyền giảng địa phương đã được phong chức.

Các hội nghị doanh trại là một công cụ Giám Lý hữu hiệu. Các nhóm rộng lớn họp lại với nhau, có khi hàng ngàn người, với nhiều sự truyền giảng được tổ chức cùng một lúc trong một doanh trại. Ông Asbury luôn luôn ước lượng đến hàng trăm người con số những người cải đạo, thánh hóa và tham dự Tiệc thánh của Chúa ở các hội nghị này.

Ngày nay việc thấy được các hội thánh Giám Lý rộng lớn ở vùng đô thị là thông thường. Nhưng truyền thống Giám Lý luôn luôn là vững mạnh ở vùng nông thôn. Khi tiếp cận với vùng biên thùy và phục vụ cho những điền chủ và nông trại, các tín hữu Giám Lý đã phát triển và bành trướng khắp Hoa Kỳ hơn tất cả các nhóm khác.

Trong khi ông Asbury và những người kế thừa ông tiếp tục đảm trách nhiệm vụ của họ, những người Mỹ gốc Đức đã thành lập hai nhóm Giám Lý riêng biệt nhưng về sau này kết hợp lại thành Giáo Hội Các Anh Em Truyền Giáo Thống Nhất. Và tiếp theo đó sát nhập với Giáo Hội Giám Lý để tạo thành Giáo Hội Giám Lý Hiệp Nhất.

Giám Lý Châu Phi

Tín hữu Giám Lý da đen tại thành phố Philadelphia và các thành phố lớn khác ở Hoa Kỳ đều bị kỳ thị chủng tộc bởi tín hữu Giám Lý da trắng. Bị phân biệt ở chỗ ngồi trong hội thánh và trong những thực hành về Tiệc Thánh của Chúa cũng như những thành kiến và kỳ thị khác đã dẫn đến sự ra đời vào năm 1876 của Thánh Công Hội Giám Lý Châu Phi [African Methodist Episcopal Church]. Ông Richard Allen (1760-1831), đã từng là một người nô lệ, được vinh dự là vị giám mục đầu tiên của giáo hội này.

Quyển *Kỷ Luật* [*Discipline*], Các Điều Khoản của Bảng Tuyên Xưng Đức Tin và Quy Luật Chung gần như tương tự với Thánh Công Hội Giám Lý. Một giáo hội như thế cũng thành hình tại thành phố New York vào năm 1820. Ông James Varick là vị tổng quản nhiệm đầu tiên của Thánh Công Hội Giám Lý Xi-ôn Châu Phi [African Methodist Episcopal Zion Church]. Giống như Thánh Công Hội Giám Lý Châu Phi, Thánh Công Hội Giám Lý Xi-ôn Châu Phi chống đối mãnh liệt chế độ sử dụng người nô lệ và các thành viên của giáo hội này gồm có những người như các ông Frederic Douglass, Sojourner Truth và Harriet Tubman. Một sự thể hiện của truyền thống của Giám Lý người Da Đen Mỹ bắt nguồn từ Miền Nam sau Nội Chiến Mỹ: Thánh Công Hội Giám Lý Người Da Màu [Colored Methodist Episcopal Church] được thành lập vào năm 1870. Vào năm 1954, danh xưng của giáo hội này được đổi thành Thánh Công Hội Giám Lý Cơ Đốc [Christian Methodist Episcopal Church]. Ngày nay, Thánh Công Hội Giám Lý Châu Phi có đến 3,5 triệu thành viên, Thánh Công Hội Giám Lý Xi-ôn Châu Phi có 1,2 triệu thành viên và Thánh Công Hội Giám Lý Cơ Đốc có 718.000 thành viên.²

Nền Thần Học của Giáo Hội Giám Lý Hiệp Nhất

Ngày nay Giáo Hội Giám Lý Hiệp Nhất giảng dạy tín lý gì? Quyển *Kỷ Luật* (1996) đã liệt kê ba tuyên xưng thần học căn bản:

- Đức tin đặt vào sự huyền bí của sự cứu rỗi nơi Chúa Giê-su Christ và bởi Ngài.
- Tín lý về tình yêu thương cứu chuộc của Đức Chúa Trời được thực hiện trong đời sống của mỗi người bởi sự vận hành của Đức Thánh Linh trong sự trải nghiệm cá nhân và trong cộng đồng của các tín hữu.
- Hội Thánh Đấng Christ như là một giáo hội nền tảng duy nhất.
- Tín lý về Giáo Hội Giám Lý Hiệp Nhất như là một phần của Hội Thánh Đấng Christ hoàn vũ “khi với sự thờ phượng, sự loan truyền và thánh chức chúng ta trở nên hòa hợp với Đấng Christ.”
- Thẩm quyền của Kinh Thánh trong tất cả các vấn đề liên quan đến đức tin.
- Sự xưng công chính qua đức tin.
- Ý thức đơn thuần rằng giáo hội luôn luôn cần sự tái thiết và đổi mới.
- Kiến thức về sự tể trị của Đức Chúa Trời cả trong hiện tại lẫn tương lai.³

Mỗi khía cạnh đều liên kết Giáo Hội Giám Lý Hiệp Nhất với Hội Thánh Hoàn Vũ. Nhưng cũng có một sự tóm lược làm nổi bật “các đặc điểm của nền thần học Wesley”

- Tiên ân.
- Sự xưng công chính qua ân điển.
- Sự đảm bảo của sự cứu rỗi hiện tại.

- Sự nên thánh và toàn vẹn được miêu tả như là quá trình của sự trưởng thành trong ân điển.
- Đức tin như là “sự đối đáp thiết yếu duy nhất đối với sự cứu rỗi”, tuy vậy vẫn là đức tin chết nếu không có những công việc thể hiện sự thương cảm.
- Sự hiệp thông Cơ Đốc là thiết yếu cho sự dưỡng dục và sứ mệnh trong thân thể Đấng Christ.⁴

Quyển *Kỷ Luật* chứa đựng hai giáo điều khác nhau: Hai mươi lăm điều khoản của Hội Thánh Công Hội Giám Lý (1784) và Bảng Tuyên Xưng Đức Tin của Giáo Hội Các Anh Em Truyền Giáo Thống Nhất (Evangelical United Brethren Church). Cả hai đều thể hiện tính chính thống đối với Cải Chính Giáo. Điều khoản về “Sự Nên Thánh và Toàn Vẹn Cơ Đốc” đến từ Bảng Tuyên Xưng Đức Tin của Các Anh Em Truyền Giáo Thống Nhất khẳng định như phần được trích dẫn sau:

- Sự nên thánh trọn vẹn là một vị trí của tình yêu thương toàn vẹn, sự chính trực và thánh khiết thật sự mà mỗi tín hữu đã được tái thiết có thể nhận lãnh được.
- Qua đức tin nơi Chúa Giê-su Christ ân tứ từ ân điển này có thể được nhận lãnh vừa theo quá trình thời gian vừa là ngay lập tức, và mỗi đứa con của Đức Chúa Trời cần phải mưu cầu ân tứ này.

Một đoạn của quyển *Kỷ Luật* mang tựa đề “Nhiệm Vụ Thần Học của Chúng Ta” đã nhấn mạnh rằng giáo hội có một trọng trách thần học hiện hữu một cách liên tục. Đoạn này xác định rằng giáo hội “khích lệ một sự suy ngẫm nghiêm túc về quang phổ thần học ... Chúng ta được kêu gọi để nhận danh những nhu cầu của con người và của xã hội, và để giải đáp cho các nhu cầu này với tiềm năng của đức tin Cơ Đốc ... Nền thần học phục vụ Giáo Hội bằng cách luận giải các nhu cầu và thách thức của trần thế cho Giáo Hội và giáo hội luận giải Phúc Âm cho trần thế.”⁶ Vì vậy, tín hữu Giám Lý tin rằng “các thần học mang tính khám phá”, thần học đòi hỏi quyền bình đẳng cho phụ nữ, thần học phóng khoáng, thần học đòi hỏi quyền bình đẳng cho người Da Đen, thần học mang tính quy trình và các trường phái tư duy khác, đều có thể trợ giúp họ trong việc vươn đến và đụng chạm thế giới đương đại.

Một bộ các nguyên tắc xã hội của Giáo Hội Giám Lý Hiệp Nhất được thêm vào quyển *Kỷ Luật*. Các nguyên tắc này đã thiết lập một khuôn khổ thần học cho tư duy đạo lý Cơ Đốc trong bốn phạm trù: thế giới tự nhiên, cộng đồng thương cảm, xã hội và nền kinh tế.

Một phân đoạn cuối mang tựa đề “Thánh Chức Cho Mọi Cơ Đốc Nhân” kêu gọi “dân sự của Đức Chúa Trời” và giảng dạy rằng tất cả mọi Cơ Đốc Nhân đều là những tôi tớ của Ngài, phép báp-têm được xem như là sự đánh dấu của một người bước vào thánh chức của giáo hội, và “sự thôi thúc để phục vụ luôn luôn tác động một người vượt qua khỏi ranh giới của hội chúng để đến với cả cộng đồng của nhân loại.” Một sự tin tưởng vào chức vụ tại thế vẫn còn tồn tại Giáo Hội Giám Lý Hiệp Nhất như thời lập quốc và phát triển các biên thùy của Mỹ.

Bên trong khuôn khổ của mục vụ cho mọi Cơ Đốc Nhân này có hai thể loại tôi tớ hầu việc Chúa trọn thời gian: các chấp sự và trưởng lão.⁷



Các tín hữu Giám Lý Hiệp Nhất luôn luôn có thực hành bao hàm. Phụ nữ và các thiểu số chủng tộc hay dân tộc luôn luôn được đại diện trong các hội họp với công chúng của giáo hội.

Tín hữu Nazarene và tín hữu Giám Lý.

Chúng tôi có món nợ gì đối với Giáo Hội Giám Lý Hiệp Nhất? Thành thật mà nói chúng tôi mang nợ các anh em Giám Lý nhiều hơn bất cứ giáo hội hay hệ phái nào khác:

- Đại Hội Đồng Tổng Hội mỗi bốn năm của chúng tôi.
- Quyền *Cảm Nang* của chúng tôi được biên soạn theo khuôn mẫu của quyền *Kỷ Luật*.
- Hệ thống giáo hạt và quản nhiệm giáo hạt của chúng tôi.
- Hệ thống tổng quản nhiệm của chúng tôi.
- Nền thần học căn bản của chúng tôi.
- Các thực hiện tấn phong của chúng tôi.
- Phần lớn các vị sáng lập chính của chúng tôi.
- Tất cả các điểm đặc trưng của giáo hội như quyền sở hữu tài sản của hội thánh địa phương bởi giáo hạt.

Ông A.M. Hills, giáo sư thần học Nazarene thời khởi nguyên của giáo hội đã cho rằng “Giáo Hội Nazarene là nụ hoa đẹp nhất từng trở bông trong vườn hoa Giám Lý, cô con gái nhiều hứa hẹn nhất trong gia đình giáo phẩm của Giáo Hội Mẹ Giám Lý tràn đầy sự tăng trưởng đã từng ban tặng cho thế giới.”⁸ Vị tổng quản nhiệm E.F. Walker đã nhấn mạnh: “Cào nhẹ một tín hữu Nazarene thật sự thì anh chị sẽ đụng chạm ngay một người Giám Lý xác thật; đụng chạm làn da của một Giám Lý nguyên thủy, và anh chị đã thấy được một tín hữu Nazarene.”⁹ Các ông Hills và Walker trước đó đã từng là mục sư các giáo hội Trưởng Lão và Hội Chúng. Mặc dù với yếu tố này (hay có lẽ vì yếu tố đó) họ đã hiểu được bản sắc Giám Lý ẩn bên trong giáo hội mới của họ.

Luận án của ông Hills, phát hành vào dịp kỷ niệm 25 năm thành lập Giáo Hội Nazarene, đã nhắc đến sự kế thừa của truyền thống Giám Lý trong sáu lãnh vực trọng yếu: tư duy lãnh đạo tiên phong (ông nói đến các ông Asbury và Bresee), hệ thống chinh phục các linh hồn, sự dấn thân trong sứ mệnh truyền giáo, trình độ học giả về thần học, sự kế thừa về thuộc linh và kiến thức cho văn hóa Cơ Đốc.

Thế thì giữa hai giáo hội có những khác biệt nào không? Điều gì khiến cho Giáo Hội Nazarene riêng biệt và khác biệt? Thứ nhất, các tín hữu Nazarene rất riêng biệt về tính truyền giảng Phúc Âm hay truyền giáo và sống theo một truyền thống của thần học Wesley.

Giáo lý chính thức của Giám Lý Hiệp Nhất thể hiện thần học chính thống nhưng một số tín lý được chủ trương bởi các giáo sư thần học, mục sư và thành viên đa dạng hơn sự trình bày của quyền *Kỷ Luật*. Tín hữu Giám Lý Thống Nhất có tư duy rất phóng khoáng và mang tính đại đồng tôn giáo đến nỗi ở một số thời điểm và địa điểm họ đã trở nên phóng khoáng quá độ, và ở những thời điểm và địa điểm

khác họ lại rất bảo thủ.

Sự cho phép nhiều thể loại thần học khác nhau đã làm nản chí nhiều tín hữu theo thần học Wesley truyền thống bên trong Giáo Hội Giám Lý Hiệp Nhất. Tuy thế, các tín hữu Giám Lý Hiệp Nhất theo thần học Wesley truyền thống vẫn giữ một cách kiên định một truyền thống hợp doanh trại và vẫn hỗ trợ Trường Cao Đẳng Asbury [Asbury College], Chung Viện Thần Học Asbury [Asbury Theological Seminary] và Đại Học Taylor [Taylor University]. Ảnh hưởng của các tín hữu được cảm nhận trong sự Hợp Tác Cơ Đốc Thánh Khiết [Christian Holiness Partnership] và Đoàn Thể Thần Học Wesley [Wesleyan Theological Society]. Sự góp phần vào sự sinh động của truyền thống Wesley – Thánh Khiết rất đáng kể khi chúng ta có thể xem lại tầm quan trọng của Chung Viện Thần Học Asbury trong sự đào tạo nhiều mục sư hơn 3 chung viện Wesley – Thánh Khiết lớn nhất hợp lại. Tín hữu Giám Lý Hiệp Nhất thể hiện bản sắc Wesley – Thánh Khiết vẫn hiện hữu bên trong một giáo hội mang một tư duy thần học đa dạng. Ngược lại và đó là một sự tương phản, Giáo Hội Nazarene duy trì một sự tập trung về truyền thống Wesley.

Điều này dẫn đến một sự khác biệt chính yếu: các phụ giáo thành lập Giáo Hội Nazarene đã tạo ra một giáo hội thuộc về các tín hữu. Giáo hội này được thiết lập như khác biệt với hệ thống Giám Lý chính yếu mà họ tin rằng đã bị văn hóa Mỹ quyền rũ. Thí dụ, tín hữu Nazarene từ chối không theo các đoàn thể đòi hỏi các thành viên phải tuyên thệ giữ bí mật, và điều này thể hiện việc tín hữu Nazarene tin rằng các tín hữu Giám Lý thuộc về những nhóm như thế được cho phép những sự trung thành khác cạnh tranh với sự trung thành của họ với các anh em trong Đấng Christ. Sự đam mê của tín hữu Nazarene thời khởi nguyên để đem phúc âm đến cho người nghèo cũng thể hiện một sự thất vọng đối với một giáo hội họ tin đã bị quyền rũ bởi sự thịnh vượng của tầng lớp trung lưu.

Các phụ giáo đã thành lập ra Giáo Hội Nazarene cũng đã dám mang đến đặc tính cách mạng khi mở rộng mọi chức vụ trong giáo phẩm và chức vụ tại thế cho phụ nữ. Nữ tín hữu Giám Lý vẫn còn tranh đấu cho quyền bình đẳng trong chức vụ tại thế cũng như mọi quyền trong chức vụ giáo phẩm từ 50 năm qua. Nhưng các tín hữu Nazarene chỉ đơn thuần tiến tới và thực hiện được điều đó. Vấn đề tranh cãi quyền bình đẳng cho phụ nữ ngày nay không còn chia rẽ chúng tôi với anh em Giám Lý Hiệp Nhất nữa và họ đã có được một tỷ lệ nữ mục sư rất cao. Hơn nữa họ cũng có được nữ quản nhiệm giáo hạt và nữ giám mục.

Một điểm khác biệt khác là sự hiểu biết về cách một người có thể thật sự trở nên một Cơ Đốc Nhân.

Tín hữu Nazarene nhấn mạnh trên sự cải đạo Cơ Đốc của giới trẻ bên trong giáo hội cùng sự truyền giáo đến những người chưa tin. Tín hữu Giám Lý Hiệp Nhất ngược lại nhấn mạnh rất nhiều trên yếu tố dưỡng dục Cơ Đốc như là con đường chính yếu dẫn đến Đấng Christ. Sự kêu gọi từ bàn thờ hầu như không được biết đến trong các hội thánh Giám Lý Hiệp Nhất vùng đô thị lớn trong khi các mục sư

Nazarene thường xuyên cảm nhận nhu cầu truyền giảng để kêu gọi mọi người đi đến quyết định tiếp nhận Chúa Giê-su.

Và cũng có một sự khác biệt tương tự với vị trí căn bản về sự nên thánh. Nhiều tín hữu Giám Lý Hiệp Nhất xem rất nghiêm túc sự nên thánh, nhưng lại xem quan điểm thần học đặc biệt của ông John Wesley và khả năng của sự nên thánh trọn vẹn như một điều lạ thường, như các tín hữu Calvin thời ông Wesley. Ông Wesley đã nhấn mạnh về ba giai đoạn của sự nên thánh: sự nên thánh khởi Nguyên (sự tái thiết, sự tái sinh), sự nên thánh phát triển dần dần (trước và sau sự nên thánh trọn vẹn), và sự nên thánh trọn vẹn (khoảnh khắc tình yêu thương toàn vẹn trực xuất được khuynh hướng tội lỗi). Đa số các tín hữu Giám Lý Hiệp Nhất chỉ khẳng định sự nên thánh đơn thuần.

Truyền thống Giám Lý là một gia đình các giáo hội trên toàn thế giới và vẫn còn kết nối với chúng tôi bởi những liên kết lịch sử. Các giáo hội thành viên của Hội Đồng Giám Lý Thế Giới [World Methodist Council] gồm có Giáo Hội Giám Lý Hiệp Nhất, Thánh Công Hội Giám Lý Châu Phi, Thánh Công Hội Giám Lý Châu Phi Xi-ôn và Thánh Công Hội Giám Lý Cơ Đốc. Giáo Hội Giám Lý Độc Lập và Giáo Hội Wesley, hai giáo hội trên thế giới gần nhất với giáo hội chúng tôi cũng thuộc về hội đồng này. Quyển sách cầm tay của Hội Đồng Giám Lý Thế Giới chứa đựng thông tin về Giáo Hội Nazarene và một số giáo hội khác không là thành viên “với một truyền thống và sự nổi bật về đặc tính Giám Lý riêng biệt.” Quyển sách này cũng có các thống kê của chúng tôi trong những nghiên cứu của họ, cho thấy tầm ảnh hưởng và xâm nhập của truyền thống Giám Lý theo từng quốc gia. Truyền thống Giám Lý không hoàn toàn là bản sắc của chúng tôi nhưng đa số các khía cạnh của bản sắc này là Giám Lý. Câu chuyện của truyền thống Giám Lý qua những năm 1890 với những thời điểm thăm kịch và ân điển cũng là câu chuyện của chúng tôi. Và những trang lịch sử mà chúng tôi và con cháu chúng tôi viết lên cũng sẽ là sau này ký sự của những người thừa kế ông Wesley.



TÓM LƯỢC

CÁC GIÁO HỘI CHỊ EM VỚI CHÚNG TA: CÁC HỘI THÁNH THÁNH KHIẾT

Bối Cảnh Lịch Sử

Phong trào thánh khiết của thế kỷ thứ 19 đã lan rộng khắp Hoa Kỳ và đã cho ra đời một số các giáo hội mới với sứ mệnh loan truyền phúc âm của sự nên thánh trọn vẹn. Phần lớn các giáo hội này đã trở dậy với nguồn gốc Wesley, trong đó có Giáo Hội Giám Lý Wesley [Wesleyan Methodist Church], Giáo Hội Người Hành Hương Thánh Khiết [Pilgrim Holiness Church], Giáo Hội Giám Lý Độc Lập [Free Methodist Church], Hội Thánh Đấng Christ (Thánh Khiết) [Church of Christ (Holiness)], và đương nhiên Giáo Hội Nazarene [the Church of the Nazarene].

Hội Thánh Đức Chúa Trời (Anderson) [the Church of God (Anderson)] và Hội Thánh Đức Chúa Trời (Thánh Khiết) [the Church of God (Holiness)], đều chia sẻ di sản của nền thần học Wesley nhưng đã hòa lẫn với giáo lý cực đoan của họ. Các Bằng Hữu Truyền Giáo [the Evangelical Friends] đã kết hợp giáo lý Wesley với di sản truyền thống Các Anh Em (Quakers). Quân Đoàn Cứu Rỗi [Salvation Army] đã ra đời tại Anh Quốc và từ đó đã phát triển sang Hoa Kỳ với thông điệp của sự cải đạo, sự nên thánh trọn vẹn, và sự thương cảm đối với người nghèo.

Niềm Tin Cốt Lõi và Các Khác Biệt Trong Gia Đình.

Các tín lý căn bản của các giáo hội được nghiên cứu trong chương này bao gồm các giáo lý truyền thống về Ba Ngôi Hiệp Một, sự thần cảm của Kinh Thánh, và sự cứu rỗi bởi ân điển qua đức tin nơi Chúa Giê-su Christ. Phần lớn các tín hữu là những người theo tư duy của Arminius trong lãnh vực thần học và theo truyền thống Wesley liên quan đến các giáo lý. Tất cả đều thiết lập nền tảng trên giáo lý chủ yếu của sự nên thánh.

Các “khác biệt trong gia đình” bao gồm sự phủ nhận các thánh lễ của Quân Đoàn Cứu Rỗi và Các Bằng Hữu Truyền Giáo, sự không đồng ý của Hội Thánh Đức Chúa Trời (Anderson), với hệ thống thể chế giáo hội và các tín điều, cũng như những giảng dạy của Liên Hiệp Cơ Đốc Truyền Giáo [Christian and Missionary Alliance] về sự nên thánh theo thần học hệ Keswick và lập trường Calvin ôn hòa.

Các Giáo Hội Wesley - Thánh Khiết Ngày Nay

Các giáo hội được nghiên cứu trong chương này đã báo cáo số lượng các thành viên vào khoảng 4 triệu người. Cộng thêm 1,2 triệu tín hữu Nazarene và các thành viên của một số giáo hội theo truyền thống Wesley – Thánh Khiết không được nói đến trong chương này, và anh chị đã có một lực lượng đáng kể của các Cơ Đốc Nhân cùng một chí hướng.



Giáo Hội Wesley và Giáo Hội Nazarene là các nhóm chủ yếu đã gom lại các mảnh của thế giới Wesley - Thánh Khiết rời rạc của thế kỷ thứ 20.

CHƯƠNG 5

CÁC GIÁO HỘI CHỊ EM VỚI CHÚNG TÔI: CÁC HỘI THÁNH THÁNH KHIẾT

MỘT SỐ LỚN các giáo hội Thánh Khiết ở Bắc Mỹ có thể được xếp vào bốn (4) nhóm. Các giáo hội gần nhất với Giáo Hội Nazarene cùng chia sẻ với chúng tôi nguồn gốc Giám Lý và nền thần học Truyền Giáo Wesley - Thánh Khiết. Các giáo hội chính là Giáo Hội Wesley, Giáo Hội Giám Lý Độc Lập, Quân Đoàn Cứu Rỗi và Hội Thánh Đức Chúa Trời (Anderson, Indiana). Hội Thánh Đức Chúa Trời (Thánh Khiết), Hội Thánh Đấng Christ (Thánh Khiết), và Thánh Kinh Hội Sứ Mệnh Truyền Giáo [Bible Missionary Church] là các giáo hội nhỏ hơn nhưng cũng đáng để chúng ta quan tâm.

Một nhóm khác gồm có các giáo hội không có những nguồn gốc Giám Lý. Được ảnh hưởng bởi phong trào phục hưng Thánh Khiết, họ đã liên kết giáo lý thánh khiết Wesley với giáo lý của họ cũng như tinh thần phục hưng Giám Lý với sự thực hành của họ. Các giáo hội chính yếu thuộc về nhóm này là Các Anh Em trong Đấng Christ [Brethren in Christ] và Các Bằng Hữu Truyền Giảng Phúc Âm Quốc Tế [Evangelical Friends International].

Một nhóm thứ ba gồm có các giáo hội giảng dạy về sự nên thánh trọn vẹn như là công việc thứ hai của ân điển và cũng đón nhận khuynh hướng Ngũ Tuần của thế kỷ thứ 20. Các giáo hội này sẽ được thảo luận trong một chương về sau.

Nhóm thứ tư chỉ có một giáo hội tiêu biểu, Liên Hiệp Cơ Đốc Truyền Giáo, với sự giảng dạy về công việc thứ hai của ân điển nhưng không theo quan điểm của truyền thống Wesley – Thánh Khiết. Giáo hội này tiêu biểu cho truyền thống Keswick – Thánh Khiết. Tuy nhiên, giáo hội này cũng rất gần với các giáo hội theo truyền thống Wesley – Thánh Khiết.

Các Quan Hệ Bên Trong Truyền Thống Wesley – Thánh Khiết.

Các giáo hội theo truyền thống Wesley – Thánh Khiết tương tác với nhau qua hai thông công chính. Hiệp Hội Hợp Tác Cơ Đốc Thánh Khiết [Christian Holiness Partnership] khởi đầu năm 1867 như là Hiệp Hội Hợp Trại Quốc Gia cho sự Phát Huy Thánh Khiết [National Camp Meeting Association for the Promotion of Holiness], được biết đến nhiều hơn với tên Hiệp Hội Thánh Khiết Quốc Gia [National Holiness Association] và sau này trở thành Hiệp Hội Cơ Đốc Thánh Khiết Quốc



Gia [Christian Holiness Association].

Hiệp hội Thánh Khiết lâu đời nhất thế giới, hiệp hội này đã một thời cảm hứng rất nhiều tổ chức ở tầng cấp tiểu bang, giáo hạt, hay địa phương. Lúc đầu những người Giám Lý kiểm soát chặt chẽ hiệp hội này, nhưng ngày nay các thành viên bao gồm các nhóm hay giáo hội theo truyền thống Wesley - Thánh Khiết, nhiều hội thánh nhỏ hơn, và nhiều hội thánh truyền giáo Giám Lý Thống Nhất. Các lãnh đạo đầu tiên của Giáo Hội Nazarene như các ông Phineas Bresee và C.W. Ruth đã phục vụ ở những chức vụ trọng yếu trong Hiệp Hội Cơ Đốc Thánh Khiết Quốc Gia. Một trong những chi nhánh chủ yếu của hiệp hội này là Hội Đoàn Thần Học Wesley [Wesleyan Theological Society] được thành lập năm 1965. Hội Đồng Nữ Giáo Phẩm Wesley-Thánh Khiết [the International Wesleyan-Holiness Women Clergy Conference] được tổ chức mỗi hai năm, được kết hợp với Hiệp Hội Cơ Đốc Thánh Khiết. Hội Đồng Liên Hội Thánh Khiết [the Interchurch Holiness Convention] được thành lập trong thập niên 1950 để phục vụ cho Phong Trào Thánh Khiết Bắc Mỹ bảo thủ. Các nhóm liên hệ nêu trên kết ước với các mẫu mực của sự phục hưng đã phát triển rất mạnh trong Phong Trào Thánh Khiết của đầu thế kỷ 20 và mang theo một văn hóa mang tính truyền thống.

Giáo Hội Wesley [the Wesleyan Church]

Giáo Hội Wesley trân trọng cất giữ một sự mâu thuẫn thiêng liêng. Đó là một giáo hội cổ xưa nhất mà cũng là giáo hội trẻ tuổi nhất trong các giáo hội chính của truyền thống Wesley - Thánh Khiết. Giáo hội này ra đời với sự kết hợp vào năm 1968 giữa giáo hội Giám Lý Wesley [Wesleyan Methodist] và Giáo Hội Thánh Khiết Người Hành Hương [Pilgrim Holiness Church]. Dĩ nhiên là mỗi thể chế giáo hội đã sinh ra Giáo Hội Wesley đã sẵn có một lịch sử cổ xưa hơn nữa.

Hiệp Hội Liên Kết Wesley - Giám Lý [Wesleyan Methodist Connection] khởi đầu vào năm 1843 khi các ông Orange Scott, Luther Lee, và những người chống đối lại thể chế sử dụng người nô lệ đã tự nguyện rút ra khỏi Thánh Công Hội Giám Lý [Methodist Episcopal Church] vì sự tranh cãi dữ dội giữa các giám mục về vấn đề hủy bỏ thể chế sử dụng người nô lệ. Các tín hữu Wesley - Giám Lý chủ trương hai nguyên tắc trọng yếu: hủy bỏ thể chế sử dụng người nô lệ và một giáo hội không có giám mục. Nhiều tín hữu Wesley - Giám Lý cũng dần thân với sự đấu tranh cho quyền bình đẳng phụ nữ.

Ông Orange Scott sau đó qua đời. Sau Nội Chiến Mỹ, ông Lee và các phụ giáo thành lập giáo hội còn sống sót đã quay trở về Thánh Công Hội Giám Lý, giáo hội đã xây dựng một chương trình quan trọng để giáo huấn và hỗ trợ những người nô lệ mới được giải phóng. Tuy vậy, ông Adam Crooks vẫn duy trì lập trường chống lại phong trào hiệp nhất này. Vào những năm 1870, ông đã giúp các tín hữu Wesley - Giám Lý còn lại tìm được một ý nghĩa và chủ đích để dẫn dắt họ đến sự tự nhận dạng và gắn gũi hơn với phong trào phục hưng Thánh Khiết.



Giáo Hội Thánh Khiết Người Hành Hương [the Pilgrim Holiness Church] là một trong các giáo hội trỗi dậy từ phong trào phục hưng thánh khiết này. Giáo hội này khởi đầu như là Liên Đoàn Thánh Khiết Quốc Tế [International Holiness Union] và Liên Đoàn Cho Sự Cầu Nguyện [Prayer League], một sự thông công được thành lập vào năm 1897 bởi các ông Martin Wells Knapp (Giám Lý), Seth Rees (Quaker) và C.W. Ruth (Giáo Hội Cơ Đốc Thánh Khiết). Ông Knapps qua đời vào năm 1901 và ông C.W. Ruth đã gia nhập Giáo Hội Nazarene. Ông Rees đã tự rút ra khỏi sự thông công vào năm 1905 vì một sự tranh chấp với bà Knapp. Ông George Culp một người theo khuynh hướng chính thống đã trở nên lãnh đạo chính yếu của nhóm này dần dần tiến triển để thành một giáo hội được biết đến vào năm 1913 như là Giáo Hội Thánh Khiết Quốc Tế Truyền Thống Các Sứ Đồ [IAHC – International Apostolic Holiness Church]

Như Giáo Hội Nazarene, Giáo Hội Thánh Khiết Quốc Tế Truyền Thống Các Sứ Đồ đã gom lại nhiều công việc truyền giáo độc lập nhỏ. Một số có liên kết với Giáo Hội Nazarene như Giáo Hội Cơ Đốc Thánh Khiết [Holiness Church Christian] và Giáo Hội Sứ Mệnh Truyền Giáo Nhân Dân [People's Mission Church] ở tiểu bang Colorado.

Sự kết nối đáng nhớ nhất là ông Seth Rees. Chức vụ ngăn ngừa của ông với các tín hữu Nazarene ở vùng Nam tiểu bang California đã đem đến một quan hệ đầy sóng gió với nhiều người trong giới thân quyến của ông Bresee. Vào năm 1917, hội chúng rộng lớn ở thành phố Pasadena bị vị tổng quản nhiệm giáo hạt phá hủy tổ chức để cố gắng “giải cứu” giáo hạt. Ông Rees và nhiều tín hữu Nazarene hậu thuẫn ông không chống án quyết định này ở Tổng Hội Đồng. Ngược lại, ông đã thành lập Giáo Hội Người Hành Hương với 400 cựu tín hữu Nazarene. Vào năm 1922 Giáo Hội Người Hành Hương đã kết hợp với Giáo Hội Thánh Khiết Quốc Tế Truyền Thống Các Sứ Đồ, cộng với 457 thành viên của ông Rees với số lượng thành viên giáo hội khoảng 13.000 người. Điều này đã đem ông Rees trở về với sự thông công ông đã thành lập một phần thế kỷ trước đó. Danh xưng giáo hội Giáo Hội Người Hành Hương đã được lựa chọn vào thời điểm đó, và sau này ông Rees đã giữ chức vụ tổng quản nhiệm của giáo hội này.

Sự sát nhập của giáo hội Giám Lý Wesley / Giáo Hội Người Hành Hương vào năm 1968 là một sự củng cố vững chắc hơn nữa. Giáo Hội Wesley và Giáo Hội Nazarene luôn là các nhóm chính gom lại những mảnh của thế giới Wesley – Thánh Khiết của thế kỷ thứ 20. Các cơ cấu giáo dục của Giáo Hội Wesley gồm có Đại Học Houghton, được đặt tại thành phố Houghton của tiểu bang New York, và Đại Học Wesley của tiểu bang Indiana, được đặt tại thành phố Marion. Giáo Hội có 171.000 thành viên ở Bắc Mỹ và tổng số 300.000 thành viên²

Giáo Hội Giám Lý Độc Lập Bắc Mỹ [the Free Methodist Church of North America]

Ông Benjamin Titus Roberts đã thành lập Giáo Hội Giám Lý Độc Lập [Free Methodist

Church] vào năm 1860. Là một mục sư Giám Lý ở miền tây tiểu bang New York, ông Roberts đã kết ước với giáo lý của sự toàn vẹn Cơ Đốc. Ông là tiếng nói thật tích cực chống lại sự phóng thoán trong giáo lý càng ngày càng gia tăng, chế độ sử dụng người nô lệ và sự phát triển của Hội Tam Điểm [Freemasonry] ở giữa các tín hữu và ngay cả trong hàng giáo phẩm. Nhưng điều ông quan tâm nhất là làm sao đem người nghèo vào trong đời sống của giáo hội. Ông lên tiếng phản đối việc cho mượn chỗ ngồi trong hội thánh, một phương pháp thông thường thời đó để kêu gọi sự đóng góp tiền bạc tại các hội thánh địa phương, cho người giàu có sự ưu đãi và phân biệt đối với người nghèo. Ông Roberts cố gắng thuyết phục một trong các hội chúng của ông trở thành một “hội thánh độc lập.” Khi điều đó thất bại, ông cố gắng có được sự hậu thuẫn của họ để xây dựng một hội thánh như thế ở một địa điểm khác trong thành phố.

Ông Roberts đã thiết lập được hai “hội thánh độc lập” tại thành phố Buffalo. Nhiều tín hữu Giám Lý đã thiết lập nhiều “hội thánh độc lập” ở vùng miền Trung Viễn Tây. Vào năm 1860, họ đã liên kết với nhau để thành lập Giáo Hội Giám Lý Độc Lập. Ông Roberts đã được bầu với chức vụ tổng quản nhiệm đầu tiên của giáo hội này.

Ông Roberts luôn luôn chủ trương việc phong chức nữ mục sư và nữ giáo chức cũng như đứng về phía người lao động trong những xung đột với giới tư bản công nghiệp. Sự làm chứng cương quyết của ông cho sự nên thánh trọn vẹn không là một ngẫu nhiên nhưng đều có liên quan đến các quan điểm về xã hội của ông. Ông tin tưởng rằng tình yêu thương toàn vẹn đều có những kích cỡ cá nhân và xã hội và phúc âm cần được truyền giảng một cách đặc biệt cho người nghèo.

Sau khi ông Roberts qua đời, chức vụ “tổng quản nhiệm” được thay thế bởi chức vụ “giám mục”. Như Giáo Hội Giám Lý Wesley, giáo hội Giám Lý Độc Lập được tập trung ở vùng Đông Bắc và miền cao của Tây Trung bộ Hoa Kỳ. Các tín hữu Giám Lý Độc Lập quản nhiệm nhiều cơ sở trường học trong đó có Đại Học Thái Bình Dương Seattle [Seattle Pacific University]. Giáo hội này có một số thành viên bao quát trên 80.000 người tại Hoa Kỳ và Canada.³

Binh Đoàn Cứu Rỗi

Binh Đoàn Cứu Rỗi [the Salvation Army] khởi đầu vào năm 1865 tại những khu ổ chuột của thủ đô Luân-đôn. Lúc ban đầu được gọi là Sứ Mệnh Truyền Giáo Cơ Đốc [Christian Mission], giáo hội này tập trung vào sự cải đạo của những người tội lỗi và sự nên thánh trọn vẹn của các tín hữu. Nhiều khía cạnh được xem như là không cần thiết cho hai chủ đích này đã được loại bỏ, như các thánh lễ. Hai người thành lập ra giáo hội, ông bà William và Catherine Booth, đã tái cấu trúc lại tổ chức vào năm 1878 như là Quân Đoàn Cứu Rỗi và đem hệ thống quân đội cho giáo hội này.

Các mục sư và chấp sự mang quân hàm như là “sĩ quan” thay vì được phong chức theo hệ thống giáo hội. Tín hữu được gọi là “chiến sĩ”. Sự kết ước của họ với thánh chức cho người nghèo đã đem đến

một chức vụ xã hội càng ngày càng vững mạnh, bổ sung với thánh chức truyền giảng phúc âm.

Ông George Railton đã đem phong trào này đến Hoa Kỳ vào năm 1890. Các đội ngũ (hội thánh) được thiết lập tại các thành phố New York, Saint Louis và những vùng đô thị khác. 3 trong số những người con của ông bà Booth đã dẫn dắt và lãnh đạo công việc truyền giáo ở Mỹ, trong đó có cô Evangeline Booth. Cô đã lãnh đạo công việc tại Canada (1896-1904) và tại Hoa Kỳ (1904-34) trước khi trở thành “đại tướng” thứ tư của Quân Đoàn Cứu Rỗi và dẫn dắt phong trào ở cấp bậc toàn cầu (1934-39). Giáo hội Quân Đoàn Cứu Rỗi có gần đến 171.000 thành viên trọn thời gian tại Hoa Kỳ và Canada. Hệ thống thành viên tại Bắc Mỹ còn bao gồm trẻ em và những thành viên cộng sự) và lên đến gần 550.000 người.

Hội Thánh Đức Chúa Trời (Anderson, Indiana) [Church of God (Anderson, Indiana)]

Một giáo hội đầu tiên của phong trào Thánh Khiết cũng là bà con họ hàng xa với giáo hội Giám Lý. Phong trào Cải Chính Giáo của Hội Thánh Đức Chúa Trời khởi nguồn với thánh chức của ông Daniel Sidney Warner. Ông chống lại mọi hệ phái hay thể chế giáo hội mà ông xem là xấu xa. Ông xem sự nên thánh trọn vẹn như là nguồn lực thuộc linh và sự hiệp nhất để Cơ Đốc Giáo phi hệ phái, phi giáo phái, hay phi giáo hội trở nên một thực tế đặc thắng. Vào năm 1881 ông đã thành lập tuần báo *Kèn của Phúc Âm* [the Gospel Trumpet] để quảng bá các quan điểm của ông về sự tái thiết “Cơ Đốc Giáo chân chính”. Phong trào Cải Chính Giáo của Hội Thánh Đức Chúa Trời đã được quảng bá bởi những nhóm nhỏ nhân sự truyền giảng phúc âm lưu hành đi truyền giáo ở từng gốc đường phố, ở những khu vực nghèo, ổ chuột và tổ chức những hội họp phục hưng.

Sau khi ông Warner qua đời, các lãnh đạo của Hội Thánh Đức Chúa Trời đã không duy trì chủ trương của ông về phong trào như là “Giáo Hội chân chính duy nhất” và đã bắt đầu hợp tác với các giáo hội Thánh Khiết khác. Ngày nay Hội Thánh Đức Chúa Trời hoạt động tích cực với sự Hợp Tác Cơ Đốc Thánh Khiết [Christian Holiness Partnership] và Hiệp Hội Những Người Truyền Giảng Phúc Âm Quốc Gia [National Association of Evangelicals]. Giáo hội này vẫn giữ thể chế hội chúng và không có hệ thống giáo điều chính thức. Doanh trại hàng năm hội họp tại thành phố Anderson, tiểu bang Indiana, thu hút khoảng 20000 người và cũng là đại hội của giáo hội.

Trụ sở và các ban ngành của giáo hội cũng được đặt tại thành phố Anderson cùng với một trường đại học (Đại Học Anderson) và một chủng viện (Trường Thần Học Anderson [Anderson School of Theology]).

Chương trình phát thanh “Giờ của Các Anh Em Cơ Đốc” [Christian Brotherhood Hour] đã đem thông điệp của giáo hội đến toàn thế giới. Vị truyền giảng lừng danh và giáo sư về tin chứng học James Earl Massey là một mục sư của giáo hội này. Thành viên ở Bắc Mỹ của giáo hội là 228.000 người và lên đến nửa triệu người với số thành viên toàn cầu.

Hội Thánh Đức Chúa Trời (Thánh Khiết) [Church of God (Holiness)]

Một số tín hữu khác đã đi theo một số người của hội thánh Anderson để đến con đường ly giáo và tạo thành hệ phái cách biệt, trong đó có Hội Thánh Đức Chúa Trời (Thánh Khiết), ra đời từ Hiệp Hội Thánh Khiết Tây Nam [Southwestern Holiness Association], tập trung ở các tiểu bang Missouri và Kansas. Vào năm 1882, hiệp hội này đã bị vây lấy bởi cơn sốt chống đối kịch liệt hệ thống giáo phái. Vào năm 1883, dưới ảnh hưởng của ông A. M. Kiergan, một hội chúng được tổ chức tại Centralia, tiểu bang Missouri. Thông điệp của ông Kiergan về sự tái thiết của “phúc âm chân chính” (sự thánh khiết) và “giáo thể chân chính” (hệ thống hội chúng cực đoan) đã đem đến nguồn cảm hứng cho sự trỗi dậy của các Hội Thánh Đức Chúa Trời khác trong vùng đó. Ông John P. Brooks của tiểu bang Illinois đã gia nhập Hội Thánh Đức Chúa Trời (Thánh Khiết) vào năm 1886 và 6 năm sau đã thiết lập một hệ thống luận giải với đầy đủ chi tiết cho sự kết hợp giữa sự “thánh khiết chân chính” và hệ thống hội chúng trong quyển sách của ông, *Hội Thánh Thiên Thượng* [The Divine Church]. Ngày nay, Hội Thánh Đức Chúa Trời (Thánh Khiết) vẫn duy trì sự nhấn mạnh của các giáo phụ đã thành lập ra giáo hội và xem giáo thể hội chúng như đến từ chính Kinh Thánh. Trụ sở của giáo hội được đặt tại thành phố Overland Park, tiểu bang Kansas. Tổng số các thành viên được ước lượng dưới 4.000 người.

Hội Thánh Đấng Christ (Thánh Khiết) - Hoa Kỳ [Church of Christ (Holiness) U.S.A.]

Các ông Charles Price Jones và C.H. Mason là những người Mỹ Da Đen miền Nam đã bị giới Báp-tít khai trừ vào cuối thập niên 1890 vì đã truyền giảng giáo lý Wesley. Ông Jones đã lãnh đạo các Hội Thánh Đức Chúa Trời Trong Đấng Christ [Churches of God in Christ] nhưng sự chia rẽ đã bắt đầu khi nhóm theo ông Mason chấp nhận thực hành nói tiếng lạ của khuynh hướng Ngũ Tuần vào năm 1907. Ông Mason và những môn đồ theo khuynh hướng Ngũ Tuần của ông đã bị khai trừ. Ông Jones đã tổ chức lại công việc của giáo hội dưới tên “Hội Thánh Đấng Christ (Thánh Khiết). Ông Jones là một người có ân tứ sáng tác nhạc thánh ca trong đó có bài “Sâu Nhiệm Hơn, Sâu Nhiệm Hơn” [Deeper, Deeper] và “Tôi Sẽ Không Bị Chối Bỏ” [I Would Not Be Denied]. Thành phố Jackson, tiểu bang Mississippi là trụ sở trung ương của giáo hội, với một trường Cao Đẳng của giáo hội. Báo cáo của giáo hội cho biết tổng số thành viên trên 9.000 người vào năm 1965.⁷

Thánh Kinh Hội Sứ Mệnh Truyền Giáo [Bible Missionary Church]

Thánh Kinh Hội Sứ Mệnh Truyền Giáo được tổ chức bởi những tín hữu bảo thủ đã rời bỏ Giáo Hội Nazarene vào giữa thập niên 1950 với sự tin tưởng rằng Giáo Hội Nazarene đã nghiêng quá nhiều về trần thế. Ý thức rằng Đại Hội Đồng năm 1956 của Giáo Hội Nazarene sẽ không cấm việc xem truyền hình là một trong các yếu tố khiến cho việc rời bỏ giáo hội này trở nên nhanh chóng hơn. Các thành viên đầu tiên của Thánh Kinh Hội Sứ Mệnh Truyền Giáo không chỉ đến từ Giáo Hội Nazarene mà còn đến



từ các giáo hội lớn khác của phong trào Thánh Khiết. Ông Glenn Griffith, một cựu tổng quản nhiệm giáo hạt của Giáo Hội Nazarene đã từng là một trong những lãnh đạo đầu tiên của Thánh Kinh Hội Sứ Mệnh Truyền Giáo nhưng sau đó đã rời bỏ giáo hội này vì vấn đề giáo hội cho phép những tín hữu đã ly dị gia nhập để trở nên thành viên giáo hội, một lập trường mà ông phủ nhận.

Giáo hội quản nhiệm Chung Viện Thánh Kinh Sứ Mệnh Truyền Giáo [Bible Missionary Institute] tại thành phố Rock Island, tiểu bang Illinois và phát hành tuần báo Sứ Mệnh Truyền Giáo Phục Hưng [the Missionary Revivalist]. Giáo hội này không chấp nhận đa số các bản phiên dịch thể kỷ thứ 20 của Kinh Thánh và là nhà vô địch trong việc sử dụng phiên bản King James.

Các Anh Em Trong Đấng Christ [Brethren in Christ]

Vào cuối thập niên 1700, Các Anh Em của Dòng Sông [the River Brethren] trôi dạt từ một loạt các làn sóng của phong trào phục hưng đã xảy ra trong các cộng đồng người Mỹ gốc Đức ở vùng Pennsylvania. Như các tín hữu Mê-nô-nít và các Anh Em Báp-tít Đức, họ sống theo lý tưởng của giáo hội thuộc về các tín hữu và chủ trương hòa bình Cơ Đốc. Nhưng họ không đồng ý với các tín hữu Mê-nô-nít về ý nghĩa của thánh lễ báp-têm trong đời sống Cơ Đốc Nhân. Vì thế mà họ đã chọn một đường hướng độc lập. Danh xưng Các Anh Em Trong Đấng Christ được chọn lựa vào giữa thế kỷ thứ 19.

Giáo Hội Các Anh Em Trong Đấng Christ giữ quan hệ với cả hai truyền thống Tái báp-têm [Anabaptist] và Wesley. Giáo hội này cũng tham gia và Sự Thông Công Mê-nô-nít Thế Giới [Mennonite World Fellowship] và các thánh chức thương cảm của Hội Đồng Trung Ương Mê-nô-nít [Mennonite Central Committee] nhưng cũng thuộc về Sự Hợp Tác Cơ Đốc Thánh Khiết [Christian Holiness Partnership]. Trường Cao Đẳng Đấng Mê-si [Messiah College] tại thành phố Grantham, tiểu bang Pennsylvania là cơ chế giáo dục chính yếu của giáo hội.

Các Bằng Hữu Truyền Giảng Phúc Âm [Evangelical Friends]

Các Bằng Hữu Truyền Giảng Phúc Âm Quốc Tế [Evangelical Friends International] là một thông công của Các Hội Hợp Thường Niên của giáo hội Quaker (các tổ chức ở cấp tiểu bang) theo quan điểm Wesley về sự nên thánh trọn vẹn. Các Bằng Hữu Truyền Giảng Phúc Âm cấu tạo thành một trong bốn nhánh chính yếu bên trong cộng đồng Quaker Mỹ và sẽ được thảo luận trong một chương khác. Các Hội Hợp Thường Niên của tiểu bang Ohio, Kansas và vùng Tây Bắc là các thể chế giáo hội hợp thành Các Bằng Hữu Truyền Giảng Phúc Âm.

Đại Học George Fox [George Fox University] ở tiểu bang Oregon và Đại Học Các Bằng Hữu [Friends University] là những trường có liên hệ ở một góc độ nào đó với Phong Trào Thánh Khiết.

Liên Hiệp Cơ Đốc Truyền Giáo [Christian and Missionary Alliance]



Một số nhà truyền giáo phục hưng của phong trào Thánh Khiết Mỹ đã truyền giảng ở Anh Quốc vào trung tuần thế kỷ thứ 19. Kết quả là một hội nghị thường niên được tổ chức tại Keswick, Anh Quốc để duy trì thông điệp về công việc thứ hai và sâu nhiệm hơn của ân điển thiên thượng đến tiếp theo sau sự cải đạo.

Nhưng quan điểm về sự thánh khiết của hội nghị Keswick lại khác ở nhiều góc độ so với sự truyền giảng theo quan niệm thần học Wesley – Thánh Khiết đã giúp cho hội nghị thành hình và phát triển. Hội nghị Keswick [Keswick Convention] nhấn mạnh trên phép Báp-têm của Đức Thánh Linh như một kinh nghiệm đầy quyền năng cho đời sống và chức vụ Cơ Đốc nhưng phủ nhận quan niệm thần học Wesley nhấn mạnh trên sự nên thánh trọn vẹn biểu tượng cho sự thanh tẩy của nguyên tội. Các tín hữu Keswick giảng dạy rằng phép Báp-têm của Đức Thánh Linh sẽ hủy bỏ tội lỗi nhưng không thanh tẩy tội lỗi trong tâm lòng. Lý luận thần học này trở nên một thể loại thánh khiết cho những tín hữu theo khuynh hướng Calvin ôn hòa. Các truyền giáo phục hưng cộng sự với ông D. L. Moody đã đem nền thần học Keswick từ Anh Quốc sang Hoa Kỳ vào cuối thế kỷ thứ 19.

Liên Hiệp Cơ Đốc Truyền Giáo là giáo hội duy nhất hiện tại còn duy trì sự giảng dạy theo thần học Keswick. Giáo hội này được ông A.B. Simpson, một tín hữu Trưởng Lão thành lập vào năm 1897. Ông Simpson đã truyền giảng một phúc âm của Chúa Giê-su gồm 4 phần, “Đấng Cứu Thế, Đấng Thánh Hóa, Đấng Chữa Lành và Vị Vua Sắp Đến.” Công thức này trở thành một trọng tâm thần học tập trung vào sự cải đạo, sự nên thánh, sự chử lành thiên thượng và sự tái lâm của Đấng Christ trước thiên niên kỷ. Liên Hiệp Cơ Đốc Truyền Giáo – hay còn được gọi là C.M.A. có gần 187.000 thành viên tuổi trưởng thành ở Bắc Mỹ và gần 390.000 thành viên bao quát (trẻ em và thành viên cộng sự). Con số thành viên trên khắp thế giới lên đến trên 2 triệu người.

Một Truyền Thống Thích Hợp Cho Thế Giới Hiện Đại

Vai trò gì truyền thống Wesley – Thánh Khiết có được trong thế giới hiện đại? Truyền thống này có đủ tài nguyên và tiềm năng để giải đáp các nhu cầu của nhân loại hay đó chỉ là một nhóm khép kín của những người tin kính lạc quan ngồi ở một góc, nắm tay nhau và ca hát bài “Ánh Nắng Thiên Thượng” [Heavenly Sunshine] ?

Anh em theo truyền thống Thánh Khiết thật ra là những người có lòng tin kính đầy sự lạc quan, phấn khởi nhưng không phải là những người thiếu sự thích hợp.

Sử gia đào tạo quá cố của trường Harvard (và cũng là một mục sư Nazarene) Timothy L. Smith đã làm cho mọi người chú tâm đến các khía cạnh xã hội tích cực của sự phục hưng theo hướng cầu toàn trong sự nghiên cứu kinh điển về tôn giáo vào giữa thế kỷ thứ 19, *Truyền Thống Phục Hưng và Cải Cách Xã Hội* [Revivalism and Social Reform] (1955). Ông chứng tỏ rằng các Cơ Đốc Nhân theo lý tưởng phục hưng cầu toàn đã giữ những vai trò trọng yếu trong chủ trương chống lại chế độ sử dụng

người nô lệ. Họ cũng đã tự nhận dạng với những vấn đề đáng quan tâm của người nghèo cũng như nâng cao vị trí của phụ nữ trong sự bình đẳng với nam giới. Sự nghiên cứu tiên phong mang tính chất lịch sử của ông cũng đi đôi với những lời yêu cầu thiết tha cho sự thương cảm của ông Carl F.H. Henry trong quyển sách *Lương Tâm Không Dễ Nghe Theo của Chính Thống Giáo Hiện Đại* [*Uneasy Conscience of Modern Fundamentalism*] (1947) và của ông David O. Moberg trong quyển *Sự Thay Đổi Vĩ Đại* [*Great Reversal*] (1972). Cả 3 tác phẩm cùng với nhau đã giữ một vai trò trọng yếu trong sự phục hưng của sự Truyền Giảng Phúc Âm mang tính chất trách nhiệm xã hội của thời hậu Đế Nhị Thế Chiến. Sự ra đời lần thứ hai của Các Mục Vụ Thương Xót của Giáo Hội Nazarene [Nazarene Compassionate Ministries] của thập niên 1980 là một trong những kết quả thật phước hạnh khi các anh em Nazarene cũng như Wesley khác đã tái thiết sự giao ước với các nguyên tắc thời khởi nguyên của họ.

Một số các tác giả cũng đã có được sự cảm hứng từ truyền thống này trong đó có Howard Snyder, tác giả của các quyển sách *Vấn Đề Của Các Da Rượu* [*The Problem of Wine Skins*], *Wesley Cấp Tiên* [*The Radical Wesley*], *Cộng Đồng Của Vị Vua* [*The Community of the King*] *Giải Phóng Giáo Hội* [*Liberating the Church*] cũng như nhiều tác phẩm khác. Các tác phẩm của ông Snyder thường nói đến các vấn đề tranh luận trong Giáo Hội và luôn luôn được một giới độc giả rộng lớn chú ý. Nhưng ông cũng viết từ một viễn cảnh uốn nắn từ những tài nguyên thuộc linh và đạo lý đến từ chính Giáo Hội Giám Lý Độc Lập của ông và nói một cách tổng quát hơn từ truyền thống Wesley-Thánh Khiết.

Một số kết ước tương tự như thế cũng tác động các tác phẩm của ông Donald W. Dayton (*Khám Phá Một Di Sản Truyền Giảng Phúc Âm* [*Discovering an Evangelical Heritage*], 1976). Ông là một thành viên của Giáo Hội Wesley. Chúng ta cũng phải nhắc đến vị mục sư Giáo Hội Nazarene Micheal J. Christensen (*Đường Phố Đô Thị* [*City Streets*], *Con Người Của Đô Thị* [*City People*] – 1988 và *Điều Cấp Bách của Người Sa-ma-ri* [*the Samaritan's Imperative*] – 1991). Ông Ronald J. Sider, một giáo sư thần học của Các Anh Em Trong Đấng Christ cũng là người thành lập Những Người Truyền Giảng Phúc Âm cho Hành Động Xã Hội [Evangelicals for Social Action] và tác giả của quyển *Cơ Đốc Nhân Giàu Có Trong Một Thời Đại Đói Khát* [*Rich Christian in an Age of Hunger*] (1977). Ông Sider thật ra là một người được ảnh hưởng bởi khuynh hướng tái báp-têm của giáo hội ông theo nhưng ông John Wesley sẽ không có khó khăn xác nhận về nền tảng của chủ trương trách nhiệm của Cơ Đốc Nhân trong một thời đại mang đầy nhu cầu thuộc linh và nhân bản.

Một truyền thống tin kính? Vâng, và một truyền thống chúng tôi tin cậy vì đó là truyền thống thích hợp cho cả thiên đàng và trái đất.



PHẦN 3

CÁC GIÁO HỘI THEO NGHI LỄ THỜ PHƯỢNG



TÓM LƯỢC

CÁC HỘI THÁNH CHÍNH THỐNG GIÁO PHƯƠNG ĐÔNG

Nguồn gốc Lịch sử

Tất cả các Cơ Đốc Nhân đều có nguồn gốc tín ngưỡng từ Chúa Giê-su và các sứ đồ. Nhưng các tín hữu Chính Thống Giáo Phương Đông thật sự có nguồn gốc trực tiếp từ Chúa Giê-su và các sứ đồ (hay tông đồ). Một số hội chúng Chính Thống Giáo có thể chứng tỏ nguồn gốc của họ với sự hiện diện thời xưa của chính các sứ đồ ngay tại thành phố của họ. Quan niệm của Cơ Đốc Giáo đã thành hình và đã ra đời từ phương Đông, lớn lên trong suốt thời niên thiếu cũng ở phương Đông trước khi bành trướng sang phương Tây.

Đa số các Cơ Đốc Nhân ở Trung Đông, Thổ Nhĩ Kỳ, Hy-lạp, các quốc gia vùng Balkan, Ukraine và Nga thuộc về truyền thống Chính Thống Giáo.

Niềm Tin Cốt Lõi

Chính Thống Giáo chính là giáo hội của các hội nghị công đồng trọng yếu trong các thế kỷ Cơ Đốc đầu tiên. Người Chính Thống Giáo tin nơi Đức Chúa Trời Ba Ngôi Hiệp Một, nhân thể và thần thể - thần tánh của Chúa Giê-su Christ, và thần thể toàn vẹn của Đức Thánh Linh như đã được miêu tả tại các hội nghị công đồng Ni-xê (Nicaea) và Chalcedon. Họ tin rằng bảy hội nghị cộng đồng của giáo hội là thẩm quyền bất biến (không bao giờ thay đổi), bất khả ngộ và trên cả Kinh Thánh.

Chính Thống Giáo giảng dạy rằng Đấng Christ là A-đam Thứ Hai, và “Ma-ri, Nữ Đồng Trinh Đời Đời, hằng thánh, vô nhiễm nguyên tội, đáng ngợi khen và Đức Bà Thiên Mẫu đáng tôn sùng nhất” chính là Ê-va Thứ Hai. Mục đích của sự cứu chuộc là sự nên thánh hay sự toàn hảo Cơ Đốc.

Điểm Tương Đồng và Khác Biệt

Các tín hữu Nazarene tâm đắc với tín hữu Chính Thống Giáo về thần thể của Đức Chúa Trời Ba Ngôi Hiệp Một, Đức Thánh Linh, và Chúa Giê-su Christ. Chúng tôi đã xây dựng nền tảng trên quan điểm của họ về sự toàn hảo Cơ Đốc như đã được luận giải bởi John Wesley. Chúng tôi đồng ý với họ về thiên đàng và hỏa ngục, và về trách nhiệm cá nhân cũng như tự do ý chí. Chúng tôi khác biệt trên quan điểm về Kinh Thánh. Các tín hữu Nazarene xác định Kinh Thánh là thẩm quyền tối thượng. Chúng tôi khác biệt về thể thức thờ phượng và cách ân điển cứu chuộc được nhận lãnh. Theo Chính Thống Giáo, một trẻ sơ sinh có thể nhận lãnh thánh lễ báp-têm cho sự tha tội, phép xức



dầu để đón nhận Đức Thánh Linh, và thánh thể lần đầu, tất cả cùng trong một thánh lễ. Người Chính Thống Giáo không tin nơi kinh nghiệm cá nhân hay sự gặp gỡ Đức Chúa Trời cho sự cứu rỗi, nhưng trên quyền năng đời đời của giáo hội để tuyên bố một người được giải cứu.

Chính Thống Giáo Ngày Nay

Có nhiều người tử đạo vì đức tin của họ vào thế kỷ thứ 20 hơn tất cả các thế kỷ trước. Đa số Cơ Đốc Nhân hy sinh vì đức tin của mình trong thế kỷ này là các tín hữu Chính Thống Giáo nạn nhân của chế độ Cộng Sản.

Ngày nay có khoảng 160 triệu tín hữu Chính Thống Giáo, với 5 triệu tín hữu sinh sống tại Bắc Mỹ.



“Thượng Đế đã trở nên con người để con người có thể trở nên Thượng Đế”

— Anthanasius

CHƯƠNG 6

CÁC HỘI THÁNH CHÍNH THỐNG GIÁO PHƯƠNG ĐÔNG

ANH CHỊ NGHĨ GÌ khi một người nói về “một hội thánh phát triển rất nhanh”? Một hội thánh khổng lồ trong một đô thị rất lớn với một mục sư và một chương trình hướng về một hệ thống tiêu thụ, đặc trưng của một “hội thánh đa dịch vụ”, sẵn sàng mang đến một cách cuồng nhiệt tất cả những gì mọi khách hàng ước muốn? Hay là một giáo hội xưa cổ, có lẽ bằng tuổi với chính Cơ Đốc Giáo, với một hệ thống nghi lễ thờ phượng cổ kính được cử hành trong một ngôn ngữ cổ ?

Chính Thống Giáo Phương Đông là một trong những giáo hội phát triển nhanh nhất tại Bắc Mỹ. Bên ngoài nhà thờ anh chị có thể đọc được tâm bản như Chính Thống Giáo Hy-lạp, Chính Thống Giáo Nga, Chính Thống Giáo Xéc-bi, Chính Thống Giáo Hoa Kỳ, hay có thể một tên nào khác. Chính Thống Giáo có đến 160 triệu tín hữu trên khắp thế giới. Nếu như anh chị cộng vào “những hội thánh họ hàng” thuộc về năm giáo hội không thuộc hội nghị công đồng Chalcedon thì tổng số tín hữu lên đến 187 triệu.¹

Sự hiện diện càng ngày càng gia tăng của Chính Thống Giáo tại Hoa Kỳ hiện nay đã gần đến 5 triệu tín hữu. Chính Thống Giáo Hy-lạp chiếm phân nửa con số tín hữu đó. Các thánh lễ thờ phượng của Chính Thống Giáo được cử hành trong ngôn ngữ mỗi dân tộc, nhưng người Mỹ lại rất được thu hút bởi các giáo hội Chính Thống Giáo khác nhau. Patrick Reardon đã nói, “Đó là một điều không thể tin được nhưng lại là sự thật khi gần hai triệu người Mỹ hiện giờ thường xuyên đến thờ phượng trong tiếng Hy-lạp cổ, tiếng Ả-rập, hay tiếng Slavonic sử dụng trong thánh đường mà họ không hiểu một trong một trăm chữ”.²

Điều gì thu hút nhiều người đến với các giáo hội Chính Thống Giáo này? Chắc chắn một điều, trong thế giới với quá nhiều chủ thuyết luận giáo đến nỗi không ai có thể nhớ hết, Chính Thống Giáo Phương Đông đem đến sự ổn định của một truyền thống gần 2000 năm. Các giáo hội Chính Thống Giáo không hề thay đổi khi đặt nền tảng trên các hội nghị công đồng Cơ Đốc đầu tiên. Chủ đích của các giáo hội này là “gìn giữ Giáo Lý của Chúa để không cho mai một, và trung thành với Đức Tin mà Chúa đã mang đến cho chúng ta ... không thêm bất cứ một điều gì, hay bớt đi bất cứ một điều gì.”³ Nói về sự ổn định, - “Có nhiều hội chúng ngày nay có thể nhận dạng cội nguồn với sự hiện

diện của chính các sứ đồ Chúa Giê-su tại các thành phố của họ.”⁴ Với yếu tố là Cơ Đốc Giáo khởi nguyên từ Phương Đông và sau đó phát triển về hướng Tây, Giáo Hội Phương Đông là “mẹ của tất cả chúng ta.” Trở về cội nguồn Cơ Đốc là điều rất nhiều người ước muốn, và một số tìm được cội nguồn này với Chính Thống Giáo.

Hơn thế nữa, Chính Thống Giáo quý trọng “sự cảm nhận của tính thần bí siêu nhiệm trong sự thờ phượng.”⁵ Đối với những người con của thời đại Khai Sáng, ảnh hưởng bởi sự quá độ của tính duy lý, sự phân tích, và kỹ thuật công nghệ, những huyền bí tôn giáo trở nên rất hấp dẫn.

Một số người được thu hút bởi thẩm quyền giáo phẩm của Giáo Hội Chính Thống Giáo. Quá mệt mỏi với khuynh hướng mỗi người tự làm luật cho chính mình, họ tìm được sự an toàn trong thể thức một tín hữu Chính Thống Giáo nhìn nhận và tuân phục thẩm quyền giáo hội. Nền thần học hay giáo thể đều không được đem ra để nhân dân bầu cử.

Một điểm thu hút khác nhiều người đến với Chính Thống Giáo: sự ưa chuộng nghệ thuật. Các tượng thánh, các bức tranh và kiến trúc tôn giáo giải đáp cho một sự trống vắng trong tâm hồn của những người có hướng thẩm mỹ. Thật khác với các quan niệm Truyền Giảng Phúc Âm và Trào Lưu Chính Thống thường tranh chiến chống lại nghệ thuật !

Buổi lễ thờ phượng trong các thánh đường Chính Thống Giáo trông hấp dẫn đối với nhiều người trong thế giới rời rạc ngày nay của chúng ta. Họ không cần thắc mắc chương trình buổi lễ sẽ có một vở diễn tôn giáo, một ban nhạc Rap Cơ Đốc, một ngôi sao thể thao, hay một ca sĩ lừng danh như cô Sandi Patty trình diễn tại nhà thờ Chúa Nhật này. Mỗi Chúa Nhật đều có một vị trí đặc biệt trong lịch Cơ Đốc với nghi lễ riêng của ngày Chúa Nhật đó. Một điều khác thu hút thế hệ người Mỹ đương đại là sự giảng dạy của Chính Thống Giáo về mục tiêu của đời sống Cơ Đốc để trở nên giống như Đức Chúa Trời, để mỗi người có thể được thần cách hóa. Hoài bão thần cách hóa bản chất con người, cho sự thánh khiết đã bị bóp méo quá nhiều bởi sự ngớ ngẩn của Tân Phái [New Age] bây giờ tìm được các nền tảng Cơ Đốc trong các giáo điều của Chính Thống Giáo.

Sự So Sánh Giữa Các Tín Lý của Giáo Hội Chính Thống Giáo và Giáo Hội Nazarene

Với một số trọng điểm, tín hữu Nazarene sẽ nói “Vâng và a-men” với các giáo lý của Chính Thống Giáo. Với một số trọng điểm khác, chúng tôi sẽ khác biệt nhau trong sự quả quyết và tôn trọng.

Truyền Thống

Các tín hữu Nazarene quý trọng truyền thống của họ, nhưng người Chính Thống Giáo còn quý trọng các truyền thống của họ hơn nữa. Họ tin rằng truyền thống thánh được lưu truyền đến họ phải được

gìn giữ một cách bất khả xâm phạm. Đối với họ, truyền thống bao gồm nhiều điều: các tín điều của bảy hội nghị công đồng mang tính chất bất khả ngộ, sự giảng dạy của các phụ giáo, các luật của thánh kinh chính điển, các quyền sách về nghi thức tôn giáo, các tượng thánh, và các quyền sách của Kinh Thánh (gồm có các thứ kinh [apocrypha]). “Cơ Đốc Nhân Chính Thống Giáo ngày nay xem mình như là người thừa kế và có trách nhiệm gìn giữ một di sản vô giá ... và họ tin rằng đó là bổn phận của họ để lưu truyền di sản này một cách toàn vẹn cho thế hệ tương lai.”⁶

Theo Chính Thống Giáo Phương Đông, Kinh Thánh chỉ là một phần của thẩm quyền truyền thống. Kinh Thánh được xem là ngang hàng với các tín điều, các luật, các phụ giáo và lễ nghi tôn giáo, nhưng Kinh Thánh không có thẩm quyền vượt trội hơn các điều này. Đây là điểm khác biệt với giáo lý Cải Chánh Giáo *sola scriptura*, hay Kinh Thánh là thước đo lường duy nhất của đức tin. Các tín hữu Nazarene hoàn toàn có quan điểm Cải Chánh Giáo về Kinh Thánh như là Trọng Tài tối hậu về các vấn đề liên quan đến giáo lý và thực hành. Vì thế, dù chúng tôi cảm phục sự trung thành với truyền thống của người Chính Thống Giáo, chúng tôi vẫn chọn thẩm quyền tối thượng của Kinh Thánh. Trong khi người Chính Thống Giáo tin nơi các hội nghị công đồng và các tín điều là bất khả ngộ và bất biến, chúng tôi chỉ cho Kinh Thánh hai tính chất đó.

Giáo Lý về Đức Chúa Trời

Các tín hữu Nazarene tin rằng “Đức Chúa Trời là Ba Ngôi Hiệp Một trong sự tồn hữu căn bản, được mặc khải như là Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh.”⁷ Với tín lý này, chúng tôi muốn nói rằng chỉ có một thần thể, với Ba Ngôi cách biệt với thần thể hằng hữu trong mỗi Ngôi của Ba Ngôi Hiệp Một. Chúng tôi không lo lắng về các sắc thái khác nhau của đức tin Đức Chúa Trời Ba Ngôi Hiệp Một như Chính Thống Giáo. Thí dụ, chúng tôi có thể sẵn sàng sử dụng Giáo Điều Ni-xê (Phương Đông) trong một buổi lễ và đọc Tín Điều Các Sứ Đồ (Phương Tây) trong buổi lễ kế tiếp và không bao giờ biết sự khác biệt.

Người Chính Thống Giáo tin rằng các Cơ Đốc Nhân Phương Tây nhấn mạnh quá nhiều trên sự hiệp nhất của Đức Chúa Trời để ảnh hưởng đến vị cách của ba Ngôi. Họ cũng nghĩ rằng các tín hữu Công Giáo và Cải Chánh Giáo phỉ báng Đức Thánh Linh khi nói trong giáo điều là Ngài “xuất phát từ” Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con, và như thế Đức Thánh Linh dưới quyền Ngôi Thứ Nhất và Ngôi Thứ hai của Ba Ngôi Hiệp Một.

Ted Campbell đã suy xét các tuyên xưng giáo điều trong văn phẩm Chính Thống Giáo và tóm lược quan điểm Chính Thống Giáo về Ba Ngôi Hiệp Một như sau: “Thượng Đế là ba “Ngôi” trong một ‘bản thể’ ... Ba Ngôi khác biệt nhau trong ‘thể cách khởi nguyên’ (Đức Chúa Cha là tự hữu, Đức Chúa Con là độc sanh, và Đức Thánh Linh xuất phát) và ... cả ba Ngôi ‘hiện hữu và thâm nhập với



nhau’ trong mọi hành động của Thượng Đế.”⁸

Các tín hữu Nazarene đồng ý với người Chính Thống Giáo là ở bất cứ nơi nào có sự vận hành của Đức Chúa Trời, đó là việc làm của Ba Ngôi Hiệp Một chứ không là công việc đơn độc của một thần linh được sai phái nào đó. Chúng tôi cũng đồng ý với người Chính Thống Giáo về sự siêu nhiệm của Đức Chúa Trời (khác biệt với chúng ta, và vượt khỏi mọi khả năng hiểu biết của con người chúng ta) như cũng là một thân vị có phẩm chất cá nhân và hiện thân làm người.

Chúa Giê-su Christ

Các tín hữu Nazarene và Chính Thống Giáo đều đồng ý về định nghĩa căn bản về bản thể của Đấng Christ. Cơ Đốc Nhân Chính Thống Giáo sẽ thỏa thích với tuyên xưng Nazarene về Đấng Christ như “Thân Vị thứ hai của Ba Ngôi Hiệp Một; Ngài hằng hữu với Đức Chúa Cha; Ngài đã hiện thân làm người bởi Đức Thánh Linh và sanh ra từ trinh nữ Ma-ri để cả hai bản thể toàn hảo trọn vẹn, Thần Thể và nhân thể, được hiệp nhất trong một Người, hoàn toàn là Đức Chúa Trời và cũng: hoàn toàn là con người, Thượng Đế hiện thân làm người.”⁹

Giáo Hội Nazarene cũng đồng ý với Chính Thống Giáo về sứ mệnh của Chúa Giê-su, Con Trai của Đức Chúa Trời. Chúa đã đến để giải thoát con người chúng ta khỏi mọi tội lỗi. Tội lỗi đã làm cho con đường dẫn Đức Chúa Trời bị đen tối đi, nhưng “Chúa Giê-su Christ, khi đã hòa giải nhân loại với Thượng Đế bởi chính bản thân của Chúa, đã mở trở lại con đường dẫn đến sự hiệp nhất với Đức Chúa Trời.”¹⁰ Chúa Giê-su đã giúp cho con người chúng ta biết được Đức Chúa Trời như thế nào và “đặt phẩm hạnh thần thánh trở lại trong tầm tay của chúng ta.

Đấng Christ, A-đam thứ hai . . . đã đảo ngược lại quy trình các hậu quả đến từ sự bất tuân của A-đam.”¹¹

Nhưng Chính Thống Giáo cũng muốn nói với anh em Nazarene chúng tôi vài lời về thể thức thờ phượng Đấng Christ của chúng tôi. Tại sao anh chị ở Phương Tây, họ hỏi, lại cứ sâu thẳm như thể Đấng Christ là một nạn nhân hơn là ăn mừng Chúa như một Đấng Chiến Thắng? Trong sự thờ phượng Chính Thống Giáo, sự vinh hiển của một Đấng Christ chinh phục và đắc thắng được ăn mừng mỗi Chúa Nhật. Vì thế, lễ Hóa Minh và Phục Sinh là hai biến cố thánh nhất trong lịch Chính Thống Giáo ở Phương Tây, Giáng Sinh (sự Hiện Thân Làm Người của Chúa) và Ngày Thứ Sáu Thương Khó (Sự Đóng Đinh Chúa Trên Thập Tự Giá) lại được quan tâm quá nhiều so với lễ Hóa Minh. Tuy vậy, cả hai truyền thống đều xem lễ Phục Sinh là trọng tâm của đức tin. Tâm hồn người Chính Thống Giáo còn hơn cả sự yêu thích thẩm mỹ và nghệ thuật. Họ tin rằng người thờ phượng Công Giáo và Cải Chánh Giáo dành quá nhiều thời giờ để cố gắng cảm thông và đau buồn với sự đau đớn của Đấng Cứu Thế, và các Cơ Đốc Nhân Phương Tây lại trông thấy quá nhiều sự Đóng Đinh của Chúa trên Thập Tự Giá



qua quan niệm pháp lý, như thể Chúa Giê-su cố gắng thỏa mãn một Đức Chúa Cha đầy phần nộ và “trả giá hình phạt” thế cho con người chúng ta. Khi người Chính Thống Giáo suy gẫm về sự Đóng Đinh của Chúa Trên Thập Tự Giá thì họ lại tập trung vào Đấng Christ với một hành động tràn đầy yêu thương để chinh phục tội lỗi, cái chết và hỏa ngục cho chúng ta. Tấm lòng của họ sẽ ca ngợi, tán dương Chúa hơn là đau buồn, sầu thảm trước Thập Tự Giá. Phải chăng người Chính Thống Giáo có điều gì để giảng dạy cho chúng ta ?

Đức Thánh Linh

“Công việc cứu chuộc không thể được xem như tách rời với công việc thánh hóa của Đức Thánh Linh,” Tổng Giám Mục Chính Thống Giáo Timothy Kallistos Ware đã viết.¹² Ông nói tiếp, “Ở một quan điểm nào đó, tất cả ‘mục tiêu’ của sự Hiện Thân Làm Người chính là việc gửi đến Đức Thánh Linh vào lễ Ngũ Tuần.”¹³ Tác giả người Nga Russian Seraphim của Sarov đã tuyên bố, “Mục tiêu thật sự của đời sống Cơ Đốc Nhân là sự nhận lãnh Thánh Linh của Thiên Chúa.”¹⁴ Chắc chắn tất cả các tín hữu Nazarene ở mọi nơi đều tâm đắc với những lời tuyên bố như thế.

Một Cơ Đốc Nhân Chính Thống Giáo bắt đầu mỗi ngày với bài cầu nguyện buổi sáng với những lời lẽ như sau: *Hỡi Đức Vua thiên thượng, Đấng Yên Ủi, Thần Linh của Chân Lý, hiện hữu ở mọi nơi và tràn đầy trong mọi sự, kho tàng của mọi ân phước và Đấng ban cho sự sống, chúng con xin mời Ngài đến ngự trị trong chúng con. Cầu xin Ngài thanh tẩy chúng con khỏi mọi ô uế và cứu rỗi linh hồn chúng con với sự tốt lành của Ngài.*¹⁵

Mặc dù các tín hữu Nazarene và Chính Thống Giáo có khác biệt về cách nhận lãnh sự đầy đầy của Đức Thánh Linh, họ vẫn ở cùng một trang khi diễn giải giáo lý về Đức Thánh Linh. Các Điều Khoản của Bảng Tuyên Xưng Đức Tin Nazarene bao gồm sự khẳng định như sau: “Chúng tôi tin nơi Đức Thánh Linh ... Ngài luôn luôn hiện hữu và vận hành một cách năng động bên trong và với Hội Thánh Đấng Christ, thuyết phục thế gian về tội lỗi, tái thiết những người biết ăn năn hối cải và tin, thánh hóa các tín hữu, và dẫn dắt mọi người đến chân lý trong Chúa Giê-su.”¹⁶

Bà Ma-ry, Mẹ của Chúa Giê-su

Tín ngưỡng Chính Thống Giáo tôn kính bà Ma-ry (hay bà Ma-ria) như là người cao quý nhất trong cả nhân loại. Tín hữu Chính Thống Giáo tin rằng bà còn vinh hiển hơn cả các thiên sứ trên trời. Mỗi lần bà được nhắc đến trong các nghi lễ hàng tuần, chức tước trọn vẹn của bà được loan truyền : “Đức Bà Ma-ria Toàn Thánh, vô nhiễm nguyên tội, đáng được tán tụng và tán dương nhất, Thiên Mẫu, và Nữ Đồng Trinh Đời Đời”.¹⁷

“Nếu như Đấng Christ là A-đam mới,” Giám Mục Kallistos Ware đã viết, “Đức Bà Ma-ria là Ê-va mới.” Ông đã trích dẫn Jerome: “Chết bởi Ê-va, sống bởi Đức Bà Ma-ria”. Mặc dù phủ nhận quan niệm của sự Thụ Thai Vô Nhiễm Nguyên Tội [Immaculate Conception], sự giảng dạy và thực hành của Chính Thống Giáo lại rất gần với quan niệm này.

Đến đây tất nhiên là các tín hữu Nazarene phải từ giã những người bạn Chính Thống Giáo của mình. Theo lập trường của Cải Chánh Giáo truyền thống tin nơi thánh chức tương tể của tất cả các tín hữu, chúng tôi kính trọng các thánh đồ, “những người trung tín đã ra đi”, nhưng chúng tôi không cầu nguyện họ hay thờ phượng qua sự trung gian của họ, hay tôn thờ họ với các thánh tượng.

Nhân Loại : Sự Sáng Tạo và Sự Sa Ngã

Tín hữu Nazarene cũng như Chính Thống Giáo đều tin rằng con người đã được tạo ra theo hình ảnh của Thượng Đế, theo sự giảng dạy của Kinh Thánh. Vì thế, chúng ta là “dòng dõi” của Ngài, có nghĩa là “giữa chúng ta và Ngài có điểm tương quan và tương đồng.”¹⁹ Chính Thống Giáo giảng dạy rằng hình ảnh *giống như* Thượng Đế mà A-đam và Ê-va đã được tạo ra bao gồm *sự thánh khiết, sự bất tử, lý trí và sự tự do* (quyền năng và khả năng để thực hiện ý chỉ của Thượng Đế). Các từ ngữ này định nghĩa bốn phẩm chất của Thượng Đế và miêu tả thần tánh. Theo sự giảng dạy của Chính Thống Giáo, điểm tương đồng của con người với Thượng Đế đã bị mất đi với sự sa ngã của A-đam, và chỉ còn lại hình ảnh. Hình ảnh còn tồn hữu trong mỗi con người là *lý trí và sự tự do*.²⁰

Sự thánh khiết và sự bất tử đã bị mất đi với sự Sa Ngã. Vì thế, mục đích của sự cứu rỗi và sự tìm kiếm trong đời sống Cơ Đốc Nhân chính là sự thu hồi lại điều đã bị mất: Sự thánh khiết và sự bất tử.

Lý trí và sự tự do còn tồn tại, và với hai phẩm chất này mà ân điển của Thượng Đế đã đến để cho mỗi người có thể tránh được tội lỗi và lựa chọn Thượng Đế. Tín hữu Chính Thống Giáo tin nơi tự do ý chí và ân điển miễn phí. Họ phủ nhận các giáo lý của Calvin về sự tiền định, sự bất năng về mặt đạo lý, và sự chuộc tội giới hạn. Các tuyên xưng của John Wesley về ân điển miễn phí và tiên ân và sự tự do giới hạn của con người rất gần với những sự giảng dạy của Chính Thống Giáo.

Các truyền thống Chính Thống Giáo và Wesley – Arminius cùng chia sẻ tín lý vững chắc về nguyên tội. “Khi mất đi sự thánh khiết, họ [cha mẹ đầu tiên của chúng ta] đã rơi vào tội lỗi; khi mất đi sự bất tử họ bắt đầu có thể bị bệnh, lão hóa và chết.”²¹ Các lập trường này đã được lập lại bởi nhiều thần học gia thuộc về truyền thống Wesley – Arminius chúng tôi.

Chính Thống Giáo ít cố gắng hay không dùng nỗ lực để giải nghĩa sự huyền bí về cách nguyên tội đã trở nên di truyền qua bao thế hệ. Sự nghiên cứu khoa học về hệ di truyền của các gen không được nhắc đến. Họ chỉ giảng dạy rằng khi con người bị “... cách biệt với Thượng Đế, A-đam và hậu duệ của ông đã bị chuyển sang và phải chịu sự thống trị của tội lỗi và quỷ vương. Mỗi người đều sanh

ra trong một thế gian nơi tội lỗi cai trị ... một thế gian dễ làm điều gian ác và khó thực hiện điều tốt lành.”²³

Ông John Wesley đã giảng dạy một cách hòa hợp với Chính Thống Giáo về con người như không chịu tội một cách cá nhân vì tội lỗi của A-đam. Họ mang những dấu vết của tội lỗi nhưng không tiếp tục bị kết tội. Mỗi người chịu trách nhiệm cho tội lỗi của riêng mình.

Truyền thống Wesley – Arminius cũng giữ một giáo lý về nguyên tội giống như Chính Thống Giáo. Cả hai truyền thống Wesley và Chính Thống Giáo đều giảng dạy rằng hậu quả của sự Sa Ngã đã lây nhiễm đến mọi lãnh vực của đời sống một người và ảnh hưởng mọi phạm vi của cuộc sống (tâm trí sẽ trở nên tăm tối, ý chí bị suy nhược, và còn nhiều khuyết điểm khác nữa). Điều này cũng có nghĩa là sự tương đồng với Thượng Đế hay hình ảnh của Thượng Đế sẽ bị khiếm khuyết nhưng không bị dập tan hay hủy diệt như một số người từng giảng dạy. Giám Mục Ware đã viết, “Chính Thống Giáo không nói như ông Calvin cho rằng con người sau sự sa ngã đã trở nên hoàn toàn suy đồi và không có khả năng có được những ý muốn tốt lành. Họ cũng không thể đồng ý với ông Augustine ... về con người sống với ‘sự cần thiết ác nghiệt’ thôi thúc phạm tội ... và ... thiếu tự do.

Mục Đích của sự Cứu Rỗi

Mục đích của sự cứu rỗi đối với Chính Thống Giáo là “trở nên giống như Thượng Đế” hay sử dụng ngôn ngữ của giáo hội này, *theosis*, có nghĩa là “thần cách hóa” [deification] hay “thần thánh hóa” [divinization]. Đối với một Ki-tô hữu Công Giáo hay một tín hữu Cải Chánh Giáo, điều này nghe như thật ngạo mạn đến khó tin. Đối với một tín đồ Tân Phái, điều này nghe như một cách tự làm vừa lòng với lời tuyên xưng của chính mình.

Nhưng các nhà tư tưởng Chính Thống Giáo xưa và nay đã xem rất nghiêm túc các lời của Kinh Thánh nói rằng, như thí dụ, “Đức Giê-su đáp: “Kinh Luật các người chẳng đã có câu: ‘Ta phán các ngươi là thần,’ hay sao?” (Giăng 10:34). Chúa đã trích dẫn Thánh Thi 82:6 (hay Thi Thiên theo bản phiên dịch Truyền Thống): “Các ngươi là thần; tất cả các ngươi đều là con của Đấng Chí Cao”. Và chúng ta nói như thế nào về lời cầu nguyện của Đấng Christ với tư cách là thầy tế lễ thượng phẩm? “Thưa Cha, Con cầu xin cho họ tất cả đều hiệp nhất cũng như Cha trong Con và Con trong Cha, để họ cũng ở trong Cha và Con. Do đó, thế gian sẽ tin rằng chính Cha đã sai Con đến” (Giăng 17:21)

Thêm vào thẩm quyền của Thánh Kinh, các Phụ Giáo Phương Đông (được xem như ngang hàng hay gần như ngang hàng với Kinh Thánh trong truyền thống bất khả vô ngộ) đã giảng dạy rằng “Thượng Đế trở nên con người để con người có thể trở nên Thượng Đế.” Các lời lẽ này của phụ giáo Athanasius được xác định lại bởi các phụ giáo khác như Irenaeus.²⁴ Phụ giáo Basil đã định nghĩa về một Cơ Đốc Nhân như một người đã nhận lãnh mệnh lệnh trở nên một vị thần. Nghi lễ Chính Thống Giáo của Ngày

Thứ Năm Thánh gồm có những lời sau đây được dâng lên Đấng Christ: “Trong vương quốc của Ta ... Ta sẽ là Thượng Đế với các con như là các thần.”²⁵

Vì thế đối với Chính Thống Giáo sự cứu rỗi và cứu chuộc có nghĩa là trở nên giống như Đức Chúa Trời đến nỗi sự thần cách hóa hay sự toàn hảo Cơ Đốc không còn là một việc sử dụng sai thuật ngữ. Họ không tin rằng tất cả việc đều xảy ra cùng một lúc nhưng cần phải qua cả một cuộc đời sống đạo để đạt đến, với sự hợp tác của một tín hữu với Đức Thánh Linh.

Có một sự liên kết độc nhất giữa sự giảng dạy của Chính Thống Giáo về thần cách hóa [theosis] và giáo lý Wesley về sự nên thánh trọn vẹn. Ông John Wesley không du nhập giáo lý này một cách nguyên vẹn nhưng ông đã tìm được trong sự giảng dạy của các Phụ Giáo Phương Đông các nền tảng vững chắc cho sự giảng dạy của ông về sự toàn hảo Cơ Đốc, sự thánh khiết, hay sự nên thánh trọn vẹn.²⁶ Ông Wesley rất ấn tượng với sự giảng dạy về tình yêu thương toàn hảo và sự nên thánh mà ông đã nghiên cứu nơi các Phụ Giáo Phương Đông đến nỗi ông đã cho ấn hành trở lại các tác phẩm của họ và quy định các truyền giảng gia của ông phải đọc các tác phẩm này. Ông khuyên các tín hữu tại thế nào nghiêm túc trong việc tìm kiếm sự thánh thiết cũng nên đọc các tác phẩm này.

Các học giả thận trọng đã ghi nhận rằng ông Wesley đã ngưng lại ở việc đón nhận quan niệm thần cách hóa của tín hữu [theosis]. Tuy vậy, nếu không có các nền tảng của các Phụ Giáo Chính Thống Giáo thì ông Wesley đã phải tìm một từ vựng mới cho nền thần học mục vụ của ông. Điều ông Wesley đã tìm được trong quan niệm này để đem vào trong hệ thống Giám Lý là một quan niệm lạc quan tuyệt đối về ân điển với sự tuyên bố rằng gần như không có giới hạn nào với những sự tốt lành có thể xảy đến trong cũng như qua đời sống của một tín hữu được nên thánh.

Ông Wesley đã trông thấy nơi các Phụ Giáo Phương Đông một trình độ rất cao của sự toàn hảo hay sự thánh thiết mà ông tin các Cơ Đốc Nhân tầm thường trong thế giới tại thế hằng ngày vẫn sống được. Cả Phương Đông và Phương Tây đều dạy rằng chỉ có các dòng tu có được thời gian bất tận cho sự tĩnh nguyện mới là những người duy nhất đạt đến đời sống thánh thiết mà Đức Chúa Trời chấp nhận. Dù ngưng ngay ở giáo lý thần cách hóa, ông Wesley tin và truyền giảng rằng những người bình thường vẫn có khả năng được nên thánh và sống đời sống thánh thiết.

Khi những người theo truyền thống Wesley nói đến sự tái thiết của hình ảnh Đức Chúa Trời (sự nên thánh trọn vẹn), họ vẫn hoàn toàn là người Cải Chánh Giáo. Ân điển xưng công chính và ân điển nên thánh đến từ luận giáo *sola gratia*, và đúng vậy, duy nhất bởi ân điển. Ông Wesley đã giảng dạy rằng công đức và sự nhân từ là cần thiết nhưng vẫn là phụ thuộc, chắc chắn không là công đức xứng đáng. Không có công đức hay sự phục vụ nào, dù nhiều đến đâu, thật sự có khả năng thánh hóa một tín hữu. Chỉ có Đức Chúa Trời mới thực hiện được điều đó như một hành động của ân điển qua đức tin

Chính Thống Giáo, mặc dù xem rất cao quan điểm về ân điển, vẫn làm cho công đức trở nên trọng yếu để đạt đến sự thần cách hóa hay sự thánh khiết. Mặc dù chính khả năng thực hiện công đức là một tặng phẩm từ ân điển, thành tích của công đức lại trở nên trong một cách nào đó xứng đáng *để đạt đến* sự thánh khiết. Người theo Cải Chánh Giáo sẽ bị bối rối với vai trò mà Chính Thống Giáo đặt về sự *đạt đến* hay *thành quả* của sự thần cách hóa hay thần thánh hóa, hay sự toàn hảo Cơ Đốc. Các tín hữu theo truyền thống Wesley sẽ nói như là *nhận lãnh* sự thánh khiết hay sự nên thánh như là một tặng phẩm của ân điển qua đức tin, nhưng họ dừng lại ngay ở điểm sự thánh khiết có thể được *đạt đến*.

Nhận Lãnh sự Cứu Rỗi

Chúng ta đã thấy được những điểm tương đồng lớn giữa các truyền thống Chính Thống Giáo và Wesley khi nói đến lãnh vực giáo lý và chủ đích của sự cứu rỗi. Nhưng sẽ khó tương thích khi đến giai đoạn nói về thể thức nhận lãnh ân điển cứu rỗi và ân điển nên thánh.

Trước hết các tín hữu theo truyền thống Wesley (và các tín hữu thuộc về tất cả các giáo hội khác theo truyền thống Augustine) có rất nhiều điều để nói về sự xưng công chính duy nhất bởi đức tin. Người Chính Thống Giáo không quan tâm các vấn đề pháp lý nhiều đến thế. Họ thường nói đến sự tha thứ các tội lỗi nhưng rất hiếm khi nói đến sự xưng công chính.

Sự bước vào đời sống Cơ Đốc Nhân khá khác biệt giữa hai truyền thống. Truyền thống Wesley Truyền Giảng Phúc Âm (như Giáo Hội Nazarene và Phong Trào Thánh Khiết) nhấn mạnh trên đời sống Cơ Đốc Nhân thật sự qua kinh nghiệm cải đạo và một sự gặp gỡ cá nhân với Đấng Christ hằng sống, trong đó có sự xưng tội, sự ăn năn hối cải, và đức tin cứu rỗi. Đối với tín hữu Chính Thống Giáo (cũng như Công Giáo La Mã và Cải Chánh Giáo kinh điển), sự bước vào đời sống Cơ Đốc Nhân xây dựng với thánh lễ báp-têm, dù là cho người tuổi trưởng thành hay cho trẻ sơ sinh.

Qua suốt quy trình cứu rỗi, tín hữu theo truyền thống Wesley và Chính Thống Giáo rất khác biệt nhau. Chính Thống Giáo dựa trên truyền thống bất khả ngộ, thẩm quyền các tông đồ và nghi lễ thánh của giáo hội. Họ tin chắc rằng sự cứu rỗi không tùy thuộc vào cảm xúc hay điều họ có thể kinh nghiệm một cách cá nhân. Theo quan điểm của họ, họ có thể được cứu rỗi vì lời thánh khiết và bất khả ngộ của Giáo Hội thật và duy nhất. Vì Đức Chúa Trời đã ban cho giáo hội thẩm quyền phân phát ân điển cứu rỗi và nên thánh, tại sao lại không thực hiện việc đó ngay khi đưa trẻ vừa chào đời? Vì thế một trẻ sơ sinh được chịu phép báp-têm để được thanh tẩy tội lỗi, nhận lãnh phép xức dầu (nghi lễ với tín lý cho rằng trẻ sơ sinh sẽ nhận lãnh được ân điển nên thánh và ân tứ của Đức Thánh Linh), và sau đó là Thánh Thể đầu tiên, tất cả cùng một lúc trong một buổi lễ.

Đa số các tín hữu theo truyền thống Wesley sẽ cảm nghĩ rằng đó là sự nhấn mạnh quá đáng trên thẩm quyền của giáo hội để tuyên bố ai là người đang sống trong ân điển hay không.

Mặc dù có một số tín hữu theo truyền thống Wesley cho phép cử hành thánh lễ Báp-têm cho trẻ sơ sinh, không bao giờ thực hành này có thể thay thế sự cải đạo của người đến tuổi hiểu biết được trách nhiệm của mình. Hơn thế nữa, tín hữu theo truyền thống Wesley tin rằng ân tứ nên thánh đến từ Đức Thánh Linh không thể được ban cho với bất cứ nghi lễ nào của hội thánh. Truyền thống Wesley dù tốt hay xấu vẫn là một hệ thống trân trọng sự gặp gỡ cứu rỗi và nên thánh với Đức Chúa Trời hằng sống như là một kinh nghiệm tôn giáo, hơn là trân trọng hệ thống tín điều hay thẩm quyền giáo phẩm.

Sự Thờ Phụng và các Thánh Lễ

Chúng ta đã thảo luận qua về thánh lễ Báp-têm mà Giáo Hội Chính Thống Giáo tin là đem đến sự tha thứ tội lỗi. Chính Thống Giáo chỉ chấp nhận phép Báp-têm với thể thức trầm mình dưới nước. Một người sẽ được trầm mình ba lần dưới nước, mỗi lần nhân danh một Ngôi của Ba Ngôi Hiệp Một. Rất hiếm mà phép Báp-têm của một giáo hội Cơ Đốc khác có thể được nhìn nhận như hiệu lực bởi Chính Thống Giáo. Và báp-têm “bằng cách rải hay thoa nước đơn giản không phải là phép Báp-têm.”²⁸ Người theo truyền thống Wesley thường cho phép người nhận lãnh báp-têm lựa chọn thể thức báp-têm. Hơn nữa, nếu một người đã được một giáo hội Cơ Đốc khác cử hành thánh lễ Báp-têm, các tín hữu theo truyền thống Wesley vẫn nhìn nhận hiệu lực của báp-têm đó và không cần lập lại thánh lễ này.

Tiệc Thánh của Chúa [Communion] hay Thánh Thể [Eucharist] là một truyền thống phong phú của Giáo Hội Chính Thống Giáo. Chỉ có các tín hữu Chính Thống Giáo mới có quyền nhận lãnh thánh thể, và chỉ có những tín hữu Chính Thống Giáo đã tự chuẩn bị qua sự kiêng ăn mới có thể tham dự thánh lễ này. Bánh được sử dụng là bánh không men. Bánh và rượu được hiểu như là thân thể và máu thật sự của Đấng Christ. Bánh và rượu – Thánh Thể - trở nên của lễ hiến tế đối với người thờ phụng theo Chính Thống Giáo. Và vì Đấng Christ được xem như là hiện diện trong các yếu tố của Thánh Thể, của lễ hiến tế được dâng lên một lần nữa chính là Đấng Christ. Và của lễ hiến tế được dâng lên cho Ba Ngôi Hiệp Một vì người sống và người chết.

Trong truyền thống Wesley, Tiệc Thánh của Chúa được mở rộng cho mọi tín hữu, không phân biệt thành viên hội thánh hay không. Bánh và rượu được hiểu như là biểu tượng của thân thể và máu của Chúa chúng ta.

Các tín hữu theo truyền thống Wesley cử hành hai thánh lễ: Báp-têm và Tiệc Thánh của Chúa. Tín hữu Chính Thống Giáo còn có thêm năm thánh lễ khác: xúc dầu, xưng tội, tấn phong thánh chức, hôn nhân và xúc dầu người bệnh.

Lối thờ phụng trong giới tín hữu theo truyền thống Wesley thường theo phong cách hội thánh tự do, với những thực hành rất đa dạng - từ phong cách nghi lễ Anh Giáo nhẹ nhàng đến phong cách rất tự phát của các hội thánh truyền giảng Phúc Âm hay ân tứ. Chính Thống Giáo đương nhiên hoàn



toàn theo nghi thức thờ phượng. Mỗi thứ sáu của lịch Cơ Đốc có một ý nghĩa đặc biệt, như ngày của thánh Gia-cơ [St. James Day] được cử hành vào ngày 23 tháng 10, hay ngày Thiên Mẫu Ma-ria - 15 tháng 8, hay ngày lễ Cắt Bì của Đấng Christ - 1 tháng 1. Có đến 20 quyển sách ghi rõ các nghi lễ Chính Thống Giáo được cử hành trong năm.

Có 12 lễ hội lớn Chính Thống Giáo được trong năm. Bảy lễ hội tôn thờ Chúa Giê-su; năm lễ hội tôn sùng bà Ma-ri. Một số lễ hội nhỏ cũng được cử hành như lễ hội tôn vinh Thánh Nicolas người nhân công tuyệt hảo được cử hành vào ngày 6 tháng 12 và ngày ra đời của Thánh Giăng Báp-tít -24 tháng 5.

Vì tín hữu Chính Thống Giáo cũng tin rằng “không ăn và tự chủ là phẩm hạnh đầu tiên, mẹ, cội rễ, nguồn gốc và nền tảng của mọi sự tốt lành,” lịch Chính Thống Giáo cũng được đánh dấu bởi năm lễ không ăn lớn.²⁹

Sự thờ phượng được cử hành trong thánh đường mà không có ghế ngồi. Hội chúng đứng trong suốt buổi lễ. Ở Mỹ, thời gian một buổi lễ trung bình là từ một đến hai giờ. Nhưng vào thời xưa, hội chúng có thể đứng suốt buổi lễ bảy hay tám tiếng. Nhạc cụ không được sử dụng trong các buổi lễ Chính Thống Giáo nhưng sự thờ phượng được hát bằng những bài thánh ca hay kinh tụng.

Giáo Hội

Giáo Hội Chính Thống Giáo tin rằng họ là Giáo Hội thật và duy nhất. Một số các tín hữu sẽ nói điều đó với sự khiêm nhường Cơ Đốc. Và họ nhanh chóng thêm rằng điều đó không làm cho họ tốt hơn những người khác. Việc họ thuộc về một Giáo Hội thật chỉ là tặng phẩm của ân điển. Họ sẽ trích dẫn của lời Bánh Chúc Phước của Tổng Giám Mục [Metropolitan Eulogy]: “Các thánh đồ đã không bước qua bức tường ngăn cách họ với chúng ta ... bức tường chẳng cao như thế đến tận tận trời.”³⁰ Họ cũng tham gia tích cực vào những gặp gỡ đại đồng tín ngưỡng ở cấp quốc gia và quốc tế. Nhưng ngược lại có một số tín hữu Chính Thống Giáo sẽ đơn giản nói với anh chị là không có sự cứu rỗi nào ngoài “Giáo Hội thật và duy nhất” của họ.

Mặc dù có một số nhóm của truyền thống Wesley-Thánh Khiết có thể có thái độ như *họ* là Giáo Hội thật và duy nhất, điều đó không bao giờ là tín điều của họ. Anh chị sẽ khó tìm được một truyền thống nào có tinh thần đại đồng tín ngưỡng hơn truyền thống Wesley. Từ các bài giảng của ông John Wesley như “Chống Lại Định Kiến Cực Đoan” [Against Bigotry] và “Tinh Thần Công Giáo” cho đến ngày nay, người theo truyền thống Wesley đã đưa tay đón nhận sự thông công với gần như tất cả những ai tin nơi Kinh Thánh và Đấng Christ như Chúa Cứu Thế.



TÓM LƯỢC GIÁO HỘI CÔNG GIÁO LA MÃ

Nguồn Gốc Lịch Sử

Các Cơ Đốc Nhân khi đã phát triển trên khắp Đế Quốc La Mã đã tự gọi mình là giáo hội “công giáo” (hoàn vũ). Với ảnh hưởng của vị giám mục ở kinh thành Rô-ma tăng dần, giáo hội “công giáo” ở miền Tây Địa Trung Hải đã lấy danh xưng là La Mã. Với sự ly giáo chính thức giữa các Cơ Đốc Nhân Phương Đông và Phương Tây, Giáo Hội Công Giáo La Mã đã mở giáo hội của vùng Tây Âu. Sau đó, giáo hội đã bành trướng đến Phi Châu, Á Châu và Mỹ Châu. Cho rằng Phi-e-rô là Giáo Hoàng đầu tiên, Giáo Hội Công Giáo La Mã hiện có đến 1 tỉ thành viên và là giáo hội Cơ Đốc lớn nhất trên thế giới.

Niềm Tin Cốt Lõi

Ki-tô hữu (hay tín hữu Công Giáo La Mã) tin nơi Đức Chúa Trời Ba Ngôi Hiệp Một và Chúa Giê-su Christ, Con Trai của Thiên Chúa, sanh ra từ một nữ đồng trinh và là Chúa Cứu Thế. Họ tin nơi Thân Vị và công việc của Đức Thánh Linh. Họ tôn sùng bà Ma-ria như là “Thiên Mẫu” và là người duy nhất (ngoài trừ Chúa Giê-su) được sanh ra mà không bị nhiễm nguyên tội. Ki-tô hữu Công Giáo tin rằng giáo hội của họ là Giáo Hội thật và duy nhất, nhưng Thiên Chúa sẽ thương xót người Cải Chánh Giáo (Tin lành). Họ kính trọng Kinh Thánh như quyền sách được thần cảm, nhưng không thể có thẩm quyền trên giáo phẩm Công Giáo. Ki-tô Công Giáo chống lại quan hệ tình dục tiền hôn nhân, đồng tính luyến ái, việc ngừa thai và phá thai.

Điểm Tương Đồng và Khác Biệt

Tín hữu Nazarene hòa hợp với Giáo Hội Công Giáo La Mã về các giáo lý như Đức Chúa Trời Ba Ngôi Hiệp Một, Đấng Christ, Đức Thánh Linh, tội lỗi, và sự cứu chuộc. Các khác biệt bắt đầu với vị trí của Kinh Thánh. Chúng tôi không tôn sùng bà Ma-ry hay cấm đoán sự ngừa thai, nhưng chúng tôi chống đối sự phá thai, đồng tính luyến ái, và ngoại tình. Là những người Cải Chánh Giáo, chúng tôi khẳng định tin nơi sự cứu rỗi bởi ân điển duy nhất qua đức tin. Tín hữu Công Giáo thấy nơi ân điển như là phương tiện đầu tiên đưa đến sự cứu rỗi, nhưng họ cũng tin là một người phải phân trần trả giá cho sự cứu rỗi bằng một số kỷ luật khác nhau, qua thánh chức và sự khổ hạnh. Tín hữu Nazarene cũng không đồng ý với giáo lý căn bản của Công Giáo về sự xưng tội với một linh mục.

Tín Hữu Công Giáo La Mã Ngày Nay

Một người trên mỗi sáu trên thế giới ngày hôm nay là tín hữu Công Giáo La Mã. Vào năm 1993, hai mươi ba phần trăm dân số Hoa Kỳ tự nhận dạng mình là tín đồ Công Giáo.



“Quá khứ của chúng tôi bao gồm sự tốt lành, sự xấu xa, và sự tầm thường, và chúng tôi những người Công Giáo chấp nhận quá khứ này như là của chúng tôi. Chúng tôi bắt nguồn từ Giáo Hội các Tông Đồ ... Trong tất cả mọi thời đại đều có những Giu-đa trong Giáo Hội, nhưng còn có rất nhiều thánh đồ hơn ... Đời sống của chúng tôi, lịch sử của chúng tôi, là ... Giáo Hội Công Giáo, Thân Thể của Đấng Christ”

__Cha Oscar Lukefahr
Đặc Ân Là Người Công Giáo

CHƯƠNG 7

GIÁO HỘI CÔNG GIÁO LA MÃ

MẶC DÙ SỐNG BÊN NGOÀI XÃ HỘI VÀ VÒNG PHÁP LUẬT, các Cơ Đốc Nhân đầu tiên đã chinh phục được Đế Quốc La Mã. Đức Thánh Linh đã đổ xuống trên 120 môn đồ vào Ngày Lễ Ngũ Tuần và đã gieo ngọn lửa bùng cháy của sự truyền giảng Phúc Âm cho cộng đồng đức tin nhỏ bé này. Khi cây búa của sự bắt bớ liên tục giáng xuống hội thánh tại thành Giê-ru-sa-lem như trên một cái đe, những tia lửa thiên thượng bắt đầu mưa trên thế giới của vùng Địa Trung Hải với những anh hùng của đức tin ra đi khắp nơi để truyền giảng Phúc Âm. Hội thánh đó, cũng như Chúa Giê-su, là của mỗi người chúng ta khi chúng ta nhận lãnh tên là Cơ Đốc Nhân.

Hội thánh này tự gọi mình là Giáo Hội “công giáo” hay là “hoàn vũ” của Chúa Giê-su Christ, ít nhất từ năm 110 của công nguyên. Phụ Giáo Ignatus của thành An-ti-ốt đã viết trong quyển *Tín Thư Gửi Cho Những Người Si-mi-ệc-nơ* [Epistle to the Smyrnaeans] của ông, “bất cứ nơi nào Chúa Giê-su hiện diện, chúng ta có Giáo Hội công giáo”.¹ Polycarp, vị giám mục tử vì đạo của thành Si-mi-ệc-nơ (Smyrna), đã viết vào năm 156 của công nguyên về “thánh hội công giáo”.² Và vào khoảng năm 250 của công nguyên, tác giả Cyprian của thành Carthage đã viết một luận án với tựa đề *Sự Hiệp Nhất của Giáo Hội Công Giáo* [The Unity of the Catholic Church].³

Các Tín Hữu Công Giáo La Mã

Giáo Hội Công Giáo La Mã là cộng đồng đức tin phát triển ở vùng Tây Âu sau sắc lệnh của Milan vào năm 312. Vào thời điểm đó Hoàng Đế Constantine đã có một sự hiện thấy về một Thập Tự Giá và được bảo, “Bôi dấu hiệu này mà chinh phục.” Mặc dù ông không được nhận lãnh thánh lễ Báp-têm cho đến ngày ông chết, sắc lệnh của ông đã biến Cơ Đốc Giáo thành một tôn giáo hợp lệ trên khắp đế chế.

Sự phát triển của Cơ Đốc Giáo gia tăng nhanh chóng. Các trung tâm ảnh hưởng Cơ Đốc được bành trướng ở các thành phố Alexandria, Antioch (An-ti-ôt), Byzantium, Carthage, Ephesus (Ê-phê-sô), và kinh thành Rô-ma. Các giám mục ở Phương Tây đã đến nhìn nhận giám mục của kinh thành Rô-ma như là “người đứng đầu ở giữa nhưng người bình đẳng”. Trong khi các tà thuyết và dị thuyết nổi lên ở Châu Á và Bắc Phi, Rô-ma bắt đầu nổi danh như là vô địch cho việc bảo tồn các giáo lý chính thống.

Giáo Hội Cơ Đốc đã khẳng định định hướng chính thống giáo với bảy hội nghị công đồng được tổ chức từ năm 325 đến 787. Các hội nghị công đồng đầu tiên là hội nghị Ni-xê, Constantinople, Ê-phê-sô và Chalcedon đã làm sáng tỏ các giáo lý về Đức Chúa Trời Ba Ngôi Hiệp Một và thần tánh / nhân tánh của Đấng Christ, các giáo lý tạo nên nền tảng của tín lý Cơ Đốc. Tuy thế, sau các hội nghị công đồng này, giáo hội Phương Đông (Chính Thống Giáo Phương Đông) và giáo hội Phương Tây (Công Giáo La Mã) càng ngày càng cách xa nhau về cả hai phương diện thể chế và hệ thống giáo lý.

Đại Cộng Đồng Trent

Chính Thống Giáo Phương Đông và Công Giáo La Mã đã tách rời nhau từ lâu khi Đại Cộng Đồng Trent được khai mạc vào năm 1545. Đại hội tôn giáo này kéo dài 18 năm và đã thiết lập nhiều giáo luật hơn tất cả các đại hội trước đã có được công nhận bởi Giáo Hội Công Giáo La Mã.

Đại Cộng Đồng Trent đổ lỗi cho hệ thống Cải Chánh Giáo về “sự tham quyền, sự keo kiệt, và sự tham lam” của hàng giáo phẩm và lên án các công việc của Luther, Zwingli và Calvin.⁴ Các quan điểm Công Giáo La Mã đến từ thời Trung Cổ đã được củng cố trong sự chống lại các nguyên tắc Cải Chánh Giáo như *sola scriptura* (Kinh Thánh duy nhất). Người Công Giáo cho rằng Kinh Thánh duy nhất không đủ, vì giáo hội hiện hữu trước Kinh Thánh, đã tạo ra Kinh Thánh, và có thẩm quyền luận giải Kinh Thánh.

Đại Cộng Đồng Trent cũng đánh đổ nguyên tắc *sola fide* (đức tin duy nhất). Đức tin duy nhất không đủ để đem đến sự cứu rỗi. Ngay cả các giáo hoàng “cũng phải xứng đáng để đi đến sự cứu rỗi như tất cả mọi Ki-tô hữu Công Giáo”.⁵ Nguyên tắc *sola gratia* cũng bị lên án và bác bỏ. Sự cứu rỗi chắc chắn là bởi ân điển nhưng không thể đạt đến nếu không có công việc sám hối và các bí tích (từ Công Giáo cho thánh lễ) được cử hành trong một Giáo Hội Công Giáo duy nhất và thật.

Đại Cộng Đồng Trent duy trì vị trí của giáo hoàng như là một vị vua, bảy bí tích, thánh lễ bằng tiếng La-tin, các đại xá của giáo hội ban cho, các tượng thánh, sự tôn sùng các thánh, sự xưng tội với các linh mục, và quyền thượng phẩm của truyền thống giáo hội trên cả Kinh Thánh. “Công việc của hội nghị công đồng trên cơ bản là của thời Trung Cổ ; chỉ có sự phẫn nộ là mới”.⁶ Sự phẫn nộ đó đã được thể hiện qua hệ thống phán quyết và xử tội của giáo hội (inquisition), những nội chiến, và sự bắt bớ tôn giáo bởi cả hai bên tự cho rằng mình là Giáo Hội đúng và thật.

Đại Cộng Đồng Trent cũng đã tạo ra những quyết định hành chánh hữu hiệu. Các giám mục phải có

đời sống thánh khiết. Các chủng viện được thiết lập. Hội đồng hủy bỏ vị trí “người kinh doanh ân xá”. Giáo Hội Công Giáo La Mã bắt đầu tăng trưởng một cách đáng kể với làn sóng tinh thức của Hội Nghị Tôn Giáo Trent và các nỗ lực phục hưng khác.

Các Hội Đồng Công Giáo La Mã Tân Thời

Hai Hội Đồng của Giáo Hội Công Giáo La Mã đã được tổ chức với tinh thần của Hội Đồng Trent. Hội Đồng Vatican I được tổ chức vào các năm 1869-1870 tại Rô-ma dưới sự chủ tọa của vị Giáo Hoàng Pius IX. Hội Đồng Vatican I củng cố ý tưởng của giáo hoàng như là vị hoàng tử của giáo hội. Và đại hội đồng đã thiết lập một cách chính xác giáo lý về sự bất khả ngộ của vị giáo hoàng. 84 giám mục đã chống lại bộ luật đầu tiên, và 55 giám mục đã quyết định vắng mặt không tham gia cuộc bầu cử cuối cùng.⁷ Tuy vậy, cuộc bầu cử vẫn được duy trì và từ đó đến giờ các tín hữu Công Giáo được quy định phải tin mỗi khi vị giáo hoàng có những tuyên bố chính thức về đức tin và thực hành của giáo hội (Phán Quyết với Uy Quyền Tông Tòa - speaks ex cathedra) như là tiếng nói của chính Phi-e-rô hay Đấng Christ và cũng là bất khả ngộ và không thể được thách thức hay thay đổi.

Hội Đồng Vatican II, được tổ chức vào năm 1960 lại rất khác biệt. Hội Đồng này được tổ chức để *xây dựng* chứ không phải *chống lại* bất cứ điều gì. Giáo Hoàng John XXIII đã khẳng định chủ đích của Hội Đồng là cập nhật hóa giáo hội và làm cho giáo hội trở nên có ý nghĩa hơn đối với cuộc sống hằng ngày. Thật ra, phần lớn các điều chỉnh lại là những bước tiến đến các nguyên tắc Cải Chánh Giáo.

1. Hội Đồng tiến đến các khía cạnh dân chủ hóa giáo hội, ít nhất ở đẳng cấp địa phương, khi tuyên bố rằng tín hữu tại thế vẫn có thiên chức tư tế để đảm trách. Sau Hội Đồng Vatican II, tín hữu tại thế đã bắt đầu đảm trách nhiều chức vụ lúc trước chỉ dành riêng cho các giáo chức. Nhưng đến đây định hướng chỉ là một giai đoạn và bị dừng lại, không đi đến giáo lý Cải Chánh Giáo về thiên chức tư tế cho mọi tín hữu.
2. Nghi lễ thờ phượng được đơn giản hóa. Thánh lễ được cử hành trong bản ngữ chứ không còn bằng tiếng La-tinh.
3. Dù khẳng định rằng Giáo Hội Công Giáo La Mã vẫn là Giáo Hội thật duy nhất, Hội Đồng Vatican II đã lần đầu tiên chính thức nói lên “sự tôn trọng” người Cải Chánh Giáo. Họ mang danh từ “anh em chia cách” chứ không còn là tà giáo. Đó là một thay đổi định hướng hoàn toàn so với Hội Đồng Trent. Các giáo hội Cải Chánh Giáo có thể là một con đường dẫn đến sự cứu rỗi, một sự chuẩn bị cho Thiên Quốc. Ngay cả các tôn giáo khác cũng có thể là một con đường dẫn đến Thượng Đế. Theo thần học gia Yves Congar đã nói, Hội Đồng Vatican II xem “các tôn giáo như một con đường tầm thường dẫn đến sự cứu rỗi còn Cơ Đốc Giáo là con đường vĩ đại.”⁸

4. Kinh Thánh được xem như thước đo lường tín ngưỡng và thực hành quan trọng hơn. Kinh Thánh chưa được đặt cao hơn nhưng ít nhất được đưa lên ngang hàng với truyền thống giáo hội, các Hội Đồng và các phán quyết với uy quyền tông tòa của giáo hoàng. Việc nghiên cứu Kinh Thánh của các tín hữu lần đầu tiên được khuyến khích nồng nhiệt. Từ đó rất nhiều người Công Giáo đã tham gia vào sự bùng nổ của các nhóm nhỏ học hỏi Kinh Thánh.
5. Kinh Thánh được xem như thước đo lường tín ngưỡng và thực hành quan trọng hơn. Kinh Thánh chưa được đặt cao hơn nhưng ít nhất được đưa lên ngang hàng với truyền thống giáo hội, các Hội Đồng và các phán quyết với uy quyền tông tòa của giáo hoàng. Việc nghiên cứu Kinh Thánh của các tín hữu lần đầu tiên được khuyến khích nồng nhiệt. Từ đó rất nhiều người Công Giáo đã tham gia vào sự bùng nổ của các nhóm nhỏ học hỏi Kinh Thánh.

Tính bất khả ngộ của giáo hoàng không được nói đến với sự nhấn mạnh tương đương về tầm quan trọng và thẩm quyền của hội đồng các giám mục. Giáo Hội Công Giáo La Mã vẫn còn là một thể chế giáo hoàng chuyên chế. Giáo hoàng là giáo chức duy nhất được chính thức bầu lên. Tuy vậy, Hội Đồng Vatican II cho phép ở một phần nào đó sự thiết lập các nguyên tắc dân chủ.⁹

Những thay đổi quá lớn và mang quá nhiều đột phá đến nỗi nhiều tín hữu Công Giáo không chuẩn bị tinh thần để chấp nhận. Người Công Giáo bảo thủ cho rằng những thay đổi như thế được thêm vào là sự thỏa hiệp với người Cải Chánh dị giáo tà giáo và cũng như với tư duy thế tục. Nhiều người nghĩ rằng các thay đổi này, dù có đưa vị trí tín hữu lên vẫn làm giảm đi vị trí của các linh mục và giáo chức. Gần 8.000 linh mục Mỹ đã rời bỏ mục vụ giữa 1966 đến 1972, và sự gia nhập các chủng viện Công Giáo ở Hoa Kỳ giảm xuống gần 31 phần trăm trong những năm đó.¹⁰ Giáo Hội Công Giáo La Mã đã trải qua một khủng hoảng tâm lý từ Hội Đồng Vatican II.

Các tín hữu Công Giáo và Cải Chánh Giáo đã hợp tác với nhau trong nhiều lãnh vực đáng kể từ Hội Đồng Vatican II. Phải chăng đó là những dấu hiệu của sự đoàn kết trở lại của Cơ Đốc Giáo trong tương lai ?

Lược Khảo Về Các Tín Lý Công Giáo La Mã

1. Ki-tô hữu Công Giáo có tin nơi Đức Chúa Trời Ba Ngôi Hiệp Một không ?

Có. Các tín lý chính thống giáo về Đức Chúa Trời Ba Ngôi Hiệp Một, được củng cố từ các hội nghị công đồng đầu tiên đã được khẳng định bởi Giáo Hội Công Giáo La Mã cũng như đa số các giáo hội Cải Chánh Giáo, trong đó có Giáo Hội Nazarene.

2. Ki-tô hữu Công Giáo có tin rằng Chúa Giê-su hoàn toàn là con người mà cũng hoàn toàn là Thượng Đế không? Họ có tin nơi sự hiện thân làm người của Thượng Đế hay không?

Có. Họ giảng dạy rất rõ ràng các giáo lý chính thống về sự Hiện Thân Làm Người và nhân thể của Chúa Giê-su Christ.

3. **Ki-tô hữu Công Giáo có tin rằng Đức Thánh Linh là một thân vị trọn vẹn của Thượng Đế không ?**

Có. Ki-tô hữu Công Giáo đã lập lại nhiều lần sự khẳng định về thần thể của Đức Thánh Linh, Ngôi Vị thứ ba trong Ba Ngôi Hiệp Một. Các tín hữu Nazarene không thể có một đồng minh nào vững chắc hơn tín hữu Công Giáo về tín lý này.

4. **Ki-tô hữu Công Giáo có tin nơi sự ra đời của Chúa Giê-su từ một nữ đồng trinh và sự sống lại của Chúa không ?**

Có. Họ trích dẫn các Phúc Âm Lu-ca và Ma-thi-ơ để làm nền tảng cho sự giảng dạy giống như chúng tôi về sự Hiện Thân Làm Người của Chúa (hay đời sống nhập thể của Chúa. Người Công Giáo cũng giảng dạy về sự sống lại thật sự trong thân thể của Chúa Giê-su Christ.

5. **Ki-tô hữu Công Giáo có xem bà Ma-ria là mẹ của Chúa Giê-su theo quan điểm của các tín hữu Nazarene hay không ?**

Không. Họ gọi bà là *theotokos*, “Thiên Mẫu” hay “Mẹ của Thiên Chúa”, thay vì mẹ của Đấng Christ. Danh xưng này có dụng ý bảo vệ thần thể và thần tánh của Chúa Giê-su chống lại một số các dị giáo và tà thuyết đầu tiên. Ki-tô hữu Công Giáo đã dạy về sự thụ thai vô nhiễm nguyên tội. Vào ngày 8 tháng 12, 1854, Giáo Hoàng Pius IX đã định nghĩa giáo lý cho rằng bà Ma-ria là người duy nhất được sanh ra mà không bị nhiễm nguyên tội. Nền thần học Công Giáo dạy rằng nguyên tội di truyền qua các thế hệ. Vì thế sự thụ thai vô nhiễm nguyên tội của bà Ma-ria được xem như là cần thiết cho sự ra đời của Con Trai thiêng liêng của Thượng Đế. Theo họ, chính bà Ma-ria là người vô tội và “tràn đầy ân sủng” từ khi bà được thụ thai. Do đó bà không có khuynh hướng phạm tội. “Vì vậy, đức bà Ma-ria còn vượt qua phước hạnh của A-đam và Ê-va và các thiên thần vì tất cả đều có khả năng phạm tội, còn bà thì không.”¹¹ Giáo sư về giáo lý văn đáp Oscar Lukefahr nói rằng “sự thụ thai vô nhiễm nguyên tội là một ví dụ về giáo lý Công Giáo không được giảng dạy rõ ràng trong Kinh Thánh nhưng ý tưởng tương đồng với Kinh Thánh nên đã được mọi Ki-tô hữu Công Giáo trên khắp thế giới tin từ bao thế kỷ trước khi được thiết lập một cách chính thức bởi đức giáo hoàng.”¹²

6. **Ki-tô hữu Công Giáo có cầu nguyện bà Ma-ria không ?**

Có, nhưng không giống như cách họ cầu nguyện Thiên Chúa. Họ cho rằng họ *thờ phượng* Thiên Chúa nhưng chỉ *tôn thờ* đức bà Ma-ria. Họ tin rằng khi họ đưa bà Ma-ria lên một vị trí đặc biệt như là mẹ của Thiên Chúa thì bà có thể giúp họ trong việc cầu thay với Con Trai của bà. Vì thế mà họ thường cầu xin bà cầu thay cho họ. Bà có một vị trí đặc biệt cao hơn tất cả các thánh. Bà được xem như là “Ê-va mới”, như thể Chúa Giê-su được xem như là “A-đam mới”, là vô tội và mẹ thuộc linh của tất cả chúng ta. “Hội Đồng Vatican II đã giải nghĩa thật rõ ... là đức bà Ma-ria là một người trong chúng ta, một thành viên của Hội Thánh, và là một trong những người được Đấng Christ cứu chuộc.”¹³ Lời tuyên bố này trông như nhân

tính hóa hơn là thần thánh hóa bà.

7. Các giáo điều Công Giáo nào khác về bà Ma-ria là khác biệt với điều đa số tín hữu Cải Chánh Giáo giảng dạy?

Ki-tô hữu Công Giáo giảng dạy là bà Ma-ria vẫn là một nữ đồng trinh trọn đời. Họ xem những người anh hay em trai của Chúa Giê-su được nói đến trong Kinh Thánh như là những anh em tinh thần hay thuộc linh, hay có thể là những người con của một đời vợ trước của ông Giô-sép. Họ cũng tin sự Thăng Thiên của bà Ma-ria. Phán quyết theo uy quyền tông đồ của giáo hoàng trong 100 năm vừa qua đã bao gồm sự giảng dạy là vào cuối đời của bà Ma-ria, Đấng Christ đã ban cho bà sự chiến thắng trên sự chết và vì bà không bao giờ phạm tội, bà đã “thăng thiên” để sống hiệp nhất với Con Trai của bà.¹⁴

8. Ki-tô hữu Công Giáo có cầu nguyện các thánh không ?

Người Công Giáo thích nói đến từ *sùng kính* hơn là *cầu nguyện* hay *thờ phượng*, nhưng cầu nguyện một người chết là một thực hành thông dụng đối với người Công Giáo. “Chúng tôi cầu nguyện Thiên Chúa, Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Thần [Đức Thánh Linh] như các Đấng đem đến mọi ân phước”, theo tác giả Oscar Lukefahr. “Chúng tôi cầu nguyện các thánh với ý nghĩa là chúng tôi khẩn xin họ cầu nguyện với chúng tôi và cho chúng tôi, song hành với chúng tôi trong tình yêu thương và tình bằng hữu và dẫn dắt chúng tôi đến gần với Chúa Giê-su hơn.”¹⁵ Theo tư duy Công Giáo ranh giới giữa người sống và người chết rất mong manh. Những người còn sống hay đã chết đều được xem như là thành viên giáo hội mà chúng ta có thể khẩn cầu họ để họ cầu thay cho chúng ta, cũng như anh chị có thể yêu cầu vị mục sư nhớ đến anh chị trong sự cầu nguyện của ông. Đối với người Cải Chánh Giáo, giáo lý “thiên chức tư tế cho mọi tín hữu” thay thế thực hành của giai cấp trung gian này.

9. Ki-tô hữu Công Giáo dạy gì về thánh lễ Tiệc Thánh của Chúa?

Bí Tích Thánh Thể (Tiệc Thánh của Chúa) là lãnh vực mà người Công Giáo và Cải Chánh Giáo luôn luôn bất đồng ý kiến. Cả hai đều cử hành thánh lễ này nhưng điều gì được cử hành trong thánh lễ này chính là điều họ không đồng ý. Ki-tô hữu Công Giáo nhấn mạnh là bánh và rượu thật sự trở nên thân thể và máu của Chúa Giê-su. Đa số các tín hữu Cải Chánh Giáo xem bánh và rượu (hay nước nho) là biểu tượng cho thân thể Chúa Giê-su đã chịu đau khổ và máu của Ngài đã từng đổ ra.

Cả hai truyền thống đều khích lệ các tín hữu tự xét mình về mặt thuộc linh trước khi nhận lãnh thánh lễ này. Sự kiêng ăn và xưng tội với vị linh mục về bất cứ trọng tội nào phải đi trước Bí Tích Thánh Thể đối với các Ki-tô hữu Công Giáo. Bí Tích Thánh Thể cũng nuôi dưỡng đời sống thuộc linh và đem chúng ta đến gần với Thiên Chúa hơn, cũng như giữa anh em trong đức tin với nhau và là một hình bóng báo trước sự tái lâm của Chúa chúng ta. Đối với người Công Giáo, đó cũng là một lễ vật hiến tế được dâng lên trong thánh lễ. Từ ý tưởng máu chiên con của lễ Vượt Qua đã cứu người Y-sơ-ra-ên, Ki-tô hữu Công Giáo xem Bí Tích Thánh Thể như chính lễ vật hiến tế cho tội lỗi của họ. Người Công Giáo vẫn tin rằng

Đấng Christ thật sự hiện diện trong bánh và rượu, và thân thể và máu của Chúa Giê-su được dâng lên Thiên Chúa một lần nữa như là một lễ vật thánh tế cho tất cả các tội lỗi của họ.

Đối với sự thờ phượng Công Giáo, Bí Tích Thánh Thể là trọng tâm của buổi lễ. Trong các hội thánh Truyền Giảng Phúc Âm, trọng tâm của sự thờ phượng là bài giảng. Ki-tô hữu Công giáo tin rằng Đấng Christ thật sự hiện diện ở thánh lễ và là lễ vật hiến tế chuộc tội được dâng lên Thiên Chúa. Rất nhiều người Cải Chánh Giáo và Truyền Giảng Phúc Âm (Tin Lành) đồng ý ông Dietrich Bonhoeffer, người theo Tín Nghĩa Luther, khi ông nói rằng nếu người truyền giảng trung tín đem đến lời cứu rỗi của Đấng Christ thì Đấng Christ của lịch sử luôn luôn hiện diện, bước đi ở giữa hội chúng và đem đến sự cứu chuộc. Chủ đích của cả hai sự thờ phượng đều đem người thờ phượng đến với Đấng Christ trong một quan hệ hòa giải và cứu rỗi. Bí Tích Công Giáo được cử hành qua *thánh thể hiến tế*, sự thờ phượng Truyền Giảng Phúc Âm được cử hành qua thánh lễ của *sự truyền giảng Lời Chúa* và sự mời gọi.

10. Giáo Hội Công Giáo dạy gì về Bí Tích Thánh Tẩy hay Rửa Tội [thánh lễ Báp-têm]?

Ki-tô hữu Công Giáo giảng dạy rằng Bí Tích Thanh Tẩy hay Rửa Tội [Báp-têm] đem đến 4 ân phước: sự tha thứ tội lỗi (tội lỗi cá nhân và nguyên tội), sự tái sanh (đời sống mới trong Đấng Christ), sự hiệp thông với Thiên Chúa, và sự trở nên thành viên của giáo hội. Nghi lễ rất long trọng bao gồm sự trầm mình dưới nước hay sự đổ nước lên người chịu Bí Tích Thanh Tẩy. Mặc dù Ki-tô hữu Công Giáo tin rằng Bí Tích Thánh Tẩy là cơ hội được tha thứ tội lỗi, họ không nói rằng phép Báp-têm giải cứu họ. Bí Tích Thanh Tẩy là cần thiết cho sự cứu rỗi nhưng tự phép này không giải cứu một người. Người Công Giáo rất thận trọng không nói rằng họ được “cứu rỗi”. Theo họ đó là chủ thuyết Cải Chánh Giáo theo Calvin. Một số tín hữu Cải Chánh Giáo cho rằng nếu một người tiếp nhận Chúa Giê-su như là Cứu Chúa thì người đó đã được cứu rỗi mãi mãi. Ki-tô hữu Công Giáo không tin rằng sự cứu rỗi là một việc xảy đến một lần duy nhất. Ngược lại, thay vì xem sự cứu rỗi như là một kinh nghiệm xảy đến một lần, người Công Giáo xem đó là một hành trình. Hành trình đó bắt đầu với phép Báp-têm và các thánh lễ đầu tiên. Bí Tích Thánh Tẩy được nối tiếp bởi Bí Tích Thánh Thể đầu tiên rồi sau đó đến lễ Bí Tích Thêm Sức. Ông Oscar Lukefahr so sánh hành trình đi đến sự cứu rỗi như một chiếc tàu đi qua đại dương của cuộc sống để đến bến an lành của sự vĩnh cửu. “Con tàu đã được đóng. Đấng Christ đã thực hiện tất cả những gì cần thiết với sự sống, sự chết và sự sống lại của Ngài để đem chúng ta về trời Nhưng chúng ta phải giữ chỗ trên chiếc tàu và trở thành một người tham gia tích cực vào công việc của thủy thủ đoàn. Chúng ta cần phải ‘xây dựng’ sự cứu rỗi của chúng ta.”¹⁶ Ông Lukefahr nói tiếp, “Kinh Thánh chứng tỏ là một người có thể ‘nhảy ra khỏi tàu’ và tự chọn một định hướng sai lầm.”¹⁷ Vì thế người Công Giáo không nói là họ được cứu rỗi cho đến khi họ đã đến được thiên đàng một cách an toàn.

Giáo lý Nazarene về thánh lễ Báp-têm không phức tạp đến như thế, hay là trọng tâm của đức tin Cơ Đốc chúng tôi. Chúng tôi xem Báp-têm là một dấu hiệu bên ngoài của ân điển nội tâm. Ân điển đó

chính là ân điển cứu rỗi và ân điển xưng công chính một người có được với sự gặp gỡ Đấng Christ khi chúng ta xưng tội với Ngài và ăn năn hối cải cũng như đặt sự tin cậy nơi Chúa Giê-su như là Cứu Chúa của chúng ta. Sau một kinh nghiệm cải đạo như thế một người có thể nhận lãnh thánh lễ Báp-têm để làm chứng với mọi người rằng anh hay chị ấy đã trở nên một tín hữu và luôn luôn được người khác biết đến như là một môn đồ Đấng Christ. Vì thế chúng tôi tin rằng Báp-têm không nhất thiết cho sự cứu rỗi. Điều trọng yếu là quan hệ cá nhân và cứu rỗi với Chúa Giê-su Christ. Tuy vậy, thánh lễ Báp-têm là quan trọng như một ân phước không thể thiếu được. Quyền *Cảm Nang* của chúng tôi đã xác định, “Trong khi chúng tôi không tin rằng thánh lễ Báp-têm là nhất thiết để có được ân điển tái thiết của Đức Chúa Trời, chúng tôi tin rằng Đấng Christ đã ban cho thánh lễ này như một dấu hiệu và một dấu ấn cho giao ước mới.”¹⁸

Một chương trình tương đối mới được đem đến trong giới người Công Giáo được gọi là Nghi Thức Gia Nhập Cơ Đốc Người Tuổi Trưởng Thành [Rite of Christian Initiation of Adults]. Trong chức vụ này, người Công Giáo trở về với chương trình xưa cũ để chuẩn bị người cải đạo tuổi trưởng thành cho Bí Tích Thanh Tẩy. Chương trình này có bốn giai đoạn và có thể qua nhiều năm mới đạt đến. Giai đoạn 1 là *Thời Kỳ Tầm Đạo*, với sự học hỏi những điều căn bản về đức tin của người có ước nguyện trở nên một Cơ Đốc Nhân. Giai đoạn 2 là *Sự Giáo Huấn Về Giáo Lý*, một thời kỳ giảng dạy giáo điều và giáo lý thật kỹ càng. Giai đoạn 3 là *Sự Khải Đạo và Thanh Tẩy*. Vào mùa Chay [Lent] người xin được nhận lãnh phép Báp-têm được dẫn dắt trong sự nghiên cứu và cầu nguyện để đi đến trọng điểm vào Lễ Phục Sinh với các Bí Tích Thanh Tẩy, Thêm Sức và Thánh Thể.¹⁹ Thường được những người tại thế dẫn dắt với hệ thống dạy giáo lý đối đáp mới (1992), chương trình này khá hiệu quả.

11. Thánh Lễ Thêm Sức là gì ?

Bí Tích Thêm Sức [Confirmation] là nghi lễ thứ 3 để giúp một người khởi hành con đường đi đến thiên đàng. Bí Tích Thanh Tẩy đem đến sự tha thứ và sự tái thiết, theo tín lý người Công Giáo. Bí Tích Thánh Thể là thánh lễ của ân điển thánh hóa. Bí Tích Thêm Sức là thánh lễ của sự nên thánh. Chính xác hơn, bí tích này được xem như một ân tứ mà Đức Thánh Linh ban tặng cho một tín hữu. “Bí Tích Thêm Sức là Lễ Ngũ Tuần của chúng tôi,” một linh mục Công Giáo đã tuyên bố.²⁰ Bí tích này mang đến bông trái của Thánh Linh và nghị lực cho chức vụ. Tín hữu Nazarene cũng tin nơi sự tái sinh và tái tạo (ân điển cứu rỗi) và ân điển nên thánh nhưng chúng tôi xem đó là những kinh nghiệm cá nhân mà không một nghi lễ nào có thể mang đến được.

Đối với người Ki-tô hữu Công Giáo sự bước vào đời sống Cơ Đốc là một điều xảy ra với thời gian. Một tác giả về giáo lý đối đáp đã viết, “Sự cải đạo để quay về với Chúa Giê-su Christ... là một biến cố khá gian nan đòi hỏi thời gian và sự nuôi dưỡng người có ước nguyện cải đạo bởi các thành viên đầy dẫy đức tin của cộng đồng.”²¹ Có lẽ trông như đối với anh chị (tín hữu Nazarene) có thể giảng dạy cho các anh em

người Công Giáo điều gì đó về quan hệ cá nhân với Đức Chúa Trời, trong khi chính *họ* cũng có thể giảng dạy cho *chúng ta* về sự chuẩn bị thật chu đáo người có ước nguyện cải đạo cho hệ thống môn đồ hóa chẳng?

12. Ki-tô hữu Công Giáo còn cử hành các bí tích [thánh lễ] nào khác ngoài bí tích Thanh Tẩy và Thánh Thể của Chúa ?

Hệ thống Giáo Lý Đối Đáp Công Giáo La Mã liệt kê 7 bí tích được xếp vào các thể loại như sau: 3 bí tích của sự gia nhập giáo hội: Thanh Tẩy, Thánh Thể của Chúa và Thêm Sức; 2 bí tích của sự chữa lành: Sám Hối [penance] (hay hòa giải) và chữa lành người bệnh; và 2 bí tích của thiên chức và sứ mệnh: mục chức và hôn nhân. Phần lớn các nhóm Cải Chánh Giáo trong đó có Giáo Hội Nazarene chỉ nhìn nhận Báp-têm và Tiệc Thánh của Chúa như là thánh lễ.

13. Người Công Giáo có giảng dạy về sự cứu rỗi như là duy nhất bởi ân điển không?

Không. Người Công Giáo có dạy rằng ân sủng hay ân điển là nguồn cứu rỗi đầu tiên. Nếu không có tình yêu thương đầy ân điển của Đức Chúa Trời và sự chuộc tội của Đấng Christ thì không ai có thể hy vọng được sự cứu rỗi. Nhưng ngoài yếu tố này, người Công Giáo giảng dạy rằng mỗi người phải xứng đáng, hay trả giá phần nào cho sự cứu rỗi với công đức của mình, sự sùng đạo, sự thống khổ và sự phục vụ. Tương phản với người Công Giáo, tín hữu Cải Chánh Giáo theo luận giáo Calvin và một số theo Tín Nghĩa Luther tuyên bố rằng sự cứu rỗi là một vấn đề của sự tiền định. Điều này mang hàm ý của tín lý cho rằng sự cứu rỗi tùy thuộc vào Đức Chúa Trời và duy nhất nơi Ngài, và anh chị không thể làm được điều gì để cho mình trở nên xứng đáng cho sự cứu rỗi. Vì thế mà tín hữu Cải Chánh Giáo kinh điển nói về *việc nhận lãnh* sự cứu rỗi. Họ không bao giờ nói đến *việc đạt đến* hay sự cứu rỗi như *một thành quả* như người Công Giáo thường nói đến sự cứu rỗi.

Ông John Wesley, tổ phụ thuộc linh của chúng tôi, đã cố gắng tìm một con đường dung hòa giữa quan điểm Cải Chánh Giáo kinh điển nói về ân điển và quan điểm Công Giáo về công đức. Ông nói rằng công việc thiện (các hành động tin kính và thương cảm) là cần thiết nhưng chỉ là con đường phụ thuộc chứ không bao giờ được xem như là một cách xứng đáng hay giá trả để nhận lãnh sự cứu rỗi hay một phần của sự cứu rỗi. Việc thiện đơn thuần là điều mỗi Cơ Đốc Nhân phải và cần làm. Ông Wesley tuyên bố rằng ông sẽ không đánh giá một người như có được một hạt của đức tin nếu như người này không sẵn sàng “chi tiêu và phục vụ” những người khác.

14. Giáo lý Công Giáo về sự Sám Hối là gì ?

Sự Sám Hối [Penance] là một giai đoạn trong thực hành Công Giáo của sự xưng tội hay sự hòa giải. Trước hết là *sự ăn năn hối hận*, hay sự đau buồn của một người đối với tội lỗi của mình. Sau đó là *sự xưng tội* với một linh mục. Thứ ba, vị linh mục sẽ đo lường sự phạm tội và sẽ quy định một *sự đền bù thỏa đáng* hay *sự sám hối*. Đây là một nỗ lực để sửa chữa thiệt hại gây ra bởi tội lỗi của một người. Điều gần nhất với giáo lý sám hối trong sự giảng dạy của Tin Lành là thực hành hoàn trả: người cải đạo được trông đợi phải

hoàn trả lại tiền đã trộm cắp, xin lỗi những điều không đúng đã vu khống người khác, và nhiều điều tương tự như thế.

Vào những thế kỷ trước, những quy luật về sám hối Công Giáo rất nghiêm khắc. Nếu sau khi nhận lãnh Bí Tích Thanh Tẩy một người phạm tội ngoại tình hay có những hành động đồng tính luyến ái, người đó sẽ bị vạ tuyệt thông [excommunicated] trong vòng 15 năm và được lệnh cấm trọn đời mọi quan hệ sinh lý. Tội sát nhân, phù thủy và loạn luân chỉ có thể được tha thứ sau 20 năm sám hối với vạ tuyệt thông. Chối bỏ Đấng Christ dưới sự bắt bớ là tội trầm trọng nhất. Sự sám hối là sự chia cách người phạm tội và đặt họ vào “nhóm người than khóc” của hội thánh trong suốt cuộc đời còn lại của người ấy, nơi mà người ấy phải kêu than lớn tiếng mỗi Chủ Nhật khi những người ngoan đạo nhóm lại để thờ phượng. Họ sẽ không bao giờ được cho phép dự phần vào Bí Tích Thánh Thể cho đến phút cuối cùng trước cái chết.²²

Ngày nay mọi sự trở nên khoan dung hơn, nhưng Giáo Hội Công Giáo có một lịch sử dài của sự báo trình trách nhiệm và sám hối. Sự ăn năn sám hối và xưng tội chưa đủ; sự bồi thường thỏa đáng phải được thực hiện đối với Đức Chúa Trời và với người anh em nạn nhân của người phạm tội. Sau sự ăn năn và xưng tội cũng như quy định sám hối, vị linh mục sẽ ban *phép xá tội* [absolution], hay sự tha thứ các tội lỗi. Quan điểm Công Giáo về nơi luyện tội [purgatory] đều liên quan đến sự sám hối. Nếu một người chết đi trước khi thực hiện mọi quy định của phép sám hối, lửa của chốn luyện tội sẽ đem đến sự thống khổ được đòi hỏi hoặc nếu không sẽ thanh tẩy linh hồn, để cuối cùng người đó sẵn sàng để lên thiên đàng.

15. Tại sao đa số các tín hữu Cải Chánh Giáo không đồng ý với ý tưởng xưng tội với một linh mục?

Kinh nghiệm và sự thông sáng chứng tỏ rằng có những lúc sự xưng tội với một người chăn bầy hay mục sư Cơ Đốc hay với một người bạn cần được thêm vào sự xưng tội của chúng ta với Đức Chúa Trời. Nguyên tắc của Cải Chánh Giáo về thánh chức tư tế của tất cả các tín hữu bao gồm sự tin chắc rằng chính sự xưng tội với Đức Chúa Trời mới đem đến sự tha thứ và sự hòa giải. Một người linh mục không thể định đoạt sự tha thứ cho chúng ta được hay không. Lời hứa của Kinh Thánh là đủ: “Nếu chúng ta xưng tội lỗi mình thì Ngài là Đấng thành tín và công chính sẽ tha thứ tội lỗi chúng ta và thanh tẩy chúng ta sạch mọi điều bất chính.” (1 Giăng 1:9).

Một phần của sự nổi dậy của phong trào Kháng Giáo [Protestant] chống lại hệ thống xưng tội Công Giáo chính là việc quá nhiều quyền hạn được ban cho các linh mục trên đời sống của một người. Khi một con người đơn thuần có khả năng chấp nhận hay giữ lại sự tha thứ, và chỉ định một sự trừng phạt hay sự sám hối theo ý riêng của mình thì chắc chắn sẽ có các lạm quyền đáng sợ. Rất ít hay đúng hơn không có phân đoạn nào của Kinh Thánh có thể được trích dẫn để hỗ trợ ý tưởng xưng tội với một linh mục, nhưng Giáo Hội Công Giáo La Mã vẫn giữ vững lập trường này.

Hệ thống xưng tội còn có thể bị lạm dụng bằng nhiều cách khác. Tại Hội Nghị Tôn Giáo ở thành

phố Toledo vào năm 589, lời than phiền này đã được ghi chép lại: “Chúng tôi đã nghe được rằng trong một số nhà thờ ở Tây Ban Nha các tín hữu ... thỉnh cầu một linh mục ban cho họ sự ân xá tội lỗi bao nhiêu lần theo như ý muốn phạm tội của họ.” (23)

16. Ki-tô hữu Công Giáo có tin rằng Kinh Thánh được Đức Chúa Trời thần cảm hay không?

Có, nhưng Kinh Thánh có ít thẩm quyền đối với họ như đối với người Cải Chánh Giáo. Chúng tôi tin rằng Kinh Thánh là Thảm Quyền tối hậu trên các lãnh vực của đức tin và sự cứu rỗi. Ki-tô hữu Công Giáo cho rằng giáo hội đã tạo ra Kinh Thánh cho việc sử dụng của giáo hội và do đó giáo hội chính thức có quyền năng diễn giải Kinh Thánh. Mặc dù họ xem Kinh Thánh là Lời của Thượng Đế, họ vẫn tin theo truyền thống của giáo hội, các chiếu chỉ bất khả ngộ (không sai trật) của giáo hoàng, và các Hội Đồng thần học đều có thẩm quyền tương đồng với Kinh Thánh.

17. Ki-tô hữu Công Giáo có tin rằng Giáo Hội của họ là Giáo Hội thật và duy nhất hay không ?

Có. Dù họ vẫn tìm đến các tín hữu Cải Chánh Giáo, người Do-thái và thành viên các tín ngưỡng khác, Vatican II đã nói, “Họ không được cứu rỗi, những người hiểu biết rằng Giáo Hội Công Giáo đã được thành lập như một sự cần thiết bởi Thiên Chúa qua Chúa Ki-tô mà từ chối không muốn bước vào giáo hội ấy hay không muốn ở trong giáo hội ấy ... Chỉ duy nhất qua Giáo Hội của Chúa Ki-tô, Giáo Hội bao gồm các phương pháp của sự cứu rỗi cho tất cả mọi người, với tất cả sự sung mãn của các phương pháp cứu rỗi mà mọi người có thể đạt đến.”²⁴ Điều này không có nghĩa là các tín hữu Công Giáo tin rằng các Cơ Đốc Nhân khác sẽ bị hư mất một cách vĩnh viễn. Vatican II cũng đã nói, “Một người không thể cáo buộc tội ly giáo những người hiện giờ đã sanh ra trong các cộng đồng này [các giáo hội Cải Chánh Giáo] và được lớn lên trong niềm tin của Chúa Ki-tô, và Giáo Hội Công Giáo chấp nhận và bày tỏ với họ sự triu mến như là những anh em.

18. Giáo Hội Công Giáo có giảng dạy tiêu chuẩn của Kinh Thánh về luân thường đạo lý về sinh lý – quan hệ tình dục hay không ?

Có. Sự giảng dạy của Giáo Hội Công Giáo La Mã chống đối kịch liệt quan hệ tình dục trước hôn nhân, sự ngoại tình và đồng tính luyến ái. Ki-tô hữu Công Giáo chống lại thực hành phá thai. Giáo Hội Công Giáo La Mã không ban phước cho sự ly hôn. Giáo Hội này cũng cảnh giác các thành viên là quan hệ tình dục trong hôn nhân phải có sự tiết độ và không thể là dâm dục. Trên các lãnh vực này, Giáo Hội Nazarene và Giáo Hội Công Giáo La Mã có những quan niệm tương đồng.

Giáo Hội Công Giáo chính thức xem sự thủ dâm như là một tử tội (trọng tội) và ngăn cấm sự ngừa thai nhân tạo. Các tín hữu Nazarene đặt hai vấn đề này cho lương tâm của mỗi người và sự dẫn dắt của vị mục sư.

Một số thống kê gần đây cho thấy rằng đa số các tín hữu Công Giáo Mỹ không đồng ý với giáo hội của họ về vấn đề ly dị, quan hệ tình dục trước hôn nhân và sự ngừa thai.⁶



1 tỷ Ki-tô hữu Công Giáo trên khắp thế giới cũng là một phần sáu dân số thế giới. Giáo Hội Công Giáo La Mã là giáo thể lớn nhất trên thế giới. Vào năm 1993, khoảng 23 phần trăm người Mỹ tự nhận dạng như là tín hữu Công Giáo. Tổng số tín hữu Công Giáo ở Hoa Kỳ là trên 60 triệu người thờ phượng trong khoảng 20.000 nhà thờ.²⁷





PHẦN 4

NHỮNG GIÁO HỘI CẢI CHÁNH GIÁO KINH ĐIỂN



TÓM LƯỢC

NHỮNG NGƯỜI CẢI CHÁNH GIÁO ĐẦU TIÊN: CÁC TÍN HỮU TÍN NGHĨA [LUTHERANS] ĐÃ SẮP XẾP LẠI THẾ GIỚI CƠ ĐỐC

Vị Lãnh Đạo Chính Yếu

Martin Luther, tu sĩ dòng Augustine trở thành một nhà Cải Chánh Giáo, chính là lãnh đạo không thể tranh cãi của phong trào Cải Chánh Giáo Tín Nghĩa [Lutheran]. Ông đã lãnh đạo phong trào Cải Chánh Giáo tại Đức Quốc và đã ảnh hưởng các phong trào Cải Chánh Giáo ở các quốc gia khác. Ông Luther và các môn đồ của ông đã thay đổi thật sâu sắc toàn thể Cơ Đốc Giáo.

Niềm Tin Cốt Lõi

Sự xưng công chính bởi ân điển qua đức tin nơi Đấng Christ.

Kinh Thánh là thẩm quyền tối hậu của Giáo Hội.

Thánh chức tư tế cho mọi tín hữu - chứ không chỉ dành riêng cho một thiểu số được phong chức.

Sự cần thiết kết hợp giáo lý với kinh nghiệm cá nhân.

Sự hiện diện thật sự của Đấng Christ trong các yếu tố của Tiệc Thánh.

Các Điểm Tương Đồng và Khác Biệt

Các tín hữu Nazarene hết lòng đón nhận các nguyên tắc Cải Chánh Giáo giảng dạy bởi ông Luther: sự xưng công chính bởi đức tin, sự cứu rỗi bởi ân điển mà không với công đức, thẩm quyền của Kinh Thánh, và thiên chức tư tế của mọi tín hữu.

Tuy thế, chúng tôi khác biệt ở các điểm như giáo thể của Giáo Hội, Tiệc Thánh của Chúa, thánh lễ Báp-têm, các lời thờ phượng, và giáo lý nên thánh.

Các Cơ Đốc Nhân Tín Nghĩa [Lutheran] Ngày Nay

Hiện nay có 68 triệu tín hữu Tín Nghĩa [Lutheran] thuộc về 100 giáo hội trên khắp thế giới. Giáo hội Tín Nghĩa Mỹ lớn nhất là Giáo Hội Tín Nghĩa Truyền Giảng Phúc Âm với 5,2 triệu thành viên.



Mỗi người phải quyết định cho tín ngưỡng cá nhân của mình, cũng như mỗi người phải quyết định cho cái chết của chính mình.

CHƯƠNG 8

NHỮNG NGƯỜI CẢI CHÁNH GIÁO ĐẦU TIÊN: CÁC TÍN HỮU TÍN NGHĨA [LUTHERANS] ĐÃ SẮP XẾP LẠI THẾ GIỚI CƠ ĐỐC

PHONG TRÀO KHÁNG GIÁO [PROTESTANTISM] NỔI LÊN vào đầu thế kỷ thứ 16 như một nghị lực mới trong Cơ Đốc Giáo. Phong trào Kháng Giáo có bốn hình thức khác nhau vào những năm 1600: phong trào Tín Nghĩa [Lutheranism] chủ trương bởi ông Luther, Cải Chánh Giáo truyền thống (hay luận giải Calvin) chủ trương bởi ông Calvin, Tái Báp-têm [Anabaptism], và Anh Giáo [Anglicanism]. Mỗi truyền thống có những thiên tài, mục đích và tinh thần riêng biệt. Và mỗi truyền thống đã góp phần các luồng tư tưởng sau này đã pha lẫn với nhau để tạo thành Giáo Hội Nazarene.

Con Đường Dẫn Đến Cải Chánh Giáo.

Phong trào Tín Nghĩa của ông Luther, như một lưỡi búa, đã chẻ Châu Âu Công Giáo ra làm hai. Phong trào này không đến từ sự ngẫu nhiên. Châu Âu của thế kỷ thứ 16 lúc đó đang sôi sục. Trước phong trào Tín Nghĩa đã có sự nhấn mạnh trở lại trên sự truyền giảng được khích lệ trong các tu viện và dòng tu được thành lập bởi Dominic và Francis của Assisi. Cải Chánh Giáo, kết quả của phong trào phục hưng đó, đã tạo ra các giáo hội Cải Chánh Giáo, và các giáo hội này đã duy trì sự truyền giảng phục hưng này.

Chủ nghĩa nhân bản luận [luận thuyết nhân văn] của thời Phục Hưng cũng đã mở đường cho Cải Chánh Giáo. Người Công Giáo theo luận thuyết nhân văn ưa thích đưa nền thần học của họ về lãnh vực thực tế. Nhiều người khinh thường thần học trừu tượng và đã nghiên cứu Hy-lạp và La-tin và các tác phẩm về Kinh Thánh hơn là triết học. Sự tìm kiếm trong các tác phẩm cổ đại của họ đã đem đến các phương pháp mới về phiên dịch và nghiên cứu. Công việc nghiên cứu và phiên dịch các tác phẩm Hy-lạp và Hê-bơ-rơ đã giúp cho Luther và những nhà Cải Chánh Giáo khác phiên dịch được Kinh Thánh sang ngôn ngữ phổ thông thời của họ. ⁽¹⁾

Ông Luther và Cải Chánh Giáo tại Đức Quốc.

Martin Luther sanh ra tại Saxony, một bang Đức của Thánh Chế La Mã [Holy Roman Empire]. Sau khi tốt nghiệp một bằng cử nhân tại Đại Học của Erfurt, ông trở nên một tu sĩ và linh mục thuộc dòng tu

Augustine. Dòng tu Augustine đã gửi ông đến đại học mới của Wittenberg để tu nghiệp. Rồi ông tốt nghiệp thêm một bằng cao học và trở nên giáo sư thần học Kinh Thánh.

Nhưng ông Luther bị ám ảnh bởi sự khiếp đảm đối với Thượng Đế. Khi ông đọc những lời lẽ của Phao-lô về “sự công chính của Đức Chúa Trời”, ông Luther cảm nhận như bị phán xét và kết tội bởi Đấng Thẩm Phán Thượng Phẩm. Sự lo sợ của ông không giảm bớt cho đến khi ông ý thức được rằng “sự công chính của Đức Chúa Trời” chẳng phải là một giáo lý của sự kinh khiếp mà lại là giáo lý của sự giải thoát. Sự công chính của Đức Chúa Trời là một sự phán xét giải thoát, chứ không kết tội con người tội lỗi. Từ đó, ông Luther mới hiểu được là sự công chính của Đức Chúa Trời có nghĩa là Ngài chấp nhận ân điển một người tội lỗi.

“Thần học mới về thập tự giá” của ông Luther nhấn mạnh trên thực chất tội lỗi tuyệt đối của nhân loại, tấm lòng “hướng về bản ngã” khiến cho mỗi người không thể được cứu rỗi, ngoại trừ bởi ân điển của Đức Chúa Trời. Nhưng ông Luther cũng nhấn mạnh trên quyết định của Đức Chúa Trời để hoàn toàn tha thứ các tội lỗi. Các Cơ Đốc Nhân đã trở nên công chính chỉ vì họ được xưng công chính qua đức tin và bởi ân điển của Đức Chúa Trời. Giáo lý này được gọi là xưng công chính bởi đức tin. Nhưng ân điển, chủ động bởi Đức Chúa Trời, là trọng tâm của giáo lý này. Theo ông Luther đức tin là phương thức mà Đức Chúa Trời ban cho con người ân điển cứu rỗi. Đức tin được hiểu chính yếu như là “tin cậy” hơn là “tin”. Ngay cả các quỷ thần cũng tin là có Đức Chúa Trời, nhưng đương nhiên chúng sẽ không đặt *sự tin cậy* nơi Ngài !

Sự phân biệt giữa “luật pháp” và “phúc âm”, được gợi ý bởi Phao-lô, là quan trọng trong nền thần học Luther. Giáo lý xưng công chính bởi ân điển đã đón ngã tinh thần luật pháp [legalism]. Từ đó đến nay, các tín hữu Tin Nghĩa luôn luôn nhấn mạnh trên sự phân biệt giữa luật pháp và phúc âm.

Mục vụ và Thờ Phụng

Cách mạng thần học của ông Luther có những ảnh hưởng sâu đậm đối với Giáo Hội và thánh chức. Giáo Hội Công Giáo La Mã đã thiết lập một ranh giới rõ ràng và kiên cố giữa hàng giáo phẩm và người thế tục. Trong Giáo Hội Công Giáo La Mã, hôn nhân và sự tấn phong cho thánh chức là hai thánh lễ, do đó một người nam phải lựa chọn một trong hai cách phụng sự Đức Chúa Trời (chứ không thể cả hai cùng một lúc). Nhưng ông Luther đã tranh luận rằng mỗi Cơ Đốc Nhân đều là một người hầu việc Đức Chúa Trời được Ngài kêu gọi qua thánh lễ báp-têm để tham gia vào thánh chức của Hội Thánh đối với thế gian. Ý tưởng này được gọi là “thiên chức tư tế của mọi tín hữu”. Giáo phẩm được tấn phong, - được biệt riêng cho sự truyền giảng, cử hành các thánh lễ, và dẫn dắt bày chiên của Đấng Christ (tiêu biểu cho cộng đồng Đấng Christ và biểu tượng cho sự kêu gọi của cả Hội Thánh). Thiên chức tư tế của mọi tín hữu sẽ làm cho chúng ta thành những tôi tớ có trách nhiệm với nhau và cho thế gian. Giáo lý này cũng gợi ý rằng người thế tục cũng có một số vai trò trong thể chế giáo hội.

Luther tin rằng sự thờ phụng cũng cần được cử hành trong ngôn ngữ phổ thông của mọi người, do

đó ông đã chỉnh sửa thánh lễ Công Giáo bằng tiếng La-tin và dịch sang Đức ngữ. Ông cũng đã phiên dịch Kinh Thánh sang tiếng Đức vì lý do tương tự. Khi thờ phượng và đọc Kinh Thánh trong tiếng mẹ đẻ của họ, những người Đức bắt đầu phát triển tinh thần dân tộc của họ. Một năng lực tương tự đã được phát huy trong những quốc gia khác khi Cải Chánh Giáo, có thể nói là tốt và cũng là xấu, đã củng cố chủ nghĩa dân tộc tại Châu Âu. Và Cải Chánh Giáo đã đẩy nhanh sự tan rã của Thánh Chế La Mã tồn tại từ thời Hoàng Đế Charlemagne của thế kỷ thứ 9.

Luther đã chủ động một số thay đổi để trở thành khuôn mẫu cho đời sống Cơ Đốc Nhân của chúng ta. Các Cơ Đốc Nhân đầu tiên đã chấp nhận để vào Cựu Ước một số tác phẩm mà các thầy thông giáo của Do-thái Giáo đã không chấp nhận như thuộc về thánh kinh chính điển của họ. Luther đã loại các quyển sách mà những người theo Cải Chánh Giáo gọi là Ngụy Kinh - hay Thứ Kinh [Apocrypha] ra khỏi bản phiên dịch Kinh Thánh tiếng Đức của ông. Các nhà Cải Chánh Giáo khác đã theo định hướng của ông, do đó Cựu Ước của Cải Chánh Giáo lại phù hợp với thánh kinh chính điển của Do-thái Giáo nhưng khác biệt một ít với Công Giáo La Mã và Chính Thống Giáo Phương Đông.

Luther đã chủ trương cho sự kết hôn trong hàng giáo phẩm vì ông không còn bị ràng buộc bởi tín lý của Giáo Hội Công Giáo La Mã xem hai bản chất của hôn nhân và thánh chức thụ phong như loại trừ nhau. Với sự tiến triển của phong trào Cải Chánh Giáo của ông Luther, các tu viện và nữ tu viện tại bang Saxony đều đóng cửa. Ông Luther đã giúp các nữ tu tìm được chồng. Và để làm gương tốt, ông đã kết hôn với cô Katherine von Bora. Họ đã có được ba đứa con trai và ba đứa con gái. Và họ đã thật sự có được một gia đình hạnh phúc. Không thể nghi ngờ được, thánh chức mục vụ là một tặng phẩm tuyệt vời đến từ Cải Chánh Giáo Tín Nghĩa của ông Luther.²

Một trong những thay đổi khác được ông Luther đem đến là con số các thánh lễ. Công Giáo La Mã và Chính Thống Giáo có bảy thánh lễ, nhưng Luther chỉ chấp nhận thánh lễ Báp-têm và Tiệc Thánh của Chúa.

Trái Tim Dũng Cảm

Cuộc đời của Luther là sự thăng trầm giữa những thời kỳ nghiên cứu buồn tẻ và những thời điểm thật xúc động. Ông có tài hùng biện xuất chúng và đã sử dụng diễn đàn này để đưa ra những ý tưởng của ông và chinh phục những người theo chính nghĩa của ông. Khi Cải Chánh Giáo đầu tiên đã gây ra một khủng hoảng tại Đức Quốc, ông Luther bắt buộc phải bênh vực các ý tưởng của ông trước Charles V, vị Hoàng Đế của Thánh Chế La Mã, và quốc hội Đức (Diet). Cuối cùng ông được bảo phải công khai chối bỏ lập trường, ông Luther từ chối và đã hét lên: “Tôi là người bất khuất. Và tôi chẳng thể làm gì khác hơn. Vậy xin Đức Chúa Trời cứu giúp tôi.” Vị hoàng đế đã ban sắc lệnh bắt ông Luther và ông đã phải sống dưới sự đe dọa này suốt cả cuộc đời của ông. Nhưng ông Luther đã chinh phục được lòng tin của nhiều hoàng tử Đức, trong đó có hoàng tử Frederic của bang Saxony, quê hương ông, và cũng là người đã che chở ông.

Rất may cho Luther, người Thổ Nhĩ Kỳ đã xâm chiếm Áo Quốc [Austria], và hoàng đế Charles V đã phải dành 10 năm kế tiếp để lo việc phòng thủ, bảo vệ Châu Âu chống lại mối đe dọa này. Khi đã đẩy lui được người Thổ Nhĩ Kỳ, Cải Chánh Giáo Tín Nghĩa Luther đã được thiết lập một cách vững chắc ở nhiều nơi tại Đức Quốc. Ông Luther đã nhận xét với một số cộng sự viên là trong khi ông và các bạn của ông đang thưởng thức bia trong hoa viên, Lời của Đức Chúa Trời đã tiến triển trong việc cải chánh giáo hội. Một điểm rất rõ: ông Luther đã thật sự chuyên tâm làm việc cho chính nghĩa Cải Chánh Giáo nhưng sự thành công đến từ Đức Chúa Trời chứ không phải do công sức của ông.

Đời Sống Tin Kính [Pietism]

Một thế kỷ sau Luther, một số mục sư đã tranh luận là tiềm năng của lập trường Tín Nghĩa của Luther chưa được thực hiện một cách trọn vẹn. Họ tin rằng sự cải chánh về giáo lý và thờ phượng cần được tiếp nối với sự cải chánh tiến xa hơn nữa về mặt thuộc linh. Phong trào Đời Sống Tin Kính [Pietism] kết hợp giáo lý của giáo hội một cách toàn vẹn hơn với đời sống thuộc linh. Các lãnh đạo đầu tiên của Phong Trào Đời Sống Tin Kính của Đức là các ông Philip Jakob Spener và Auguste H. Francke. Mục sư Spener đã thành lập các nhóm nhỏ gồm những môn đồ quyết tâm gặp gỡ nhau để nghiên cứu Kinh Thánh và cầu nguyện. Thành viên các nhóm này nói đến sự xưng công chính bởi đức tin bằng chính những từ vựng cá nhân và các môn đồ có trách nhiệm báo cáo với nhau. Kinh nghiệm này đã thật sự làm sống dậy các hội thánh của mục sư Spener, và những phương pháp của ông được những người khác tiếp nhận và làm theo. Dưới ảnh hưởng của Francke, môn đồ của ông, Đại Học Halle trở thành một nơi truyền bá các phương pháp của đời sống tin kính và thuộc linh. Ông Nicholas von Zinzendorf, được giáo huấn tại Đại Học Halle, đã thành lập giáo phái Moravian, một giáo phái chủ trương đời sống tin kính, sau này ảnh hưởng John Wesley. Đời Sống Tin Kính cũng đã tác động nhiều giáo hội Cải Chánh Giáo khác. Sử gia Ernest Stoeffler đã nhận dạng các chủ đề chính của Đời Sống Tin Kính: một nghị lực mới trong sự truyền giảng, một sự đổi mới trong sự quan tâm và chăm sóc mục vụ, đời sống tĩnh nguyện và nghiên cứu các sách về Kinh Thánh, sự quan tâm đến sứ mệnh truyền giáo, mở rộng phạm vi hoạt động xã hội, và một sự nhấn mạnh trên hệ thống môn đồ hóa.

Tín Hữu Tín Nghĩa tại Hoa Kỳ

Henry Muhlenburg đã đến Mỹ vào những năm 1700 với nhiệm sở mục sư quản nhiệm cho ba hội thánh Tín Nghĩa được các người nhập cư gốc Đức và Hòa Lan thành lập. Vào năm 1748, ông đã tổ chức các hội chúng Tín Nghĩa này cũng như các hội chúng khác thành Hội Nghị Tín Nghĩa Luther đầu tiên tại Hoa Kỳ [Lutheran Synod]. Công việc trọng yếu của ông như một mục sư và một nhà tổ chức đã đem đến sự nhìn nhận ông như là lãnh đạo chính của giáo hội Tín Nghĩa tại Mỹ, lúc đó vẫn còn là thuộc địa của Anh Quốc.

Quá trình di dân từ Châu Âu sang Mỹ đã đi đến cực điểm vào thế kỷ thứ 19, và người nhập cư theo Cải Chánh Giáo Tín Nghĩa đã thành lập các giáo hội tại Mỹ tùy theo nguồn gốc quốc gia của họ. Các giáo



hội mới cũng được thành lập tùy theo sở thích của các thánh viên, tùy theo phương hướng đời sống tín kính (định hướng thuộc linh) hay phương hướng tín ngưỡng (định hướng giáo lý). Phần lớn thế kỷ thứ 19, Đời Sống Tín Kính là tiếng nói có ảnh hưởng nhất trong giáo hội Tín Nghĩa.

Trong thế kỷ vừa qua, các giáo hội và hệ phái một thời hỗn tạp của Cải Chánh Giáo Tín Nghĩa Luther đã dần dần cô đọng lại thành ít nhóm riêng biệt hơn. Vào năm 1995, đại đa số các tín hữu Tín Nghĩa tại Mỹ được gom lại trong Giáo Hội Tín Nghĩa Truyền Giảng Phúc Âm Hoa Kỳ (ELCA – Evangelical Lutheran Church in America), với 5,2 triệu thành viên, và Giáo Hội Tín Nghĩa Luther - Hội Nghị Missouri [Lutheran Church - Missouri Synod], với 2,6 triệu thành viên. Giáo Hội Tín Nghĩa Luther - Hội Nghị Wisconsin [Lutheran Church - Wisconsin Synod], có 415.000 thành viên, và cũng có nhiều giáo hội Tín Nghĩa Luther khác nhỏ hơn.⁴

Giáo Hội Tín Nghĩa Luther - Hội Nghị Missouri và Giáo Hội Tín Nghĩa Luther - Hội Nghị Wisconsin đã có tên từ địa điểm trụ sở trung ương của họ chứ không phải vì các thành viên của các giáo hội này sinh sống trong các tiểu bang. Cả hai Hội Nghị đều là những giáo hội chính thống và bảo thủ với quan điểm nghiêm khắc về tính chất toàn vẹn của Kinh Thánh. Họ quyết liệt chống lại sự phong chức mục sư hay lãnh đạo mục vụ cho phụ nữ. Các tín hữu thuộc Hội Nghị Wisconsin chỉ dành riêng Tiệc Thánh Của Chúa cho các thành viên của họ, và cả hai giáo hội trông rất cứng nhắc về mặt giáo lý đối với đa số các tín hữu thuộc về truyền thống Wesley - Thánh Khiết.

Giáo Hội Tín Nghĩa Truyền Giảng Phúc Âm Hoa Kỳ thì đa dạng hơn. Giáo hội này được thành lập vào năm 1988 với sự sát nhập của Giáo Hội Tín Nghĩa Luther Ở Mỹ [the Lutheran Church in America] và Giáo Hội Tín Nghĩa Luther Mỹ [the American Lutheran Church]. Cả hai giáo hội đều có một số lớn thành viên gốc Bắc Âu. Và cũng có một giáo hội thứ 3 cũng được sát nhập: Hiệp Hội Các Hội Thánh Tín Nghĩa Luther [Association of Evangelical Lutheran Churches], trước đó là các tín hữu thuộc Hội Nghị Missouri đã rời giáo hội này vào năm 1976 vì vấn đề chính sách của cấp lãnh đạo bảo thủ. Phần lớn các nhóm thuộc về Giáo Hội Tín Nghĩa Truyền Giảng Phúc Âm là các giáo hội thuộc về Đời Sống Tín Kính và luôn luôn nhấn mạnh đời sống Cơ Đốc hơn là tính chính xác về giáo lý. Giáo Hội Tín Nghĩa Truyền Giảng Phúc Âm là một trong những giáo hội chính yếu ở Hoa Kỳ, nhưng có lập trường bảo thủ.

Các giáo hội Tín Nghĩa Luther thuộc về giáo thể theo nghi lễ. Lối thờ phượng giống như buổi lễ Công Giáo La Mã Ông Luther nhấn mạnh trên sự cần thiết cử hành nghi lễ Thánh Thể mỗi tuần, nhưng các tín hữu Tín Nghĩa Mỹ thường cử hành Thánh Thể mỗi tháng một lần.

Con số các tín hữu Tín Nghĩa trên khắp thế giới là khoảng 68 triệu. Gần 100 giáo hội thuộc 50 quốc gia tham gia Liên Đoàn Tín Nghĩa Luther Thế Giới [Lutheran World Federation], với đại hội mỗi 6 năm để làm chứng cho sự hiệp nhất Tín Nghĩa. Liên đoàn cũng bảo trợ cho sự nghiên cứu thần học và công việc phiên dịch và ấn hành các tác phẩm Tín Nghĩa. Phục Vụ Tín Nghĩa Thế Giới [Lutheran World Service], một ban ngành của liên đoàn, hàng năm chuyên phục vụ cứu trợ khẩn cấp cho hàng ngàn người tỵ nạn và nghèo khổ.⁶

Các Tín Hữu Tín Nghĩa Luther và Nazarene đồng ý ...

Các tín hữu Nazarenes và các giáo hội Wesley khác thật sự mang nợ đối với ông Martin Luther và những người đã đi theo lý tưởng của ông. Sự hiểu biết mới về Phúc Âm mang đến bởi ông Luther và sự đấu tranh cho Phúc Âm của những tín hữu Tín Nghĩa từ đó đã đem đến một kích cỡ mới cho Cơ Đốc Giáo.

Giáo Hội Anh đã đón nhận và áp dụng giáo lý *xưng công chính* bởi đức tin của ông Luther, Ông John Wesley, một thành viên của giáo hội này đã làm thành một trong những “trọng điểm của phong trào phục hưng Wesley.”⁷ Giáo lý trọng yếu này là nền tảng của tất cả các giáo hội Cải Chánh Giáo. Giáo lý này được thấy rõ qua các Điều Khoản của Bảng Tuyên Xưng Đức Tin của Giáo Hội Nazarene (Điều Khoản IX) và cũng là điểm đặc trưng của sự truyền giảng theo giáo hội Nazarene. Các thành viên mới khẳng định kinh nghiệm cá nhân của mình với Đức Chúa Trời về ân điển cứu rỗi nhận lãnh được qua đức tin khi họ gia nhập một hội thánh Nazarene và bước vào một kết ước với các thành viên tín hữu khác trong hội chúng.

Giáo lý *thánh chức tư tế cho mọi tín hữu* cũng đã tác động mãnh liệt đời sống Nazarene. Phong Trào Thánh Khiết Hoa Kỳ [The American Holiness Movement] không bao giờ chấp nhận ý tưởng cho rằng hàng giáo phẩm có quyền lãnh đạo mọi sự. Thật vậy, Phong Trào Wesley-Thánh Khiết đã trỗi dậy từ công việc bắt đầu bởi các nữ tín hữu tại thế của giáo hội Giám Lý, dẫn dắt bởi Phoebe Palmer và người em gái của bà. Rất nhiều tổ chức địa phương hay cấp tiểu bang đã được lãnh đạo bởi tín hữu tại thế và người truyền giảng tại thế đã giữ một vai trò quan trọng trong thời khởi nguyên của giáo hội Nazarene origins. Tín hữu Nazarene tiếp tục giữ tính chất tại thế với thánh chức như là quyền riêng của mỗi tín và ở mỗi đẳng cấp của thể chế giáo hội, từ hội thánh địa phương đến Tổng Hội đều có hệ thống tín hữu tại thế.

Đời Sống Tin Kính theo luận giáo Tín Nghĩa Luther [Lutheran *Pietism*] (phong trào kết nối giáo lý giáo hội một cách trọn vẹn hơn với đời sống thuộc linh) cũng đã là khuôn mẫu cho các tín hữu Nazarene, mặc dù ảnh hưởng của luận giáo này đã bị hạn chế lại qua tư tưởng Anh Giáo của ông John Wesley và đã được chỉnh sửa lại theo môi trường của Bắc Mỹ. Phương thức thuộc linh của đời sống tin kính theo truyền thống là những công cụ của đời sống Nazarene. Các buổi nhóm cầu nguyện, phục hưng, tinh thần sứ mệnh truyền giáo vững mạnh, sự cầu nguyện tự phát (thay vì bài cầu nguyện được in sẵn), và rất nhiều từ vựng tôn giáo của tín hữu Nazarenes bắt nguồn từ Phong Trào Đời Sống Tin Kính Lịch Sử. Rất nhiều sự cải tiến đã có từ thời ông Luther đã ảnh hưởng và tác động đời sống Nazarene, trong đó có quyền kết hôn của hàng giáo phẩm, thánh kinh chính điển của Cựu Ước và sự chấp nhận hai thánh lễ của chúng tôi.

... và khác biệt với nhau

Tín hữu Nazarenes và Tín Nghĩa khác biệt với nhau ở điểm nào ? Thứ nhất, nền thần học của ông Wesley đã thành hình 200 năm sau Cải Chánh Giáo, và một số nhược điểm sẵn có của ông Luther đã trở nên rõ rệt hơn. Như chính nền thần học của Giáo Hội Anh, nền thần học Wesley phản ánh những chủ đề



trích từ tư tưởng của các nhà Cải Chánh Giáo nhưng cũng đến từ các tác giả Công Giáo và Chính Thống Giáo Phương Đông. Vì thế nền thần học Wesleyan bao quát hơn nền thần học Luther.

Điều này đặc biệt là đúng với sự hiểu biết theo luận giáo Wesley về ân điển như tiên ân và ân điển dự phòng, cũng như ân điển xưng công chính và ân điển cứu rỗi. Giáo lý tiên ân đến từ Công Giáo, quan niệm của Wesley về ân điển xưng công chính đến từ ông Luther, và quan điểm ân điển cứu rỗi của ông đến từ Công Giáo và Chính Thống Giáo Phương Đông. Đối với ông Luther, *đức tin* là điều Đức Chúa Trời đòi hỏi nơi mỗi người chúng ta. Đối với ông Wesley, *tình yêu thương* đem đến bởi đức tin là điều Đức Chúa Trời đòi hỏi. Hai quan điểm tương tự nhưng không hẳn là như nhau.

Sự khác biệt này xuất hiện với sự hiểu biết của ông Luther về một Cơ Đốc Nhân được xưng công chính như là một người được miêu tả như *simul Justus et peccator* (“cùng một lúc được xưng công chính và cũng là một người tội lỗi”). Ông Luther tin rằng qua đức tin chúng ta sẽ sở hữu sự tha thứ các tội lỗi từ Đức Chúa Trời và được xưng công chính bởi ân điển, nhưng ông thấy cuộc đời Cơ Đốc Nhân như là một sự tranh chiến không ngừng chống lại nguyên tội, một trận chiến không thể chiến thắng được trong cuộc sống này mà chỉ có thể có được qua cái chết. Vì thế theo quan điểm của ông các Cơ Đốc Nhân vẫn còn là những người tội lỗi, nhưng họ là những người tội lỗi được Đức Chúa Trời xem như là công chính qua Đấng Christ. Sự nên thánh là một quá trình liên tục mà vẫn chưa hoàn tất khi con người bước đến cái chết. Quan điểm của ông được gọi là *sự công chính nội tại* [*imputed righteousness*]. Ông Wesley ngược lại đã đưa ra lập luận về ân điển nên thánh như *truyền đạt* [*imparted*] đến người tín hữu và ân điển nên thánh đó thật sự biến đổi lối sống nội tại của người ấy. Tặng phẩm của sự đem đến một sự thay đổi thật sự, không chỉ ở vị trí của chúng ta trước mặt Đức Chúa Trời mà còn trong cả *nội tâm* của chúng ta.

Một sự khác biệt khác giữa tín hữu Nazarene và Tín Nghĩa Lutheran là giáo lý về Tiệc Thánh của Chúa. Giáo lý Tín Nghĩa về sự Thánh Thể Hợp nhất [*consubstantiation*] không có trong bất cứ giáo hội Cơ Đốc nào khác. Đó là một giáo lý Thánh Thể phân biệt rất rõ rằng tín hữu Tín Nghĩa với các Cơ Đốc Nhân khác.

Phong cách thờ phượng là một lãnh vực khác biệt khác. Với hệ thống Tín Nghĩa, Đời Sống Tin Kính không thay thế sự thờ phượng mà bổ sung và phụ thuộc. Ngược lại tín hữu Nazarenes đã đem Đời Sống Tin Kính vào trong thánh điện và thiết lập như là lối thờ phượng chủ đạo của họ. Tuy vậy, Đời Sống Tin Kính Nazarene lại theo khuôn mẫu của các nhóm trại và ít phục hưng

Cuối cùng quan niệm Nazarene về *tổng hội* rất khác biệt. Khi tín hữu Tín Nghĩa nghĩ đến giáo hội của họ thì quan điểm của họ là theo khuôn khổ quốc gia. Ngược lại, tín hữu Nazarenes, thì về giáo hội như là quốc tế. Chúng tôi xem hội thánh của chúng ta như là toàn cầu và luôn luôn phấn đấu để trở nên Cơ Đốc Nhân của thế giới.

Chúng tôi mang nợ rất nhiều đối với giáo hội Tín Nghĩa. Nhưng sự nhấn mạnh và sự hiểu biết căn



bản của giáo hội chúng tôi về giáo lý Kinh Thánh cũng được thành hình với các Cơ Đốc khác, nhất là Anh Giáo và sau này giáo hội Giám Lý từ đó ra đời. Món nợ của chúng tôi đối với giáo hội Tín Nghĩa chỉ là một trong những món nợ khác.



TÓM LƯỢC

DÒNG DỐI CỦA ÔNG CALVIN:

GIÁO HỘI TRƯỞNG LÃO VÀ CẢI CHÍNH GIÁO:

Nhà Thành Lập Giáo Hội Và Lãnh Đạo Chính

Ông John Calvin (1509-64) là giáo phụ chính của nền thần học Cải Chính Giáo. Ông đã lãnh đạo phong trào Cải Chính Giáo ở Thụy Sĩ và Pháp. Quyển sách *Các Thở Ché của Tín Ngưỡng Cơ Đốc* [*Institutes of the Christian Religion*] đã trở thành nền tảng của các giáo hội Cải Chính Giáo đương đại.

Niềm Tin Cốt Lõi

Suy đồi hoàn toàn

Tiền định vô điều kiện

Chuộc tội giới hạn

Ân điển không thể chống cự

Tính kiên định của các thánh đồ

Đó là thổ nhượng từ đó phát triển các giáo lý về vương quyền tể trị tuyệt đối của Đức Chúa Trời và sự tiền định.

Các Điểm Tương Đồng và Khác Biệt

Chúng tôi có điểm tương đồng với các tín lý Cải Chính Giáo như Ba Ngôi Hiệp Một, thẩm quyền của Kinh Thánh, thánh chức tư tế của mọi tín hữu và sự cứu rỗi bởi ân điển.

Tuy thế tín hữu Nazarene có tín lý hoàn toàn khác biệt về mọi điểm của 5 tín lý nền tảng Cải Chính Giáo.

Cải Chính Giáo Ngày Nay

Các giáo hội chính phát triển từ nguồn gốc Cải Chính Giáo là:

- Giáo Hội Trưởng Lão (Hoa Kỳ) [Presbyterian Church (U.S.A.)], với 3,7 triệu thành viên.
- Giáo Hội Đấng Christ Hiệp Nhất [United Church of Christ], với 1,5 triệu thành viên.
- Giáo Hội Cải Chính Giáo tại Hoa Kỳ [Reformed Church in America], với 309.000 thành viên.
- Giáo Hội Trưởng Lão tại Hoa Kỳ [Presbyterian Church in America], với 268.000 thành viên.



**“Chủ đích cuối cùng của con người là tôn vinh Đức Chúa Trời,
và vui thích mãi mãi trong Ngài.”**

Giáo Lý Vấn Đáp Westminster Thu Gọn

CHƯƠNG 9

DÒNG DỐI CỦA ÔNG CALVIN: GIÁO HỘI TRƯỞNG LÃO VÀ CẢI CHÍNH GIÁO

ÔNG JOHN WESLEY ĐÃ ĐẶT TÊN TUẦN BÁO cho các anh em Giám Lý bước theo ông là *Tuần Báo Theo Luận Giáo Arminius* [Arminian Magazine]. Tựa của tuần báo đã phân biệt rõ rệt tín hữu Giám Lý theo thần học Wesley với các tín hữu Giám Lý theo thần học Calvin được ông George Whitefield, một đồng nghiệp mà ông mang nợ cho rất nhiều điều, nhưng chắc chắn không về nền thần học.

Chúng ta thường sử dụng các danh từ “luận giáo Calvin” [Calvinism] và “luận giáo Arminius” [Arminianism], nhưng chúng ta có thật sự hiểu ý nghĩa của hai từ này không? Luận giáo Calvin là một hệ thống thần học bắt nguồn từ Thụy Sĩ. Và hệ thống thần học từ luận giáo Calvin trở thành một trong những truyền thống Cải Chính Giáo lớn nhất. Hệ thống thần học này thường được nhắc đến như “nền thần học Cải Chính Giáo” vì ông John Calvin không phải là thần học gia đầu tiên (mà cũng không phải là thần học gia quan trọng duy nhất) đã ảnh hưởng viễn ảnh này.

Ông Zwingli

Ông Ulrich Zwingli (1484-1531) là nhà truyền giảng nổi bật nhất tại thành phố Zurich khi các tác phẩm của ông Luther đã đẩy lên bão tố Cải Chính Giáo. Một học giả tài năng về Hy-lạp thiên về nhân bản luận, ông nhanh chóng hiểu thấu được ý nghĩa của nền thần học mới của ông Luther, nhưng ông lại phát huy nền thần học riêng của ông về Lời của Đức Chúa Trời. Ông tập trung vào thẩm quyền của Kinh Thánh nhưng không xem sự cứu rỗi cá nhân là trọng yếu. Sự cứu rỗi cá nhân là tư duy của ông Luther. Ông đã lãnh đạo thành phố Zurich để dần dần thanh lọc các yếu tố Công Giáo ra khỏi các thực hành tôn giáo của mình.

Ông Zwingli đã nhấn mạnh rằng Đức Thánh Linh chính là tác giả của Kinh Thánh và là Đấng Dẫn Dắt không thể thiếu sót trong việc luận giải Kinh Thánh. Ông đã khẳng định nguyên tắc *Sola*

Scriptura – có nghĩa là Kinh Thánh chính là thẩm quyền tối hậu định đoạt mọi vấn đề về đức tin. ⁽¹⁾ Quyền Sách *Luận Giải Về Tôn Giáo Chân Chính và Tà Giáo* [*Commentary on True and False Religion*] (1525) cho thấy tầm quan trọng của Đức Thánh Linh trong nền thần học dựa trên phép báp-têm của ông. Ông Zwingli đã nhấn mạnh rằng cả hai phép báp-têm, trong nước và với Đức Thánh Linh đều là cần thiết để làm nên một Cơ Đốc Nhân. Một người có thể trải nghiệm trước hết phép báp-têm trong nước và sau đó phép báp-têm với Đức Thánh Linh, hay có thể cả hai cùng một lúc, nhưng phép báp-têm bên ngoài và nội tâm đều là cần thiết cho sự cứu rỗi theo quan niệm của ông Zwingli.²

Khía cạnh thần học của ông Zwingli về Tiệc Thánh của Chúa đã khiến cho đa số công chúng theo ông không đồng ý kiến với ông Luther. Ông Zwingli phủ nhận quan điểm Công Giáo và của ông Luther về sự hiện diện của Đấng Christ trong bánh và rượu được thánh hóa. Khi Chúa Giê-su đã nói, “Đây là thân thể của ta, đây là máu của ta,” ông Zwingli hiểu rằng Chúa Giê-su bảo bánh và rượu mang *biểu tượng* của thân thể và máu của Ngài. Các từ ngữ cần được hiểu theo tính biểu tượng, theo ông Zwingli, và giáo lý về sự hiện diện của Đấng Christ trong bánh và rượu chỉ gây sự lẫn lộn giữa các biểu tượng với những vật thể mang ý nghĩa biểu tượng. Ông Zwingli khẳng định: nghi lễ Công Giáo, lập lại nghi lễ thánh thể, thật ra không có quyền năng tha thứ các tội lỗi. Sự tha thứ các tội lỗi chỉ có thể đến từ hành động không thể lập lại của sự chết và phục sinh của Chúa Giê-su. Lễ thánh thể chỉ có thể hướng chúng ta trở về Thập Tự Giá.³

Khi quân đội Công Giáo Thụy Sĩ tấn công thành phố Zurich, ông Zwingli đã đứng lên chiến đấu để bảo vệ thành phố này. Ông bị tử vong tại chiến trận Kappel vào năm 1531. Lời trần chối của ông chính là lời của ông Socrates: “Chúng có thể giết chết thân thể nhưng không thể giết được linh hồn.”⁴ Tử chi bị chặt ra khỏi thân thể và cả thi hài của ông sau đó bị thiêu đốt, nhưng Cải Chính Giáo của thành phố Zurich vẫn sống còn và lan rộng đến các thành phố khác của Thụy Sĩ.

Ông John Calvin.

Ông John Calvin (1509-64) là nhà Cải Chính Giáo của thành phố Genève. Sinh ra ở Pháp, ông được đào tạo về Kinh Thánh tại Đại Học Paris và ở đại học các thành phố khác của Pháp. Sự cải đạo vào khoảng năm 1533 đã hoàn toàn biến đổi cả cuộc đời và cách suy nghĩ của ông.

Ông Calvin đã sang Thụy Sĩ sinh sống vào năm 1535. Quyền sách nhỏ của ông, *Các Thể Chế của Tín Ngưỡng Cơ Đốc* [*Institutes of the Christian Religion*] được phát hành vào năm 1536 và sau này được tái phát hành nhiều lần ở quy mô lớn trong suốt cuộc đời của ông. Bản phát hành cuối cùng, với hơn 80 chương, đã thiết lập các chủ đề chính của nền thần học Cải Chính Giáo.

Hệ Thống Trưởng Lão [the Presbyterian System]

Một trong những đổi mới của ông Calvin là tái cấu trúc các hội thánh của thành phố Genève. Ông đã nhận dạng bốn chức vụ mà theo ông đã thiết lập bởi chính Đấng Christ: chức vụ mục sư chăn bầy, giáo sư, chấp sự và trưởng lão. Trong hệ thống của thành phố Genève, các mục sư truyền giảng phải họp hàng tuần để thảo luận về Kinh Thánh, và giáo huấn những người dự tuyền vào chức vụ mục vụ. Họ cũng họp lại với nhau mỗi tam cá nguyệt để kỷ luật các giáo chức đã vi phạm quy luật. Các mục sư đều bình đẳng, không có giám mục nào trên họ. Các chấp sự chăm sóc người nghèo. Các giáo sư giáo dục giới trẻ. Các trưởng lão – 12 tín hữu tại thế, họp với nhau hàng tuần với các mục sư để thực thi kỷ luật của hội thánh đối với các tín hữu đã phạm tội.

Các yếu tố dân chủ, với tín hữu tham gia vào sự quản nhiệm hội thánh, và không có giám mục hay tổng quản nhiệm đã đánh dấu hệ thống của thành phố Genève. Và khuôn mẫu này trở nên trọng tâm của thể chế giáo hội trưởng lão.

Sân Khấu cho Sự Vinh Hiển của Đức Chúa Trời

Ông John Calvin đã đón nhận giáo lý của ông Luther về sự xưng công chính bởi ân điển qua đức tin và thấy được chân lý xác định trong Kinh Thánh và với chính sự trải nghiệm của ông. Nhưng ông đặt giáo lý trong một bối cảnh rộng lớn hơn và đó chính là quan điểm tiền định của ông. Ông tin rằng Đức Chúa Trời đầy thương cảm đã tuyển chọn một số người cho sự cứu rỗi dù họ có tội lỗi, nhưng lại không tuyển chọn một số người khác. Nhưng làm sao ông lại đi đến một tư duy như thế?

Ông Calvin khởi đầu với sự suy nghĩ của Đức Chúa Trời Toàn Năng, Đấng đã tạo dựng nên trần thế này như sân khấu cho sự vinh hiển của Ngài. Sự vinh hiển thiên thượng của Ngài được phản ánh trong hai đầu trường: thiên nhiên, nơi Đức Chúa Trời đã tạo dựng mọi sự và duy trì sự sống; và vở kịch của sự cứu chuộc, nơi mà Đức Chúa Trời đã chứng tỏ sự thánh sạch và tình yêu thương thiên thượng qua sự thương xót của Con Trai của Ngài, Chúa Giê-su Christ.

Đức Chúa Trời đã ban cho mọi người “ân điển chung”, cho ánh nắng mặt trời và mưa cho mọi người, cho người tốt và kẻ gian ác như nhau. Trong khi một số người cảm nhận các định luật tự nhiên quản trị cả vũ trụ với hiệu quả của một nguồn máy và điều này chứng tỏ sự hiện hữu của Thương Đế xa vời thì ông Calvin nhìn mọi sự một cách khác. Ông xem các định luật tự nhiên như là các dấu hiệu chứng tỏ sự hiện diện và sự vận hành của Đức Chúa Trời.

Ân điển chung được ban cho mọi người nhưng ân điển cứu chuộc, theo tư duy ông Calvin chỉ được ban cho một số người. “Tiền định” là một danh từ được ông Calvin hiểu theo một cách rất riêng biệt, như “được tiền định” đối với ân điển cứu rỗi. Đức Chúa Trời đã tuyển chọn một số người từ đám đông tội lỗi và nhân loại xa cách với Ngài để họ có thể hưởng được phúc lợi của sự chuộc

tội từ Đấng Christ. Họ không được tuyển chọn vì bất cứ công đức nội tâm hay bên ngoài nhưng chỉ vì để tham gia vào vở kịch cứu chuộc của Đức Chúa Trời. Quan điểm của ông Calvin về tiền định từ đó được kết nối với ý tưởng “chuộc tội giới hạn” – quan niệm về sự chết của Đấng Christ không mang đến khả năng cứu rỗi cho mọi người mà chỉ cho những người nào được Ngài tuyển chọn trước cho sự cứu rỗi.

Vở kịch cứu chuộc đã được bày tỏ trong lịch sử loài người. Với sự Phán Xét Cuối Cùng, Đức Chúa Trời sẽ thể hiện sự vinh hiển và quyền năng của Ngài với sự cứu rỗi những người được tuyển chọn để nhận lãnh sự thương xót thiên thượng, và sự trừng phạt đích đáng của những người không được tuyển chọn.⁵

Ông Paul Tillich, một thần học gia thế kỷ thứ 20 đã ghi nhận rằng “thật đáng ngạc nhiên khi chúng ta thấy ông Calvin ít nói đến tình yêu thương của Đức Chúa Trời. Sự vinh hiển thiên thượng thay thế cho tình yêu thương của Đức Chúa Trời. Khi ông nói đến tình yêu thương của Đức Chúa Trời thì đó là tình yêu thương cho những người được tuyển chọn. Tình yêu thương của Đức Chúa Trời cho toàn thể nhân loại hầu như bị phủ nhận.”⁶

Tuy thế, giáo lý tiền định của ông Calvin lại làm cho bấy chiên của ông yên tâm! Giáo lý này xác định rằng có một Đức Chúa Trời đầy thương xót cứu chuộc một số người, ngay cả khi không có một ai xứng đáng với ân điển thiên thượng. Trong một thời đại đầy dẫy những mê tín dị đoan dựa trên tà giáo ma thuật và chiêm tinh thuật, nền thần học Cải Chính Giáo giảng dạy các Cơ Đốc Nhân rằng số phận của họ không dựa trên các vì sao hay bị dưới ảnh hưởng của bùa chú, phù phép. Định mệnh của mỗi người nằm trong tay của Đức Chúa Trời, Đấng đã chứng tỏ sự công chính và thương xót.

Ông Calvin đã chỉ định về một số dấu hiệu của sự tuyển chọn như tình yêu thương đối với giáo hội, những điều thuộc linh và đời sống chính trực. Những điều này cho thấy (nhưng không là bằng chứng) là ân điển của Đức Chúa Trời thật sự vận hành cho sự cứu rỗi trong đời sống một người. Họ không lựa chọn sự cứu rỗi; sự cứu rỗi lựa chọn họ. Nhưng sự cứu rỗi trở nên thật sự. Vì thế, Đức Chúa Trời đã chỉ định một số phương thức để cho ân điển thiên thượng trở nên hữu hiệu trong đời sống của người được tuyển chọn.

Các thánh lễ, Kinh Thánh, sự truyền giảng và cộng đồng sống động của đức tin là các phương thức của Đức Chúa Trời để đem những người được tuyển chọn đến với sự cứu rỗi. Các phương thức này sửa soạn người được tuyển chọn cho ân điển và giúp những người được ban cho đức tin cứu rỗi có được sức mạnh. Ông Calvin đã nhất trí với các nhà Cải Chính Giáo khác để khẳng định nguyên lý *sola fida*, “duy nhất bởi đức tin” như là nguyên lý cứu rỗi nền tảng. Duy nhất bởi đức tin họ vẫn tiếp tục sống trong các lời hứa của đức tin cứu rỗi. Nhưng đức tin này là một ân tứ chỉ được ban cho

một số ít.

Vậy thì theo tư duy Cải Chính Giáo “những người được tuyển chọn” có thể sa ngã một lần nữa không? Chỉ có theo một ý nghĩa hạn chế. Họ có thể sa ngã và rời xa giáo hội, nhưng họ không thể mất đi ân điển cứu rỗi của Đức Chúa Trời. Cũng như một đứa trẻ được yêu thương có thể hủy hoại đời sống của nó với rượu hay ma túy – chất gây nghiện nhưng vẫn được yêu thương, người được tuyển chọn có thể sa ngã và rơi vào những đường lối tội lỗi nhưng vẫn không đánh mất lời hứa về sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời. Thật vậy, tội lỗi được hiểu theo nền thần học Cải Chính Giáo trên căn bản như là rời xa sự hoàn hảo của Đức Chúa Trời. Vì thế các tín hữu theo ông Calvin thường nói là mọi người trong chúng ta đều phạm tội mỗi ngày trong tư tưởng, lời nói và hành động.

Ông Calvin đồng ý với các ông Luther và Zwingli về phép báp-têm cho trẻ sơ sinh. Theo lập trường của ông, phép báp-têm cho trẻ sơ sinh là dấu hiệu của quan hệ các Cơ Đốc Nhân trong khuôn khổ của giao ước, cũng như phép cắt bì chứng tỏ quan hệ giữa người Do-thái với nhau trong khuôn khổ giao ước. Tuy vậy, không ai phải tuyệt vọng nếu một trẻ sơ sinh qua đời mà không nhận được phép báp-têm. Nếu Đức Chúa Trời đã tiền định đứa trẻ đó cho sự cứu rỗi thì dù sao đi nữa đứa trẻ đó đã thật sự được cứu rỗi.

Ông Calvin luôn luôn sẵn sàng đối đáp lại với những người phản luận cho rằng trong Tân Ước không có nói đến phép báp-têm cho trẻ sơ sinh. Theo ông, Kinh Thánh cũng không bao giờ nói đến việc phụ nữ tham gia vào Tiệc Thánh của Chúa nhưng ai có thể ngăn cản họ dự phần vào thánh lễ này với lập luận dựa trên sự im lặng của Kinh Thánh về vấn đề này? Chẳng có ai làm điều đó. Thế thì tại sao ngăn cản trẻ sơ sinh nhận lãnh phép báp-têm chỉ vì Kinh Thánh không nói đến vấn đề này? Các ông Calvin, Luther và Zwingli đều đồng ý rằng phép báp-têm liên quan đến sự trung tín của cộng đồng giao ước hơn là sự cứu rỗi của một người.⁷

Mục tiêu của ông Arminius.

Những người kế thừa ông Calvin đã đem một số khía cạnh của nền thần học Cải Chính Giáo đến những cực điểm mới. Ông Theodore Beza đã chủ trương một quan điểm được gọi là “sự tiền định đôi.” Ông Beza lý luận rằng nếu Đức Chúa Trời đã tiền định một số người cho sự cứu rỗi thì chắc chắn Ngài cũng tiền định một số người cho sự đọa đày. Một số nhà tư tưởng của Cải Chính Giáo khẳng định rằng quyết định của Đức Chúa Trời để giải cứu và đọa đày là thiên chỉ đầu tiên, và quyết định sáng tạo trần thế là kết quả của ý chỉ này.

Một nhóm giáo chức Cải Chính Giáo đã theo một định hướng khác và chủ trương một cách hiểu biết hoàn toàn khác về sự cứu rỗi. Lập trường này được gọi là luận giáo Arminius, theo tên của thần học gia Hòa Lan James Arminius (1559-1609). Hà Lan, Anh quốc và sau này Hoa Kỳ đã trở

nên những trung tâm chính yếu của luận giáo Arminius.

Ông Arminius đã nghiên cứu với ông Beza tại thành phố Genève trước khi nhậm chức mục sư tại Amsterdam vào năm 1587. Vào năm 1603 ông đã trở nên giáo sư thần học giảng dạy tại Đại Học Leiden. Ông Arminius đã tự xem mình như đứa con trung thành của Giáo Hội Cải Chính Giáo Hà Lan mặc dù ông đã phát huy một kiến thức khác biệt về sự tiền định và đem đến một số tranh luận liên quan đến chủ đề này.

Ông đồng ý với ông Calvin về sự suy đồi hoàn toàn, ý tưởng cho rằng chúng ta không có một xứng đáng nào để đòi hỏi sự cứu rỗi với Đức Chúa Trời. Nhưng ông Arminius lý giải rằng sự chuộc tội của Đấng Christ đem đến sự cứu rỗi cho tất cả những ai chấp nhận tặng phẩm này với đức tin. Theo ông, Kinh Thánh đã giảng dạy rằng Đấng Christ có ý muốn đem phúc lợi từ sự chuộc tội của Ngài cho *cả thế giới* chứ không *giới hạn* như ông Calvin đã giảng dạy. Các phúc lợi *có điều kiện* – dựa trên đức tin và sự ăn năn hối cải, chứ không *vô điều kiện* và *không thể chống cự* như ông Calvin đã hiểu chỉ dành riêng cho “những người được Đức Chúa Trời tuyển chọn.”

Tính duy lý của ông Arminius đã dẫn đến một kết luận khác: vì đức tin là có điều kiện, người đã tiếp nhận ân điển cứu rỗi vẫn có khả năng đánh mất ân điển cứu rỗi này khi sa ngã với một trọng tội ngoan cố. Trọng điểm này tương phản rất rõ ràng với giáo lý của sự kiên định các thánh đồ với nền tảng từ quan điểm tiền định của ông.

Nhiều người Hà Lan có quyền thế đã hậu thuẫn ông Arminius nhưng các giáo lý của ông đã bị kết án 10 năm sau khi ông qua đời bởi một hội đồng các giáo sư thần học Cải Chính Giáo họp tại thành phố Dort, Hà Lan. Các tín hữu theo luận giáo của ông Arminius đã bị khai trừ khỏi Giáo Hội Cải Chính Giáo Hà Lan [Dutch Reformed Church] và đã thiết lập một giáo hội cách biệt, Giáo Hội Kháng Giáo [Remonstrant Church] vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay tại Hà Lan. ⁽⁸⁾

Các Giáo Hội Cải Chính Giáo tại Hoa Kỳ.

Giáo hội Cải Chính Giáo lớn nhất tại Hoa Kỳ ngày nay là Giáo Hội Trưởng Lão (Hoa Kỳ) [the Presbyterian Church (U.S.A.)] với gần 3,7 triệu thành viên. Đây là sự tích lũy của ít nhất 10 sự sát nhập và liên kết của các giáo hội trong 250 năm vừa qua. ⁽⁹⁾ Cội rễ của giáo hội này là hội đồng trưởng lão Mỹ đầu tiên (hiệp hội địa phương các hội thánh), thành lập vào năm 1706, với hội nghị công đồng Mỹ đầu tiên (thể chế giáo hội theo giáo phận) được thành lập 10 năm sau đó.

Các tín hữu Trưởng Lão được chia ra thành hai trường phái vào những năm 1830 – Trường Phái Mới và Trường Phái Cũ. Các tín hữu Trưởng Lão của Trường Phái Mới có tinh thần thoáng hơn về tư duy phục hưng [revivalism] trong khi Trường Phái Cũ luôn luôn bảo thủ với tư duy và nền thần học theo ông Calvin. Một thời gian ngắn sau đó đã xuất hiện một số chia rẽ. Các tín hữu Trưởng

Lão của Trường Phái Mới bị phân chia thành Phương Bắc và Phương Nam với vấn đề tranh cãi về chế độ sử dụng người nô lệ, còn Trường Phái Cũ cũng gặp tình trạng như thế khi Nội Chiến Mỹ bùng nổ.

Cuối cùng các tín hữu Trưởng Lão của Trường Phái Mới và Trường Phái Cũ Phương Bắc đã không còn quan tâm đến những sự khác biệt và đã hiệp nhất trở lại với nhau. Các tín hữu Trưởng Lão của Trường Phái Cũ Phương Nam đã tiến triển để trở thành giáo hội Trưởng Lão lớn mạnh nhất trong giáo phận. Cho đến năm 1983, tín hữu Trưởng Lão Phương Bắc và Phương Nam mới tiến đến sự hiệp nhất và từ đó thành lập Giáo Hội Trưởng Lão (Hoa Kỳ) [the Presbyterian Church (U.S.A.)].

Tín hữu Cải Chính Giáo gần nhất với trái tim của Hoa Kỳ là các tín hữu Thanh Giáo [Puritans] của vùng New England, những người đã đưa đến ý tưởng của Hoa Kỳ như là nơi trú ẩn cho những người tỵ nạn vì sự bất bớ tôn giáo. Vào những năm 1800, các hội thánh Thanh Giáo đã phát triển thành Giáo Hội Hội Chúng [Congregational Church]. Trong thế kỷ thứ 19, các tín hữu Giáo Hội Hội Chúng đã hợp tác với tín hữu Trưởng Lão với Kế Hoạch Hiệp Nhất, một thỏa thuận giữa hai giáo hội không cạnh tranh nhau trong việc xây dựng các hội thánh ở biên thùy. Và như thế họ có thể đảm bảo được sự tận dụng hữu hiệu ở miền Viễn Tây. Một ví dụ của sự hợp tác này được tìm thấy trong chức vụ của nhà truyền giảng Phục Hưng Trưởng Lão Charles Finney, người đã từng chăm sóc nhiều hội thánh Hội Chúng.

Các nhà truyền giảng Hội Chúng lừng danh như các mục sư – giáo sư thần học Jonathan Edwards và Horace Bushnell, nhà chủ trương hủy bỏ chế độ sử dụng người nô lệ Lyman Beecher và con trai của ông Beecher, diễn giả tài năng Henry Ward Beecher. (10)

Vào năm 1961 Giáo Hội Hội Chúng đã liên kết với Giáo Hội Truyền Giáo và Cải Chính Giáo [the Evangelical and Reformed Church] và đã thành lập Giáo Hội Thống Nhất của Đấng Christ [United Church of Christ]. Ông David Stowe, anh của ông Eugene Stowe, tổng quản nhiệm Giáo Hội Nazarene từng là một quản nhiệm điều hành ban sứ mệnh truyền giáo của Giáo Hội Thống Nhất của Đấng Christ. Ngày nay giáo hội này có đến 1,5 triệu thành viên ở Hoa Kỳ. (11)

Ngày nay cả hai giáo hội, Giáo Hội Trưởng Lão (Hoa Kỳ) và Giáo Hội Thống Nhất của Đấng Christ đều không đòi hỏi một sự trung thành tuyệt đối với đức tin Cải Chính Giáo truyền thống. Cả hai giáo hội đều có thành viên chấp nhận những nền thần học của thế kỷ thứ 20. Cùng lúc đó, cả hai giáo hội cũng có những hội chúng, mục sư và tín hữu vẫn còn giữ nền thần học của Cải Chính Giáo truyền thống.

Hai giáo hội Cải Chính Giáo khác đáng để chúng ta ghi nhận. Giáo Hội Cải Chính Giáo tại Hoa Kỳ có từ thời một hội chúng Cải Chính Giáo Hòa Lan đã được thành lập vào năm 1628 tại Tân Amsterdam (bây giờ là thành phố New York). Giáo hội đã tăng trưởng với sự di dân người Hà lan

và Đức và thật sự phát triển vào thế kỷ thứ 19. Hai thế hệ tổ phụ của ông Phineas Breese đã cử hành hôn lễ tại Hội Thánh Cải Chính Giáo Hà Lan tại thành phố Albany, tiểu bang New York. Danh xưng hiện nay của giáo hội đã được chọn vào năm 1867 đã nói lên rất rõ sự tăng trưởng của các thành viên người Đức, nhưng sự thay đổi đó cũng thể hiện khuynh hướng Mỹ hóa của nền tảng gốc Hà Lan của giáo hội. Giáo Hội Cải Chính Giáo tại Hoa Kỳ là một thể chế giáo hội truyền giáo với hệ thống thành viên khép kín với tổng số trên 309.000 thành viên. Nhà truyền giảng qua hệ thống truyền hình Robert Schuller là một thành viên của giáo hội này. Giáo hội này cũng là hội viên thường trực của Hội Đồng Quốc Gia Các Giáo Hội [National Council of Churches] và Hội Đồng Thế Giới Các Giáo Hội [World Council of Churches] và có một ảnh hưởng bảo thủ bên trong các tổ chức tôn giáo này. ⁽¹²⁾

Giáo Hội Trưởng Lão tại Mỹ [the Presbyterian Church in America (PCA)] là một giáo hội khá mới, được tổ chức vào năm 1973 bởi những hội chúng đối lập với những thương thuyết liên kết đã tạo ra Giáo Hội Trưởng Lão (Hoa Kỳ) [the Presbyterian Church (U.S.A.)] một thập niên sau đó. Giáo Hội Trưởng Lão tại Mỹ có tổng số thành viên khép kín là 268.000 người. Giáo hội này duy trì một quan điểm nghiêm khắc về sự toàn tại của Kinh Thánh và chống đối mãnh liệt sự phong chức nữ mục sư vì được xem như là một sự thỏa hiệp đối với chân lý của Thánh Kinh. Sự phản ứng về vấn đề phong chức nữ mục sư bên trong Giáo Hội Trưởng Lão (Hoa Kỳ) đã khiến cho các tín hữu bảo thủ rời bỏ giáo hội này để sang Giáo Hội Trưởng Lão tại Mỹ vào thập niên 1980. Giáo Hội Trưởng Lão tại Mỹ duy trì một cách nghiêm khắc Bảng Tuyên Xưng Đức Tin và Hệ Thống Giáo Lý Đối Đáp của Westminster [Westminster Confession - Westminster Catechism]. ⁽¹³⁾

Nam Triều Tiên (Hàn Quốc)

Một câu chuyện về sự thành công của truyền thống Trưởng Lão được viết tại Nam Triều Tiên. Các giáo sĩ truyền giáo Trưởng Lão là những tín hữu Cải Chính Giáo đầu tiên đến vùng này vào thế kỷ thứ 19. Ngày nay hơn 20 phần trăm của 44 triệu công dân Nam Triều Tiên là những tín hữu của giáo hội Trưởng Lão. Họ là hơn nửa tổng số Cơ Đốc Nhân ở quốc gia này và 60% tín hữu Tin Lành nói chung. Ông Yim Sung Bihn, một giáo sư chủng viện tại Seoul tin rằng “hệ thống dân chủ của giáo hội cùng với sự kính trọng thế hệ đi trước và đàn anh” là nền tảng giúp cho truyền thống Trưởng Lão rất thích hợp với văn hóa Hàn quốc. Ông cũng ghi nhận rằng các tín hữu Báp-tít và Giám Lý ở Nam Triều Tiên cũng đã bước theo các đặc điểm của truyền thống Trưởng Lão.

Các điểm Tương Đồng ... và các điểm Khác Biệt

Ông John Wesley, người chống đối kịch liệt luận giáo Calvin, đã chủ tọa một hội nghị vào

năm 1745 và đã xác định rằng “chân lý của Phúc Âm thật rất gần với luận giáo Calvin ... chỉ trong một sợi tóc.” Vậy những lời lẽ này mang ý nghĩa gì?

Thế thì chúng ta sẽ nói như thế nào với vấn đề phủ nhận rằng chúng ta có được “một ý chí tự nhiên”? Phải chăng chúng ta đã tự chọn để trở nên Cơ Đốc Nhân? Chắc chắn là như thế. Nhưng nền thần học Wesley xác định rằng khả năng lực chọn Đức Chúa Trời của chúng ta là một khả năng đến từ *ân điển* được Ngài ban cho qua tiên ân chứ không phải một khả năng tự nhiên. Ý chí tự do của chúng ta đã bị lệnh hướng và hư hỏng vì tội lỗi, nhưng với ân điển của Ngài, Đức Chúa Trời đã tái thiết khả năng tiếp nhận phúc âm. Lập luận của ông Wesley và cũng là lập luận của chúng tôi đối với luận giáo Calvin tập trung vào vấn đề không phải ý chí là tự nhiên hay đến từ ân điển mà là ân tứ của Đức Chúa Trời về khả năng đến từ ân điển được ban cho mọi người hay chỉ dành riêng cho một số ít người được Ngài tuyển chọn. Các tín hữu theo luận giáo Calvin truyền thống cho rằng khả năng đến từ ân điển đó chỉ được ban cho một số ít người. Chúng tôi thì cho rằng khả năng đó được ban cho mọi người.

Nhưng vẫn còn có một số trọng điểm căn bản mà ông Wesley, và các tín hữu Nazarene đồng ý với truyền thống Cải Chính Giáo: về Kinh Thánh như là thẩm quyền chính yếu định đoạt về lãnh vực giáo lý (*sola scriptura*); chúng tôi cũng đồng ý về thực tế của nguyên tội cướp đi nơi mỗi người khả năng đòi hỏi sự cứu rỗi từ Đức Chúa Trời dựa trên công đức; và đức tin nơi Đấng Christ như là thiết kế của Đức Chúa Trời để truyền đạt ân điển cứu rỗi. Cũng như ông Wesley, chúng tôi đều có khuynh hướng đồng ý với ông Calvin về “sự xử dụng thứ ba của luật pháp”, khả năng uốn nắn và truyền đạt thông tin về hệ thống môn đồ hóa Cơ Đốc.

Các khác biệt trọng yếu xuất hiện chung quang một cụm giáo lý liên quan đến ân điển và sự tuyển chọn. Như ông Arminius, chúng tôi tin rằng:

- Sự chuộc tội của Đấng Christ là cho mọi người (chứ không chỉ dành riêng cho một số ít)
- Sự cứu rỗi còn lệ thuộc vào đức tin và sự ăn năn hối cải (chứ không là vô điều kiện đối với những người đã được tuyển chọn).
- Sự ban cho của sự cứu rỗi từ ân điển Đức Chúa Trời có thể bị chống cự (chứ không phải là không thể chống cự đối với những người đã được tuyển chọn).
- Ân điển cứu rỗi có thể bị đánh mất với trọng tội hay tội lỗi cố tình và lập lại.

Một số khác biệt trọng yếu khác đối với luận giáo Calvin liên quan đến những trọng điểm thần học được ông Wesley mang đến nền thần học của chúng tôi trên một thế kỷ sau ông Arminius. Trong số các khác biệt trọng yếu có:

- Tiên ân thu hút chúng ta đến sự cứu rỗi.



- Sự nên thánh như là công việc của Đức Chúa Trời bên trong một người với sự tái sinh (tái thiết) và sự dẫn dắt của Ngài, qua ân điển để đi đến sự nên thánh trọn vẹn trong tâm lòng của chúng ta.
- Đức tin như là phương thức mà Đức Chúa Trời thánh hóa tâm lòng (chứ không qua công đức, và cũng không phải là sự cách biệt với thân thể).

Một khác biệt căn bản khác là: các giáo hội Cải Chính Giáo xem thể chế trưởng lão của họ như đến từ Kinh Thánh. Thể chế giáo hội này mang một ý nghĩa thần học chứ không chỉ là hệ thống tổ chức đối với họ. Chúng tôi phủ nhận rằng Kinh Thánh giảng dạy một khuôn mẫu đặc biệt để tổ chức giáo hội. Thể chế giáo hội đối với chúng tôi hòa hợp các nguyên tắc và tính thực tế để đảm trách sứ mệnh của chúng tôi. Thể chế giáo hội Nazarene sử dụng các yếu tố giáo phẩm, trưởng lão và hội chúng một cách đồng đều. Các hội đồng của chúng tôi, đến từ hệ thống hội đồng và hội nghị Giám Lý, thể hiện rõ các yếu tố trưởng lão đã ảnh hưởng trên truyền thống Giám Lý cũng như ảnh hưởng trên chúng tôi. Cũng thế, chúng tôi cũng có thực hành bầu các mục sư và hệ thống các trưởng lão ở hội đồng giáo hạt và mời các trưởng lão thụ phong tham gia vào việc đặt tay cầu nguyện cho các mục sư mới.

Truyền thống Cải Chính Giáo đã có một vai trò trọng yếu trong sự phát triển của Tin Lành và đã góp phần với một số yếu tố cho thực hành và tín lý. Nhưng các khác biệt căn bản về phương thức dẫn đến sự cứu rỗi và sự thánh khiết Cơ Đốc đặt chúng tôi vào một thể loại khác với tín hữu Cải Chính Giáo.



TÓM LƯỢC

CÔNG GIÁO VÀ CẢI CHÁNH GIÁO: SỰ NGHỊCH LÝ CỦA ANH GIÁO

Bối Cảnh Lịch Sử

Nguồn gốc của Giáo Hội Anh Quốc [the Church of England] (Anh Giáo [Anglican]) bắt nguồn từ thuở xa xưa của lịch sử Cơ Đốc Giáo. Tính chất thuộc linh của giáo hội này được đặt trên nền tảng của các thánh đồ người Celt. Hệ thống Anh Giáo đã tách rời với Giáo Hội Công Giáo với ước muốn của vua Henry VIII có được một đứa con trai để kế ngôi. Khi Rô-ma từ chối lời thỉnh cầu của ông xin được cho phép ly dị, ông đã đem các Cơ Đốc Nhân Anh ra khỏi Giáo Hội Công Giáo. Tinh thần của Cải Chánh Giáo Anh bắt nguồn từ ông John Wycliffe và sự khao khát cải chánh giáo hội. Nền thần học và hệ thống thờ phượng được tìm thấy trong tư tưởng và lễ nghi của ông Thomas Cranmer.

Niềm Tin Cốt Lõi

Một quan điểm Cải Chánh Giáo về thẩm quyền của Kinh Thánh.

Tín Lý dựa trên Giáo Điều các Sứ Đồ và Giáo Điều của Ni-xê [the Apostles' and Nicene Creeds]. Sự thờ phượng được thực hành với các nghi thức tôn giáo. Ba Mươi Chín Điều Khoản Tôn Giáo [The Thirty-nine Articles of Religion].

Quyển Sách Cầu Nguyện Chung [The Book of Common Prayer] chứng tỏ sự thờ phượng là trọng tâm của giáo hội này.

Điểm Tương Đồng và Khác Biệt

Truyền thống Nazarene được ảnh hưởng một cách trực tiếp bởi Cải Chánh Giáo Anh hơn là bởi các ông Luther hay Calvin. Tổ phụ thuộc linh của chúng tôi, ông John Wesley từng là một giáo chức Anh Giáo trọn cuộc đời ông. Các Điều Khoản Bản Tuyên Xưng Đức Tin của chúng tôi [Articles of Faith], được biên soạn đầu tiên bởi ông Phineas F. Bresee thật sự mang dấu ấn của Hai Mươi Điều Khoản Tín Ngưỡng của Thánh Công Hội Giám Lý [Twenty-five Articles of Religion of the Methodist Episcopal Church] được ông John Wesley trích từ Ba Mươi Chín Điều Khoản Tín Ngưỡng của Anh Giáo [Anglicanism's Thirty-nine Articles of Religion]. Các Điều Khoản Bản Tuyên Xưng Đức Tin của chúng tôi về nguyên tội, Ba Ngôi Hiệp Một, Đấng Christ và sự xưng công chính bởi đức tin, các thánh lễ và Kinh Thánh thật sự có âm vang của giáo điều Anh Giáo.



Cách chúng tôi thờ phượng khác với Anh Giáo. Mặc dù Wesley đã tìm thấy các hạt giống của giáo lý về sự thánh khiết của ông trong các giáo điều Anh Giáo, tư duy của chúng tôi về đời sống thánh khiết khác với tư duy Anh Giáo. Phạm vi tín lý của Anh Giáo bao quát hơn các tín lý Nazarene, gần hơn với những giảng dạy thuộc về luận giáo Wesley-Arminius.

Các Tín Anh Giáo Tại Bắc Mỹ Ngày Nay

Thánh Công Hội [the Episcopal Church] là giáo hội lớn nhất ở Hoa Kỳ với 2,5 triệu thành viên. Giáo Hội Anh [The Anglican Church] ở Canada có 850.000 thành viên. Và còn có nhiều nhóm nhỏ hơn cũng thuộc về hệ thống Anh Giáo.



“Giáo Hội Gần Nhất ... Với Giáo Hội Nguyên Thủy So Sánh Với Các Giáo Hội Khác”

Tổng Giám Mục William Laud

CHƯƠNG 10

CÔNG GIÁO VÀ CẢI CHÁNH GIÁO: SỰ NGHỊCH LÝ CỦA ANH GIÁO

ANH GIÁO LÀ MỘT HỆ THỐNG THÔNG CÔNG TRÊN KHẮP THẾ GIỚI CỦA CÁC HỘI THÁNH có nguồn gốc từ Giáo Hội Anh. Hệ thống Cải Chánh Giáo Anh đã bắt đầu dưới triều đại của vua Henry VIII và đã nhanh hơn dưới triều đại của vua Edward, con của ông. Những người Công Giáo và Cải Chánh Giáo tử vì đạo đều được tạo ra trước khi các tín hữu Anh Giáo tìm được vị trí thích hợp của họ. Giáo Hội Anh đã trở thành giáo hội via media [con đường trung lập] – đi giữa Công Giáo và Cải Chánh Giáo.

Ông John Wycliffe

Một học giả của đại học Oxford mang tên John Wycliffe (mất đi năm 1384) đã trôi dạt như là một nhà vô địch trong sự cải chánh giáo hội một thế kỷ trước cả Cải Chánh Giáo Tin Lành. Những môn đồ của ông, được gọi với tên Lollards, là những học giả đại học đã quảng bá các tư tưởng của ông với đại chúng. Các nguyên tắc của ông Wycliffe bao gồm

- phiên dịch Kinh Thánh ra bản ngữ của dân thường;
- khẳng định Kinh Thánh là thẩm quyền tối thượng về lãnh vực giáo lý;
- sự tiền định của người được tuyển chọn cho ân điển, có nghĩa là Đức Chúa Trời (chứ không phải hệ thống các thánh lễ Công Giáo) mới đủ thẩm quyền định đoạt ai sẽ được cứu rỗi và ai sẽ bị đọa đày;
- giới hạn thẩm quyền của giáo hoàng;
- nhấn mạnh trên sự truyền giảng như là một thể thức của ân điển lớn hơn là thánh lễ Thánh Thể của Chúa [Eucharist];
- sự đơn sơ và bình dị là chìa khóa của bản tánh các tông đồ.

Các môn đồ của ông đã trả một giá rất đắt cho những nguyên tắc cải chánh giáo của họ. Gần như tất cả đã mất đi vị trí trong hệ thống giáo dục và một số người bị xử tử hỏa thiêu, bị kết tội là tà giáo. Nhưng họ đã thật sự tác động cả Anh Quốc. Các ý tưởng của ông Wycliffe nhanh chóng lan tràn khắp Châu Âu.

Cải Chánh Giáo

Hệ thống Anh Giáo bắt nguồn từ ước muốn ly dị với vợ đầu tiên của vua Henry VIII sau khi đã kết hôn trong sự bí mật với một người vợ thứ nhì, với hy vọng có được một đứa con trai để kế ngôi. Vị giáo hoàng từ chối không chấp thuận sự ly hôn này, Nghị Viện với sự tác động của vua Henry đã chấm dứt mọi quan hệ của Giáo Hội Anh với Giáo Hội Công Giáo La Mã. Thảm quyền lúc trước của giáo hoàng trên Giáo Hội Anh từ đó được phân chia giữa vua và vị tổng giám mục của Canterbury.

Lúc ban đầu hệ thống Cải Chánh Giáo Anh chỉ giới hạn ở việc chỉnh sửa thể chế giáo hội, đóng cửa các tu viện và tịch thu tài sản và bất động sản của các tu viện và chuyển giao sở hữu cho triều đình. Vua Henry đã che chở cho nhiều người đồng cảm với Công Giáo nhưng lại giao việc giáo dục đứa con trai ông cho những người theo Cải Chánh Giáo. Hơn thế nữa, Thomas Cranmer, vị tổng giám mục của Canterbury đã đi xa hơn hệ thống Cải Chánh Giáo trong chính tư duy của ông.

Ông Cranmer đã bí mật lên những kế hoạch để thay đổi và chỉnh sửa cách thờ phượng của Anh Giáo sau khi vua Henry băng hà. Vua Henry chống lại sự kết hôn của hàng giáo phẩm; ông Cranmer đã kết hôn ở Đức một cách thầm kín với một người vợ theo giáo hội Tín Nghĩa [Lutheran]. Tuy thế nền thần học của ông lại thiên về luận giáo của Calvin.

Thành tích vĩ đại nhất của ông Cranmer là *Quyển Sách Cầu Nguyện Chung* được phát hành vào năm 1549 và được chỉnh sửa thêm về sau. Ông Cranmer đã viết quyển sách này để những người theo các tín ngưỡng khác vẫn cảm nhận được ý nghĩa của tác phẩm. Nội dung quyển sách này gồm có các thánh lễ cầu nguyện cho buổi sáng và buổi tối, các lễ cho ngày Chủ Nhật và những ngày lễ thánh

Tính Hợp Lý của Via Media [Đạo Như Một Con Đường]

Một giáo hội vừa là Công Giáo và Cải Chánh Giáo có nghĩa là gì ? Ông Cranmer và những người khác đã nhìn giáo hội của họ như thế nào?

- Họ trông thấy Giáo Hội Anh như là một giáo hội bắt nguồn từ Cơ Đốc Giáo Khởi Nguyên.
- Kinh Thánh được sử dụng trong suốt sự thờ phượng của Anh Giáo — hơn tất cả mọi nhánh nào khác của Cơ Đốc Giáo.
- Họ xưng nhận các Phụ Giáo đầu tiên, những người luận giải Kinh Thánh đầu tiên đã thiết lập khuôn mẫu cho các giáo lý về Ba Ngôi Hiệp Một và thần thể thần thánh – nhân thể nhân thánh của Đấng Christ và định nghĩa hệ thống thánh kinh chính điển của Tân Ước.
- Hệ thống giám mục [episcopacy] (hay giáo hội với các giám mục) từng là một bức tường thành vào thời Cơ Đốc Giáo khởi nguyên chống lại tà giáo. Vì thế mà Anh Giáo vẫn duy trì các giám mục như một trọng điểm trong bản thánh liên kết họ với Cơ Đốc Giáo khởi nguyên

Những người Cải Chánh Giáo Anh không hoàn toàn phủ nhận di sản thời Trung Cổ của họ. Họ phủ nhận những gì Công Giáo La Mã đã thêm vào, như thẩm quyền giáo hoàng đến truyền thống Công Giáo đại đồng. Nhưng họ không vứt bỏ đi tất cả mọi điều liên quan đến thời Trung Cổ

Cùng lúc đó, những người Cải Chánh Giáo Anh

- đã tin nhận giáo lý xưng công chính bởi đức tin của Cải Chánh Giáo ;
- chối bỏ quan điểm Công Giáo La Mã về các thánh lễ, nhất là sự hóa mình trong thể chất thánh thể [transubstantiation];
- khẳng định thẩm quyền của Kinh Thánh trong tất cả các lãnh vực giáo lý của giáo hội .

Họ là những người Cải Chánh Giáo ở một ý nghĩa khác. Các tu viện đều đóng cửa, và vì thế giáo hội Anh thời hậu vua Henry đã có những cảm nhận thuộc linh khác giáo hội thời Trung Cổ.

Một Truyền Thống Đa Dạng

Ba phong trào đã tạo nên hình dáng của hệ thống Anh Giáo từ thời Cải Chánh Giáo: tinh thần Truyền Giảng Phúc Âm, Công Giáo Anh và nền thần học phóng khoáng.

Tín Ngưỡng của Tám Lòng. Thành phần Truyền Giảng Phúc Âm đã bắt đầu phát triển từ sự Phục Hưng Truyền Giáo của thế kỷ thứ 18. Sự phục hưng này bao gồm hai hệ thống lãnh đạo và hai nền thần học khác nhau. Những người Giám Lý theo luận giáo Arminius lãnh đạo bởi hai anh em Wesley đã trở nên một giáo hội riêng biệt. Các tín hữu Giám Lý theo luận giáo Calvin được dẫn dắt bởi ông George Whitefield thì vẫn ở lại trong giáo hội quốc gia. Ông Whitefield cũng là một nhân vật quan trọng trong sự Tỉnh Thức Vĩ Đại của Hoa Kỳ. Ông đã đến Mỹ nhiều lần và đã thiết lập một cô nhi viện ở tiểu bang Georgia. Đôi khi có quan hệ rất tốt với anh Wesleys nhưng có lúc thì xa cách (thường vì vấn đề thần học), ông Whitefield đã kết hợp sự thương cảm xã hội với tinh thần phục hưng nồng nhiệt. Ông William Wilberforce, thế hệ Truyền Giảng Phúc Âm thứ hai, đã đấu tranh chống lại hệ thống nô lệ hiện hữu trong Đế Chế Anh.

Công Giáo Anh. Phong Trào Oxford vào giữa thế kỷ thứ 19 dẫn dắt bởi các ông John Henry Newman và Edward Pusey có hai mục tiêu chính. Mục tiêu thứ nhất là đem trở lại sự hiểu biết về vị trí giáo hội cách biệt với chánh phủ. Việc này đã được thực hiện với sự nhấn mạnh trên bản tính Công Giáo và nền tảng thuộc linh dựa trên Phúc Âm. Mục tiêu thứ hai là đem trở lại những nguồn gốc của sự thờ phượng Cơ Đốc trong tôn giáo Hê-bơ-rơ (chuyên ngành của ông Pusey) và những thể kỷ đầu tiên của thời đại Cơ Đốc (chuyên ngành của ông Newman). Công việc của hai ông đã đem lại sự phục hưng của hệ thống nghi lễ thờ phượng. Nhưng việc này cũng dẫn đến một quan điểm lãng mạn đối với giáo hội thời Trung Cổ và một lập trường chỉ trích đối với những người Cải Chánh Giáo. Cuối cùng ông Newman đã cải đạo theo hệ thống Công Giáo La Mã, nhưng ảnh



hưởng của tư duy Công Giáo Anh vẫn tồn tại.

Nền Thần Học Phóng Thoáng. Một nền thần học phóng khoáng cũng bắt đầu xuất hiện vào thế kỷ thứ 19. Nguồn gốc khác nhau của nền thần học này bao gồm các chủ thuyết xã hội mới như học thuyết của Darwin và các khoa học mới cũng như sự phân luận với tính chất chỉ trích tiêu cực Kinh Thánh.

Ông J. Frederick Denison Maurice (1805-72) đã làm cho thể thức thần học mới được thành hình. Được giáo dục như một tín hữu tin nơi Đức Chúa Trời Ba Ngôi Hiệp Một, ông Maurice đã tiếp nhận đức tin với quan niệm Đức Chúa Trời Ba Ngôi Hiệp Một. Ông đã trở thành một linh mục Anh Giáo và một giáo sư thần học. Ông đã thấy nơi Đấng Christ như là Thượng Đế thật sự của nhân loại, Đấng đã tái thiết con người với giá chuộc hy sinh của Ngài. Tội lỗi đối với ông Maurice là một sự thất bại trong việc hiểu được chúng ta là *ai* và *điều gì* trong quan hệ với Đấng Christ. Đó là sự bối rối, lung túng trong bản tánh và danh tánh thật của chúng ta. Sự cải đạo có thể thật cảm động hay không, nhưng luôn luôn bao gồm một sự thông sáng mới và sự hiểu thấu về quan hệ của chúng ta với Đấng Christ và với những người khác.

Ông Maurice đưa ra chủ thuyết xã hội Cơ Đốc. Quan điểm của ông về lịch sử hoàn toàn là Cơ Đốc và đối nghịch với chủ thuyết về bản ngữ tinh thần vật chất của Karl Marx. Động lực cho trách nhiệm xã hội Cơ Đốc, theo sự quả quyết của Maurice, trỗi dậy từ sự hy sinh của Đấng Christ cho chúng ta. Ông Maurice đã hỗ trợ cho việc thành lập một trường cao đẳng tại Luân-đôn cho nam sinh viên đang đi làm việc để những nhân công bình thường vẫn có thể tiến thân trong lãnh vực giáo dục. Ông cũng là thần học gia thuộc Anh Giáo đầu tiên phủ nhận trong các tác phẩm của ông, giáo lý về sự trừng phạt đời đời của kẻ gian ác. Lập luận của ông là sự “trừng phạt đời đời” mang tính chất của sự trừng phạt chứ không phải là khoảng thời gian được đo lường.¹

Các Tín Hữu Thánh Công Hội [Episcopalians]

Anh Giáo ở Mỹ đã có từ thời những định cư người Anh đầu tiên đã được thiết lập tại Jamestown, Virginia (1607). Từ năm 1775 Giáo Hội Anh được thiết lập bởi luật pháp trong rất nhiều thuộc địa Mỹ, bao gồm tất cả các thuộc địa ở miền Nam.

Những người thuộc địa trực thuộc giám mục của Luân-đôn. Vì không có giám mục hiện diện trên đất Mỹ để phong chức cho giáo phẩm, những người muốn được trở nên mục sư phải đi đến Anh Quốc để được tấn phong. Các linh mục Anh cũng được gửi đến để hỗ trợ họ, nhưng không bao giờ đủ để giải quyết việc thiếu mục sư một cách triền miên. Nan đề này trở nên trầm trọng khi các linh mục Anh phải di tản với cuộc cách mạng Mỹ. Những người còn ở lại phải làm việc cực lực, truyền giảng và cử hành các thánh lễ vượt qua ranh giới thông thường của các giáo phận của họ.

Cuộc cách mạng Mỹ đã đem đến nhiều thay đổi. Điều khoản về tự do tín ngưỡng do ông Thomas Jefferson chủ trương đã trở thành một phần của hiến pháp Virginia và Anh Giáo không còn là thể chế được thiết lập ở tiểu bang này nữa. Các tiểu bang khác cũng đã lựa chọn thể thức này và chánh quyền liên bang cũng thế. Nhiều thay đổi khác đã xảy đến khi các tín hữu Giám Lý đã rút ra khỏi Anh Giáo vào năm 1784 để tổ chức giáo hội Thánh Công Hội Giám Lý [the Methodist Episcopal Church]. 5 năm nữa đã trôi qua trước khi những tín hữu Anh Giáo còn lại tổ chức Thánh Công Hội Cải Chánh Giáo [the Protestant Episcopal Church]. Ai có thể đo lường được sự mất mát của các tín hữu Giám Lý đối với các tín hữu Thánh Công Hội? Vào năm 1775 Anh Giáo là giáo hội lớn thứ ba ở Mỹ, và các hiệp hội Giám Lý lúc đó còn tương đối bé nhỏ; vào năm 1850 các tín hữu Giám Lý trở nên giáo hội lớn nhất ở Mỹ trong khi các tín hữu Thánh Công Hội là giáo hội thứ năm ở quốc gia này. Thánh Công Hội, tổ chức trọng yếu thể hiện hệ thống của Anh Giáo tại Hoa Kỳ, có một số thành viên bao quát là 2,5 triệu người. Đại Hội Đồng của Thánh Công Hội [General Convention] được chia ra giữa Hội Nghị Giám Mục [House of Bishops] và Hội Nghị Chấp Sự [House of Deputies]. Hội nghị thứ hai gồm có số đại biểu ngang nhau về tín hữu và giáo chức. Điều luật giáo hội phải được cả hai hội nghị chấp thuận, mặc dù một số vấn đề được quy định phải có cuộc bầu cử riêng của giáo chức và tín hữu tại thể. Giáo Hội Anh tại Canada là giáo thể chính của Anh Giáo ở quốc gia này và có khoảng 850.000 thành viên.²

Mặc dù các tín hữu Thánh Công Hội [Episcopalians] được biết về sự phóng khoáng, mãi đến thập niên 1970 nữ giáo chức mới được tấn phong tại Hoa Kỳ và điều tương tự chỉ xảy đến với Giáo Hội Anh vào trung tuần thập niên 1990. Sự chống đối kịch liệt nhất cho việc phong chức nữ giáo chức không đến từ các tín hữu Truyền Giảng Phúc Âm Anh Giáo mà đến từ Công Giáo Anh, với hậu quả là một số tín hữu đã kết hợp trở lại với Giáo Hội Công Giáo La Mã. Tại Hoa Kỳ, nhiều giáo hội Công Giáo Anh đã ly khai với giáo hội Thánh Công Hội [Episcopal Church] vì vấn đề tranh chấp về vai trò của phụ nữ và những thay đổi được đem đến cho Quyển Sách Cầu Nguyện được biên soạn vào năm 1928. Không có nhóm ly khai mới đây nào thật sự là vững mạnh, hay một trong hai nhóm này đã kết hợp lại với nhau.

Các Tác Giả của Anh Giáo

Truyền thống thuộc linh Anh Giáo không chỉ giới hạn ở *Quyển Sách Cầu Nguyện Chung*. Rõ ràng là nhiều tác giả cũng đã ảnh hưởng Cơ Đốc Giáo đương đại như C. S. Lewis, Evelyn Underhill, Dorothy Sayers, và William Barclay. Bà Underhill chuyên về các tác phẩm tĩnh nguyện và sự nghiên cứu về thần bí học Cơ Đốc đã phản ảnh sự quan tâm sâu sắc cá nhân của bà. Các tác phẩm viễn tưởng hay không viễn tưởng của tác giả Lewis rất được ưa chuộng và phổ biến từ thập niên 1960s, trong đó

có bộ sách cho thiếu nhi *Sử Ký Narnia [the Chronicles of Narnia]*. Tác giả tiểu thuyết Sayers đã sử dụng văn chương viễn tưởng (trong đó có các câu chuyện trinh thám) để nghiên cứu các lãnh vực thuộc linh. Các bài lược giải cho tín hữu tại thể về Nghiên Cứu Kinh Thánh Mỗi Ngày của tác giả Barclay's [Barclay's Daily Study Bible commentaries for laypeople] được phát triển từ chương trình phát thanh được ông sử dụng để trả lời hàng trăm câu hỏi về Kinh Thánh và vai trò của quyển sách này trong đời sống Cơ Đốc.

Những Nét Riêng Biệt của Anh Giáo

Điều gì phân biệt các tín hữu Anh Giáo? Ba Mươi Chín Điều Khoản Tôn Giáo [The Thirty-nine Articles of Religion] được diễn giải rất sâu rộng bởi những người theo luận giáo Calvin và Arminius, Truyền Giảng Phúc Âm và Công Giáo Anh. Vì thế sự tập trung của Anh Giáo thật ra là ở một nơi khác và đó là *Quyển Sách Cầu Nguyện Chung*. Tín hữu Anh Giáo không thống nhất chung quanh một giáo điều bằng thực tế của Giáo Hội cũng như sự hiện hữu như là những người thờ phượng Đức Chúa Trời.

Quyển Sách Cầu Nguyện Chung chứa đựng khuôn mẫu cho các buổi lễ thờ phượng khác nhau cho sự thờ phượng ngày Chủ Nhật, những ngày thánh, và sự cầu nguyện buổi sáng và buổi chiều. Quyển sách cũng chứa đựng tài liệu cho sự tĩnh nguyện. Kinh Thánh được cố tình rải đều qua các buổi lễ thờ phượng này và quyển sách thật sự thích hợp cho sự thờ phượng cá nhân và với gia đình.

Tổng giám mục Stephen Neill đã nhận dạng các đặc điểm khác của Anh Giáo :

Hai Mươi Lăm Điều Khoản của Đức Tin (Giám Lý)

“Nguyên tội ... là sự suy đồi của bản chất mỗi người được truyền đạt một cách tự nhiên đến hậu duệ của A-đam, do đó con người đã đi rất xa so với sự công chính nguyên thủy và bản chất riêng của mình luôn có khuynh hướng của sự gian tà, và điều đó là liên tục .”

Cẩm Nang Nazarene, 2017

“Nguyên tội là khác biệt với tội lỗi. Nguyên tội là khuynh hướng tự nhiên đẩy chúng ta đến việc phạm tội. Con người không chịu trách nhiệm về nguyên tội cho đến khi biện pháp cứu chuộc được Đức Chúa Trời ban cho bị xem thường hay chối bỏ.”

Nguồn gốc Anh Giáo của tín lý Nazarene rất rõ trong các giáo lý khác, có khi với những câu giống nhau, có khi trong ý nghĩa tổng quát, và bao gồm

- Thần thánh Ba Ngôi Hiệp Một của Đức Chúa Trời ,
- Công việc của Đấng Christ
- Sự xưng công chính duy nhất bởi đức tin ,
- Kinh Thánh ,



- Thánh lễ báp-têm và Tiệc Thánh của Chúa (bao gồm danh từ chính xác “Tiệc Thánh của Chúa”),
- Tự do ý chí như là một tặng phẩm của ân điển từ Đức Chúa Trời chứ không phải khả năng tự nhiên của chúng ta .

Và cũng còn một số điểm liên kết khác.

Thần học Wesley về sự cứu rỗi của chúng tôi. Thần học Wesley về sự cứu rỗi song hành với nguyên tắc via media. Ông Wesley đã kết hợp sự nhấn mạnh của Cải Chánh Giáo về sự xưng công chính bởi đức tin với sự nhấn mạnh của Công Giáo (và cũng của Chính Thống Giáo Phương Đông) về sự thánh thiết. Ông thấu hiểu hơn những người Công Giáo và Cải Chánh Giáo từng đi trước ông rằng đức tin xưng công chính cho một Cơ Đốc Nhân sẽ tạo nên tình yêu thương phù hợp với Phúc Âm hay là sự thánh thiết, và đức tin và tình yêu thương là một sự hiệp nhất không thể tách rời được.

Giáo lý về Kinh Thánh. Điều Khoản VI của Giáo Hội Anh mang tựa đề “Sự Toàn Vẹn của Kinh Thánh cho sự Cứu Rỗi” đã có từ thời Cải Chánh Giáo. “Sự Toàn Vẹn của Kinh Thánh” có nghĩa là Kinh Thánh là sự Dẫn Dắt duy nhất đến sự cứu rỗi , và bất cứ điều gì không được tìm thấy trong Kinh Thánh không thể được áp đặt như là một điều khoản của đức tin hay được xem như là cần thiết cho sự cứu rỗi. Ông John Wesley đã tiếp tục đem giáo lý này vào các Điều Khoản Tôn Giáo Giám Lý, được giảng dạy qua suốt môn nghiên cứu Giám Lý cho đến các thành lập viên Giáo Hội Nazarene của chúng tôi, những người với bối cảnh Giám Lý .

Những điểm nào là khác biệt căn bản và chia cách Anh Giáo và Giáo Hội Nazarene? Các điểm này nằm trong ba lãnh vực bao quát: giáo lý, thờ phượng và tọa độ định vị.

Giáo Lý. Quyển *Cẩm Nang* chứa đựng những điều khoản đức tin chính xác thể hiện trọng tâm của nền thần học Wesley. Các điều khoản đức tin này gồm có sự xác định về:

- Sự ăn năn hối cải,
- Sự ra đời mới (tái thiết) và sự nhìn nhận làm con bởi Đức Chúa Trời,
- sự nên thánh trọn vẹn.

Đó là các giáo lý về đời sống thuộc linh được ảnh hưởng bởi Đời Sống Tin Kính [Pietism] và thật sự thành hình với nền thần học của ông John Wesley. Các giáo lý này không nhất thiết là không phù hợp với Anh Giáo, và điều đó cũng không được xác định như thế. Chúng tôi xác định điều đó, và các giáo lý này phân biệt chúng tôi và các anh em họ hàng của chúng tôi trong truyền thống Wesley-Thánh Khiết với các giáo hội đã hiện hữu trước chúng tôi.

Sự Thờ Phượng. Quyển *Sách Cầu Nguyện Chung* quy định hệ thống thờ phượng cho những tình huống khác nhau, nhưng ít có gì được quy định trong sự thờ phượng của Giáo Hội Nazarene.



Truyền thống thờ phượng của chúng tôi được thành hình từ các hội nghị lều trại, buổi nhóm cầu nguyện, phục hưng và chương trình truyền giảng Phúc Âm. Sự làm chứng với công chúng, sự cầu nguyện tùy ứng, và sự quỳ gối trước bàn thờ để đáp lời sự mời gọi tin nhận Đấng Christ, hay hành trình tiến đến sự toàn hảo Cơ Đốc là những khía cạnh của một truyền thống thờ phượng rất khác biệt. Buổi lễ thờ phượng Sáng Chủ Nhật trong Hội Thánh Nazarene cũng phản ánh nhân cách và khuynh hướng cá nhân của một mục sư và các thành viên, chứ không theo thứ tự sắp đặt của bản năng của *Quyển Sách Cầu Nguyện Chung*.

Gốc độ và tọa độ định vị về mặt giáo lý. Các giáo lý của Anh Giáo đã được khẳng định bởi nhiều nhóm cực đoan khác nhau, và gốc độ đa dạng đó không giống với Giáo Hội Nazarene. Các Điều Khoản của Bản Tuyên Xưng Đức Tin không cho phép tạo ra khoảng cách và hướng về một định hướng cố định của Cải Chánh Giáo, Arminius và Wesley. Tuy thế, tầm cỡ của sự khác biệt không còn như một thế hệ về trước với sự tham gia vào những hoạt động phi giáo hội và những khuynh hướng Calvin và Ngũ Tuần đã thay đổi tư duy phổ thông trong hội thánh.

Truyền thống Anh Giáo là quan trọng trong lịch sử Cơ Đốc và đối với các tín hữu Nazarene. Sự liên hệ gia tộc chấm dứt với quyết định của các tín hữu Giám Lý Mỹ tách rời Anh Giáo để thành lập một giáo hội riêng. Tuy vậy chính bởi nguồn gốc Anh Giáo mà chúng tôi thật sự hướng về Cải Chánh Giáo và Giáo Hội Cơ Đốc trước đó.





PHẦN 5

TRUYỀN THÔNG CỦA CÁC TÍN HỮU HỘI THÁNH



TÓM LƯỢC

CÁC HỘI THÁNH CHỦ TRƯỞNG HÒA BÌNH TÁI BÁP-TÊM (ANABAPTIST), CÁC ANH EM (BRETHREN) VÀ QUAKER.

Nguồn Gốc Lịch Sử

Các tín hữu Tái Báp-têm (Anabaptist) bắt nguồn từ sự cuồng nhiệt tôn giáo của Châu Âu thời thế kỷ thứ 16. Phong trào phức tạp này tìm kiếm một hệ thống giáo hội thuộc về các tín hữu nhưng loại bỏ hoàn toàn sự can thiệp của chính quyền vào đời sống của giáo hội. Rất nhiều tín hữu Tái Báp-têm đã bị xử tử hình, hỏa thiêu, treo cổ hay nhận nước đến chết. Lãnh đạo của phong trào Tái Báp-têm được biết đến nhiều nhất là ông Menno Simons, và tên của ông đã trở thành danh xưng của các tín hữu Me-nô-nít (Mennonites).

Giáo Hội Các Anh Em (The Church of the Brethren) được thành lập vào năm 1708 bởi ông Alexander Mack tại thành phố Schwarzenau, Đức Quốc. Họ đã pha lẫn quan điểm Tái Báp-têm của giáo hội với quan niệm Đời Sống Tin Kính của Đức, hay sự thánh khiết của tâm lòng và trong đời sống.

Các tín hữu Quaker, thành lập bởi ông George Fox, giảng dạy bởi ông Robert Barclay, và được ông William Penn lãnh đạo và dẫn dắt ở Hoa Kỳ, đã ra đời tại Anh Quốc vào khoảng cùng một thời với phong trào phục hưng của ông Wesley. Sự giảng dạy về “ánh sáng nội tâm” như là một mặc khải từ Đức Chúa Trời đã thật sự phân biệt các tín hữu Quaker với các phong trào và truyền thống khác.

Niềm Tin Cốt Lõi

1. Lập trường hòa giải Cơ Đốc hay sự từ chối không tham gia chiến tranh là đặc điểm chung của tất cả các hội thánh chủ trương hòa bình cho đến ngày nay.
2. Hoàn toàn tách rời và cách ly với chính quyền và thể chế giáo hội.
3. Chủ trương phép báp-têm chỉ dành cho tín hữu tuổi trưởng thành thay vì phép báp-têm cho trẻ sơ sinh (Tuy vậy, tín hữu Quaker chỉ tin vào báp-têm của Đức Thánh Linh)
4. Đời sống thánh khiết, cách biệt hoàn toàn với thế gian và một quan hệ cá nhân với Đức Chúa Trời.
5. Kỷ luật của hội thánh đối với người sa ngã.



Điểm Tương Đồng và Khác Biệt

Tín hữu Nazarene có những điểm tương đồng với một số tín lý và thực hành của các hội thánh chủ trương hòa bình như giáo hội – hội thánh thuộc về các tín hữu, các hành động để cải thiện xã hội và sự nhấn mạnh của hệ thống môn đồ hóa và kỷ luật của hội thánh.

Chúng tôi không đồng ý với tín hữu Quaker về sự thuộc linh hóa các thánh lễ. Mặc dù chúng tôi đồng ý với sự làm chứng về lập trường hòa giải của các hội thánh chủ trương hòa bình, chúng tôi không bắt buộc các thành viên hội thánh từ chối nghĩa vụ quân sự.

Các Hội Thánh Hòa Bình Ngày Nay

Các hội thánh Tái Báp-têm đương đại gồm có Giáo Hội Mê-nô-nít (the Mennonite Church) Tổng Hội Nghị Giáo Hội Mê-nô-nít (General Conference Mennonite Church), Hội Thánh Dòng Tu Amish Cũ (Old Order Amish Church), và Các Anh Em Hu-tê-ri (the Hutterite Brethren). Tính chung với nhau, các giáo hội này có khoảng 335.000 thành viên ở Bắc Mỹ.

Giáo Hội Các Anh Em được tổ chức ở Hoa Kỳ vào Giáng Sinh năm 1723. Hiện giờ có bảy (7) giáo hội Các Anh Em với 256.000 thành viên.

Tín hữu Quaker ở Bắc Mỹ gồm có ba (3) giáo hội với 124.000 thành viên. Một số các lãnh đạo đầu tiên của Giáo Hội Nazarene một thời đã từng thuộc về giáo Quaker.

CHƯƠNG 11

CÁC HỘI THÁNH CHỦ TRƯỞNG HÒA BÌNH TÁI BÁP-TÊM (ANABAPTIST), CÁC ANH EM (BRETHREN) VÀ QUAKER

THẬT KHÓ NGHĨ ĐẾN MỘT CẶP VỢ CHỒNG AMISH RẤT LẬP DỊ, lái xe ngựa như là những người dám tử vì đạo. Họ có liên quan gì đến một phụ nữ Đức mộ đạo của một thế kỷ khác, bị treo vào một thang trên lửa hồng? Hay có sự liên quan nào giữa một hội chúng tín hữu Quaker thế kỷ thứ 18 tại Luân-đôn, với sự thờ phượng dài hàng giờ chỉ với một vài lời và một nhân sự thiện nguyện hoạt động nhân đạo tại Bangladesh?

Thật ra có rất nhiều sự liên kết với nhau.

Bài Giảng Trên Núi có một vị trí đặc biệt trong nền thần học và đạo lý sống của ba gia đình

giáo hội: Tái Báp-têm, Các Anh Em và Quaker. Nói chung, các nhóm này phủ nhận ý tưởng các Cơ Đốc Nhân có thể tham gia chiến tranh. Vào thế kỷ thứ 20, sự “làm chứng về hòa bình” của họ đã dẫn họ đến các thánh chức hòa giải, công bằng xã hội và mạng lưới toàn cầu của chức vụ từ thiện xã hội.

Các nhóm này được liên kết với nhau qua một ý tưởng vĩ đại khác có một ảnh hưởng thật lớn trên hệ thống Cải Chính Giáo tân thời: quan niệm của giáo hội thuộc về các tín hữu. Các tín hữu Tái Báp-têm của thế kỷ thứ 16 là những người tiên phong hiện đại của luận giáo này. Họ phủ nhận tính hợp pháp của thể chế giáo hội chính thức thuộc về chính quyền với lập luận cho rằng giáo hội hữu hình trên trái đất của Đức Chúa Trời chỉ gồm có những người làm chứng cho sự tái sinh và tự nguyện nhóm họp lại với nhau. Các tín hữu Quaker, Báp-tít và Các Anh Em trỗi dậy trong các thế kỷ tiếp theo sau như là các truyền thống đức tin mạnh mẽ từng tiếp nhận quan niệm của hội thánh hay giáo hội thuộc về các tín hữu.

Trong khi các giáo hội thuộc về các tín hữu vẫn còn bé nhỏ ở Châu Âu và Nam Mỹ so sánh với sự thống lĩnh của thể chế giáo hội thuộc về chính quyền thì các giáo hội này lại là khuôn mẫu của Cơ Đốc Giáo ở Bắc Mỹ, Châu Phi và Châu Á. Ảnh hưởng của các tín hữu Quaker ở các tiểu bang như Pennsylvania, Delaware và New Jersey, và các tín hữu Báp-tít ở tiểu bang Rhode Island đã tạo nên các nơi này như nơi thử nghiệm cho sự tự do tín ngưỡng để cuối cùng ảnh hưởng lý tưởng của Hoa Kỳ như là một quốc gia mới được thành lập. Vì thế, sự nhấn mạnh về quan niệm hội thánh thuộc về các tín hữu của các giáo hội “chủ trương hòa bình” này đã cho họ tầm ảnh hưởng trên các nhóm tôn giáo khác, hơn cả những gì nhiều người có thể nghĩ đến.

Cải Chính Giáo Cấp Tiến

Phong trào Tái Báp-têm là một phần của “Cải Chính Giáo Cấp Tiến.” Cải Chính Giáo Cấp Tiến không phải là một cách có hệ thống như Giáo Hội Tín Nghĩa (Lutheran) hay Cải Chính Giáo truyền thống. Cải Chính Giáo Cấp Tiến gồm có tín hữu Socinians, những người tiên phong cho hệ thống Thượng Đế Nhất Vị Nhất Thể (Unitarianism) và chủ trương Thuộc Linh Hóa (Spiritualists), hai khuynh hướng tin rằng mọi tổ chức giáo hội đã sa ngã và trở nên tội lỗi. Đối với người chủ trương Thuộc Linh Hóa, giáo hội chính đáng duy nhất là “Giáo Hội vô hình” của các tín hữu thật sự được Đức Chúa Trời duy nhất biết đến trong lòng và tâm trí của Ngài.

Ngược lại, các tín hữu Tái Báp-têm vui mừng tiếp nhận ý tưởng của Giáo Hội hữu hình ở thế gian này. Nhưng họ nỗ lực tìm cách giải cứu Giáo Hội đó khỏi sự kiểm soát của những người kết hợp giáo hội với quyền lực của chính phủ. Họ tin rằng sự tiếp nhận đức tin của Hoàng Đế La Mã Constantine vào đầu thế kỷ thứ tư là sự diệt vong đối với sức khỏe thuộc linh của Cơ Đốc Giáo. Theo họ, từ điểm đó các lãnh tụ tại thế đã làm suy đồi tôn giáo của “Đấng Không Có Quyền Thế” được



Đức Chúa Trời gửi đến để giải cứu thế gian. Các tín hữu Tái Báp-têm đã thấy điều này như nhược điểm lớn nhất của Chính Thống Giáo Phương Đông, Công Giáo La Mã và các nhánh chính yếu của Cải Chính Giáo.

“Tái Báp-têm” mang ý nghĩa “Ban phép Báp-têm lần thứ hai cho một người.” Tất cả những ai đã được phép báp-têm khi còn là một trẻ sơ sinh cần tiếp nhận một lần nữa phép báp-têm khi tham gia một hội chúng Tái Báp-têm. Tại sao thế? Vì các tín hữu Tái Báp-têm đặt tầm quan trọng lớn nhất cho sự thánh khiết và sự chính trực của Giáo Hội. Vì phép báp-têm mang ý nghĩa của sự gia nhập Hội Thánh Đấng Christ, họ lý giải rằng phép báp-têm cần được ban cho những người đã chứng tỏ được sự ăn năn hối cải của tuổi trưởng thành và cho thấy rõ bằng chứng của sự tái thiết hay tái sinh. Khi con của họ ra đời, họ không cho trẻ sơ sinh nhận lãnh phép báp-têm như các tín hữu Tín Nghĩa (Lutherans) hay Trưởng Lão (Presbyterians). Họ đợi con của họ tự thực hiện sự tuyên xưng đức tin của chúng.

Các ý tưởng này về Giáo Hội và các thánh lễ phân biệt rõ các tín hữu Tái Báp-têm với các giáo hội khác đương thời với họ.

Nguồn Gốc Các Tín Hữu Tái Báp-têm

Phong trào Tái Báp-têm đã được phát triển cùng một lúc ở nhiều nơi khác nhau ở Châu Âu. Tại sao các tín hữu Tái Báp-têm bị bắt bớ bởi tín hữu Công Giáo và Cải Chính Giáo như nhau? Một lý do là vì phong trào này được phát triển vào một thời kỳ loạn lạc. Sự Nổi Dậy của Nông Dân ở Đức Quốc (1524-25) là thời điểm cao trào của sự đấu tranh các tầng lớp xã hội. Phong trào Tái Báp-têm trông như hấp dẫn đối với người nghèo và bên lề xã hội, và bất cứ phong trào nào có được sức thu hút như thế sẽ bị chính quyền nghi ngờ ngay.

- Hơn thế nữa, nếu người nghèo lựa chọn một giáo hội bên ngoài thể chế giáo hội được chính quyền công nhận và hậu thuẫn trong khi giới giàu chọn lựa một thể chế giáo hội như thế thì điều này sẽ làm suy giảm sự đoàn kết về mặt tôn giáo mà giới quý tộc thường cố gắng áp đặt để duy trì sự ổn định xã hội. Sự giảng dạy về việc Cơ Đốc Nhân không thể tham gia chiến tranh cũng được xem với sự báo động. Các lãnh tụ quốc gia cần có quân đội để tiến chiếm các mục tiêu của họ. Tín hữu Công Giáo La Mã thường cho hành xử các lãnh đạo Tái Báp-têm như là tà giáo. Tín hữu Cải Chính Giáo cũng cho xử tử các lãnh đạo Tái Báp-têm như là thành phần phản động và gây loạn.

Những Đặc Điểm Riêng Biệt của Phong Trào Tái Báp-têm

Bảy Điều Khoản Tín Ngưỡng được ông Michael Sattler trình bày vào năm 1527 tại hội nghị

Tái Báp-têm tại thành phố Schleithem, Thụy Sĩ, đã trở thành văn bản chính yếu cho tín lý Tái Báp-têm khởi nguyên. Các Điều Khoản Tuyên Xưng Đức Tin đó đã xác định những điều như sau:

- Phép báp-têm chỉ được ban cho những người nào thật sự ăn năn hối cải và tin rằng Đấng Christ cất đi tội lỗi của họ, và như thế đã chịu thay đổi đời sống của họ.
- Kỷ luật của giáo hội được áp dụng đối với những người sa ngã. Họ cần được xử lý một cách riêng biệt, và nếu như biện pháp kỷ luật không thay đổi được họ thì họ sẽ bị khai trừ một cách công khai, không được quyền tham gia vào Tiệc Thánh của Chúa.
- Các tín hữu cần phải sống cách biệt với tội lỗi và sự gian ác. Tất cả những gì thuộc về thế gian phải được tránh xa.
- “Người chăn bầy trong hội thánh” (vị mục sư) phải là một người có tính hạnh tốt và được hội chúng tuyển chọn.
- Thành viên của “bầy chiên” không được tham gia vào chính quyền và có vị trí trong chính quyền hay trợ giúp các quan chức chính quyền sử dụng “thanh gươm” của quyền lực thế gian. Đức Chúa Trời đã thiết lập chính quyền để kiểm soát kẻ gian ác. Nhưng Cơ Đốc Nhân sống với một quy luật cao thượng hơn của tình yêu thương.
- Cơ Đốc Nhân không được tuyên thệ. Trái ngược lại, tính hạnh của họ cao thượng đến nỗi việc tuyên thệ không thêm gì đối với sự chính trực của họ, vì lời “vâng, dạ” của họ luôn luôn mang ý nghĩa “vâng dạ” và “không” thật sự mang ý nghĩa là “không”.

Chủ đề riêng biệt của họ rất cụ thể và chính xác: sống tách khỏi thế gian, trong đó có việc tránh sử dụng quyền lực của thế gian; sự ăn năn hối cải; sự thay đổi trong đời sống của một người; phép báp-têm như là một dấu hiệu của sự ăn năn hối cải và sự thuộc về một cộng đồng đức tin; và giáo hội như là một cộng đồng chính trực hay thánh khiết.

Không phải tất cả mọi tín hữu Tái Báp-têm đều là một người chủ trương hòa bình, các nguyên tắc được thống nhất tại Schleithem được thể hệ thứ ba của phong trào tiếp nhận và từ đó trở thành đặc điểm phân biệt các nhóm Tái Báp-têm đã tồn tại cho đến ngày nay.

Các hệ phái tại Hoa Kỳ.

Các tín hữu Mê-nô-nít Hòa Lan cuối cùng mới kinh nghiệm được sự khoan dung. Nhưng những người sống trong các quốc gia của Đức luôn luôn bị đe dọa bắt đi quân dịch. Vào những năm 1700 rất nhiều người di cư đến tiểu bang Pennsylvania (Hoa Kỳ). Một số người khác di cư đến Nga với sự mời gọi của Hoàng Hậu Catherine Đại Đế và sống ở đây một cách hưng thịnh trong nhiều thế hệ, hòa hợp văn hóa Hà Lan với văn hóa Nga. Sau năm 1880 nhiều tín hữu Mê-nô-nít Nga cũng đã

di cư sang Hoa Kỳ.

Giáo Hội Mê-nô-nít [the *Mennonite Church*] được tổ chức tại thuộc địa Pennsylvania. Một trong những kêu gọi chống lại chế độ nô lệ được ban hành bởi hội chúng Mê-nô-nít Germantown tại Pennsylvania. Những người dân di cư Nga về sau đã đến định cư tại vùng Đồng Bằng Lớn [the Great Plains] và vùng miền tây Canada đã cố gắng tham gia một nhánh của Giáo Hội Mê-nô-nít, *Tổng Hội Nghị Giáo Hội Mê-nô-nít (General Conference Mennonite Church)*. Gần như phân nửa các thành viên đều sống ở Canada. Cả hai giáo hội đã kết ước và sát nhập với nhau, đem tổng số các tín hữu trên 160.000 người vào năm 2000. Niềm tin cốt lõi cho sự sát nhập này là một bản tuyên xưng đức tin mang tựa đề “Một Tuyên Xưng Cho Đấng Christ Với Triễn Vọng Mê-nô-nít.”

Một số những người di cư từ Nga đã thành lập giáo hội *Các Anh Em Mê-nô-nít [the Mennonite Brethren church]*. Không giống các tín hữu Tái Báp-têm truyền thống, Các Anh Em Mê-nô-nít thực hành hệ thống truyền giảng phục hưng và phản ánh sự tác động của phong trào tin kính trên các cộng đồng Mê-nô-nít ở Nga. Có 50.000 Các Anh Em Mê-nô-nít ở Bắc Mỹ, đa số sinh sống ở Canada.

Hội Thánh Dòng Tu Amish Cũ (Old Amish Order Church) là nhánh Mê-nô-nít truyền thống bảo thủ nhất. Là những môn đồ của Giám Mục Jacob Ammann, họ đã tách rời với các giáo hội Mê-nô-nít khác vào năm 1693, và di cư sang Mỹ vào những năm 1700. Họ là một mạng lưới hội thánh tư gia, mỗi hội thánh có một giám mục và hai giáo chức được hội chúng tuyển chọn để phục vụ cả đời. Để tự bảo vệ khỏi ảnh hưởng văn hóa mà họ xem là tai hại, tín hữu Amish đã xây dựng một tường thành văn hóa giữa họ và thế giới bên ngoài, từ chối không chấp nhận một số công nghệ - kỹ thuật và thực hành hiện đại, nhưng lại chấp nhận một số khác. Gần 81.000 tín hữu Amish đang sống ở Hoa Kỳ và một số không rõ sống tại Canada. ⁽²⁾

Giáo Hội Các Anh Em [the Church of the Brethren]

Gần 200 năm sau khi Cải Chính Giáo ra đời, giáo hội Báp-tít Các Anh Em Đức đã xuất hiện tại thành phố Schwarzenau, Đức Quốc. Họ đã mượn quan điểm về hội thánh của phong trào Tái Báp-têm để kết hợp với phong cách thuộc linh của một phong trào khác được gọi là Đời Sống Tin Kính [Pietism].

Ông Alexander Mack là người thành lập phong trào Các Anh Em, và vào năm 1708 ông đã được tái báp-têm cùng bảy người khác tại sông Eder. Như những tín hữu khác của Phong Trào Đời Sống Tin Kính, họ đã giảng dạy nhu cầu “tỉnh thức” đối với điều kiện được giải cứu khỏi tội lỗi của một người và sự trải nghiệm của “sự sinh ra mới” (hay tái sinh). Họ đã dẫn dắt những buổi nhóm cầu nguyện. Các tín hữu Phong Trào Đời Sống Tin Kính như ông John Wesley đã tạo ra những nhóm môn đồ hóa bên trong các giáo hội thuộc về chính quyền. Nhưng các tín hữu Anh Em nhấn mạnh về

một hội thánh không liên quan với chính quyền, được đánh dấu bởi phép báp-têm của một tín hữu, sự tuyên xưng đức tin cá nhân nơi Đấng Christ như là điều kiện trở nên thành viên hội thánh và sự áp dụng kỷ luật của giáo hội đối với người sa ngã. Như các tín hữu Tái Báp-têm, Các Anh Em cũng đã đi theo chủ trương hòa bình Cơ Đốc.

Hai khía cạnh của giáo lý Các Anh Em về phép báp-têm phân biệt họ với các tín hữu Tái Báp-têm. Tín hữu Các Anh Em nhấn mạnh sự giảng dạy của Tân Ước về phép báp-têm với sự trầm mình trọn vẹn dưới nước. Và theo họ, phép báp-têm với sự trầm mình trọn vẹn dưới nước phải được thực hiện ba lần (nhơn danh Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh) bằng cách nghiêng người về phía trước chứ không ngã người về phía sau. Vì họ “nhấn dưới nước” người nhận lãnh phép báp-têm, tín hữu Các Anh Em còn được gọi là “người nhún nước” (với các tên tiếng Anh như Dunkards và Tunkers).

Tín hữu Các Anh Em bị bắt bớ vì chủ trương hòa bình và lập trường của họ đối với giáo hội thuộc về chính quyền mà họ xem như đã sa ngã. Đa số tín hữu Các Anh Em đã di cư sang Hoa Kỳ từ năm 1719 và đã tổ chức một hội thánh Mỹ vào ngày Giáng Sinh năm 1723.

Sự nhấn mạnh trên tinh thần truyền giảng Phúc Âm và đức tin, đi đôi với các quan điểm Tái Báp-têm về môn đồ hóa và giáo hội đã đem đến một nền tảng vững chắc cho sự hiệp nhất của các tín hữu phong trào Các Anh Em trong suốt một thế kỷ rưỡi. Nhưng sau đó phong trào đã bị tách ra ba nhánh vào những năm 1880 với những áp lực văn hóa.

Những tín hữu cực đoan đã tách rời phong trào và đã đổi tên là *Các Anh Em Báp-tít Đức Cũ* [*Old German Baptist Brethren*]. Họ nhấn mạnh trên trang phục đơn giản (phụ nữ phải đội nón) và duy trì một cách mạnh mẽ các truyền thống Đức. Với 5.600 thành viên họ đã có được tỷ lệ gia tăng chỉ 20 phần trăm trên 100 năm.

Tín hữu Các Anh Em Cấp Tiến có vị trí ngược lại phía bên kia của lăng kính. Họ nỗ lực cập nhật phong trào Các Anh Em với những phương pháp được sử dụng bởi các giáo hội Truyền Giáo lớn hơn. Hai giáo hội Các Anh Em Cấp Tiến hiện hữu ngày nay là: *Giáo Hội Các Anh Em (Ashland, bang Ohio)* [*The Brethren Church, (Ashland, Ohio)*] với dưới 14.000 thành viên và *Sự Thông Công Các Hội Thánh Ân Điển Các Anh Em* [*The Fellowship of Grace Brethren Churches*] với khoảng 40.000 thành viên.

Đại đa số tín hữu Các Anh Em có lập trường trung lập. Họ cũng sống theo xu hướng hiện đại nhưng chậm hơn tín hữu Các Anh Em Cấp Tiến. Một số tự nhận dạng với khuynh hướng Cải Chính Giáo phóng khoáng. Vào năm 1908 họ đã chọn tên *Giáo Hội Các Anh Em* [*Church of The Brethren*] và hiện có khoảng 143.000 thành viên ở Hoa Kỳ. ⁽³⁾ Giáo Hội Các Anh Em duy trì một “sự làm chứng ôn hòa” nhưng mạnh mẽ, điều các hệ phái Các Anh Em Cấp Tiến không thực hiện được.

Các Tín Hữu Quaker: Ánh Sáng Nội Tâm.

Mỗi nền thần học đều có những sự thấu hiểu chủ đạo, những ý tưởng trọng tâm đầy quyền năng để tác động quan điểm chung. Sự thấu hiểu chủ đạo trong nền thần học của các tín hữu Quaker được dựa trên căn bản của phân đoạn Giăng 1:9, nói về Chúa Giê-su Christ như là “Ánh sáng thật này đã đến trần gian soi sáng mọi người”. Đối với ông George Fox, người thành lập phong trào Quaker, câu gốc này mang ý nghĩa của ánh sáng Đấng Christ chiếu sáng trên mỗi người và cũng có nghĩa là Đức Chúa Trời đã thiết lập một quan hệ với họ và làm cho họ trở nên những người quý giá nhất.

Ông Fox đã tuyên giảng giáo lý của ánh sáng nội tâm trên khắp Anh Quốc vào giữa thế kỷ thứ 17. Các môn đồ của ông được gọi là Các Anh Em Bằng Hữu, mặc dù những người bên ngoài gọi họ là tín hữu Quaker, vì họ được rún động trong Đức Thánh Linh (quake). Ông Robert Barclay là một trong những thần học gia đầu tiên lừng lẫy của họ và ông William Penn là người cải đạo đầu tiên của phong trào.

Ánh sáng nội tâm là gì? Đó là điều không thể đơn giản được nhận dạng với lương tâm vì lương tâm bị tác động, ảnh hưởng bởi văn hóa ở một góc độ nào đó. Chỉ khi nào lương tâm có thể được uốn nắn bởi Đức Chúa Trời thì mới có thể được nhận dạng với giáo lý Quaker. Nhưng ánh sáng nội tâm còn vĩ đại hơn với khía cạnh này của lương tâm; vì đó là một con đường, và nếu con đường đó được bước theo thì một người có thể đi đến sự hiểu biết Đức Chúa Trời một cách cá nhân.

Ánh sáng nội tâm là một nguồn mặc khải cá nhân của Đức Chúa Trời hiện hữu ngoài Kinh Thánh. Nhưng ánh sáng nội tâm không xung đột hay mâu thuẫn với Kinh Thánh, theo sự nhấn mạnh của tín hữu Quaker, vì điều Đức Chúa Trời mặc khải cho anh chị hay cho một người khác sẽ không xung đột hay mâu thuẫn với điều Ngài đã mặc khải ở một thời kỳ hay ở một nơi nào khác. Kinh Thánh là một quyển sách ghi lại những mặc khải và như thế là một sự dẫn dắt cho tất cả những ai ngày nay bước theo ánh sáng nội tâm.

Giáo lý ánh sáng nội tâm bị xem như là tà giáo đối với các tín hữu Thanh Giáo (Puritans) với sự nhấn mạnh của họ về sự mặc khải của Đức Chúa Trời qua Kinh Thánh. Tín hữu Quaker truyền giảng tại tiểu bang Massachusetts vào thế kỷ thứ 17 đã bị đánh bằng roi da hay còn bị treo cổ tử hình. Tín hữu Quaker cho rằng giáo lý ánh sáng nội tâm phải được trải nghiệm chứ không chỉ có thể nhận lãnh với tâm trí.

Ý tưởng của ánh sáng nội tâm đã biến đổi tất cả trong đời sống cũng như đạo đức, đạo lý sống của tín hữu Quaker. Giáo lý đó đã ảnh hưởng và thay đổi hoàn toàn nền thần học của giáo hội Quaker về quan niệm các thánh lễ. Các thành viên giáo đã luận giải phép báp-têm và Tiệc Thánh của Chúa

hoàn toàn theo những định nghĩa và từ ngữ thuộc linh. Đối với họ, phép báp-têm thật sự là báp-têm trong Đức Thánh Linh; Tiệc Thánh của Chúa thật sự là sự hiệp thông của Cơ Đốc Nhân qua Đức Thánh Linh.

Ánh sáng nội tâm cũng là trọng tâm của sự thờ phượng Quaker. Quyển sách của Anh Giáo *Sách Cầu Nguyện Chung* không còn được sử dụng, cũng như tất cả hệ thống tổ chức các buổi nhóm thờ phượng. Buổi nhóm thờ phượng Quaker không có chương trình hay kế hoạch được thiết lập trước cũng như không có sự dẫn dắt của mục sư hay linh mục. Một khi buổi nhóm bắt đầu, mọi người tiến hành trong sự cầu nguyện thầm lặng và sự suy gẫm chỉ trừ khi có người phát biểu qua một bài thánh ca, cầu nguyện hay khích lệ với sự khai thị của Đức Thánh Linh. Cho đến ngày nay các hội thánh Quaker vẫn còn giữ nghi thức thờ phượng trong sự thầm lặng và thường chỉ có những “lời làm chứng” ngắn từ 5 đến 10 phút, với tất cả mọi người còn lại trong buổi nhóm suy gẫm trầm tư trong sự im lặng.

Ánh sáng nội tâm cũng ảnh hưởng đạo đức, đạo lý sống của giáo hội Quaker. Họ có một lý do để đem Bài Giảng Trên Núi đến sự áp dụng nguyên văn. Nếu ánh sáng nội tâm hiện hữu bên trong mỗi người thì làm sao tôi có thể cầm vũ khí để chống lại một người khác và sát hại họ khi Đức Chúa Trời đã giành quyền sở hữu cuộc sống của anh hay chị ấy? Tuy thế, chủ trương hòa bình không giải thoát các tín hữu khỏi ngôn ngữ quân sự. Họ nói đến “Chiến Tranh của Chiên Con” mà Đấng Christ sẽ đảm trách chống lại sự gian ác và bất công. Họ truyền giảng về các vũ khí của sự tha thứ và sự thương cảm được các chiến binh sử dụng với quyền năng vượt trội trong Chiến Tranh của Chiên Con khi đối diện với vũ khí xác thịt để hủy diệt của các vua chúa và hoàng đế.

Tín hữu Quaker là những người đầu tiên và nhiệt quyết nhất chống lại chế độ nô lệ ở Mỹ. Làm sao một người có thể đô hộ người khác và bắt họ làm nô lệ khi ánh sáng nội tâm Đấng Christ hiện hữu bên trong người ấy? Nói chung họ đối xử rất công bằng với thổ dân Mỹ và trả cho họ tiền để sử dụng đất đai mặc dù triều đình Anh Quốc đã “ban cho họ” đất đai đó ở Mỹ.

Tín hữu Quaker và Tự Do Tín Ngưỡng.

Tín hữu Quaker có một vai trò quan trọng, trong việc thiết lập khuôn mẫu cho tự do tín ngưỡng tại Hoa Kỳ. Bị bắt bớ tại Anh quốc, nhiều tín hữu Quaker đã đi tìm một cuộc sống nhân tính hơn ở Thế Giới Mới. Tại thành phố Delaware, tiểu bang Rhola Island, và ở tiểu bang New Jersey, họ đã cấu thành một khối xã hội và chính trị quan trọng nhấn mạnh trên sự khoan dung đối với các thiểu số tôn giáo. Tầm ảnh hưởng của họ trở nên lớn nhất vùng Pennsylvania, vùng đất được vị vua Anh Quốc chuyển nhượng cho ông William Penn để thanh toán một công nợ. Tại đây họ đã thiết lập một đế chế mà họ hy vọng sẽ là khuôn mẫu cho cả thế giới. Họ đã thống trị hệ thống lập pháp của thuộc địa trong

nhiều thế hệ.

Điều này bày tỏ một trọng điểm: khác với các tín hữu Mê-nô-nít và Các Anh Em, tín hữu Quaker vẫn tham gia vào công việc của chính phủ. Trớ trêu thay, nỗ lực của họ để thiết lập một chính quyền đã chấm dứt vào trung tuần những năm 1700 khi thống đốc Pennsylvania, bổ nhiệm bởi vua Anh Quốc đã đưa ra một phần thưởng cho mỗi đầu tóc lột được từ những người thổ dân Mỹ, ở bất cứ tuổi nào hay giới tính nào. Nhìn sự kiện kinh khủng này, các tín hữu Quaker từ chức vị trí của họ trong hệ thống lập pháp để phản đối và được thay thế bởi những người với nguyên tắc sống hoàn toàn khác biệt.

Cách kinh nghiệm của tín hữu Quaker tại vùng Pennsylvania chấm dứt đã làm nhiều tín hữu Các Bằng Hữu nản chí. Nhưng quyển *Nhật Ký của ông John Woolman* [*Journal of John Woolman*], một kinh điển trong các quyển tiểu sử về tôn giáo của Mỹ, bắt đầu một thời gian ngắn tiếp theo sau thời điểm này khi các tín hữu Quaker tìm được và làm sống lại chủ đích lý tưởng xã hội của họ với sự làm chứng chống lại hệ thống sử dụng nô lệ.

Các Giáo Hội Quaker

Các lễ thờ phượng Quaker được gọi là buổi nhóm, và nhà thờ phượng là “địa điểm nhóm”. Nhưng các buổi nhóm địa phương là một phần của những tổ chức lớn hơn được gọi là Phiên Họp Thường Niên. Các Phiên Họp Thường Niên được kết nối với nhau qua nhiều thế hệ nhưng điều này thay đổi vào những năm 1830.

Một nhóm với quan điểm phóng khoáng, được ông Elias Hicks lãnh đạo, đã chuyển sang quan niệm Thượng Đế Ba Ngôi [Unitarian]. Ông Hicks đưa ra lập luận rằng “Đấng Christ là Con Trai của Đức Chúa Trời trong cùng một ý nghĩa của sự hiện hữu của mọi người.” Ông phủ nhận các giáo lý truyền thống về sự chuộc tội của Đấng Christ, nguyên tội và về quỷ vương. Ông xem Kinh Thánh như thấp hơn sự trải nghiệm trực tiếp của một người với Đức Chúa Trời.⁽⁴⁾ Các môn đồ của ông Hicks không chỉ là những nhóm thiểu số và những sự giảng dạy này đã tạo ra sự chia rẽ trầm trọng. Vào năm 1830 Các Bằng Hữu Mỹ bị chia rẽ và sự cay đắng vẫn còn giữa *Các Bằng Hữu Chính Thống* [*Orthodox Friends*] và những người theo ông Hicks trong rất nhiều năm. Vào năm 1900 những người theo ông Hicks đã tổ chức *Tổng Hội Các Bằng Hữu* [*Friends General Conference*] với 31.400 thành viên hiện nay.

Nhiều sự chia rẽ và tách rời đã xảy ra với một số đôi mới trong hệ thống thờ phượng Quaker và sự thông công với tín hữu không phải Quaker. Nhiều tín hữu Quaker phản ứng đối với tinh thần phóng khoáng bằng cách tham gia vào các giáo hội truyền giáo lớn ảnh hưởng bởi các tín hữu Giám Lý, Báp-tít, và Trưởng Lão [Presbyterians]. Ông Joseph John Gurney, lãnh đạo Tín Hữu Quaker

Truyền Giáo [Quaker Evangelicals] tại Anh Quốc và Hoa Kỳ đã gần như phủ nhận ý tưởng ánh sáng nội tâm vì quan điểm của ông đã quá phù hợp với các tín hữu Truyền Giáo khác. Tín hữu theo ông Gurney cuối cùng trở nên một thiểu số trong phong trào *Các Bằng Hữu Chính Thống*.

Một số các tín hữu theo ông Gurney đã tiếp nhận quan điểm Wesley về sự tái sinh và sự nên thánh trọn vẹn và gia nhập các hội thánh Thánh Khiết. Ông Edgar P. Ellyson, một trong các tổng quan nhiệm đầu tiên của Giáo Hội Nazarene và vợ ông, bà Mary Emily Ellyson, đã đến với Giáo Hội Nazarene từ giới tín hữu Quaker Thánh Khiết. Bà Susan Fitkin cũng thế, đã nhiệm chức chủ tịch thành lập Đoàn Thể Sứ Mệnh Truyền Giáo Toàn Cầu Nazarene [Nazarene World Mission Society].

Một số người theo ông Hicks khác đã thành lập thể chế giáo hội riêng của họ vào năm 1902, được biết đến ngày nay với tên "*Hội Nghị Các Bằng Hữu*" [*Friends United Meeting*]. Các thành viên của họ tại Hoa Kỳ lên đến khoảng 44.000 người.(5) Họ được ảnh hưởng bởi thần học hiện đại phóng khoáng của đầu thế kỷ thứ 20. Ông Rufus Jones, có lẽ là lãnh đạo Quaker có tầm cỡ của thế kỷ thứ 20, đã làm nổi bật các khía cạnh thần bí của nền thần học Quaker với ánh sáng của những kết luận ông tin là đã được chứng nhận bởi sự giải luận và phản luận tân thời của Kinh Thánh.

Khuôn mẫu thờ phượng của các hội thánh thuộc về giáo hội Hội Nghị Các Bằng Hữu bây giờ đã có hệ thống và chương trình với sự dâng hiến, ca đoàn, thánh ca và bài giảng. Một thời điểm trầm tư và tĩnh lặng vẫn còn nhưng chỉ là ảnh hưởng của thời xa xưa còn để lại. Buổi nhóm của giáo hội *Các Bằng Hữu Truyền Thống* [*Conservative Friends*] và *Tổng Hội Các Bằng Hữu* [*Friends General Conference*] ngược lại vẫn duy trì hệ thống thờ phượng Quaker nguyên thủy.

Sự Làm Chứng Về Mặt Xã Hội Của Giáo Hội Chủ Trương Hòa Bình

Chúa Giê-su đã nói là nếu ai đánh anh chị trên một má thì anh chị hãy đưa má bên kia cho họ (Ma-thi-ơ 5:39). Chúa cũng nói, "Phước cho người hòa giải ..." (hay chủ trương hòa bình) (câu 9) và là "người hòa giải" mang ý nghĩa tích cực (chứ không phải thụ động) để đối diện và đấu tranh chống lại sự gian ác. Các hội thánh chủ trương hòa bình của thế kỷ thứ 20 đã xem rất nghiêm túc thiên chức hòa bình – hòa giải của họ.

Các Anh Em trong Đấng Christ [the Brethren in Christ] đã tham gia vào việc thành lập Thánh Chức Giáo Hội Thế Giới [Church World Service], một đoàn thể kết nối các giáo hội trong việc cung cấp sự cứu trợ nạn nhân các thiên tai và công việc thiện nguyện xã hội như danh Đấng Christ trên khắp thế giới. Các tín hữu Quakers và Mê-nô-nít có mạng lưới riêng của họ: Ủy Ban Phục Vụ Các Bằng Hữu Hoa Kỳ [the American Friends Service Committee] và Ủy Ban Trung Ương Mê-nô-nít [Mennonite Central Committee]. Chức Vụ Thiện Nguyện Thiên Tai Mê-nô-nít [Mennonite Disaster Service] là một đoàn thể khác được biết đến rất nhiều về khả năng có thể tổ chức nhanh chóng các

đội cứu trợ để đi đến các địa điểm xảy ra thiên tai. Một lãnh vực khác mà các thành viên các giáo hội chủ trương hòa bình được xem như là xuất sắc là lãnh vực y khoa. Đây là lãnh vực mà các thành viên giáo hội chủ trương hòa bình phục vụ trong thời điểm chiến tranh với các vai trò không chiến đấu, thường về y tế, y khoa.

Tín Hữu Nazarene và Các Giáo Hội Chủ Trương Hòa Bình

Tín hữu Nazarene có nhiều điểm tương đồng trọng yếu với các giáo hội chủ trương hòa bình. Trước hết, Giáo Hội Nazarene là một giáo hội thuộc về các tín hữu và đó là điều kiện mỗi tín hữu phải tin theo để được nhận làm thành viên giáo hội. Đặc điểm này chính là di sản thừa kế từ nguồn gốc Tái Báp-têm của giáo hội Nazarene. Các tín hữu Nazarene ở Hoa Kỳ luôn luôn cảm nhận một món nợ đối với các giáo hội chủ trương hòa bình đã có một vai trò chủ yếu trong việc ảnh hưởng một thời điểm khởi nguyên và trọng yếu của lịch sử Hoa Kỳ.

Tín hữu Nazarene chia sẻ quan điểm của các giáo hội chủ trương hòa bình nhấn mạnh trên hệ thống môn đồ hóa. Sợi dây liên kết này được thể hiện với quan niệm một hành trình của một người đồng hành với Đức Chúa Trời và trong bối cảnh của xã hội. Việc các tín hữu Nazarene hỗ trợ mạnh mẽ các Mục vụ Thương Xót Nazarene chứng tỏ chúng tôi đồng chia sẻ với các giáo hội chủ trương hòa bình sự khao khát đem đến một sự làm chứng tích cực về mặt xã hội như danh Chúa Giê-su Christ.

Vượt qua những lãnh vực tổng quát mà chúng tôi có đồng quan điểm với các giáo hội chủ trương hòa bình, chúng tôi còn có những điểm đồng quan điểm khác như:

- Di sản đời sống tin kính với Các Anh Em.
- Những điểm tương đồng giữa giáo lý Wesley về tiên ân của chúng tôi, mà chúng ta có thể nói có thể thấy sự vận hành của Đức Chúa Trời trong mỗi người với giáo lý Quaker về ánh sáng nội tâm.
- Tầm quan trọng mà các tín hữu Mê-nô-nít và Các Anh Em đặt trên các thánh lễ, nhưng chúng tôi không đồng ý với các tín hữu Quaker về quan niệm thuộc linh hóa các phương hướng cụ thể mà Đức Chúa Trời tự thể hiện với con người chúng ta.

Nhưng Giáo Hội Nazarene không phải là một giáo hội chủ trương hòa bình trên gốc độ quan niệm kinh điển như Các Bằng Hữu, tín hữu Mê-nô-nít và Các Anh Em. Tuy vậy, chúng tôi cũng có những phương cách để bảo vệ các tín hữu từ chối nhập ngũ vì lương tâm không cho phép và chúng tôi nỗ lực tìm đủ mọi cách để các tín hữu đó có được vị trí và quyền lợi tương đương với các tín hữu từ chối nhập ngũ vì lý do lương tâm của các giáo hội khác.

Một sự khác biệt khác là các giáo hội chủ trương hòa bình không chia sẻ di sản Anh Giáo – Giám Lý với chúng tôi, di sản đã thật sự tạo nên hình thể của giáo hội chúng tôi. Mặc dù các tín hữu Quaker ra đời và phát triển tại Anh Quốc, họ đã hoàn toàn phủ nhận Anh Giáo. Một số các tuyên xưng về giáo lý của chúng tôi đến trực tiếp từ Anh Giáo và vẫn liên kết chúng tôi với truyền thống Cải Chính Giáo. Cũng thế, khía cạnh truyền thông thần học Wesley của di sản chúng tôi rất xa lạ đối với ba ⁽³⁾ giáo hội chủ trương hòa bình, ngoại trừ Các Bằng Hữu Truyền Giáo [the Evangelical Friends].



TÓM LƯỢC

CÁC TÍN HỮU BÁP TÍT: THÁNH CHÚC CỦA CÁC TÍN HỮU

Bối Cảnh Lịch Sử:

Hội Chúng Báp-tít đầu tiên đã xuất hiện gần thành phố Luân-đôn vào năm 1612. Ông Roger Williams đã thiết lập hội thánh Báp-tít đầu tiên tại Hoa Kỳ vào năm 1639. Trường cao đẳng Báp-tít đầu tiên là Trường Cao Đẳng của Tiểu Bang Rhode Island [College of Rhode Island], ngày nay là Đại Học Brown [Brown University]. Tuy thế, các tín hữu Báp-tít Lịch Sử [Landmark Baptists] phủ nhận các nguồn gốc này và xác định giáo hội của họ bắt nguồn từ chính Chúa Giê-su.

Niềm Tin Cốt Lõi

Một số tín lý khác nhau của các hội chúng Báp-tít, nhưng thường được xem một cách tổng quát như là giáo lý Báp-tít, bao gồm:

1. Thể chế độc lập của hội thánh địa phương,
2. Giáo điều thay vì các thánh lễ,
3. Thánh chúc tư tế của tất cả các tín hữu,
5. Tự do tín ngưỡng,
6. Tự do của linh hồn - sự tự do lựa chọn cá nhân của mỗi người về lãnh vực đức tin và đạo lý,
7. Báp-têm cho tín hữu tuổi trưởng thành duy nhất qua thể thức trảm mình dưới nước,
8. Tiệc thánh của Chúa dành riêng cho các thành viên hội thánh địa phương,
9. Giáo phẩm nam giới,
10. Một hội thánh của các tín hữu dành riêng cho người được tái sinh,
11. Một lối thờ phượng đơn giản và sử dụng bản ngữ.

Điểm Tương Đồng và Khác Biệt

Các tín hữu Nazarene có nhiều điểm tương đồng với các tín hữu Báp-tít như hội thánh của tín hữu, thánh chúc tư tế của các tín hữu và lối thờ phượng. Các tín hữu Nazarene không đồng ý với phép báp-têm duy nhất qua thể thức trảm mình dưới nước, giáo phẩm dành riêng cho nam giới, quan điểm Báp-tít về các thánh lễ, và khác biệt rõ rệt với quan điểm Báp-tít trọng yếu

về sự cứu rỗi bắt nguồn từ luận giáo Calvin (hãy xem chương 9).

Tuy nhiên, tín hữu Nazarene cũng được ảnh hưởng một cách sâu sắc bởi tinh thần truyền giảng Phúc Âm đặc trưng của tín hữu Báp-tít. Họ cũng ảnh hưởng chúng tôi về lối thờ phượng, cử hành lễ báp-têm, quan điểm về phụ nữ (trong thánh chức và trong đời sống), cách tổ chức và hoạt động của Trường Chủ Nhật, và còn nhiều lãnh vực khác nữa.

Các Tín Hữu Báp-tít Ngày Nay

Hội Nghị Báp-tít Thế Giới [The Baptist World Congress] bao gồm 191 tổ chức Báp-tít với 41,6 triệu thành viên ; 32,7 triệu thành viên sinh sống ở Bắc Mỹ. Các tổng số này không bao gồm một số giáo hội Báp-tít không tham gia vào Hội Nghị Báp-tít Thế Giới

Tín hữu Báp-tít anh chị từng biết: William Carey, Martin Luther King Jr., Walter Rauschenbusch, Charles H. Spurgeon, Billy Graham, Jimmy Carter, and Bill Clinton.

CHƯƠNG 12

CÁC TÍN HỮU BÁP TÍT THÁNH CHỨC CỦA CÁC TÍN HỮU

DANH TỪ “BÁP-TÍT” gợi ý cho chúng ta nhiều hình ảnh khác nhau. Và danh từ này gợi ý điều gì cho anh chị? Tín hữu Báp-tít có phải là những người theo luận giáo Calvin hay Arminius ? Họ là những người truyền thống và bảo thủ, hay theo hướng truyền giảng Phúc Âm cân đối, hay có lập trường phóng khoáng về thần học? Họ có tinh thần truyền giáo hay ngược lại, chống tinh thần truyền giáo ? Họ sẽ tổ chức một hội nghị phục hưng hay ngược lại một cuộc tuần hành cho công bằng xã hội ? Tín hữu Báp-tít có phong chức cho nữ giới hay không ?

Nếu anh chị là người Mỹ da trắng và sống ở miền Nam Hoa Kỳ, có lẽ anh chị sẽ nói rằng tín hữu Báp-tít là những người theo luận giáo Calvin, trong đó có một số là những người theo định hướng truyền giảng Phúc Âm ôn hòa nhưng đa số là những người truyền thống bảo thủ, và họ có hướng phục hưng và có tinh thần truyền giáo, và chống đối lại sự tấn phong phụ nữ.

Nhưng nếu anh chị là một trong 10 triệu người Mỹ gốc Châu Phi thuộc về một giáo hội Báp-tít người da đen, quan điểm của anh chị về tín hữu và tư duy Báp-tít sẽ khác hẳn. Anh chị sẽ xem người Báp-tít như một hội thánh có trách nhiệm đấu tranh chính trị và có trách nhiệm với xã hội. Có lẽ anh chị còn nhớ vai trò trọng yếu của các lãnh đạo Báp-tít, trong đó có ông Martin Luther King Jr., nhà tranh đấu cho bình đẳng xã hội và dân quyền của thập niên 1960.

Nếu anh chị sinh sống gần Đại Học Chicago được thành lập dưới sự bảo trợ của giáo hội Báp-tít cách đây một thế kỷ, có lẽ anh chị còn có một hình ảnh khác về tín hữu Báp-tít. Anh chị chắc đã quen biết với một số tín hữu Báp-tít với quan điểm thần học và xã hội rất phóng khoáng. Có lẽ anh chị ý thức được ảnh hưởng của nhà thần học Báp-tít Walter Rauschenbusch về sự phát triển của thần học về phúc âm xã hội vào đầu thế kỷ thứ 20.

Mỗi sự mô tả của đoạn đầu tiên đều phù hợp với một trong các nhóm Báp-tít. Cho rằng một số hội thánh báp-tít theo luận giáo Calvin trong khi một số các hội thánh thì không theo thật sự không phản ánh một trọng điểm căn bản. Có một trọng tâm thần học vẫn hiệp nhất tất cả các tín hữu báp-tít, nhưng trọng tâm thần học đó không phải là cách hiểu đặc biệt nào đó về sự cứu

rồi. Trái ngược lại, đó là một hệ thống tín lý liên quan đến bản thể căn bản của hội thánh và quan hệ của hội thánh với hệ thống môn đồ hóa.

Đây là một câu hỏi khác đáng để suy gẫm: tín hữu Báp-tít là một hiện tượng đặc trưng của Mỹ hay là một phong trào toàn cầu?

Các Nguồn Gốc của Truyền Thống Báp-tít

Truyền thống Báp-tít khởi nguồn ở Anh Quốc vào đầu triều đại của Vua James Đệ Nhất. Cải Chánh Giáo của Anh Quốc đã gần 50 năm tuổi. Giáo Hội Anh quy định cho các mục sư sử dụng *Quyển Sách Cầu Nguyện Chung* [*Book of Common Prayer*] do ông Thomas Cranmer biên soạn trong tất cả những lễ thờ phượng với công chúng. Và đó là một nan đề đối với những người theo Thanh Giáo [Puritans], một nhánh bên trong giáo hội. *Quyển Sách Cầu Nguyện Chung* là một sự tóm lược của các quyển sách chỉ dẫn thờ phượng xưa cũ của Giáo Hội Công Giáo La Mã, đã được chỉnh sửa để phản ánh nền thần học Cải Chánh Giáo. Nhưng các tín hữu theo Thanh Giáo ước muốn “thanh tẩy” mọi ảnh hưởng Công Giáo La Mã khỏi Giáo Hội Anh và thay đổi các nghi thức để phù hợp với lời thờ phượng được ông John Calvin phát huy tại Geneva.

Nhiều nhóm nhỏ đã rời bỏ Giáo Hội Anh vào thời điểm của sự chống đối Thanh Giáo. Hội chúng Báp-tít đầu tiên đã khởi đầu vào khoảng năm 1612 gần thành phố Luân-đôn. Người thành lập hội chúng này là ông Thomas Helwys và hội thánh của ông khác biệt với các hội thánh ly khai khác vì từ chối phép báp-têm cho trẻ sơ sinh. Trái ngược lại, họ giảng dạy về báp-têm tín hữu. Giáo lý của hội thánh này tương tự với những người theo truyền thống Tái Báp-têm - Anabaptist.

Cũng như họ, ông Helwys nhấn mạnh trên trọng điểm của thành viên hội thánh đã được tái sanh, phép báp-têm cho người tín hữu, kỷ luật cho những người bỏ đạo, và sự cách biệt giữa giáo hội và chánh phủ. Nhưng ông phủ nhận quan niệm hòa bình Mennonite và một số lập trường về đạo đức đến từ quan niệm hòa bình này. Ông tin rằng các Cơ Đốc Nhân vẫn có thể phục vụ trong chánh phủ mà không vi phạm lương tâm của họ, điều mà các tín hữu Mennonite không chấp nhận. Ông Helwys đã viết một quyển sách nhỏ kêu gọi sự tự do thờ phượng và gửi tặng Vua James. Hậu quả là ông bị bắt giam và không bao giờ được thả ra.

Nhưng hội chúng Báp-tít đầu tiên vẫn tồn tại và vào năm 1644 đã có đến 47 hội thánh Báp-tít tại Anh Quốc. Họ được biết đến như các tín hữu Đại Đồng Báp-tít vì họ theo các quan điểm của Arminius về ân điển của Đức Chúa Trời, tin rằng giá chuộc tội của Đấng Christ là cho mọi người tin Chúa, và mỗi người có thể được cứu rỗi bởi ân điển qua đức tin.

Nhưng có một loại hội thánh Báp-tít đã trỗi dậy vào thời điểm đó được biết đến như

là Tín Hữu Báp-tít Đặc Biệt [Particular Baptists]. Hội chúng Báp-tít Đặc Biệt đầu tiên được thành lập vào khoảng năm 1640. Họ tin theo luận giáo Calvin. Danh từ “Đặc Biệt” nói đến tín lý theo luận giáo Calvin của họ cho rằng Đấng Christ không chết cho mọi người mà chỉ cho một số nhỏ được lựa chọn “riêng biệt” (Đặc Biệt) mà Đức Chúa Trời đã tiên định cho sự cứu rỗi ngay trước cả sự khởi nguyên của thế gian này.²

Các tín hữu Báp-tít ở Hoa Kỳ

Roger Williams, người thành lập thuộc địa Rhode Island cũng là người có công hỗ trợ cho việc thiết lập hội thánh Báp-tít đầu tiên ở Hoa Kỳ, tại thành phố Providence vào năm 1639. Vài tháng sau, ông tự rút ra khỏi hội thánh này. Hơn một thế kỷ sau, Trường Cao Đẳng Tiêu Bang Rhode Island [the College of Rhode Island] (ngày nay là Đại Học Brown [Brown University]) được thiết lập tại thành phố Providence như là trường cao đẳng Báp-tít đầu tiên tại Mỹ.

Sự Phục Hưng Vĩ Đại vào giữa thế kỷ thứ 18 đã động viên sự phát triển và tăng trưởng của giáo hội Báp-tít ở vùng Đông Bắc Hoa Kỳ. Trong suốt thời kỳ Phục Hưng này, một số các hội chúng theo phong trào phục hưng đã chấp nhận quan điểm Báp-tít về phép báp-têm dành riêng cho tín hữu và tính chất độc lập tuyệt đối của hội thánh địa phương. Vào thời đó, đời sống Báp-tít đã kinh nghiệm được một thành công lớn tại hai tiểu bang Carolina.

Một sự làm chứng Báp-tít đã gia tăng tại tiểu bang Virginia cũng là trọng yếu. Sau khi Hoa Kỳ được độc lập, các tín hữu Báp-tít của tiểu bang Virginia đã cùng các tín hữu Trưởng lão [Presbyterians] vận động cho điều khoản tự do tín ngưỡng. Điều này cũng được tổng thống Thomas Jefferson thiết kế để tách rời Giáo Hội Anh khỏi chánh quyền liên bang mới của Virginia. Và từ đó điều khoản tự do tín ngưỡng đã ảnh hưởng đến Điều Khoản Thứ Nhất của Hiến Pháp Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ.

Vào thế kỷ thứ 19, các tín hữu Báp-tít đã sẵn sàng cho sự phát triển thật đáng kể. Với ranh giới của Mỹ càng ngày càng được dời về phía Tây, các tín hữu Giám Lý và Báp-tít trở nên những vô địch trong việc truyền giảng đến các vùng định cư mới. Vào năm 1776, các tín hữu Báp-tít đã chiếm gần như 17 phần trăm tổng số thành viên các giáo hội tại Hoa Kỳ, trong khi các tín hữu Giám Lý chỉ chiếm tỷ số 2,5 phần trăm. Vào năm 1850, các tín hữu Giám Lý đã tăng tỷ số lên đến 34 phần trăm và là nhóm tôn giáo lớn nhất ở Mỹ, trong khi các tín hữu Báp-tít đã đạt đến tỷ số gần 21 phần trăm. Các giáo hội này đã tăng trưởng như thế nào? Giáo hội Cải Chánh Giáo lớn thứ ba, hội thánh Trưởng Lão chỉ có ít hơn 12 phần trăm tổng số các thành viên các giáo hội tại Hoa Kỳ.

Do đó chúng ta có thể nói là thế kỷ thứ 19 là thế kỷ Giám Lý trong nhiều khía cạnh.

Nhưng thế kỷ thứ 20 là thế kỷ được đánh dấu bởi sự phát triển của giáo hội Báp-tít. Vào năm 1900 hai truyền thống Báp-tít và Giám Lý gần như ngang nhau nếu nói về số thành viên. Giáo Hội Công Giáo La Mã sau đó đã vượt qua hai giáo hội này để trở nên giáo hội rộng lớn nhất ở Mỹ, với số thành viên tăng lên nhanh chóng với sự di dân liên tục và đều đặn đến từ Châu Âu, nhất là từ Ái Nhĩ Lan, Ý và Đức. Rồi các tín hữu Báp-tít bắt đầu vượt qua các tín hữu Giám Lý để cuối cùng trở nên khối Cải Chánh Giáo rộng lớn nhất tại Hoa Kỳ. Trong lịch sử, các tín hữu Báp-tít luôn chống lại Công Giáo La Mã, do đó sự phát triển của Báp-tít và Công Giáo La Mã tại Hoa Kỳ có thể một cách nào đó liên hệ với nhau .

Các Hội Liên Hiệp Báp-Tít

Các hội thánh Báp-tít luôn luôn bảo vệ một cách mãnh liệt quyền độc lập và tính chất địa phương của họ. Thế thì họ quan hệ với nhau như thế nào ? Thể thức chính yếu là các “hiệp hội ” địa phương, cấp tiểu bang và toàn quốc, thường được gọi là “hội nghị”. Hiệp hội đầu tiên ở cấp giáo hội đã ra đời với quyền lợi chung của các hội thánh về sứ mệnh truyền giáo. Theo sử gia Báp-tít William Brackney, kế hoạch là thiết kế một hệ thống các đoàn thể trong khu vực và địa phương để có thể hiệp nhất thành một *tổng hội* với trách nhiệm vĩ đại của sứ mệnh truyền giáo. Sự trông đợi lúc ban đầu là các tổ chức địa phương hay trong khu vực sẽ gặp gỡ hàng năm và *tổng hội* hay tổ chức ở cấp toàn quốc sẽ gặp nhau mỗi 3 năm. Điều đó gần như đã được thực hiện từ năm 1814 đến 1826.³

Hội Nghị Tam Niên đã trở nên sức mạnh đoàn kết cho truyền thống Báp-tít cho đến năm 1845, khi các vấn đề người nô lệ và tinh thần cực bộ đã chiếm lấy Hội Nghị như đã xảy ra với Tổng Hội Giám Lý một năm trước đó. Vấn đề người nô lệ trở nên trọng tâm khi các tín hữu Báp-tít Phương Bắc biết được là Hội Nghị Tam Niên tài trợ các giáo sĩ truyền giáo nội địa ở tiểu bang Texas cũng là những người sở hữu nô lệ. Trong sự phẫn nộ, Hội Nghị Tam Niên bị phân ra thành hai thể chế: Hội Nghị Báp-tít Phương Nam và Hội Nghị Báp-tít Phương Bắc.

Cốt Lõi Giáo Lý

Một số nguyên tắc nền tảng về tư tưởng và đời sống Báp-tít bao gồm:

- *Thể Chế Độc Lập*, Hay tín lý về tính chất tự trị của mỗi hội thánh địa phương
- *Nguyên Tắc Liên Hiệp*, với sự tham gia của các hội thánh Báp-tít trong các lãnh vực làm chứng chung, nhất là các sứ mệnh truyền giáo, Trường Chúa Nhật và giáo dục cao đẳng.
- *Giáo Điều*, một từ được ưa thích hơn là từ “thánh lễ” vì đa số các tín hữu Báp-tít phủ nhận ý tưởng của báp-têm và Tiệc Thánh của Chúa như mang tính chất thánh lễ; ngược lại họ xem các giáo điều như là các thực hành được đòi hỏi nơi các Cơ Đốc Nhân thay vì

là các sự kiện mang đến ân điển cho hội thánh.

- *Thánh Chức Tự Tế Cho Tất Cả Mọi Tín Hữu*, một quan niệm quan trọng đến từ Cải Chánh Giáo Tái Báp-têm [Anabaptist Reformation] được xem như là trọng tâm của đời sống một tín hữu Báp-tít. Nguyên tắc này có nghĩa là tất cả các Cơ Đốc Nhân đều là người có thánh chức phục vụ đối với anh em mình và đối với thế gian.
- *Sự Tự Do Tín Ngưỡng* là một ý tưởng quan trọng trong đời sống một tín hữu Báp-tít, bắt đầu với ước muốn của ông Thomas Helwys có được sự tự do thờ phượng theo một thể thức khác với quy định của luật Anh Quốc. Tuy vậy, không phải lúc nào cũng có sự thống nhất giữa các tín hữu Báp-tít về vị trí của ranh giới về sự tự do tín ngưỡng. Trong khi nhiều tín hữu Báp-tít Phương Nam vẫn hỗ trợ cho sự cầu nguyện trong các trường công, các tín hữu Báp-tít lại kịch liệt chống đối lại thực hành này.
- *Sự Tự Do Của Linh Hồn*, hay ý tưởng về khả năng của mỗi người để tự định đoạt về các vấn đề liên quan đến đức tin Cơ Đốc và đạo lý theo sự nghiên cứu Kinh Thánh và sự dẫn dắt của Đức Thánh Linh.⁴

Theo Luận Giáo Calvin hay Arminius?

• Các quả quyết về tín lý nêu trên chính là trọng tâm của tất cả mọi đời sống Báp-tít. Nhưng chính bản thân các quả quyết về tín lý này không trả lời cho những câu hỏi trọng yếu khác: *Ai sẽ được cứu rỗi? Và sự cứu rỗi sẽ được ứng nghiệm như thế nào?*

Các tín hữu Báp-tít cũng có câu trả lời cho các câu hỏi nêu trên, nhưng không đồng một tiếng nói. Họ kết hợp luận giáo Calvin hay luận giáo Arminius với giáo lý về hội thánh của họ. Các Tín Hữu Đại Đồng Báp-tít tin theo luận giáo của Arminius và rất ảnh hưởng trong thời kỳ Mỹ còn là thuộc địa của Anh Quốc. Vào những năm 1800 thì tình thế thay đổi. Báp-tít Đặc Biệt, tin theo luận giáo của Calvin, bắt đầu vượt qua các tín hữu Đại Đồng Báp-tít và cho đến nay phần lớn các hội thánh Báp-tít đều theo khuynh hướng của Calvin. Một số thì cân đối, ôn hòa; còn một số thì rất bảo thủ, cực đoan. Một nhóm nhỏ tín hữu Báp-tít vẫn tin theo luận giáo của Arminianus một cách rõ rệt, ngày nay được biết đến với tên là Tín Hữu Báp-tít Tự Do Ý Chí [Freewill Baptists].

Luận Giáo Báp-tít Lịch Sử [Landmark]

Một nền thần học mới đã trỗi dậy từ bên trong phong trào Báp-tít của giữa thế kỷ thứ 19 và đã tạo nên một sự thay đổi lớn ở giữa các tín hữu Báp-tít Phương Nam. Đó là phong trào “Bước Ngoặt Lịch Sử Xưa Cũ” [“Old Landmark”] với quan niệm khẳng định rằng các hội thánh

Báp-tít không bắt nguồn từ Anh Quốc mà thật ra là “các hội thánh chân chính” đã tồn hữu một cách liên tục suốt dòng thời gian và khởi nguyên từ Tân Ước. Đúng vậy, theo họ chính Chúa Giê-su là Đấng đã thành lập ra dòng dõi các hội thánh Báp-tít.

Các tín lý của Báp-tít Lịch Sử gồm có:

- Tín lý cho rằng chỉ có các hội thánh Báp-tít mới là hội thánh chân chính.
- Tín lý cho rằng chỉ có phép báp-têm bằng cách trẫm mình dưới nước được cử hành trong một hội thánh Báp-tít (“chân chính”) mới là phép báp-têm thật; phép báp-têm trẫm mình dưới nước được cử hành tại một hội thánh không phải là Báp-tít được gọi là “phép báp-têm trẫm mình dưới nước người ngoại”, còn các phép báp-têm bằng những thể thức khác (rắc nước hay đổ nước) hoàn toàn bị từ chối.
- Tiệc Thánh Của Chúa trong khuôn khổ khép kín, hay ý tưởng về Tiệc Thánh Của Chúa dành riêng cho các thành viên của hội thánh địa phương.
- Từ chối các chương trình hợp tác với các hội thánh không thuộc về Báp-tít Lịch Sử, ngay cả các hội thánh Báp-tít khác không thuộc về Báp-tít Lịch Sử.⁵

Luận giáo Báp-tít Lịch Sử [Landmarkism] được phổ biến một cách đáng kể trong vòng Hội Nghị Báp-tít Phương Nam. Tuy thế, luận giáo này không bao giờ thuyết phục được *toàn thể* Hội Nghị Báp-tít Phương Nam, và vào thế kỷ thứ 20 đã dần dần bị thu nhỏ lại trong giáo hội, nạn nhân của những quan tâm về nghiên cứu học thuật mới về các nguồn gốc Báp-tít.

Trọng Tâm của Truyền Thống Phương Bắc và Phương Nam

Sự chia rẽ tại Hội Nghị Tam Niên về vấn đề người nô lệ vào năm 1845 đã cho ra đời hai giáo hội Báp-tít lớn tại Hoa Kỳ, một giáo hội cho Miền Bắc và một giáo hội cho Miền Nam. Chung quanh hai giáo thể chính yếu này còn hiện hữu các giáo thể nhỏ hơn: tín hữu Báp-tít Tự Do Ý Chí [Freewill Baptists], nhiều giáo hội người Mỹ gốc Châu Phi, các tín hữu Báp-tít gốc Thụy Điển [Swedish Baptists], và các giáo hội theo khuynh hướng Báp-tít Lịch Sử [Landmark-oriented denominations]. Một số lớn đáng ngạc nhiên các hội chúng Báp-tít vẫn không tham gia vào bất cứ giáo thể nào.

Các Hội Thánh Báp-tít Mỹ tại Hoa Kỳ. Sau sự tách rời vào năm 1845, các tín hữu Báp-tít Phương Bắc vẫn giữ truyền thống thừa kế về sứ mệnh truyền giáo thế giới của Hội Nghị Tam Niên qua tổ chức Liên Hiệp Truyền Giáo Báp-tít Hoa Kỳ. Đến năm 1904 họ đã hỗ trợ 520 giáo sĩ truyền giáo trên khắp thế giới. Một tổ chức thuộc giáo hội mạnh mẽ hơn đã được thành lập vào năm 1907 và danh xưng Hội Nghị Báp-tít Phương Bắc đã được chọn. Sau này danh xưng được

đổi thành lại Hội Nghị Báp-tít Hoa Kỳ, vì danh từ “Phương Bắc” càng ngày càng không còn thích hợp và hạn chế sự mở mang của giáo hội về phía Tây và ngay cả về phía Nam. Từ năm 1972 giáo hội được biết như là Các Hội Thánh Báp-tít Mỹ tại Hoa Kỳ.

Các tín hữu Báp-tít Mỹ đã tạo thành một giáo hội rất đa dạng. Ba mươi bảy phần trăm thành viên hiện tại của họ là người Mỹ gốc Châu Phi. Các sắc tộc thiểu số khác chiếm 3 phần trăm. Vì thế đó là một giáo hội đa chủng tộc nhất ở Mỹ.

Khác với đa số các hội thánh Báp-tít, các tín hữu Báp-tít Mỹ phong chức mục sư cho phụ nữ và là hội viên của Hội Đồng Giáo Hội Quốc Gia [the National Council of Churches] và Hội Đồng Giáo Hội Thế Giới [World Council of Churches]. Vào năm 1997 họ báo cáo có được hơn 1,5 triệu thành viên ở Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ.⁶

Hiệp Hội Thông Công Chính Thống [The Fundamentalist Fellowship], một nhóm bên trong Hội Nghị Báp-tít Phương Bắc, đã tách rời với giáo hội vào năm 1947 trên một vấn đề được xem như tinh thần phóng khoáng ở giữa các giáo sĩ truyền giáo Báp-tít Phương Bắc. Họ đã tự tổ chức thành một giáo hội và *Hiệp Hội Báp-tít Bảo Thủ Hoa Kỳ* [Conservative Baptist Association of America] đã được thành lập. Vào năm 1997 giáo hội này đã báo cáo 200.000 thành viên.⁷

Hội Nghị Báp-tít Phương Nam [The Southern Baptist Convention] đã báo cáo đạt đến gần 15,7 triệu thành viên vào năm 1997, trở thành giáo hội Cải Chánh Giáo lớn nhất hiện nay ở Hoa Kỳ, Giáo hội này đã phát triển trên toàn thể 50 tiểu bang, nhưng đại đa số các thành viên của Hội Nghị Báp-tít Phương Nam vẫn tập trung ở miền Nam. Thí dụ, ở tiểu bang Bắc Carolina một trên hai người dự lễ hội thánh thuộc về Hội Nghị Báp-tít Phương Nam. Và đó cũng là đặc điểm của một số nhỏ các hội thánh khác, tinh thần địa phương vẫn là bản tánh của Báp-tít Phương Nam.

Bản tánh “Phương Nam” được thành hình như thế nào? Phần lớn là do sự nhận dạng với nền kinh tế sử dụng người nô lệ và các giá trị cũng như cơ cấu chính trị còn tồn tại từ nền kinh tế đó. Những người truyền giảng đã phát huy “một sự hợp lý từ Kinh Thánh” để biện hộ về mặt đạo lý cho phép cơ chế sử dụng người da đen như nô lệ đầu tiên cũng là những tín hữu Báp-tít, và họ đã từng giảng dạy rằng Kinh Thánh xác định con người sanh ra không bình đẳng.

Hơn thế nữa, tín hữu Báp-tít Phương Nam đã giữ lập trường ly khai khỏi Liên Bang và đã không ngần ngại hậu thuẫn thể chế các Bang Ly Khai. Tài sản và danh tánh của họ liên hệ chặt chẽ với *một* vùng họ chiếm đại đa số với những tệ nạn xã hội và kinh tế cũng do họ đem đến.

Các tín hữu Giám Lý Phương Bắc và Phương Nam đã đoàn kết lại với thể thứ tư sau Cuộc Nội Chiến của Hoa Kỳ, chứng tỏ ảnh hưởng ôn hòa mà thời gian và viễn ảnh cuối cùng vẫn mang đến cho đời sống Giám Lý. Ngược lại, đa số các tín hữu Báp-tít Phương Nam vẫn còn tự hào với đặc trưng địa phương khác biệt của họ và không bao giờ mơ ước đoàn kết lại với những anh em Phương Bắc của họ.

Các tín hữu Báp-tít Phương Nam đã thực hiện những tiến bộ rất lớn về mặt truyền giáo nội địa và ở ngoại quốc qua các chương trình của giáo hội. Đúng vậy, từ năm 1845 đến 1907 chương trình cấp giáo hội của Hội Nghị Báp-tít Phương Nam đã được tập trung hơn Báp-tít Phương Bắc. Từ năm 1925 Chương Trình Hợp Tác đã kết nối các Hội Nghị Báp-tít cấp tiểu bang với Hội Nghị Báp-tít Phương Nam và đã giúp cho các chương trình cấp quốc gia tồn tại qua hệ thống tài trợ ổn định và uy tín trực tiếp từ các hội nghị cấp tiểu bang, thay vì qua hệ thống tài trợ của từng hội thánh địa phương. Tuy vậy, tính chất độc lập của hội thánh địa phương vẫn được bảo tồn. Các hội chúng có thể tự rút ra khỏi hội nghị cấp tiểu bang, và không có quyết định nào của hội nghị cấp tiểu bang hay cấp quốc gia có thể mang tính chất ép buộc đối với hội thánh địa phương.

Các tín hữu Báp-tít Phương Nam được tin tức nói đến rất nhiều trong những năm gần đây. Hai trong bốn tổng thống gần nhất của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ, Jimmy Carter và Bill Clinton cả đời là tín hữu Báp-tít Phương Nam. Charles Stanley và một số những người truyền giảng Báp-tít Phương Nam đáng kính khác rất hiện diện với những buổi lễ trong các hội thánh địa phương của họ được truyền hình trên khắp Bắc Mỹ.

Những người biệt giáo từ Truyền Thống Trung Hữu

Các tín hữu báp-tít Da Đen. Trong khi các tín hữu Báp-tít Phương Nam đặt cả tâm trí lẫn tâm hồn vào hệ thống kinh tế và chính trị dựa trên cơ chế nô lệ, các hội thánh Báp-tít Da Đen từ từ được thành hình tại Hoa Kỳ. Hội thánh Da Đen đầu tiên nhất đã xuất hiện ở miền Nam sau năm 1775, trong khi các hội thánh khác đã xuất hiện ở thành phố Boston, New York, và Philadelphia giữa những năm 1800 và 1810.

Trong các hội thánh riêng của họ, những người Mỹ gốc Châu Phi đã trải nghiệm được sự tự do thờ phượng. Và cũng rất quan trọng là họ đã tự lựa chọn các lãnh đạo và hỗ trợ các thể giáo riêng biệt của họ. Hội thánh của người da đen hầu như là phạm vi duy nhất trong đời sống xã hội mà người Mỹ gốc Châu Phi có được trọn quyền tự do định đoạt. Từ năm 1821 tín hữu Báp-tít da đen đã gửi những giáo sĩ truyền giáo đầu tiên ra nước ngoài.

Các hiệp hội Báp-tít đầu tiên được người người Mỹ gốc Châu Phi thành lập là ở Miền

Bắc. Người Mỹ gốc Châu Phi không được cho phép làm như thế ở Miền Nam cho đến thời Hậu Nội Chiến. Một số hội nghị yếu đuối phát huy từ sự hợp tác giữa một số hiệp hội. Nhưng các hội nghị này vẫn còn yếu cho đến năm 1895 khi Hội Nghị Báp-tít Hoa Kỳ [Baptist Convention of America] được thành lập qua nhiều sự liên kết. Một sự ly khai xảy ra vào năm 1915 và thêm một sự ly khai khác nữa trong một hội nghị đã cho ra đời ba giáo hội Báp-tít hiện tại với đại đa số thành viên da đen .

Hội Nghị Báp-tít Quốc Gia, Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ [The National Baptist Convention, U.S.A.] là giáo thể chính xuất thân từ Hội Nghị Báp-tít Hoa Kỳ và với 8,2 triệu thành viên là giáo hội người Mỹ gốc Châu Phi lớn nhất hiện nay. \ Công việc truyền giáo của giáo hội này chỉ giới hạn ở Châu Phi và Bahamas. *Hội Nghị Báp-tít Quốc Gia Hoa Kỳ [The National Baptist Convention of America]* đã ly khai với Hội Nghị Báp-tít Quốc Gia, Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ vào 1915 với một sự tranh chấp về tài sản của giáo hội và ngày nay có được 3,5 triệu thành viên.

Hội Nghị Báp-tít Quốc Gia Cấp Tiến [The Progressive National Baptist Convention], kết quả của một sự ly khai vào năm 1961 với Hội Nghị Báp-tít Quốc Gia, Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ về vấn đề cơ chế dân chủ. Vấn đề tranh chấp liên quan đến nhiệm kỳ cả đời của các lãnh đạo giáo hội hay chỉ giới hạn ở một nhiệm kỳ. Những người giữ lập trường của một nhiệm kỳ giới hạn đã thành lập Hội Nghị Báp-tít Quốc Gia Cấp Tiến sau khi những nỗ lực cải tiến giáo hội mẹ bị thất bại. Nhưng ẩn dưới vấn đề này còn có những khác biệt khác. Hai giáo thể đã có những lập trường khác nhau về sự đấu tranh dân quyền đang sắp xảy đến, Hội Nghị Báp-tít Quốc Gia, Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ đã lựa chọn một lập trường ôn hòa hơn còn Hội Nghị Báp-tít Quốc Gia Cấp Tiến có một lập trường đấu tranh chính trị hơn. Các lãnh đạo đấu tranh dân quyền như mục sư Jesse Jackson và cố mục sư Martin Luther King Jr. của giáo hội này là những giáo chức nổi tiếng trên khắp Hoa Kỳ. Đến năm 1997 giáo hội đã có được 2,5 triệu thành viên.

Hội Nghị Báp-tít Quốc Gia Cấp Tiến [The Progressive National Baptist Convention], kết quả của một sự ly khai vào năm 1961 với Hội Nghị Báp-tít Quốc Gia, Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ về vấn đề cơ chế dân chủ. Vấn đề tranh chấp liên quan đến nhiệm kỳ cả đời của các lãnh đạo giáo hội hay chỉ giới hạn ở một nhiệm kỳ. Những người giữ lập trường của một nhiệm kỳ giới hạn đã thành lập Hội Nghị Báp-tít Quốc Gia Cấp Tiến sau khi những nỗ lực cải tiến giáo hội mẹ bị thất bại. Nhưng ẩn dưới vấn đề này còn có những khác biệt khác. Hai giáo thể đã có những lập trường khác nhau về sự đấu tranh dân quyền đang sắp xảy đến, Hội Nghị Báp-tít Quốc Gia, Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ đã lựa chọn một lập trường ôn hòa hơn

còn Hội Nghị Báp-tít Quốc Gia Cấp Tiến có một lập trường đấu tranh chính trị hơn. Các lãnh đạo đấu tranh dân quyền như mục sư Jesse Jackson và cố mục sư Martin Luther King Jr. của giáo hội này là những giáo chức nổi tiếng trên khắp Hoa Kỳ. Đến năm 1997 giáo hội đã có được 2,5 triệu thành viên.

Các Tín Hữu Báp-tít Tự Do Ý Chí [Freewill Baptists] Các nhóm khác ngoài các tín hữu Báp-tít chống lại sứ mệnh truyền giáo vẫn giữ vị trí cách biệt với Hội Nghị Tam Niên. Trong số các nhóm đó có các Tín Hữu Báp-tít Tự Do Ý Chí đã tách rời với đặc tính luận giáo Calvin của đa số các hội thánh Báp-tít ở Mỹ. Hoàn toàn theo luận giáo của Arminius, Tín Hữu Báp-tít Tự Do Ý Chí khẳng định về tính chất hoàn vũ của giá chuộc tội từ Đấng Christ. Ngày nay Hiệp Hội Quốc Gia các Tín Hữu Báp-tít Tự Do Ý Chí đã đặt trụ sở ở tiểu bang Tennessee và phục vụ một cử tri khoảng 250.000 thành viên.⁸

Các Nhóm Khác. Thế giới của Báp-tít Bắc Mỹ [the North American Baptist] gồm có nhiều nhóm khác nhau. *Tổng Hội Báp-tít [The Baptist General Conference]* đầu tiên được biết đến như là Giáo Hội Báp-tít Thụy Điển [the Swedish Baptist Church]. Dù nhỏ, với khoảng 135.000 thành viên, giáo hội này vẫn duy trì một công việc truyền giáo rất phổ biến trên khắp thế giới.⁹

Tổng Hội Các Hội Thánh Báp-tít Phổ Thông [The General Association of Regular Baptist Churches] có một bản chất rất chính thống. Thành hình khi các tín hữu bảo thủ đã rút ra khỏi Hội Nghị Báp-tít Phương Bắc [Northern Baptist Convention] vào năm 1932. Các thành viên phải khẳng định tín lý Tiền Thiên Niên [premillennialism]. Giáo hội này có hơn 136.000 thành viên.¹⁰

Các Lãnh Đạo Báp-tít

Mỗi truyền thống đều tự hào về những lãnh đạo vĩ đại của mình, và các tín hữu Báp-tít cũng không có ngoại lệ. Ít người truyền giảng nào của thế kỷ thứ 19 được biết đến nhiều hơn mục sư Charles H. Spurgeon. Trong suốt 38 năm nhiệm sở mục sư của ông tại Hội Thánh New Park Street ở Luân Đôn, các thành viên hội thánh này đã gia tăng từ 232 đến 5.311 người. Hội chúng đã xây dựng hội trường Metropolitan Tabernacle với khả năng chứa được hàng ngàn người tụ tập lại để nghe những bài giảng của ông. Mục sư Spurgeon là một người tin theo luận giáo Calvin và nhất quyết không thỏa hiệp và dưới nhiều khía cạnh là một trong những tín hữu Thanh Giáo cuối cùng.

Không có tín hữu Báp-tít nào của thế kỷ thứ 20 được biết đến hay được yêu thương bằng ông Billy Graham, với những chương trình truyền giảng phúc âm đã xâm nhập vào mọi châu lục. Hành trình cá nhân của ông Graham - từ một người chính thống đầy nhiệt huyết đến chức vụ trưởng lão

toàn quốc của Cơ Đốc Truyền Giáo [Evangelical Christianity] đã phản ánh nhiều thay đổi căn bản trong đời sống hiện đại. Vào đầu thập niên 50, ông Graham đã pha lẫn một thông điệp chống chủ nghĩa công sản với phúc âm cứu chuộc. Vào giữa thập niên 80, ông đã truyền giảng đằng sau bước màn sắt và đã hiểu rõ hơn mọi người là sự bất ổn lớn nhất về thuộc linh và xã hội sẽ đem đến những thay đổi căn bản trong các nước cộng sản .

Martin Luther King Jr. Là một lãnh đạo xã hội Báp-tít được nhiều người biết đến nhất. Tại Đại Học Boston, ông đã quyết định theo một nền thần học về đấu tranh chính trị mà không sử dụng bạo lực . Điều đó đã củng cố vị trí lãnh đạo của ông trong các thập niên 50 và 60. Những người lo sợ những thay đổi xã hội ông mang đến nên thường xuyên tạc ông là người theo chủ nghĩa cộng sản. Những thù địch của ông còn đưa ra những câu chuyện thất bại về đạo lý trong đời sống cá nhân của ông, nhưng ông King vẫn giữ vững lập trường chống lại tội lỗi của sự kỳ thị chủng tộc và màu da đến nỗi ít còn có những ai đủ can đảm hay khả năng tinh thần để tiếp tục chỉ trích hay vu khống ông .

Tín Hữu Nazarene và Truyền Thông Báp-tít

Các tín hữu Báp-tít và Nazarenes có những đặc điểm tương đồng như sau:

- Các tín hữu Báp-tít là một trong những nhóm (trong đó có các tín hữu Mennonite và Môn Đồ Đấng Christ [Disciples of Christ]) mà người Nazarene có điểm tương đồng về viễn ảnh hội thánh của tín hữu và nhấn mạnh trên trọng điểm của sự tái sanh như là thành viên của hội thánh .
- Phong cách thờ phượng đơn giản với tính chất truyền giảng Phúc Âm, đặc điểm của tín hữu Nazarene và cũng là đặc điểm của gần như tất cả các hệ phái Báp-tít.
- Truyền thống âm nhạc giữa các tín hữu Báp-tít và Nazarene rất gần với nhau (ngoại trừ một số thánh ca khác biệt nhau ở phần giáo lý); một số lớn thánh ca và nhạc Phúc Âm có thể được sử dụng cho cả hai giáo hội.
- Trong khi chúng tôi đồng ý với các tín hữu Báp-tít về một số trọng điểm thì cũng có một số điểm trọng yếu khác liên quan đến giáo lý và thực hành mà chúng tôi không đồng ý:
- Đại đa số các tín hữu Báp-tít đặt quan điểm về sự cứu rỗi với nền thần học Cải Chánh Giáo (theo luận giáo Calvin), quan điểm mà người Nazarene quả quyết tin theo truyền thống Wesley-Arminius thấy là ngược lại với sự diễn giải hợp lý của Kinh Thánh. Các khác biệt này bao gồm giáo lý về tiên ân, tự do ý chí một người đã được Chúa thêm sức, sự nên thánh trọn vẹn, và sự bảo đảm của Đức Thánh Linh. Tất cả các giáo lý này đã định nghĩa chúng ta là ai và cách chúng ta nhìn thế giới này.

- Giáo lý Nazarene về thánh chức cũng khác biệt với giáo lý của đa số các hội thánh Báp-tít. Chúng tôi công nhận sự phong chức cho phụ nữ và vui mừng có được ân tứ lãnh đạo của họ trong Thân Thể Đấng Christ. Rất ít nhóm Báp-tít đồng ý về lập trường này.
- Giáo Hội Nazarene không đồng ý với sự nhấn mạnh của giáo hội Báp-tít về sự cần thiết cử hành lễ báp-têm cho một tín hữu. Ngược lại, chúng tôi cho phép cử hành lễ báp-têm đối với trẻ em theo lời yêu cầu cha mẹ.
- Hơn thế nữa, tín hữu Báp-tít thường cho rằng thể thức trâm mình dưới nước là duy nhất phù hợp với Kinh Thánh. Giáo Hội Nazarene phủ nhận điều này và cho phép người muốn nhận phép báp-têm sự tự do lựa chọn hoàn toàn theo lương tâm để quyết định thể thức phù hợp với tín lý cá nhân của họ.
- Tín hữu Nazarene giảng dạy về sự giải thoát khỏi tội lỗi qua sự nên thánh trọn vẹn. Đa số các nhóm Báp-tít dạy rằng chúng ta luôn luôn phạm tội mỗi ngày trong lời nói, tư tưởng và hành động.
- Tín hữu Nazarenes và những tín hữu Wesley khác giảng dạy rằng một người phải gìn giữ và duy trì quan hệ với Đức Chúa Trời để cuối cùng mới được cứu rỗi. Đa số các nhóm Báp-tít dạy rằng một khi một người đã được tái sinh, tất cả mọi tội lỗi – quá khứ, hiện tại và tương lai đã được tha thứ. Người đó không bao giờ có thể “mất đi sự cứu rỗi” và sẽ được “mãi mãi an toàn” dù có phạm tội trong đời sống hằng ngày.

Sự Thách Thức từ Truyền Thống Báp-tít

Hội Nghị Báp-tít Phương Nam đã trỗi dậy và trở nên giáo hội với vị trí thống trị tại Hoa Kỳ đã đem đến sự thách thức cho anh em Nazarene. Chúng tôi đã sát cánh đồng hành với xu hướng Truyền Giảng Phúc Âm trong suốt hành trình của thế kỷ thứ 20, nhưng xu hướng đó càng ngày càng chịu ảnh hưởng bởi tư duy và cách hành động Báp-tít. Một số học giả Nazarene đã nói đến việc “hệ thống báp-têm hóa cho phong Trào Thánh Khiết”. Tình cảnh của chúng tôi đang sống khác hẳn với thế kỷ thứ 19 khi các tín hữu Giám Lý là giáo hội truyền giảng Phúc Âm vượt trội và các tư tưởng Wesley đã tác động hệ thống Truyền Giảng Phúc Âm. Ngày nay một số lớn tín hữu Báp-tít tại Hoa Kỳ bắt buộc chúng tôi phải nhận thức tầm ảnh hưởng của họ. Hội Nghị Báp-tít Phương Nam là giáo thể Cải Chánh Giáo rộng lớn nhất ở Mỹ. Và cũng là tổ chức rộng lớn nhất (nhưng chắc chắn không là giáo hội duy nhất) quảng bá một thể thức Cơ Đốc Giáo Truyền Giảng Phúc Âm với hệ thống giáo phẩm trong các quan hệ bên trong giáo hội và với thế giới như là phù hợp với Kinh Thánh, và những thể thức khác là không phù hợp với Kinh Thánh. Ảnh hưởng này dẫn đến những thảo luận về vai trò của phụ nữ trong hội thánh, giáo hội và xã hội, và ảnh hưởng các



thể thức lãnh đạo.

Di sản Wesley-Thánh Khiết riêng biệt của chúng tôi thật sự là một đóng góp đáng giá cho thế giới tôn giáo mà chúng ta có thể chắc chắn rằng hệ thống Báp-tít rất được ngưỡng mộ và phổ biến. vậy thì làm sao chúng ta có thể gìn giữ bản tánh riêng biệt trong những năm sắp đến.



TÓM LƯỢC

SỰ HỢP NHẤT VÀ SỰ BÌNH DỊ: HỘI THÁNH CƠ ĐỐC (CÁC MÔN ĐỒ CỦA ĐẢNG CHRIST)

Bối Cảnh Lịch Sử

Barton W. Stone là người đã giúp hình thành một sự phục hưng vào năm 1801 tại thành phố Cane Ridge, tiểu bang Kentucky, và đó cũng là một biến cố lịch sử trọng yếu cho hội thánh này. Các ông Thomas và Alexander Campbell, tín hữu Trưởng Lão Tô-cách-lan cũng đã thành lập một hệ phái *khác* của phong trào tại Pennsylvania. Hai hệ phái kết hợp với nhau vào năm 1832 để thành lập Hội Thánh Cơ Đốc (Các Tín Đồ Đảng Christ).

Niềm Tin Cốt Lõi

Những người thành lập ra hội thánh này có nguyện vọng khôi phục lại Hội Thánh Tân Ước và hiệp nhất mọi Cơ Đốc Nhân dưới một ngọn cờ. Họ phủ nhận tư duy hệ phái và không chấp nhận bất cứ tín điều nào ngoài Kinh Thánh. “Nơi nào Kinh Thánh nói, chúng tôi nói. Nơi nào Kinh Thánh im lặng, chúng tôi im lặng.” Tín lý của họ bao gồm: Tân Ước như Thẩm Quyền tối hậu của hội thánh, thánh lễ báp-têm duy nhất dành cho người tuổi trưởng thành với phương thức trẫm mình dưới nước, quyền dự phần vào Tiệc Thánh của Chúa duy nhất dành cho người đã nhận lãnh thánh lễ báp-têm với hình thức trẫm mình dưới nước, sự độc lập của hội thánh địa phương, và quyền của mỗi tín hữu để tự luận giải Kinh Thánh.

Điểm Tương Đồng và Các Khác Biệt

Các tín hữu Nazarene đồng ý với Các Tín Đồ về sự kính trọng thẩm quyền tối hậu của Kinh Thánh, Chúa Giê-su Christ như là Chúa Cứu Thế duy nhất, trách nhiệm của con người và tư duy về mỗi tín hữu như là người của thánh chức. Các khác biệt gồm có sự thất bại của Các Môn Đồ về việc tuyên xưng rõ rệt tín lý Đức Chúa Trời Ba Ngôi Hiệp Một, và sự nhấn mạnh của họ về thánh lễ báp-têm như là cần thiết cho sự cứu rỗi và dưới hình thức trẫm mình dưới nước, thể chất của sự nên thánh, và tầm quan trọng của quy luật đối với các thành viên của hội thánh.

Sự Khôi Phục của Phong Trào Ngày Nay

Phong trào Khôi Phục Tín Ngưỡng Thuần Lý Tân Ước và Hiệp Nhất mọi Cơ Đốc Nhân đã chia ra thành ba (3) giáo hội. Hội Thánh Cơ Đốc (Các Môn Đồ Đảng Christ) [Christian Church (Disciples of Christ)] có dưới 1 triệu thành viên. Hội Thánh Cơ Đốc (Độc Lập) [Christian Church (Independent)] có 1 triệu 200 ngàn hội viên. Các Hội Thánh Đảng Christ [The Churches of Christ] có 1,7 triệu thành viên tại Hoa Kỳ, và 3,3 triệu toàn cầu.



Kinh Thánh, cả quyển Kinh Thánh, và không có gì khác ngoài Kinh Thánh

CHƯƠNG 13

SỰ HIỆP NHẤT VÀ SỰ BÌNH DỊ: HỘI THÁNH CƠ ĐỐC (CÁC TÍN ĐỒ ĐÁNG CHRIST)

“NƠI NÀO KINH THÁNH NÓI, chúng tôi nói. Nơi nào Kinh Thánh im lặng, chúng tôi im lặng.”
“Hiệp nhất trong những điểm trọng yếu. Đối với những điểm không trọng yếu, quyền tự do định đoạt. Trong mọi sự, hãy vị tha, rộng lượng.”

Với những khái tượng thật cao thượng mà một trong các giáo hội bản xứ rộng lớn nhất đã được khơi dậy trên đất nước Hoa Kỳ. Hội Thánh Cơ Đốc (Các Môn Đồ Đáng Christ) đã ra đời để đồng hành với hai ngọn cờ tương đồng: khôi phục các tiêu chuẩn thuần lý của Tân Ước và sự hiệp nhất của tất cả các tín hữu ở một hội thánh “Cơ Đốc”.

Kinh Thánh được xem là thẩm quyền mặc khải cho giáo lý, thực hành và quản nhiệm hội thánh. *Nơi nào Kinh Thánh nói, chúng tôi nói. Nơi nào Kinh Thánh im lặng, chúng tôi im lặng.* Điều gì có thể lý tưởng hơn nữa? Điều gì có thể khó thực hiện hơn nữa?

Một nguyên lý đã giúp khái tượng này trở nên duy nhất một niềm hy vọng. Các thành viên của phong trào tin chắc rằng một trong *các điểm trọng yếu* đòi hỏi sự hiệp nhất chính là quyền của mọi Cơ Đốc Nhân để tự luận giải Kinh Thánh. Họ phủ nhận các tín điều Cơ Đốc mang tính lịch sử và xem đó như là các văn bản, chứng từ làm chia rẽ các Cơ Đốc Nhân. Họ cũng phủ nhận các luận giải của Kinh Thánh có liên quan đến các giáo hội chính thể đầu tiên ở Châu Âu. Nhưng chính nguyên lý này đã làm cho sự hiệp nhất càng khó đạt đến.

Một điểm rất dễ tranh cãi: Các Môn Đồ đã nâng cao vị trí của Tân Ước hơn cả Cựu Ước. Những người láng giềng vùng biên cương của họ, các tín hữu Giám Lý, Trưởng Lão và Báp-tít đều xem *trọn quyển Kinh Thánh* như là Thánh Kinh Cơ Đốc và không nhìn với thiện cảm sự giáng cấp của Mười Điều Răn, Thi Thiên 23 hay các câu chuyện của sự Sáng Tạo.

Tuy vậy, giấc mơ của sự hiệp nhất Cơ Đốc thật là mãnh liệt. Các Môn Đồ tin rằng các tín hữu, quá mệt mỏi và chán nản với một hàng số đến chóng mặt của các hội thánh, giáo hội tranh giành nhau lãnh thổ ở vùng biên cương của Hoa Kỳ sẽ đáp lại lời kêu gọi hiệp nhất của họ với một tín ngưỡng đơn giản, bình dị nhất dựa trên Kinh Thánh. Và nhiều người đã đáp lại lời kêu gọi đó.

Nhìn Lại Thuở Ban Đầu

Danh xưng Hội Thánh Cơ Đốc (Các Môn Đồ Đáng Christ) đến từ hai giáo hội sát nhập với nhau. Vào đầu thế kỷ thứ 19, những người đi theo ông Barton Stone tại tiểu bang Kentucky và miền nam tiểu bang Indiana tự gọi mình với một tên thật đơn giản là “Cơ Đốc Nhân” hay “Hội Thánh Cơ Đốc”. Các tín đồ của hai ông Thomas và Alexander Campbell tự gọi mình là Các Môn

Đồ Đấng Christ.

Ông Barton Stone từng là một mục sư Trưởng Lão khi nhiệm chức mục vụ tại tiểu bang Kentucky vào năm 1796. Ông đã tham gia một hội trại vào năm 1801 tại hạt Logan, tiểu bang Kentucky và trở về nhà để tổ chức một trại họp nhóm tương tự ở hội thánh của ông tại thành phố Cane Ridge. Mục sư từ rất nhiều hệ phái và chi phái đã đến tham dự, cũng như 10.000 đến 25.000 người đã có mặt tại hội trại này. Trại họp nhóm này đã kéo dài một tuần và còn có thể lâu hơn nữa nếu có đủ thức ăn nước uống và nơi nghỉ cho mọi người.

Buổi họp tại thành phố Cane Ridge đã mang đến cho ông Stone một khái tượng của các Cơ Đốc Nhân hiệp nhất không bị chia rẽ bởi các giáo lý đến từ các giáo phái hay quyền lợi các giáo hội. Ông và một số các mục sư đã rút ra khỏi Hội Nghị Trưởng Lão của tiểu bang Kentucky (Presbyterian Synod of Kentucky) và từ đó mọi người chỉ biết họ với danh xưng đơn giản là “Cơ Đốc Nhân”. Họ nhấn mạnh về Kinh Thánh như là Thảm Quyền tối hậu và tuyên bố nguyện vọng của họ là “chìm đắm trong sự hiệp nhất với Thân Thể Đấng Christ ngoài khơi”.⁽¹⁾ Họ chỉ muốn “truyền giảng phúc âm đơn thuần” và không có gì hơn thế nữa.⁽²⁾ Các mục sư và người truyền giảng của họ chỉ nghiên cứu và học hỏi duy nhất từ Kinh Thánh chứ không từ bất cứ sách thần học nào. Hơn thế nữa, họ đã tuyên bố, “bước vào sự sống với một Quyền Sách duy nhất hơn là bị đẩy vào địa ngục với nhiều quyển sách.”⁽³⁾

Các ông Thomas và Alexander Campbell, cha và con, là tín hữu Trưởng Lão Tô-cách-lan (Scottish Presbyterians) đã đến Hoa Kỳ định cư, nhưng mỗi người theo một con đường riêng. Ông Thomas đã đến Hoa Kỳ vào năm 1807 và quản nhiệm một hội thánh gần thành phố Pittsburgh. Ngoài những con chiên riêng của ông, ông còn gặp rất nhiều giáo phái Trưởng Lão không có mục sư chăn bầy, và ông đã giúp họ cử hành Tiệc Thánh của Chúa. Vì việc này mà ông bị cách chức mục sư.

Ông đã di dời sang Washington, Pennsylvania, và đã tạo ra Hiệp Hội Cơ Đốc (Christian Association), và đã tuyên bố rằng ông sẵn sàng thông công với mọi Cơ Đốc Nhân. Hơn thế nữa, ông còn phủ nhận trước công chúng danh tánh Trưởng Lão và tuyên bố rằng Đấng Christ đã chịu chết cho mọi người.⁽⁴⁾

Với “lý tưởng mọi Cơ Đốc Nhân cùng nhau hiệp nhất bùng cháy trong lòng hơn bao giờ hết,” ông Campbell đã biên soạn tác phẩm nổi tiếng của ông, Bảng Tuyên Ngôn (*Declaration and Address*). Quyền sách này tuyên xưng sự hiệp nhất của Hội Thánh Đấng Christ thật và chính thống với thẩm quyền tối thượng là Tân Ước, quyển sách đã đưa ra những chỉ thị và hướng dẫn mà chúng ta cần bước theo một cách rất chính xác. Vì các tín điều, tuyên xưng và điều khoản đức tin chỉ là những luận giải của Kinh Thánh nên tất cả những điều này không thể ràng buộc hay được sử dụng như thử thách cho đức tin. Quy luật của ông là, “Hiệp nhất trong những điều trọng yếu; trong ý kiến thì tự do; và trong mọi sự, sự rộng lượng, vị tha.” Mỗi hội thánh địa phương cần được sự độc lập.⁽⁵⁾

Ông Campbell tin rằng 1800 năm trôi qua của lịch sử giáo hội là một sai lầm. Bây giờ là thời điểm khởi đầu lại để khôi phục hệ thống xưa cũ. Chủ đích của ông là “nối tiếp công việc của Đấng Christ nơi mà các sứ đồ đã tạm ngưng.”⁽⁶⁾

Ông Alexander Campbell đã theo chân cha của ông để đến Hoa Kỳ vài năm sau đó và cũng bước theo lý tưởng này, và cuối cùng nổi bật như ngọn đèn dẫn dắt cả phong trào. Khi đến lúc hai phong trào kết hợp với nhau vào năm 1832, những người theo các ông Campbell và Stone đã đến con số 10.000 thành viên.

Sự Hiệp Nhất và Khôi Phục

Các Tín Đồ đã dần thân vào một hành trình với tất cả nỗ lực cao thượng để hiệp nhất các Cơ Đốc Nhân với một đức tin đơn giản nơi Kinh Thánh. Sự kết hợp của hai nhóm anh em cũng đem đến sự căng thẳng riêng. Những tranh luận đã xảy đến về cơ cấu tổ chức, các đoàn thể truyền giáo, Tiệc Thánh của Chúa mở rộng cho công chúng hay khép kín lại và chỉ dành riêng cho các thành viên, và có nên hay không nên phục vụ Tiệc Thánh của Chúa cho những ai chưa nhận lãnh phép báp-têm dưới hình thức trầm mình dưới nước. Ngay cả việc gọi một người tội tở Chúa như là “mục sư” cũng là một chủ đề tranh luận. Nhưng đến năm 1870 phong trào đã tăng trưởng đến 350.000 thành viên.

Nhưng thời gian và năm tháng cũng đã ảnh hưởng và làm hao mòn phong trào. Vào năm 1906 phong trào đã bị chia ra làm hai. Vào năm 1950, một rạn nứt một lần nữa xảy ra. Ngày nay, Phong Trào Khôi Phục đã có 3 hệ phái riêng biệt.

Hệ phái nhỏ nhất trong ba nhánh này là Hội Thánh Cơ Đốc (Các Môn Đồ Đấng Christ) [Christian Church (Disciples of Christ)], một hệ phái truyền thống, với nền thần học phóng khoáng và giáo phẩm có trình độ học thức rất cao. Hệ phái này rất năng động trong phong trào đại đồng tôn giáo và có đại biểu ở Hội Đồng Quốc Gia Các Giáo Hội (National Council of Churches), Hội Đồng Thế Giới Các Giáo Hội (World Council of Churches), Hội Đồng Cố Vấn về sự Hiệp Nhất Giáo Hội (Consultation of Church Union). Hệ phái này đã phát huy được một nguồn máy giáo hội. Ngày nay hệ phái này có hơn 929.000 thành viên ở Hoa Kỳ và 4.301 hội thánh. Như nhiều giáo hội truyền thống, hệ phái này tiếp tục mất đi các thành viên.

Các Hội Thánh Đấng Christ [Churches of Christ] là khối rộng lớn nhất trong Phong Trào Khôi Phục. Họ đã rút ra khỏi hệ phái Các Môn Đồ từ năm 1906. Họ có 1,7 triệu hội viên trong 13.000 hội chúng trên khắp Hoa Kỳ. Họ còn có 1,6 triệu hội viên ở 75 quốc gia khác. Các giảng dạy nguyên thủy của hai ông Campbells được duy trì với kỷ luật trong hệ phái này, bám chặt theo khuynh hướng chính thống giáo của họ. Các Hội Thánh Đấng Christ phủ nhận các nghi thức tôn giáo nhưng trông đợi sự thờ phượng phải được cử hành trong sự tôn nghiêm. Họ có 21 trường cao đẳng - đại học và ấn hành 117 tuần báo.

Hội Thánh Đấng Christ [the Christian Church] là danh xưng của những người tách rời khỏi hệ phái truyền thống Các Môn Đồ vào trung tuần thế kỷ thứ 20. Nhánh này có gần đến 1,2 triệu hội viên ở Hoa Kỳ. Họ đại diện cho tiếng nói trung hòa của phong trào Stone-Campbell, phủ nhận tinh thần phóng khoáng của Các Môn Đồ và khuynh hướng chính thống giáo của Các Hội Thánh Đấng Christ. Họ hỗ trợ 30 trường cao đẳng - đại học.

Các nhánh bảo thủ, trung hòa và phóng khoáng của phong trào khôi phục đã tự chọn con đường riêng của mình. Thật mỉa mai là tinh thần cục bộ đã chứng tỏ có ảnh hưởng mạnh hơn khái tượng của sự hiệp nhất Cơ Đốc. Nhưng đừng có ai nghi ngờ về điều này: mỗi nhánh đều tự xem mình là bằng chứng sống của các giá trị cốt lõi họ đã thừa kế lại như một di sản chung.

Các Tín Hữu Nazarene và các Hội Thánh thuộc Phong Trào Khôi Phục

Vì có rất nhiều nét khác biệt và tính đa dạng trong ba giáo hội đã ra đời từ Phong Trào Khôi Phục, chúng ta có thể nói là rất khó để xác định một cách đơn thuần về tín lý của “các tín hữu của phong trào” này. Vì thế chúng tôi chỉ nêu ra một số ít tín lý căn bản có thể được xem như là tiêu biểu cho cả phong trào.

1. **Chúa Giê-su, Chúa Cứu Thế.** Các tín hữu Nazarene tâm đắc với lời tuyên bố sau đây của các Tín Đồ Đấng Christ trong quyển sách *Thiết Kế [Design]*: “Chúng tôi công nhận rằng Chúa Giê-su là Đấng Christ, Con Trai của Đức Chúa Trời hằng sống, và tuyên xưng Ngài như là Chúa Cứu Thế của thế gian.”
2. **Sự kính trọng đối với Thấm Quyền của Kinh Thánh.** Các tín hữu Nazarene cũng như các tín hữu của phong trào Khôi Phục đều tin nhận giáo lý của Cải Chính Giáo *sola scriptura*. Cả hai đều công nhận Kinh Thánh là quy luật tối hậu cho đức tin và thực hành. Các tín hữu của phong trào Khôi Phục có khuynh hướng xem Kinh Thánh với quan điểm nguyên văn hơn khi cho rằng Kinh Thánh là quy luật cho các hội thánh. Dù nhìn nhận sự hiện hữu một lời hứa và yếu tố ứng nghiệm, hoàn thành giữa hai Giao Ước – Cựu và Tân Ước, các tín hữu Nazarene xem cả hai đều là Thánh Kinh Cơ Đốc. Truyền thống Khôi Phục ngược lại đưa Tân Ước lên như là thẩm quyền của đức tin nhưng xem Cựu Ước như có giá trị nhưng phụ thuộc.
3. **Con Người là sinh linh Tự Do và có Trách Nhiệm.** Phong trào Thánh Khiết và phong trào Khôi Phục đều ra đời ở Mỹ, nơi mà sự tự do cá nhân và quyền dân chủ được đánh giá rất cao. Các yếu tố này đã thật sự tác động cả hai phong trào. Điều này cũng đặt cả hai phong trào vào vị trí đối lập với tư duy quyết đoán của tôn giáo (tiền định) và thể tục (bản năng ứng xử).
4. **Tinh thần Truyền Giáo** - Các tín hữu Nazarene cũng như các tín hữu của 3 chi phái của phong trào Khôi Phục đều đặt sứ mệnh truyền giáo như là một ưu tiên hàng đầu. Các Môn Đồ Đấng Christ hỗ trợ các giáo sĩ truyền giáo trên khắp 5 châu lục.
5. **Mỗi Cơ Đốc Nhân là một Tội Tớ Đức Chúa Trời** - Quyển sách *Thiết Kế [Design]* của Hội Thánh Cơ Đốc đã tuyên bố, “Thánh chức căn bản bên trong giáo hội chính là Chúa Giê-su Christ ... khi sống theo đức hạnh của một thành viên hội thánh, mỗi Cơ Đốc Nhân bước vào thánh chức của cả cộng đồng dân sự Đức Chúa Trời.”⁽⁹⁾ Các tín hữu Nazarene cũng tin rằng thánh chức của các tín hữu là trọng yếu. Tuy thế, tín hữu Nazarene ngay từ khi khởi đầu đã có một quan điểm rất cao về giáo phẩm nhiệm chức hơn các tín hữu phong trào các ông Stone và Campbell. Các hội thánh thuộc về phong trào Khôi Phục lúc ban đầu đã nghi ngờ các mục sư nhiệm chức và hệ thống giáo phẩm trong giáo hội nhưng về sau đã công nhận giá trị của một thánh chức mục vụ có trình độ học vấn và được phong chức chính thức. Quyển sách *Thiết Kế [Design]* nhìn nhận một cơ cấu thánh chức giáo phẩm được biệt riêng hay được phong chức, dưới thẩm quyền của Đức Chúa Trời, để trang bị cho toàn thể dân sự của Ngài trong thánh chức của cả cộng đồng.

Các Điểm Khác Biệt

Mặc dù chúng ta có rất nhiều điểm tương đồng nhưng cũng có nhiều điểm khác biệt giữa các tín hữu Nazarene và các tín hữu của các hội thánh Phong Trào Khôi Phục.

1. **Sự Nhấn Mạnh trên Sự Nền Thánh** – Được xây dựng trên nền tảng của tư duy thần học từ ông Wesley, các tín hữu Nazarene đã đưa sự nền thánh trọn vẹn thành giáo lý riêng biệt của họ. Chúng tôi tin rằng ở một điểm nào đó trên quá trình cải đạo, tâm lòng của một Cơ Đốc Nhân có thể được đem đến “sự tự dâng hiến trọn vẹn” cho Đức Chúa Trời, được thanh tẩy đối với tất cả các tội lỗi nội tâm, và được đầy dẫy tình yêu thương và nghị lực đến từ Đức Thánh Linh. Các hội thánh của phong trào Khôi Phục không chống lại quan niệm của tâm lòng thánh sạch và được đầy dẫy Đức Thánh Linh. Nhưng họ tin rằng tất cả đều xảy đến cùng một lúc khi một người nhận lãnh thánh lễ báp-têm. Họ xem ân tứ của Đức Thánh Linh như là giai đoạn thứ năm trong quy trình dẫn đến sự cứu rỗi.

2. **Báp-têm Cơ Đốc và sự Cải Đạo** - Tín hữu Nazarene tin rằng thánh lễ báp-têm là một dấu hiệu bên ngoài thể hiện ân điển nội tâm đã nhận được. Đó là sự làm chứng trước công chúng về sự trải nghiệm trong ân điển và sự cứu rỗi của một người qua đức tin và quyết định của người ấy để sống trọn cuộc đời còn lại như một người dâng hiến mình cho Đấng Christ. Các tín hữu phong trào Khôi Phục có khuynh hướng xem thánh lễ Báp-têm như là một phần không thể thiếu được của quy trình cứu rỗi. Không có thánh lễ Báp-têm thì không ai có thể đạt đến sự cứu rỗi theo tín lý của nhiều tín hữu của phong trào này. Theo sự giảng dạy căn bản của họ quy trình cứu rỗi là ⁽¹⁾ sự khẳng định về tín lý Chúa Giê-su vừa là Con Trai của Đức Chúa Trời mà cũng là Chúa Cứu Thế, ⁽²⁾ sự ăn năn hối cải của tội lỗi, ⁽³⁾ thánh lễ Báp-têm, ⁽⁴⁾ sự tha thứ được chấp thuận và nhận lãnh, và ⁽⁵⁾ ân tứ của Đức Thánh Linh được ban cho.

Vì các tín hữu phong trào Khôi Phục tin rằng quy trình cứu rỗi không thể đạt đến mà không có thánh lễ Báp-têm, một số hội thánh của phong trào Khôi Phục không phục vụ Tiệc Thánh của Chúa cho những người chưa tiếp nhận thánh lễ Báp-têm. “Thánh lễ Báp-têm thanh tẩy mọi sự làm suy giảm tâm linh của chúng ta. Đời sống bị chôn vùi, một đời sống mới được khởi đầu, tội lỗi đã được tha thứ. Thánh lễ Báp-têm tiêu biểu cho một ... sự thanh tẩy về mặt đạo lý, một sự biến đổi của linh hồn, một sự nhận lãnh của ân điển.” ⁽¹¹⁾

Chúng tôi còn khác biệt với các tín hữu phong trào Khôi Phục ở một trọng điểm khác. Họ tuyên bố rằng sự trẫm mình dưới nước và hình thức duy nhất cho thánh lễ Báp-têm Cơ Đốc. Nhưng chúng tôi thì tuyên xưng “thánh lễ Báp-têm có thể được cử hành với hình thức rắc nước, đổ nước hay trẫm mình dưới nước, tùy theo sự lựa chọn của người muốn nhận lãnh thánh lễ Báp-têm.” ⁽¹²⁾

3. **Giáo Lý về Đức Chúa Trời** “Chúng tôi tin rằng: Đức Chúa Trời Ba Ngôi Hiệp Một là căn bản, mặc khải như là Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh.” ⁽¹³⁾ Bảng tuyên xưng đức tin mở đầu với điều khoản đức tin đầu tiên này. Vì phong trào Khôi Phục phủ nhận các tín điều, các hội thánh của phong trào chưa bao giờ khẳng định một cách chính thức tín lý của họ về Đức Chúa Trời Ba Ngôi Hiệp Một. Các tín hữu của phong trào Khôi Phục tin nơi Đức Chúa Cha. Họ nhấn mạnh một cách tổng quát về thần tánh và nhân tánh của Chúa Giê-su Christ. Nhưng giáo lý về Đức

Thánh Linh đã không ảnh hưởng trong lòng của những người đã thật sự nhiệt tình tin nơi quyền tự luận giải Kinh Thánh của mỗi Cơ Đốc Nhân. Ông Barton Stone chỉ đơn thuần gọi Đức Thánh Linh là “năng lượng của Đức Chúa Trời.” Khi phủ nhận các tín điều Cơ Đốc nguyên thủy, các tín hữu phong trào Khôi Phục (theo quan điểm của chúng tôi) không có một giáo lý đủ vững mạnh về Đức Chúa Trời Ba Ngôi Hiệp Một.

4. **Quy Luật cho các Thành Viên Hội Thánh.** Các tín hữu Nazarene đã thiết lập một hệ thống Quy Luật Chung và một danh sách Các Quy Luật Đặc Biệt để quy định cách sống đời sống thánh khiết. Rõ ràng chúng tôi tin rằng các Cơ Đốc Nhân cần có một sự dẫn dắt cụ thể và rõ ràng về những chủ đề như ly dị, phá thai, cờ bạc, vé số, phim ảnh, thuốc lá, khiêu vũ, các tổ chức bí mật và việc sử dụng thuốc ngủ và chất kích thích. Các tín hữu của phong trào Khôi Phục, ngược lại, không muốn thiết lập bất cứ quyển sách Quy Luật hay nội quy nào ngoại trừ Kinh Thánh. D. Duane Cummins, một lãnh đạo Các Tín Đồ Đấng Christ, đã tuyên bố, “Liên quan đến các vấn đề đạo lý cá nhân, Các Tín Đồ tin cậy nơi khả năng của mỗi cá nhân để tự quyết định cho chính mình.”⁽¹⁵⁾ Quyển sách do ông viết, *Cẩm Nang cho Các Môn Đồ Đương Đại* [*Handbook for Today's Disciples*] đã nói đến các câu hỏi về đạo đức sống như vấn đề phá thai, cách thể hiện đời sống sinh lý, ly dị và việc sử dụng ma túy, các chất kích thích – gây nghiện. Theo ông, khi một người đặt câu hỏi về các lãnh vực này, Hội Thánh Cơ Đốc (Các Tín Đồ) “sẽ không đưa ra một bản vẽ rập khuôn cho cách ứng xử cá nhân của anh chị. Tuy thế, Hội Thánh Cơ Đốc sẽ nhấn mạnh về các giảng dạy đạo lý và đạo đức sống của Đấng Christ và để cho anh chị hoàn toàn quyền tự do quyết định cá nhân.”⁽¹⁶⁾

Cùng Nhau Hợp Tác

Cùng nhau bắt tay với các Cơ Đốc Nhân theo các truyền thống khác để đối diện với các thách thức chung trong văn hóa không Cơ Đốc và hậu hiện đại, chúng ta cần biết những điểm mạnh, điểm yếu, những di sản quý báu, và đúng thế, hành trang chung ta mang đến cho thời đại vĩ đại và đáng sợ này. Những lời lẽ của ông John Wesley rất thích hợp: “Đừng nghĩ đến sự cực đoan bảo thủ của một người khác như là một sự bào chữa cho sự cuồng tín của chính anh chị ... hãy thận trọng với sự tranh cãi ... hãy để cho người ấy giữ cho chính mình sự cực đoan, cuồng tín.”



PHẦN 6

CÁC HỘI THÁNH NGŨ TUẦN VÀ ÂN TỬ



TÓM LƯỢC

CÁC TÍN HỮU NGŨ TUẦN VÀ ÂN TỬ

Bối Cảnh Lịch Sử

Quang cảnh Ngũ Tuần / Ân Tử gồm có 6 nhánh:

- *Các Tín Hữu Ngũ Tuần Thánh Khiết* [*Holiness Pentecostals*] được thành lập từ Phong Trào Thánh Khiết Hoa Kỳ [*American Holiness Movement*]
- “*Công Việc Hoàn Tất*” [*Finished Work*] từ chối sự nên thánh trọn vẹn và tách rời khỏi *Các Tín Hữu Ngũ Tuần Thánh Khiết* [*Holiness Pentecostals*]
- “*Chúa Giê-su Duy Nhất*” [*Jesus Only*], *Tín Hữu Ngũ Tuần tin theo tín lý “Thượng Đế Nhất Thể”* [*“Unitarian” or “Oneness Pentecostals”*] phủ nhận giáo lý Ba Ngôi Hiệp Một và giảng dạy rằng Giê-su là thiên danh duy nhất của Đức Chúa Trời và các tín hữu nên nhận lãnh phép báp-têm duy nhất nhân danh Chúa Giê-su.
- *Các Thông Công Ân Tử* [*Charismatic Fellowship*] hiện hữu trong các hệ phái – giáo hội truyền thống (bao gồm cả Giáo Hội Công Giáo La Mã) hay như là những hiệp hội, đoàn thể phi hệ phái (như Hiệp Hội Các Doanh Nhân Phúc Âm Trọn Vẹn [*Full Gospel Business Association*])
- *Các Giáo Hội Tân Ân Tử* [*New Charismatic Denominations*], như Nhà nguyện Calvary [*Calvary Chapel*] và Sự Thông Công Vườn Nho [*Vineyard Fellowship*] đã tách rời Phong Trào Ân Tử [*Charismatic Movement*]
- Một số các giáo hội và hội thánh cũng như thánh chức độc lập bảo thủ và biệt lập.

Niềm Tin Cốt Lõi

Tất cả sáu (6) chỉ giáo đều nhìn nhận các ân tứ của Đức Thánh Linh được sứ đồ Phao-lô nói đến: việc nói trong ngôn ngữ không ai biết đến; diễn giải các tiếng lạ; nói tiên tri, và chữa lành bệnh.

Đa số nhìn nhận các tín lý truyền thống như sự mặc khải của Kinh Thánh, thần tánh của Đấng Christ, sự ra đời của Chúa từ một nữ đồng trinh và sự cải đạo Cơ Đốc. Các tín lý về thánh lễ Báp-têm, phép Báp-têm với Thánh Linh và sự nên thánh trọn vẹn có đôi chút khác biệt giữa các nhóm Ngũ Tuần / Ân Tử.

Các Điểm Tương Đồng và Khác Biệt

Các tín hữu Nazarene chia sẻ các điểm tương đồng về quan điểm Cơ Đốc chính thống với đa số các tín hữu Ngũ Tuần và Ân Tử: thẩm quyền của Kinh Thánh, thần tánh của Đấng Christ, sự ra đời của Chúa từ một nữ đồng trinh và sự cải đạo Cơ Đốc. Nhưng tín hữu Nazarene đặt nghi vấn và thách thức các quan điểm của các nhóm này về giáo lý của Đức Thánh Linh cũng như về việc nói tiếng lạ như là một bằng chứng của sự thánh khiết, hay về việc cầu nguyện bằng tiếng lạ. Các tín hữu Nazarene phủ nhận ba (3) công việc của ân điển được một số hệ phái của phong trào Ngũ



Tuần / Ân Tứ giảng dạy. Chúng tôi hoàn toàn phủ nhận một cách quyết liệt quan điểm phản Đức Chúa Trời Ba Ngôi Hiệp Một đến từ các tín hữu Ngũ Tuần theo quan niệm Đức Chúa Trời Ba Ngôi Hiệp Một.

Các Tín Hữu Ngũ Tuần và Ân Tứ Ngày Nay

Các giáo hội Ngũ Tuần và Ân Tứ chính ở Bắc Mỹ bao gồm các nhóm sau đây:

- Hội Thánh của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ [Church of God in Christ]: 5,5 triệu thành viên.
- Hội Thánh Ngũ Tuần Thánh Khiết [Pentecoastal Holiness Church]” 150.000 thành viên tại Hoa Kỳ.
- Hội Thánh của Đức Chúa Trời (Cleveland, tiểu bang Tennessee) [Church of God (Cleveland, Tennessee)]: 730.000 thành viên ở Bắc Mỹ; 4 triệu thành viên trên khắp thế giới.
- Các Hội Chúng của Đức Chúa Trời [Assemblies of God]: 2,3 triệu thành viên tại Hoa Kỳ; 22 triệu thành viên trên khắp thế giới.
- Hội Thánh Quốc Tế của Phúc Âm Bốn Phương Trời [International Church of Foursquare Gospel]: 224.000 thành viên ở Bắc Mỹ; 2 triệu thành viên trên khắp thế giới.
- Các Hội Chúng Ngũ Tuần của Thế Giới [Pentecoastal Assemblies of the World]: 1 triệu thành viên tại Hoa Kỳ.
- Hội Thánh Ngũ Tuần Quốc Tế Hiệp Nhất [United Pentecoastal Church International]: 600.000 thành viên ở Bắc Mỹ; 2,3 triệu thành viên trên khắp thế giới.
- Các giáo hội Ân Tứ mới như Nhà nguyện Calvary [Cavalry Chapel] – hay Hội Thánh Calvary và Thông Công Vườn Nho [Vineyard Fellowship] là những hệ phái tăng trưởng rất nhanh.



Câu hỏi: Các tín hữu Ngũ Tuần nói tiếng lạ có phải là anh em của chúng ta trong Đấng Christ hay không?

Trả lời: Một số là anh em, một số khác là chị em của chúng ta trong Đấng Christ

William McCumber

CHƯƠNG 14

CÁC TÍN HỮU NGŨ TUẦN VÀ ÂN TỬ

ANH CHỊ ĐANG NGÔI trong một buổi họp nhóm phục hưng truyền thống ở một đền tạm ngoài trời. Con đường mòn bằng mùn cưa chia cách anh chị với người truyền giảng Phúc Âm Ngũ Tuần. Nhưng anh chị hãy đợi một chút! Người truyền giảng phục hưng lại nhạo báng giáo lý Đức Chúa Trời Ba Ngôi Hiệp Một như một tín lý quá thô sơ với 3 Thượng Đế và nhấn mạnh rằng chỉ có những ai được phép Báp-têm nhân danh “Chúa Giê-su duy nhất” mới là Cơ Đốc Nhân chính chắn. Bấy giờ ông đặt câu hỏi là những ai đã từng được phép Báp-têm “nhân danh Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh” nên cần tiếp nhận một lần nữa phép Báp-têm.

Một bối cảnh hơi khác ở một căn nhà thuộc thành phố South Bend, tiểu bang Indiana, gần đại học Notre Dame. Một nhóm người Công Giáo La Mã tổng hợp gặp gỡ nhau tại một buổi thờ phượng không chính thức: sinh viên, dân cư thành phố, nhân viên trong đại học và một số giáo viên. Trong khi cầu nguyện thì có tiếng thì thầm nhẹ nhàng nhưng không thể nhầm lẫn, “tiếng lạ” được nói bởi một số người tham gia phiên họp này.

Hay anh chị hãy tưởng tượng một hội thánh đồng người Mỹ gốc Châu Phi tại thành phố Memphis. Nhạc sống động với âm lượng cao đã nhiều lần tác động hội chúng. Gần đến phần cuối của bài giảng, vị mục sư tuyên bố với tất cả nhiệt huyết là một số người hiện diện đã được cứu rồi và nên thánh nhưng vẫn cần tiến lên và nhận lãnh phép Báp-têm của Đức Thánh Linh với “tiếng lạ.”

Cuối cùng anh chị hãy bước vào một lễ sáng Chủ Nhật tại một hội thánh Các Hội Chúng của Đức Chúa Trời tại thành phố Springfield, tiểu bang Missouri. Sự thờ phượng không khác nhiều về phong cách hay nội dung đối với một hội thánh Nazarene gần đó. Cũng có một sự phối hợp tương tự của các bài thánh ca và các ban đồng ca ngợi khen Chúa. Cũng có sự cầu nguyện của vị mục sư. Cũng tương tự về bài giảng. Chỉ một số ít khác biệt về từ ngữ nhưng không bao giờ có một bài giảng chuyên đề hay chỉ nhắc đến về sự nên thánh trọn vẹn.

Mỗi bối cảnh tiêu biểu cho một khía cạnh khác nhau của tín ngưỡng Ngũ Tuần / Ân Tử, một thế giới với sự đa dạng rất phong phú.

Cũng thế, quan hệ giữa các hội thánh của truyền thống Wesley – Thánh Khiết và Ngũ Tuần / Ân Tử trông như rất phức tạp. Tín hữu truyền thống Wesley thường xem anh em Ngũ Tuần như những người tốt nhưng “đi quá xa chủ đích”, trong khi các tín hữu Ngũ Tuần cũng đáp lễ lại và xem chúng ta như những người đã ngừng lại quá sớm và chưa đạt đến phép Báp-têm thật sự của Đức Thánh Linh.

Truyền thống của chúng tôi và của họ đều khởi nguồn từ các phong trào phục hưng với sự giảng dạy về công việc của ân điển thiên thượng trong đời sống một Cơ Đốc Nhân sau sự cải đạo.

Đúng vậy, phong trào Ngũ Tuần của thế kỷ thứ 20 bắt nguồn từ bên trong Phong Trào Thánh Khiết Hoa Kỳ (American Holiness Movement). Giáo hội Ngũ Tuần lâu đời nhất và cũng là giáo hội rộng lớn đều thuộc về thần học Wesley - Thánh Khiết và Ngũ Tuần.

Hãy Phân Biệt Rõ Mọi Sự

Một sự phân biệt thường được đưa ra giữa các tín hữu Ngũ Tuần và Ân Tứ, cũng được nhắc đến như các tín hữu “Tân Ngũ Tuần”, mặc dù sự phân biệt như thế càng ngày càng ít mang ý nghĩa. Phong Trào Ngũ Tuần đã ra đời và trưởng thành vào đầu thế kỷ thứ 20. Phong Trào Ân Tứ trỗi dậy từ một phong trào tương tự, khởi đầu vào thập niên 1960.

Quan cảnh Ngũ Tuần / Ân Tứ được chia ra sáu chi giáo chính:

- *Tín hữu Ngũ Tuần Thánh Khiết* [*Holiness Pentecoastals*] tách rời từ Phong Trào Thánh Khiết Hoa Kỳ [*American Holiness Movement*]
- Tín hữu Ngũ Tuần “Công Việc Hoàn Tất” [“Finished Work” Pentecoastals] phủ nhận sự nên thánh trọn vẹn và tách rời khỏi phong trào Ngũ Tuần Thánh Khiết
- “Chúa Giê-su Duy Nhất” [Jesus Only] “Ngũ Tuần Nhất Thể” [“Unitarian” or “Oneness” Pentecoastals] phủ nhận giáo lý Đức Chúa Trời Ba Ngôi Hiệp Một và giảng dạy về Chúa Giê-su như là thiên danh của Đức Chúa Trời và cho rằng tất cả các tín hữu cần phải nhận lãnh phép Báp-têm nhân danh duy nhất Chúa Giê-su. Họ đã tách rời với các tín hữu “Công Việc Hoàn Tất”.
- Các thông công Ân Tứ [Charismatic fellowships] hiện hữu trong đa số các giáo hội truyền thống (trong đó có Giáo Hội Công Giáo La Mã) hay các hội đoàn, hiệp hội phi hệ phái, phi giáo hội (như Hiệp Hội Doanh Nhân Phúc Âm Trọn Vẹn [Full Gospel Businessmen’s Association])
- Các giáo hội Ân Tứ mới [New Charismatic denominations] như Nhà Nguyên Đồi Sọ [Cavalry Chapel] và Thông Công Vườn Nho [Vineyard Fellowship] đã ra đời từ Phong Trào Ân Tứ [Charismatic Movement]
- Các chi giáo hiện hữu ở vòng đai của phong trào như các giáo hội, hội thánh và thánh chức độc lập và biệt lập

Tất cả sáu chi giáo đều công nhận và tin vào các ân tứ của Đức Thánh Linh được sứ đồ Phao-lô nói đến: việc nói tiếng lạ; thông dịch và giảng dạy các tiếng lạ; nói tiên tri; và chữa lành bệnh. Thật vậy, giữa truyền thống kinh điển Wesley - Thánh Khiết của chúng tôi và các truyền thống Ngũ Tuần / Ân Tứ có một sự khác biệt rõ rệt và đầy ý Nghĩa: con đường dẫn đến sự cứu rỗi và hệ thống môn đồ hóa theo ông Wesley được dựa trên căn bản của “Bông Trái Thánh Linh” trong khi các tín hữu Ngũ Tuần / Ân Tứ đều tập trung sự thờ phượng và cộng đồng của họ vào “các ân tứ của Đức Thánh Linh.”

Phong Trào Đức Tin Theo Truyền Thống Các Sứ Đồ

Ông Charles F. Parham được xem như là người đã thành lập ra truyền thống Ngũ Tuần tân thời. Ông đã chăm sóc một hội thánh Giám Lý ở thành phố Eudora, tiểu bang Kansas nhưng không đi đến chức vụ mục sư nhiệm chức, ông không thích các giám mục và thể chế giáo hội Giám Lý. Từ đó ông đã trở nên một người truyền giảng Phúc Âm độc lập, dẫn dắt các buổi họp nhóm phục hưng tại miền đông tiểu bang Kansas. Ông nhấn mạnh trên sự chữa lành với đức tin, sự tái lâm và trị vì của Đấng Christ trong một ngàn năm, và đã thiết lập một nhà của đức tin và một trường truyền giảng Phúc Âm tại thành phố Topeka.

Vào năm 1900, ông Parham đã yêu cầu các sinh viên nghiên cứu quyền Công Vụ Các Sứ Đồ và nhận dạng tất cả các dấu hiệu bên ngoài có thể được hiểu như là “bằng chứng đầu tiên” của phép Báp-têm của Đức Thánh Linh. Các sinh viên đã đi đến kết luận rằng việc nói tiếng lạ có thể được xem như chính là dấu hiệu đó. Ông Parham đồng ý và thôi thúc các sinh viên tìm kiếm điều này. Vào ngày 1 tháng 1, năm 1901, một phụ nữ đã nói tiếng lạ sau buổi lễ thâu đêm Giao Thừa. Ông Parham và một số người khác cũng nói được tiếng lạ trong những ngày sau đó.

Parham và các tín đồ của ông tin rằng họ nói những ngôn ngữ chưa ai học được chứ không phải ngôn ngữ của các thiên sứ. Họ tin chắc rằng ân tứ nói tiếng lạ sẽ giúp cho họ có được một vai trò quan trọng trong việc truyền giáo trên khắp thế giới. Phong trào sau này được biết đến như Đức Tin Theo Truyền Thống Các Sứ Đồ. Nền thần học của phong trào nhấn mạnh trên

- Sự cải đạo
- Sự nên thánh trọn vẹn hay công việc thứ hai của ân điển
- Phép Báp-têm của Đức Thánh Linh với việc nói tiếng lạ như là bằng chứng đầu tiên

Phép Báp-têm của Đức Thánh Linh được tách rời với sự nên thánh trọn vẹn và được định nghĩa như công việc riêng biệt và thứ ba của ân điển, với bằng chứng tiếng lạ kiểm tra sự tiếp nhận của ân điển.

Đường Azusa

Một người truyền giảng Phúc Âm Thánh Khiết da đen tên là William J. Seymour (1870 – 1922) từng là một trong các sinh viên của ông Parham trong nhiều năm tại thành phố Houston. Ông Parham không muốn thách thức các phong tục tập quán phân biệt chủng tộc và màu da của Miền Nam Hoa Kỳ nên ông Seymour phải đứng ngoài hành lang để lắng nghe các bài thuyết trình trong khi các sinh viên da trắng ngồi trong lớp. Tuy vậy, ông Seymour, người từng bị phân biệt màu da, “người thấp nhất giữa những người này”, đã trở nên một nhân vật rất quan trọng trong lịch sử của truyền thống Ngũ Tuần.

Ông Seymour đã đến truyền giảng tại thành phố Los Angeles vào năm 1906. Khi thần học Đức Tin Theo Truyền Thống Các Sứ Đồ bị nhóm Thánh Khiết đã đem ông đến thành phố này từ chối, ông đã mở một địa điểm truyền giáo trên đường Azusa và khởi đầu một buổi họp phục hưng sau này trở thành biến cố bùng danh nhất cho đến nay. Báo chí ngoài đời và tôn giáo đã chú ý rất nhiều đến biến cố này. Những người truyền giảng Phúc Âm và người viếng thăm đến từ khắp nơi đã quỳ gối trước bàn thờ của ông Seymour và đã nói tiếng lạ, nhận lãnh “phép Báp-têm của Đức Thánh Linh.” Các buổi họp đã tiếp tục trong hơn ba năm và sự phục hưng tại đường Azusa đã tỏa sáng và ảnh hưởng gần như ở khắp nơi, Hoa Kỳ và Canada, ngay cả Châu Âu, Châu Á và Châu Phi. Địa điểm truyền giáo này trở thành một hội thánh, nơi ông Seymour đã chăm sóc với tư cách mục sư cho đến cuối đời.

Các Nhánh Chính Yếu Của Phong Trào Ngũ Tuần Ngày Nay

Các Hội Thánh Ngũ Tuần Thánh Khiết (Ba Công Việc Của Ân Điển)

Những người truyền đạo đã mang nền thần học của Đức Tin Theo Truyền Thống Các Sứ Đồ đến Miền Nam và vùng Miền Trung Viễn Tây Hoa Kỳ, nơi mà các giáo hội Ngũ Tuần đầu tiên đã được thành lập. Ba hệ phái chính đã được thành hình, tiếp nhận nền thần học “ba công việc của

ân điển”.

Hội Thánh Đức Chúa Trời Trong Đấng Christ [the Church of God in Christ]. Hội Thánh Đức Chúa Trời Trong Đấng Christ báo cáo hiện có được 5,5 triệu thành viên. Với đa số thành viên người Mỹ gốc Châu Phi, hội thánh này khởi đầu vào năm 1895 như một giáo hội theo truyền thống Wesley – Thánh Khiết. Hội Thánh Đức Chúa Trời Trong Đấng Christ đã tăng trưởng nhanh chóng trong ba thập niên vừa qua. Giáo hội Ngũ Tuần lớn nhất tại Hoa Kỳ và cũng là hội thánh lớn nhất giảng dạy sự nên thánh trọn vẹn như là công việc thứ hai của ân điển. Các giám mục địa phương quản nhiệm giáo hội.

Hội Thánh Ngũ Tuần Thánh Khiết [Pentecostal Holiness Church]. Hội Thánh Ngũ Tuần Thánh Khiết được tổ chức vào đầu những năm 1900. Lãnh đạo chính yếu đầu tiên của giáo hội là ông Joseph H. King. Giáo hội này hiện nay đã đổi tên thành Hội Thánh Thánh Khiết Ngũ Tuần Quốc Tế [International Pentecostal Holiness Church] với trụ sở trung ương được đặt tại thành phố Bethany, tiểu bang Oklahoma, với khoảng cách rất gần với Đại Học Nazarene Miền Nam [Southern Nazarene University]. Ông Oral Roberts được lớn lên trong tư thất mục sư và đã trở thành mục sư truyền giảng lừng danh của những năm 1950. ⁽¹⁾ Giáo hội hiện có gần hơn 150.000 thành viên tại Hoa Kỳ. ⁽²⁾

Hội Thánh Đức Chúa Trời (thành phố Cleveland, tiểu bang Tennessee) [the Church of God (Cleveland, Tennessee)]. Hội Đoàn Cơ Đốc [the Christian Union], thành lập năm 1886, đã trở nên trọng tâm của sự kết nối nhỏ bé các hội thánh theo truyền thống Thánh Khiết của tiểu bang Tennessee. Việc nói tiếng lạ là đặc điểm chung của các hội thánh này vào năm 1896. Ngày hôm nay Hội Thánh Đức Chúa Trời (thành phố Cleveland, tiểu bang Tennessee) có trên 722.500 thành viên tại Hoa Kỳ, và gần 8.000 tại Canada, và gần 4 triệu thành viên trên khắp thế giới. Giáo hội không phong chức phụ nữ nhưng cho phép họ truyền giảng và phục vụ như thầy truyền đạo. Giáo hội vẫn giữ các nghi thức như Báp-têm bằng cách trầm mình dưới nước, Tiệc Thánh của Chúa và rửa chân các môn đồ. ⁽³⁾

Sự Tranh Cãi của Giáo Hội “Công Việc Hoàn Tất”

Nền thần học của phong trào Ngũ Tuần càng phát triển thì cũng càng trở nên đa dạng. Ông William H. Durham (1873 – 1912) từng là tín hữu Báp-tít là một trong những người đầu tiên thách thức các sự giảng dạy nền tảng của truyền thống Thánh Khiết trong thời kỳ khởi nguyên của phong trào Ngũ Tuần. Địa điểm truyền giáo ở đường North Avenue tại thành phố Chicago là một trọng điểm kết nối trong việc phát triển phong trào Ngũ Tuần đến Brazil, Ý, và Nam Mỹ. Vào năm 1910, ông Durham đã truyền giảng chống lại sự nên thánh trọn vẹn. Sử gia William Menzies xác định rằng theo ông Durham, giáo lý này là mơ hồ và không thể được kiểm chứng với bất cứ phương thức cụ thể nào cả.

Ngược lại, ông Durham đã lý luận với một quan điểm được biết trong giới Ngũ Tuần như là giả thuyết thần học về sự nên thánh được gọi là “Công Việc Hoàn Tất ở Đời Sống”. Ông giảng dạy rằng vấn đề tội lỗi trong đời sống một Cơ Đốc Nhân đã được giải quyết với sự cải đạo và sự ứng nghiệm của công việc này trong đời sống người ấy như là một quá trình nên thánh. ⁽⁴⁾

Lập luận của ông Durham đã thuyết phục những tín hữu trước đây đã từng theo truyền thống Báp-tít như ông cũng như một số người có bối cảnh theo thần học Calvin ôn hòa. Với lập luận này của ông, một đợt thứ 2 của các hệ phái bắt đầu thành hình và trỗi dậy. Những người đã không cảm thấy thỏa lòng với giáo lý nên thánh trọn vẹn đã tự rút ra khỏi các hội thánh Ngũ Tuần trước đây

và thành lập các hệ phái, giáo hội thích hợp hơn với tín lý của họ.

Các Hội Chúng của Đức Chúa Trời [Assemblies of God]. Giáo hội nổi bật và có tầm ảnh hưởng nhất đã ra đời và phát triển từ sự tranh cãi “Công Việc Hoàn Tất ở Đồi Sọ” chính là Các Hội Chúng của Đức Chúa Trời, được tổ chức vào năm 1914 tại thành phố Hot Springs, tiểu bang Arkansas. Giáo hội này bành trướng nhanh chóng về phương Nam và ở những đô thị lớn của Hoa Kỳ. Vào thập niên 1950, giáo hội này đã đến với các thành phố nhỏ và thị trấn ở miền Trung Hoa Kỳ, và vào năm 1995, giáo hội đã báo cáo con số dưới đôi chút 1,4 triệu thành viên chính thức và 2,3 thành viên thân hữu ở Hoa Kỳ. Nhưng số lượng thành viên của Giáo hội Các Hội Chúng của Đức Chúa Trời trên thế giới còn cao hơn nhiều: trên 22 triệu thành viên.

Hội Thánh Quốc Tế của Phúc Âm Bốn Phương Trời [International Church of Foursquare Gospel]: Cô Aimee Semple McPherson, một nhà truyền giảng Phúc Âm đầy nhiệt huyết đã từng là một cộng sự viên với Đoàn Quân Cứu Rỗi [Salvation Army]. Cô được ông William Durham phong chức và từ đó phát triển một sự nghiệp truyền giảng phúc âm rất được nhiều người ngưỡng mộ với tên thật triu mến, “chị Aimee.” Vào năm 1923, chị đã dâng hiến cho Chúa Đền Thờ Angelus (Các Thiên Sứ) tại Los Angeles với 5.300 chỗ ngồi, “giáo hội mẹ” để từ đó ra đời Hội Thánh Quốc Tế của Phúc Âm Bốn Phương Trời. Bốn nguyên tắc chính yếu của giáo hội là sự nhấn mạnh về Chúa Giê-su như là Chúa Cứu Thế, Đấng ban cho Phép Báp-têm (với Đức Thánh Linh), Đấng Chữa Lành, và Vị Vua Sắp Đến. Ngày nay, Hội Thánh Quốc Tế của Phúc Âm Bốn Phương Trời có trên 2 triệu thành viên trên khắp thế giới, với hơn 224.000 sinh sống tại Hoa Kỳ. ⁽⁶⁾

Truyền Thông Ngũ Tuần Nhất Thể

Chỉ mới có vài tháng tuổi, sự yên bình của giáo hội “Các Hội Chúng của Đức Chúa Trời” đã bị lay chuyển vì một sự tranh cãi. Nhà truyền giảng Phúc Âm Frank Ewart bắt đầu truyền giảng về phép Báp-têm chỉ được cử hành nhân danh Chúa Giê-su duy nhất, chứ không nhân danh “Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh”. Điểm này được dựa trên nhiều phân đoạn của quyển Công Vụ Các Sứ Đồ mà chúng ta có thể đọc được là nhiều nhóm người “đã tin nhân danh Chúa Giê-su” và đã được nhận lãnh phép Báp-têm nhân danh Chúa. Ông Ewart và những người hậu thuẫn nền thần học của ông bắt buộc phải bảo vệ lập trường luận giải thánh kinh của họ với ánh sáng của lời lẽ đến từ chính Chúa Giê-su: “Vậy, hãy đi làm cho muôn dân thành môn đệ Ta, làm phép báp-têm cho họ nhân danh Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh...” (Mác 16:15, Ma-thi-ơ 28:19)

Với nỗ lực đưa ra bằng chứng về công thức Báp-têm của họ, những người tin theo lập luận của tín ngưỡng “Chúa Giê-su duy nhất” đã dần dần đem quan niệm nền tảng của họ về Đức Chúa Trời chuyển đổi sang sự phủ nhận giáo lý Đức Chúa Trời Ba Ngôi Hiệp Một. Các tín hữu Ngũ Tuần Thượng Đế Nhất Thể đã đi đến lập trường cho rằng giáo lý Đức Chúa Trời Ba Ngôi Hiệp Một thật sự là tín lý 3 Thượng Đế chứ không còn là một Thượng Đế duy nhất. Họ chủ trương là thiên danh thật sự của Đức Chúa Trời là “Chúa Giê-su” của một Thượng Đế duy nhất và “Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh” chỉ là *những chức tước* của Ngài. Vì thế, khi Chúa Giê-su nói về Báp-têm “nhân danh Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh”, ý nghĩa chính là *danh* của Chúa (Giê-su), còn các từ khác là *chức tước* bổ nghĩa cho danh này.

Các tín hữu Ngũ Tuần từ trước đến nay luôn luôn cho rằng những người dù đã nhận lãnh thánh lễ Báp-têm nhưng không theo đúng công thức vẫn chưa là Cơ Đốc Nhân thật sự vì họ chưa

thực hiện được mệnh lệnh của Chúa Giê-su. Hai giáo hội Ngũ Tuần Thượng Đế Nhất Thể chính hiện nay là Các Hội Chúng Ngũ Tuần của Thế Giới [Pentecostal Assemblies of the World] và Hội Thánh Ngũ Tuần Quốc Tế Hiệp Nhất [United Pentecostal Church International].

Phong Trào Ân Tứ

Nhiều nhánh của Phong Trào Ngũ Tuần đã ảnh hưởng Phong Trào Ân Tứ phát triển từ thập niên 1960. Phong trào này khởi đầu (và được nhiều người nhìn nhận) với sự tiếp nhận kinh nghiệm Ngũ Tuần của vị linh mục Thánh Công Hội (Episcopal) Dennis Bennett vào năm 1959. Thay vì gia nhập một giáo hội Ngũ Tuần, ông Bennett vẫn ở lại Thánh Công Hội Thánh Mác [St. Mark's Episcopal Church] tại thành phố Van Nuys, tiểu bang California, và lãnh đạo một phong trào phục hưng Ngũ Tuần tại hội thánh này. Cuối cùng, những người chống đối lập trường này đã tạo áp lực để ông rời bỏ hội thánh, nhưng ông Bennett chỉ mang thánh chức Ngũ Tuần của ông đến một giáo xứ Thánh Công Hội khác. Mô hình này được lập lại bởi giáo phẩm các hội thánh Tín Nghĩa (Lutheran), Giám Lý, Trưởng Lão (Presbyterian) và Công Giáo La Mã. Phong trào phục hưng Tân Ngũ Tuần đã được khởi đầu.

Các tuần báo Tân Ngũ Tuần bắt đầu xuất hiện, như *Tuần Báo Rượu Mới* [New Wine Magazine] và *Ân Tứ* [Charisma]. Các nhóm nghiên cứu Kinh Thánh và cầu nguyện bắt đầu được thành lập, và hỗ trợ rất nhiều người từ các giáo hội và hệ phái kết nối được với nhau. Các tín hữu Ân Tứ và Ngũ Tuần truyền thống thay phiên nhau giữ vai trò trong Phong Trào Dân Sự Chúa Giê-su [Jesus People Movement] trong các thập niên 1960 và 1970 với các nỗ lực truyền giảng Phúc Âm để đến với văn hóa tuổi trẻ biệt lập. Các thánh chức Ân Tứ trong các đại học cũng được phát triển.

Rất nhiều người ngạc nhiên khi tìm thấy sức mạnh của Phong Trào Ân Tứ hiện hữu bên trong Giáo Hội Công Giáo La Mã. Các trường cao đẳng và đại học Công Giáo đã trở thành những trung tâm Tân Ngũ Tuần, trung tín với tín điều của Giáo Hội nhưng tự do trong phong cách thờ phượng và vững chắc trong tín lý của phong trào đối với phép Báp-têm trong Đức Thánh Linh và trong sự khôi phục của các ân tứ đối với Giáo Hội. Ngay cả một số các học giả thần học Công Giáo cũng tham gia một cách tích cực vào phong trào phục hưng Ân Tứ.

Đầu thập niên 1990, một số ước lượng từ 50 đến 65 triệu tín hữu Công Giáo trên khắp thế giới đã có cơ hội gặp gỡ phong trào phục hưng Ân Tứ ở một điểm nào đó trong cuộc sống của họ. Và trong đó có khoảng 10 triệu tín hữu Công Giáo Mỹ. Khoảng một triệu rưỡi tín hữu Công Giáo Mỹ vẫn còn sinh hoạt vào năm 1992, đa số với 5000 nhóm nhỏ cầu nguyện và nghiên cứu Kinh Thánh.

Các Hệ Phái - Giáo Hội Ân Tứ Mới

Phong trào phục hưng Ân Tứ đã giúp thành hình nhiều hệ phái và giáo hội mới, như thời phong trào phục hưng Ngũ Tuần vào đầu thế kỷ thứ 20.

Nhà Nguyện Cavalry [Cavalry Chapel] Nhà Nguyện Calvary hay Hội Thánh Calvary khởi đầu vào năm 1965 qua thánh chức của ông Chuck Smith, người từng là mục sư Phúc Âm Bốn Phương Trời, với chương trình truyền giáo rất hiệu quả cho những người hippies đã nhanh chóng

đưa ông lên vị trí lãnh đạo phong trào Chúa Giê-su ở bờ biển miền Tây Hoa Kỳ. Hội Thánh Calvary đã ảnh hưởng rất nhiều âm nhạc Cơ Đốc đương đại qua công ty nhạc Maranatha! Music. Larry Taylor, một giáo viên của giáo hội, đã tuyên bố rằng Hội Thánh Calvary đã tự định vị mình ở vị trí trung chuyển giữa truyền thống Chính Thống và Ngũ Tuần, nhấn mạnh trên các ân tứ của Đức Thánh Linh nhưng ứng dụng một cách cân đối các ân tứ này. Vào năm 1977 Hội Thánh Calvary có khoảng 700 trên khắp thế giới, gần 600 hội chúng ở Bắc Mỹ.

Thông Công Vườn Nho [Vineyard Fellowship]. Thông Công Vườn Nho đã ra đời từ năm 1973 qua thánh chức của ông Kenn Gullikson, một mục sư của Phong Trào Chúa Giê-su. Đầu thập niên 1980, ông John Wimber đã dẫn một hội chúng rất lớn một thời đi theo Hội Thánh Calvary để gia nhập với Thông Công Vườn Nho. Với sự hậu thuẫn của ông Gullikson, ông Wimber đã trở thành lãnh đạo chính của phong trào. Thông Công Vườn Nho nhấn mạnh trên “các phép lạ và dấu lạ”, các yếu tố mầu nhiệm bao gồm sự chữa lành từ Đức Chúa Trời, khả năng đuổi quỷ và tiên tri. Vào năm 1991 Thông Công Vườn Nho có đến 330 hội thánh, đa số đều ở Bắc Mỹ.

Thánh Công Hội Ân Tứ [Charismatic Episcopal Church] Thánh Công Hội Ân Tứ tiêu biểu cho một hiện tượng đang phát triển: các hội thánh muốn khôi phục lại truyền thống công giáo rộng lớn mà vẫn duy trì đường hướng với Đức Thánh Linh. Giáo hội này được thành lập ở một hội nghị của các hội thánh độc lập được tổ chức tại thành phố Kansas vào năm 1992, và đạt đến con số 200 hội chúng vào năm 1997. Các hội thánh được quản nhiệm theo hệ thống Thánh Công Hội, và theo *Quyển Sách Cầu Nguyện Chung [the Book of Common Prayer]* phát hành năm 1929 hay 1979 cho các hội thánh Thánh Công Hội, nhưng mỗi hội thánh cũng có sự tự do chọn lựa một nghi thức thờ phượng cổ xưa nào khác theo ý muốn riêng. Cùng lúc đó, Thánh Công Hội Ân Tứ nhấn mạnh trên sự chữa lành thiên thượng và các ân tứ thuộc linh.⁽⁸⁾

Các Giáo Hội – Hệ Phái Cực Đoan ở Ngoài Vòng Đai của Phong Trào

Các Cơ Đốc Nhân vững chắc, trung hòa của những giáo hội và hội thánh Ngũ Tuần và Ân tứ thường bị bối rối, hồ thẹn với một số hội thánh ở ngoài vòng đai của Phong Trào. Rất nhiều hội thánh độc lập, hệ thống chuỗi hội thánh liên kết với nhau, hay một số hệ phái nhỏ, các nhà truyền giảng phúc âm qua đài truyền hình và một số thánh chức chuyên nghiệp đã đem đến sự hồ thẹn cho phong trào. Đa số các nhóm hay hội thánh được dẫn dắt bởi một số lãnh đạo có uy quyền với bản ngã khổng lồ. Những người này thường xây dựng một số lớn các thánh chức chỉ để làm giàu cho các lãnh đạo tổ chức của họ.

Phong Trào Chăn Bầy (the Shepherding Movement), được ông Bob Mumford phát triển trong thập niên 1960 từ các tiểu bang Florida và Alabama với hai cộng sự viên, trông như đã làm tổn thương rất nhiều tín hữu thành thật. Phong Trào Chăn Bầy đã nhanh chóng tăng trưởng đến 100.000 hội viên. *Tuần Báo Rượu Mới [New Wine Magazine]* được phát hành đến 90.000 bản (rộng lớn hơn tuần báo *Cơ Đốc Giáo Ngày Nay [Christianity Today]* vào thời đó). Tuần báo này cũng được gửi đến 120 quốc gia. Đến nửa triệu băng phát âm đã được thương mại hóa trong hai thập niên 1970 và 1980. Hệ thống truyền giảng phúc âm và phương pháp tăng trưởng hội thánh đầy kịch tính nhanh chóng được các nhóm Ân Tứ khác bắt chước như Giao Lộ [Crossroads], Các Hội Thánh Cơ Đốc Maranatha [Maranatha Christian Churches], Thông Công Cơ Đốc Nhân Giải Thoát [the Set Free Christian Fellowship] và còn nhiều nhóm khác nữa. Phong Trào Chăn Bầy đã tạo nên những môn đồ nô lệ và người máy để phục vụ phong trào, nhất là phụ nữ, nhưng không ai trông thấy điều này lúc ban đầu.

Nhưng các nạn nhân của Phong Trào Chấn Bầy đã bắt đầu trở thành một danh sách dài trên lịch chữa bệnh của rất nhiều nhà tư vấn trên khắp Hoa Kỳ. Quá tổn thương, với tâm thần rối loạn, không thể tin được ai nữa, mất đi cả sự tự trọng, theo ông David Seamands, những người này “cần phân biệt được điều thật và giả ... tôi đã thấy những thiệt hại trầm trọng về mặt tâm lý gây ra bởi những phong trào này ... Quan hệ giới hạn và áp đặt và ... từ bỏ đi sự độc lập cá nhân để cống hiến tất cả cho một mục sư hay một lãnh đạo đem đến hậu quả của sự mất đi danh tánh một người.”⁽⁹⁾

Ông Jack Hayford, mục sư Ngũ Tuần đáng kính trọng đã tuyên bố rằng “hàng ngàn mục sư như chính tôi đã phải dành bao nhiêu thời gian trong suốt 15 năm qua để diu dặt và hỗ trợ những mảnh đời tang thương, hậu quả của chân lý bị bóp méo bởi những giảng dạy cực đoan, cuồng tín và sự ứng dụng hủy hoại của hệ thống môn đồ hóa, thẩm quyền trong hội thánh và chấn bầy.”⁽¹⁰⁾

Điều các Tín Hữu Ngũ Tuần Muốn Anh Chị Biết

Vào năm 1981, ông Thomas F. Zimmerman nay đã qua đời, lúc đó còn giữ chức vụ cao nhất trong giáo hội Các Hội Chúng Đức Chúa Trời, đã gửi đến tất cả các Cơ Đốc Nhân khác thông điệp về chủ đề của các thông điệp và tín lý của truyền thống Ngũ Tuần. Vào thời điểm đó con số ước lượng của tín hữu Ngũ Tuần trên toàn thế giới là trên 50 triệu. Nhưng theo ông Zimmerman, anh em Ngũ Tuần không thể được xem như là thành công chỉ vì con số tăng trưởng của họ; các nhóm tà giáo cũng tăng trưởng cùng một lúc với các giáo hội. Ngược lại, chúng ta có thể xem sự thành công của các anh em Ngũ Tuần vì đại đa số vẫn trung tín với các tánh hạnh sau đây:

- Họ luôn luôn kính trọng Kinh Thánh trên hết mọi sự.
- Họ xác định và khẳng định sự tin chắc vào các tín lý của truyền thống Cơ Đốc.
- Họ kính trọng và thờ phượng “Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con, và Đức Thánh Linh” như nhau.
- Họ xem rất nghiêm túc Đại Mệnh Lệnh.
- Họ tìm kiếm tánh hạnh và khả năng tương tác với Đức Thánh Linh.
- Họ hợp tác với các tín hữu Cơ Đốc Truyền Giáo khác và đã góp phần vào việc thành lập Hiệp Hội Quốc Gia Cơ Đốc Truyền Giáo (National Association of Evangelicals)

Một số người “tin rằng thông điệp chính của truyền thống Ngũ Tuần là thánh lễ Báp-têm của Đức Thánh Linh và việc nói tiếng lạ,” nhưng theo ông Zimmerman đó không hẳn là thông điệp thật sự của truyền thống Ngũ Tuần. Theo ông, thông điệp chính yếu thật sự của truyền thống Ngũ Tuần là phúc âm về Chúa Giê-su Christ với khả năng cứu rỗi chúng ta khỏi tội lỗi. Ông Zimmerman xác định rằng “gần như tất cả các anh em Ngũ Tuần ngày nay đều tin rằng một người tiếp nhận đức tin nơi Chúa Giê-su đã có sự hiện hữu bên trong người ấy của Đức Thánh Linh ... Các tín hữu Ngũ Tuần xem sự khác biệt giữa thánh lễ Báp-têm Thánh Linh được ban cho các tín hữu để trở thành Thân Thể Đấng Christ (1 Cô-rinh-tô 12:13) và Đấng Christ ban cho họ Báp-têm trong Đức Thánh Linh (Ma-thi-ơ 3:11-12; Công Vụ Các Sứ Đồ 1:5)

Phong Trào Thánh Khiết Hoa Kỳ [the American Holiness Movement] và Phong Trào Ngũ Tuần nguyên thủy đã đến từ một bối cảnh xã hội như nhau. Nhưng họ đã chọn lựa những định hướng khác nhau trong những trọng điểm cốt lõi. Cũng như các giáo hội khác đang theo dõi sự phát triển của Phong Trào Ngũ Tuần / Ân Tứ, Giáo Hội Nazarene đã và vẫn tự chủ, không đưa một số các khẳng định sẵn có. Đối với một số các điểm này, chúng tôi xin mời anh chị bước sang chương



TÓM LƯỢC

CÁC TÍN HỮU NAZARENE TRONG SỰ ĐỐI THOẠI VỚI TÍN HỮU NGŨ TUẦN VÀ ÂN TỬ

Bối Cảnh Lịch Sử

Các tín hữu Nazarene và Ngũ Tuần / Ân Tử đã có một đối thoại căng thẳng từ những ngày khởi đầu của cả hai phong trào. Các tín hữu Nazarene đầu tiên cảm nhận rằng khuynh hướng cảm xúc, nói tiếng lạ, cũng như giáo lý của các tín hữu Ngũ Tuần / Ân Tử ảnh hưởng và tác hại đến khái tượng và sứ mệnh của Giáo Hội Nazarene.

Sự ra đời của Phong Trào Ân Tử vào thập niên 1960 chẳng giảm đi các căng thẳng. Tuy thế, trong những năm gần đây hai bên đã đưa ra những nỗ lực nghiêm túc để đi đến một đối thoại, dù chưa hẳn là một sự hiệp nhất thật sự.

Tín Lý Căn Bản của các tín hữu Ngũ Tuần và Ân Tử

Sự quá đa dạng hiện có ở giữa các Phong Trào Ngũ Tuần và Ân Tử khiến cho việc tổng thể hóa trở nên rất nguy hiểm, nhưng chúng ta có thể nói rằng đa số các nhóm này tin theo một số tín lý chung như sau:

1. Thẩm quyền của Kinh Thánh.
2. Sự cứu rỗi bởi ân điển qua đức tin.
3. Sự cải đạo tái sinh.
4. Thánh lễ Báp-têm với Đức Thánh Linh.
5. Ba (3) công việc của ân điển.
6. Sự nên thánh trọn vẹn (chỉ được một số giáo hội tiếp nhận).
7. Việc nói tiếng lạ như một bằng chứng của phép Báp-têm với Đức Thánh Linh và cũng là một ngôn ngữ cầu nguyện.
8. Sự phủ nhận Đức Chúa Trời Ba Ngôi Hiệp Một đối với một số tín hữu Ngũ Tuần và Ân Tử.
9. Nền thần học về sự thịnh vượng (được một số lớn tín hữu Ngũ Tuần và Ân Tử truyền giảng).

Các Điểm Tương Đồng và Khác Biệt

Các tín hữu Nazarene chia sẻ các điểm tương đồng với bốn (4) tín lý căn bản đầu tiên nêu trên nhưng quyết liệt phủ nhận các tín lý 6, 7 và 9. Họ cũng đặt nghi vấn về sự chuẩn bị của hàng giáo phẩm và sự thiếu kỷ luật của các giáo chức như là thực hành của một số cánh cực đoan của Phong Trào Ngũ Tuần và Ân Tử.

Đối Thoại Hiện Nay Giữa Các Tín Hữu thuộc Truyền Thống Wesley – Thánh Khiết và Ngũ Tuần và Ân Tử



Các mục sư đã báo cáo về việc các tín hữu một thời từng theo phong trào Ngũ Tuần và Ân Tứ hiện đang gia nhập các hội thánh Nazarene. Trong nhiều trường hợp các tín hữu này sẵn sàng từ bỏ hay hạn chế việc giảng dạy về thực hành nói tiếng lạ.

Vào năm 1998, Hiệp Hội Thần Học Wesley [the Wesleyan Theological Society] và Hiệp Hội Nghiên Cứu Ngũ Tuần đã tổ chức một hội thảo hợp chung. Các học giả của đôi bên đã nghiên cứu các điểm tương đồng và khác biệt của hai truyền thống. Hiện giờ còn quá sớm để nói đến mức độ nào đôi bên có thể hợp tác và đồng hành với nhau.



**Phong trào đó liên kết một cách thật lạ lùng và sâu sắc
với thời đại hậu hiện đại, trong sự đi tìm giải thoát siêu duy lý
hay dưới mức duy lý khỏi lý trí, khoa học và công nghệ kỹ thuật.**

CHƯƠNG 15

TÍN HỮU NAZARENE TRONG SỰ ĐỔI THOẠI VỚI TÍN HỮU NGŨ TUẦN VÀ ÂN TỬ

MỘT ĐIỀU CHẮC CHẴN – Các tín hữu theo truyền thống Truyền Giáo Phúc Âm có thể học hỏi rất nhiều từ Phong Trào Ngũ Tuần / Ân Tử. Họ đã viết sách về sự tăng trưởng của hội thánh, dù theo văn phong ẩn dụ hay nguyên văn. Khoảng 60 phần trăm của các quyển sách Cơ Đốc bán trên thị trường đã được các tín hữu Ngũ Tuần / Ân Tử đặt mua. Họ cũng có thể đào tạo các giáo hội khác về sự truyền giáo đầy nhiệt huyết. Và có nhóm nào có thể biến tín ngưỡng thành một tôn giáo cá nhân và trực tiếp hơn Phong Trào Ngũ Tuần / Ân Tử? Họ có thể kết nối với những người trên đường phố, với sự trải nghiệm tôn giáo có ý nghĩa hơn đối với những người này.

Anh chị em Ngũ Tuần / Ân Tử trong Đấng Christ của chúng ta thường là những mẫu mực về sự nên thánh. Họ đã giảng dạy cho mọi người cách thờ phượng với sự nhiệt tình và trong niềm vui như khi dự một lễ hội. Họ là những người cầm ngọn cờ đi tiên phong với việc tìm kiếm sự dẫn dắt của Đức Thánh Linh, trong sự thờ phượng cũng như trong cuộc sống.

Tuy vậy, trong tất cả những điều này vẫn có một điều trong nền thần học và thực hành của các tín hữu Ngũ Tuần / Ân Tử khiến chúng ta phải khó chịu, bối rối. Các tín hữu Nazarene cũng như các tín hữu của các giáo hội khác đã quan sát sự ra đời và tăng trưởng, trưởng thành của Phong Trào Ngũ Tuần / Ân Tử và đã phủ nhận một số các tín lý và quan niệm của họ.

Những Đánh Giá Đầu Tiên của Giáo Hội Nazarene

Thế hệ đầu tiên các tín hữu Nazarene đã chứng kiến sự trỗi dậy của phong trào Ngũ Tuần. R. L. Averill, một nhà truyền giảng Phục Hưng phương Nam, đã xuất bản một báo cáo đầu tiên của Phong Trào Đức Tin Theo Truyền Thống Các Sứ Đồ [the Apostolic Faith Movement] tại vùng Houston, mà ông đã quan sát vào năm 1906: “Chúng ta đang ở giữa một phong trào mới ... Về mặt giáo lý thì họ vẫn chưa định nghĩa rõ tuyên xưng đức tin của họ, trong khi đã có một số cho rằng chúng ta cần phải được cải đạo và thánh hóa, và sau đó tiếp nhận phép Báp-têm của Đức Thánh Linh, luôn luôn với việc nói những ngôn ngữ khác (tiếng lạ) như là bằng chứng; còn một số khác thì khẳng định rằng một tội nhân có thể được tha thứ một lần duy nhất và cùng một lúc được nên thánh trọn vẹn và nhận lãnh phép Báp-têm [với Đức Thánh Linh] và có được ân tứ nói tiếng lạ. Tôi đã thấy điều đó ở thành phố Oxford ... Thật sự chúng ta đang sống trong một thời đại di chuyển quá nhanh chóng.”

Ông Averill ghi nhận “có những người tốt và thánh hóa, tận tâm với chính nghĩa ở giữa họ” nhưng ông cũng kết luận là một số khác “không được hẳn như thế”, và nói thêm rằng: “Tôi chưa

biết có một dân sự nào bị phân tranh như thế. Trông như họ chỉ có một điểm tương đồng duy nhất là mọi người phải nói tiếng lạ.” Sự phán xét của ông là: “Công việc này không mang dấu ấn thuộc linh sâu đậm trong tâm trí của tôi.”

Mặc dù hai phong trào Thánh Khiết và Ngũ Tuần có nguồn gốc và bối cảnh chung cũng như quan hệ họ hàng anh em nhưng các quan điểm đối lập về bản chất về công việc của Đức Thánh Linh đã cách biệt hai truyền thống. Các tín hữu Nazarene đầu tiên đã phủ nhận thông điệp Ngũ Tuần - Thánh Khiết vì

- Thông điệp này giảng dạy về phép Báp-têm của Đức Thánh Linh hoàn toàn cách biệt với sự nên thánh trọn vẹn và là công việc thứ ba của ân điển.
- Tập trung vào các ân tứ của Đức Thánh Linh thay vì tập trung vào chính Đức Thánh Linh mà sự nên thánh trọn vẹn được hướng về như chủ đích.
- Nhấn mạnh trên việc nói tiếng lạ như là “bằng chứng đầu tiên” của Báp-têm với Đức Thánh Linh.

Hoàn toàn theo truyền thống Wesley, các tín hữu Nazarene đầu tiên tin nơi sự làm chứng bên trong (nội tâm) và bên ngoài bởi Thánh Linh của Đức Chúa Trời với sự cải đạo và nên thánh trọn vẹn. Sự làm chứng của nội tâm (tâm lòng): một sự tin chắc thẳm lạng nơi ân điển của Đức Chúa Trời. Sự làm chứng bên ngoài: không phải tiếng lạ hay bất cứ hiện tượng lạ nào khác, mà là sự sống thật sự thánh khiết như là một sự làm chứng chắc chắn và chính xác cho những người khác.

Và các tín hữu Nazarene đầu tiên cũng còn có một lý do khác để phủ nhận tín lý của phong trào Ngũ Tuần: họ không sợ cảm xúc bên trong, nhưng họ xem các hình thức khác biệt của Ngũ Tuần như là sự sai lầm và là một khuynh hướng cảm xúc của nhân bản luận. Họ thường nói đến việc nói tiếng lạ, lời tiên tri và “sự luận giải tiếng lạ” của Ngũ Tuần như là “ảo tưởng.”

Cuộc Đối Thoại Đương Đại

Chắc chắn là Phong Trào Thánh Khiết (trong đó có các tín hữu Nazarene) và Phong Trào Ngũ Tuần / Ân Tứ thường không xem nhau như là anh chị em trong Đấng Christ. Đôi khi quan hệ của họ, như sự xung đột xảy ra trong một gia đình, rất căng thẳng và hiềm khích nhau. Ngày nay thì mọi sự khả quan hơn nhưng hai phong trào, như hai anh em mỗi người theo một con đường khác nhau, vẫn còn cách xa nhau trong một số các vấn đề.

Những Khác Biệt về Giáo Lý

Có ít nhất tám (8) khác biệt về mặt giáo lý luôn hiện hữu giữa các tín hữu Nazarene và Phong Trào Ngũ Tuần/ Ân Tứ.

1. **Giáo lý Ba Ngôi Hiệp Một.** Các tín hữu Ngũ Tuần “Chúa Giê-su Duy Nhất” hay “Đức Chúa Trời nhất thể” phủ nhận giáo lý Ba Ngôi Hiệp Một. Không có gì có thể được xem là phản chính thống giáo hơn một giáo lý như thế đối với tất cả các Cơ Đốc Nhân chính thống, trong đó có các tín hữu Nazarene.
2. **Thánh lễ Báp-têm.** Vấn đề chính của chúng tôi ở đây là sự giảng dạy của các tín hữu Ngũ Tuần “Đức Chúa Trời nhất thể” đối với người cải đạo phải nhận lãnh thánh lễ Báp-têm nhân danh “Chúa Giê-su” duy nhất. Những ai đã tiếp nhận thánh lễ Báp-têm nhân

danh Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con, và Đức Thánh Linh (thể thức Cơ Đốc căn bản từ 2000 năm qua), theo các tín hữu Ngũ Tuần “Đức Chúa Trời nhất thể” này không phải là Cơ Đốc Nhân.

3. **Ba Công Việc của Ân Điển.** Ngay cả các tín hữu Ngũ Tuần đồng ý với các tín hữu Nazarene về giáo lý của sự nên thánh trọn vẹn như là công việc cụ thể thứ hai của Đức Thánh Linh cũng thêm vào một công việc thứ ba – phép Báp-têm với Đức Thánh Linh. Chúng tôi, tín hữu Nazarene, giảng dạy rằng Thánh Linh là một phần của sự nên thánh trọn vẹn chứ không phải là công việc thứ ba.
4. **Sự Nên Thánh Trọn Vẹn.** Chúng tôi giảng dạy rằng sự nên thánh trọn vẹn đến sau sự cải đạo và với sự trải nghiệm này tâm lòng sẽ được thanh tẩy khỏi mọi tội lỗi. Nhiều hội thánh Ngũ Tuần/ Ân Tứ giảng dạy rằng công việc thứ hai của ân điển với nghị lực Đức Thánh Linh trao cho một Cơ Đốc Nhân cho thánh chức, nhưng lại phủ nhận rằng nguyên tội đã được thanh tẩy.
5. **Việc Nói Tiếng Lạ.** Một sự đe dọa thường trực đối với sự giảng dạy của giáo hội Nazarene về các bông trái của Thánh Linh chính là việc nói tiếng lạ, như đã được ghi chép trong quyền Công Vụ Các Sứ Đồ và những nơi khác trong Tân Ước, như là ân tứ nhiệm mầu để nói những ngôn ngữ hiện có. Đó là điều hiển nhiên trong câu chuyện xảy ra trong Lễ Ngũ Tuần (Công Vụ Các Sứ Đồ chương 2) và được lặp lại trong các phân đoạn khác trong quyển sách này khi nói đến “việc nói các ngôn ngữ”. Các tín hữu Ngũ Tuần đầu tiên cũng có quan điểm tương tự cho đến khi họ khám phá ra việc họ không có khả năng truyền đạt thông tin với những người nói những ngôn ngữ khác qua “ân tứ ngôn ngữ” của họ.
 Bối cảnh khi việc nói các ngôn ngữ khác đã xảy ra có liên quan đến ân tứ Thánh Linh được ban cho một nhóm môn đồ người Do-thái mới tin nhận Chúa Giê-su (chương 2), cũng như cho gia đình một binh lính La-mã tên Cốt-nây (chương 10), và cho những tín hữu ở thành phố Ê-phê-sô (chương 19). Với ý nghĩa căn bản nhất, việc ban cho ân tứ hiểu và nói các ngôn ngữ vào dịp lễ Ngũ Tuần đã đánh dấu sự kiện Đức Thánh Linh đã chấp nhận mọi dân tộc và chủng tộc trong Hội Thánh Cơ Đốc mới được thành lập. Các phân đoạn về sau trong quyển Công Vụ Các Sứ Đồ nói về việc ân tứ ngôn ngữ được ban cho cũng tập trung vào một trọng tâm này: lễ Ngũ Tuần đã được tạo lại ở giữa những nhóm người khác nhau trước đó đã bị ngăn cách bởi pháp luật với các tín hữu Cơ Đốc Do-thái.
 Chúng tôi, tín hữu Nazarene, giảng dạy rằng “ân tứ ngôn ngữ liên quan đến tặng phẩm mầu nhiệm của nhiều ngôn ngữ được ban cho vào Ngày Ngũ Tuần. Vào ngày trọng đại đó Hội Thánh đã có quyền năng vượt qua tất cả rào cản ngôn ngữ. Những người đã hiện diện tại đó rất ngạc nhiên vì mỗi người đã có thể nghe được Phúc Âm truyền giảng trong chính tiếng nói của mình. (Công Vụ Các Sứ Đồ 2:6,8) Sự nhiệm mầu đặc biệt này là sự mặc khải về ước muốn của Đức Chúa Trời đụng chạm đến mỗi người ở khắp mọi nơi qua ngôn ngữ và văn bản. Ngôn ngữ là công cụ truyền đạt chân lý của Đức Chúa Trời.”⁽²⁾

Chỉ có trong tín thư gửi đến các tín hữu ở thành phố Cô-rinh-tô mà “các ngôn ngữ” được nói đến như một khía cạnh của sự thờ phượng. Phong Trào Ân Tứ, từ điểm này, đã sử dụng ân tứ ngôn ngữ để tạo nên một ngôn ngữ cầu nguyện cá nhân.

Nhưng sứ đồ Phao-lô có thật sự nói đến ý nghĩa quảng bá ngôn ngữ (tiếng lạ) như một ân tứ thuộc linh, hay đúng hơn ông đã cố gắng giới hạn việc áp dụng quá đáng ân tứ này? Các Cơ Đốc Nhân có thể có lý do hợp lý để không đồng ý với nhau về cách luận giải những lời lẽ của sứ đồ Phao-lô, nhưng sự giảng dạy của giáo hội Nazarene về điểm này rất rõ: sứ đồ Phao-lô đã khẳng định là mặc dù ông nói trong các tiếng lạ còn nhiều hơn các tín hữu ở thành phố Cô-rinh-tô, ông thà nói 5 từ trong một tiếng nói mọi người có thể hiểu còn hơn nói 10.000 từ trong một tiếng nói mà người nghe không thể hiểu được (1 Cô-rinh-tô 14:18-19). Tại sao thế? Vì sự rõ ràng mới phổ biến được Phúc Âm về Chúa Giê-su còn sự hỗn loạn chỉ làm cản trở sự phát triển của Phúc Âm.

Thật ra đó là một việc rất khó để hiểu biết được, chứ chưa nói đến việc chứng tỏ chính xác ân tứ ngôn ngữ hay tiếng lạ trong Tân Ước chính xác là gì. Đó là một ân tứ Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta. Đó có phải chẳng một ân tứ giúp mọi người làm chứng mà không bị giới hạn bởi rào cản của ngôn ngữ? Hay đó là những từ vựng được lắm bầm nhưng không ai hiểu được như trong các giáo phái huyền bí của Hy-lạp cổ đại? Đó là một ân tứ huyền bí, phi phạm hay là một ngôn ngữ thiên thượng chỉ có các thần thánh hay thần linh mới hiểu được?

Không ai có thể chứng tỏ được điều đó. Sự huyền bí bao quanh sự thực hành, trọng tâm chân lý và ý nghĩa của ân tứ ngôn ngữ - tiếng lạ. Vì việc nói ngôn ngữ - tiếng lạ rất khó có thể giải thích và chứng tỏ, chúng ta có lẽ nên thận trọng đừng làm điều này thành một tín lý căn bản hay một nền tảng của một nền thần học. Đương nhiên là các tín hữu Nazarene đã phủ nhận sự nhấn mạnh của phong trào Ngũ Tuần – Ân Tứ về việc nói tiếng lạ như một bằng chứng của phép Báp-têm với Đức Thánh Linh. Quyền *Cầm Nang* (Giáo Hội Nazarene) đã xác định,

“Giáo Hội Nazarene tin rằng Đức Thánh Linh làm chứng cho sự tái sinh và sau đó công việc thanh tẩy hay sự nên thánh trọn vẹn, hay sự đầy đầy Thánh Linh, chính là sự thanh tẩy nguyên tội của tâm lòng bởi đức tin như đã được xác định trong phân đoạn Công Vụ Các Sứ Đồ 15:8-9: “Đức Chúa Trời là Đấng thấu hiểu lòng dạ loài người đã xác nhận Ngài tiếp nhận họ bằng cách ban Đức Thánh Linh cho họ, cũng như cho chúng ta ngày trước; Ngài không phân biệt chúng ta với họ, nên đã tẩy sạch lòng họ vì họ tin nhận Ngài.” Và sự thanh tẩy này được thể hiện qua bông trái của Thánh Linh với một đời sống thánh khiết ...

Để khẳng định rằng ngay cả một bằng chứng cụ thể, hiển hình hay trên giả thuyết, hay “ngôn ngữ cầu nguyện” là một bằng chứng của phép Báp-têm với Đức Thánh Linh là đi ngược với Kinh Thánh và vị trí lịch sử của giáo hội. ⁽³⁾

6. **Giáo lý về Đức Thánh Linh.** Giáo Hội Nazarene đã chứng kiến sự trỗi dậy của phong trào Ngũ Tuần và với các giáo hội kinh điển của truyền thống theo thần học Wesley đã phủ nhận rất nhiều các tín lý của phong trào này về bản chất của vai trò Đức Thánh Linh trong sự cứu rỗi. Thế thì chúng tôi giảng dạy gì về Đức Thánh Linh? Một lược giải rất

hay đã được tìm thấy trong quyển sách *Ân Điển, Đức Tin và sự Thánh Khiết* của tác giả H. Ray Dunning [*Grace, Faith, and Holiness*]. Chúng tôi tin rằng

- Mỗi người đã được Đức Thánh Linh phục hồi một phần nào đó quyền tự do lựa chọn và quyết định (sự tự do ý chí) đã mất đi với nguyên tội.
- Đức Thánh Linh chuẩn bị mỗi người trong chúng ta cho sự cứu rỗi bằng cách làm cho chúng ta ý thức và nhận thức tội lỗi của chúng ta trước Đức Chúa Trời.
- Đức Thánh Linh là Đấng Tạo Dựng và Ban Cho đức tin, và cũng ban cho đức tin xung công chính vào khoảnh khắc của sự cải đạo và trong suốt hành trình của một Cơ Đốc Nhân.
- Đức Thánh Linh đổi mới nội tâm chúng ta vào thời điểm cải đạo qua sự tái sinh hay tái thiết, khôi phục với sự thiết lập một đời sống nội tâm thuộc linh mới.
- Đức Thánh Linh đảm bảo chúng ta là mọi tội lỗi của chúng ta đã được tha thứ và bây giờ chúng ta đã trở thành những đứa con của Đức Chúa Trời.
- Đức Thánh Linh là Đấng Hỗ Trợ năng động trong sự nên thánh dần dần hay sự trưởng thành trong sự thánh khiết với sự đổi mới liên tục bởi Đức Chúa Trời với con người chúng ta trong hình ảnh của Ngài.
- Đức Thánh Linh là Đấng Hỗ Trợ năng động trong sự nên thánh trọn vẹn của các tín hữu với tấm lòng của chúng ta được đầy đầy tính yêu thương của Đức Chúa Trời.
- Đức Thánh Linh ngự trị trong chúng ta chính là nền tảng của niềm hy vọng phục sinh của chúng ta (Rô-ma 8:11)

Ông Dunning đã ghi lại hai sai trật về Đức Thánh Linh mà các nhóm Cơ Đốc thường vấp phải. Sự sai trật đầu tiên là tự rút vào sự trú ẩn bên trong tinh thần luật pháp và đóng băng lại Đức Thánh Linh. Sứ đồ Phao-lô đã chống lại sự sai trật này đã xảy ra ở giữa các hội thánh ở thành phố Ga-la-ti. Sự sai trật còn lại là rơi vào sự phóng toán. Đó là sự sai trật mà sứ đồ Phao-lô cũng chống lại tại hội thánh Cô-rinh-tô. Ông đã liệt kê các ân tứ thuộc linh mà các Cơ Đốc Nhân ở hội thánh này tự hào hưởng được, việc nói các ngôn ngữ - tiếng lạ và khả năng luận giải các ngôn ngữ - tiếng lạ này, khả năng nói tiên tri, và sự thông sáng thuộc linh, và ông vẫn xác định là họ thiếu trọng tâm: tình yêu thương thiên thượng trong tấm lòng và đời sống của một người, điều quan trọng hơn nhiều và còn tồn tại lâu bền hơn các ân tứ Thánh Linh.

7. **Các Dấu Lạ và Phép Lạ Chữa Lành.** Một số các nhóm Ngũ Tuần – Ân Tứ thường quảng bá các dấu lạ và phép lạ, màu nhiệm. Điều này thường dẫn đến sự cảm xúc, một số điều được xem là phép lạ và cuối cùng chỉ dẫn đến sự thất vọng và vỡ mộng cho các tín hữu. Nhấn mạnh quá đáng về phép lạ chữa lành bệnh thường dẫn đến việc không chấp nhận sự điều trị y khoa đúng đắn. Một số nhóm tuyên bố rằng Đức Chúa Trời bắt buộc phải chữa lành bệnh mỗi một người bệnh nếu đức tin của người này là thành thật. Một báo cáo cho biết một giáo phái tại tiểu bang Indiana mang trách nhiệm “một trường hợp tử vong có thể tránh được mỗi tháng” trong suốt 15 năm vì giáo phái này ngăn cấm các thành viên điều trị bệnh theo các phương pháp y khoa.⁽⁵⁾ Theo giáo phái này họ chỉ cần cầu nguyện là đủ. Đây là một hội thánh độc lập lãnh đạo bởi một mục sư bội đạo và

sự lạm dụng uy quyền của ông không thể được xem là điều chung đối với một giáo hội nào.

Điều khoản về sự chữa lành thiên thượng của băng tuyên xưng đức tin của giáo hội Nazarene được đưa ra vào thời điểm của sự “phục hưng về phép lạ chữa lành bệnh”. Và xác định với mọi người là các tín hữu Nazarene sẽ sử dụng sự điều trị y khoa cũng như cầu nguyện khi gặp phải bệnh tật.

8. **Nền Thần Học tập trung vào sự Thịnh Vượng.** Một số nhóm Ngũ Tuần / Ân Tứ và các nhà truyền giảng, nhất là những người truyền giảng qua đài truyền hình thường truyền giảng là sự thịnh vượng tài chính đều được dành cho mọi con cái của Đức Chúa Trời, nhất là khi các tín hữu gửi tiền dâng hiến cho họ ngay ngày hôm đó! Chúng tôi tin rằng bước theo Đức Chúa Trời với hết tấm lòng của một người không nhất thiết sẽ làm cho người đó trở nên giàu có. Cũng thế, một tài khoản ngân hàng đáng kể không thể là một sự làm chứng cho sự ban phước từ Đức Chúa Trời hay là sự tiến bộ về vị trí thuộc linh của một người với tên người đó được ghi trong sổ sách. Chúng ta có thể hỏi vậy chứ Chúa Giê-su, Sứ đồ Phao-lô, người anh em Lawrence hay mẹ Teresa giàu có đến đâu?

Những Khác Biệt Trong Thực Hành và Triết Lý

Mỗi truyền thống tôn giáo đều có các khuyết điểm. Các tín hữu Nazarene, như chúng ta đã thấy trong chương 1, đã biết phòng thủ chống lại tinh thần luật pháp và sự mất đi của việc xưng tội một cách đúng đắn. Một số các khuyết điểm có thể tiên đoán được cũng đánh dấu phong trào Ngũ Tuần và Ân Tứ.

1. **Tư Duy Chống Duy Trí.** “Điều duy nhất còn tồi tệ hơn một cựu Cơ Đốc Nhân [đầy kinh nghiệm] chính là một Cơ Đốc Nhân có kiến thức,” mục sư Ân Tứ Phil Aguilar của Thông Công Cơ Đốc Nhân Được Giải Thoát [the Set Free Christian Fellowship] đã tuyên bố. ⁽⁶⁾ Một môn đồ trẻ tuổi với hành trang kiến thức khi tham gia hội thánh La Puerta của ông Wayland Mitchell, Giáo Hội Thông Công Cơ Đốc [Christian Fellowship Church] được mục sư của anh gọi anh là “một kẻ ngu ngốc có kiến thức với một tỷ số thông minh (IQ) cao.” ⁽⁷⁾

Các tín hữu Nazarene cũng đã gặp và phải đối đầu với tư duy chống duy trí này. Khi giáo hội trẻ mới được thành lập, thế giới của họ cũng bị lay chuyển và sụp đổ với hệ thống phản luận Kinh Thánh của Đức quốc, thuyết tiến hóa của Darwin, cũng như triết lý thực dụng của Dewey (“Chân lý là điều có thể ứng dụng”) và nền thần học hiện đại. Khi các tín hữu Nazarene đầu tiên nghiên cứu và đánh giá chiến trận này, họ đã trông thấy những người làm tổn hại những gì họ luôn luôn tin về nguồn gốc của con người, thiên nhiên và định mệnh của Kinh Thánh, Cơ Đốc Giáo, thường là những người có thể đọc tiếng Hy-lạp và La-tinh, những người tốt nghiệp đại học. Phản ứng tự nhiên có thể tiên đoán được của họ là tư duy chống lại duy trí. Họ không còn tin nơi một nền giáo dục không có sự quản nhiệm của giáo hội. Khuynh hướng chống lại duy trí là một khuyết điểm chúng tôi cùng chia sẻ với các bạn của phong trào Ngũ Tuần / Ân Tứ.

2. **Sự Chứng Nghiệm Tôn Giáo Trả Giá Bằng Tư Duy Thận Trọng.** Sự nhấn mạnh quá đáng về sự chứng nghiệm tôn giáo ở giữa các nhóm Ngũ Tuần / Ân Tứ đem đến hậu quả của sự mất đi hoàn toàn tính suy luận và lý luận. “Anh chị có được sự chứng nghiệm và giáo lý sẽ không làm phiền anh chị.” Một số người cho rằng các tín hữu Nazarene cũng đã phải đối phó với khuyết điểm này nhưng trông như họ đã đạt đến phần nào tiến bộ về sự cân bằng giữa tư duy phản luận và sự chứng nghiệm tôn giáo hơn một số nhóm Ngũ Tuần / Ân Tứ. Khi kinh nghiệm gây ngất tâm linh, cảm xúc mạnh, và việc nói tiếng lạ trở thành sự tập trung trong tín ngưỡng, sự suy luận và lý luận không còn có ảnh hưởng.

3. **Sự Chuẩn Bị và Kỷ Luật của Hàng Giáo Phẩm.** Tinh thần chống hệ thống duy trí đã đem đến hậu quả của sự thiếu chuẩn bị và giáo dục đúng đắn cho thánh chức mục vụ. Sự nghiên cứu của ông Enroth về các hội thánh đã đi quá đáng trong Phong Trào Ân Tứ cho thấy rõ ràng là các mục sư của các hội thánh này có rất ít kiến thức và học vấn để đảm trách thánh chức của họ. Đối với một số lớn các hội thánh này, “Giáo dục về thần học duy nhất được cho phép đối với những người được kêu gọi cho thánh chức mục vụ chỉ đến từ vị mục sư trưởng hay những người thân cận “nhân bản” của ông.”⁽⁸⁾

Tuần báo *Cơ Đốc Giáo Ngày Nay* [*Christianity Today*] ghi nhận rằng sự phục hưng Ân Tứ ở Nam Mỹ đã tạo được 175.000 mục sư không có một ngày đào tạo, giáo dục về thánh chức mục vụ.⁽⁹⁾ Vì thế mà chúng ta đã phải đối diện với một thập niên của những nan đề. Chúng tôi tin chắc rằng thế kỷ thứ 21 sẽ đòi hỏi sự hiện hữu của các mục sư với một trình độ học vấn – kiến thức cao hơn các mục sư so sánh với trình độ học vấn – kiến thức căn bản như ngày nay. Vì một lý do nào đó, Phong Trào Ân Tứ đã đào tạo một thế hệ các mục sư thật kiêu căng, không tuân thủ và có trách nhiệm đối với bất cứ ai. “Mọi người làm theo cách của tôi, hay mời anh chị ra khỏi hội thánh của tôi,” một mục sư đã tuyên bố.⁽¹⁰⁾ “Đức Chúa Trời muốn anh chị làm theo những gì tôi bảo anh chị phải làm ... nếu không làm như thế, anh chị đã đi chống lại chính Đức Chúa Trời,” một mục sư khác cũng tuyên bố như thế.

Trông như không ai có thể kỷ luật được các mục sư kiêu căng này. Và dù các hành vi của họ không thể làm ảnh hưởng đến các thành viên chính chắn của các hội thánh Ân Tứ, những người quan sát cũng đặt câu hỏi: có điều gì đó trong thông điệp hay phương pháp của phong trào này khiến cho việc lạm dụng thánh chức mục vụ trở nên một điều có thể xảy ra, nhất là đối với những người bị dẫn dắt đi lệch hay sai hướng, những người chỉ phối những người khác, hay những người vô lương tâm? Ông Enroth nghĩ như thế. Thí dụ, dù ông không lên án Thông Công Vườn Nho [Vineyard Fellowship] với những sự lạm dụng, ông ghi nhận rằng cấu trúc tổ chức, các quy trình của giáo hội và sự nhấn mạnh trên quyền năng và các dấu lạ, phép lạ khiến cho tổ chức rất dễ bị ảnh hưởng đối với sự lạm dụng và chi phối. Trong số những người trông như bất cần kỷ luật có một số nhà truyền giảng trên đài truyền hình đã làm ô danh phúc âm và Hội Thánh với sự phạm tội tà dâm, lạm dụng về tài chính và lừa đảo, ly dị và lập gia đình nhiều lần.

- **Sự Chia Rẽ.** Phong Trào Ân Tứ rất chia rẽ một cách lạ thường. Nhưng họ còn mang tinh thần chia rẽ này đến những thông công khác và làm cho các thông công đó có nguy

cơ sụp đổ hoàn toàn. Khi một nhóm nhỏ tín hữu Ân Tứ gia nhập một hội thánh không phải là Ân Tứ, chắc chắn sẽ có hơn cả sự lo lắng và sợ hãi cho sự hiệp nhất của hội thánh này. Thường thì những người với ân tứ tiếng lạ cảm nhận ân tứ này đến mức độ không thể kềm chế và có nhu cầu phải chia sẻ ân tứ tiếng lạ này với những người chung quanh họ trong hội thánh. Các tín hữu Nazarene nói chung không cảm nhận đó là nhiệm vụ của họ phải trà trộn vào hàng ngũ của các anh em Ngũ Tuần để thay đổi giáo lý của họ. Nhưng ngược lại đó không hẳn là thái độ của các anh em Ngũ Tuần. Ngay cả ở đại hội đồng năm 1997 tại thành phố San Antonio, những người ngoan cố về ân tứ tiếng lạ đã dùng hết nỗ lực để “truyền giáo” cho 1.100 đại biểu đến mức độ “làm báp-têm” về một số thể loại ân tứ nói tiếng lạ.⁽¹¹⁾

Tuy vậy chúng tôi cũng có bằng chứng về sự suy giảm của vấn đề này. Một số mục sư Nazarene đã báo cáo về việc một số các tín hữu từng là thành viên các hội thánh Ngũ Tuần / Ân Tứ gia nhập Giáo Hội Nazarene. Nhiều người vẫn còn tin nơi tiếng lạ hay thực hành “một ngôn ngữ cầu nguyện” nhưng họ biết giữ sự thận trọng và kềm chế để không cho các vấn đề trở nên một sự tranh chấp và luôn luôn trung tín trong sự hỗ trợ vị mục sư và hội thánh.

Khi nghiên cứu các lãnh vực chúng tôi không đồng ý với các bạn Ngũ Tuần / Ân Tứ, và để trích dẫn lời của Hội Đồng Tổng Quản Nhiệm, “chúng tôi không muốn là sự đặt nghi vấn trên sự thành thật hay chính trực của những người khác biệt với chúng tôi về những vấn đề này. Chúng tôi nhìn nhận tất cả những ai hiện hữu trong Đấng Christ như là anh em trong thân thể hoàn vũ của Ngài và chúng tôi sẵn sàng bắt tay thông công Cơ Đốc với họ.”⁽¹²⁾



PHỤ LỤC

ĐIỀU KHOẢN BẢN TUYÊN XƯNG ĐỨC TIN

I. ĐỨC CHÚA TRỜI BA NGÔI HIỆP MỘT

1. Chúng tôi tin nơi một Đức Chúa Trời tự hữu hằng hữu, Thượng Đế vô hạn Đấng Sáng tạo và Đấng Chí cao Tể trị trên cả vũ trụ; Ngài là thánh khiết trong mọi khía cạnh. Ngài là tình yêu và ánh sáng thiên thượng. Chúa có một không hai và là Ba ngôi hiệp một được mặc khải như là Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con, và Đức Thánh Linh.

(Sáng Thế 1; Lê-vi 19 :2; Phục Truyền 6 :4-5; I-sa 5 :16; 6 :1-7; 40 :18 3; Ma-thi-ơ 3 :16-17; 28 :19-20; Giăng 14 :6-27; 1 Cô-rinh-tô 8 :6; 2 Cô-rinh-tô 13 :14; Ga-la-ti 4 :4-6; Ê-phê-sô 2 :13-18; 1 Giăng 1:5; 4:8)

II. CHÚA GIÊ-SU CHRIST

2. Chúng tôi tin nơi Chúa Giê-su Christ, ngôi vị thứ hai của Đức Chúa Trời Ba ngôi hiệp một, Ngài hằng hữu trong sự hiệp nhất với Đức Chúa Cha. Ngài được thai dựng bởi Đức Thánh Linh và sanh bởi trinh nữ Ma-ri. Chúa Giê-su không phải là một con người hóa thân thành Đức Chúa Trời và Ngài cũng không đơn giản là Đức Chúa Trời xuất hiện trong hình hài con người. Thay vào đó, Ngài vừa là Đức Chúa Trời trọn vẹn mà cũng là con người trọn vẹn: cả hai bản thể hiệp nhất, Đức Chúa Trời mà cũng là Con người. Chúng tôi tin rằng Chúa Giê-su Christ đã chết cho tội lỗi của chúng ta, Ngài đã sống lại từ cõi chết với một cơ thể con người toàn vẹn. Ngài đã thăng thiên lên Thiên đàng và bây giờ Ngài đang cầu thay cho chúng ta.

(Ma-thi-ơ 1 :20-25; 16 :15-16; Lu-ca 1 :26-35; Giăng 1:1-18; Công Vụ 2 :22-36; Rô-ma 8 :3, 32-34; Ga-la-ti 4 :4-5; Phi-líp 2 :5-11; Cô-lô-se 1 :1222; 1 Ti-mô-thê 6 :14-16; Hê-bơ-rơ 1 :1-5; 7:22-28; 9 :24-28; 1 Giăng 1 :13; 4 :2-3, 15)

III. ĐỨC THÁNH LINH

3. Chúng tôi tin nơi Đức Thánh Linh, ngôi vị thứ ba của Đức Chúa Trời Ba ngôi hiệp một và Ngài tiếp tục làm việc trong Hội thánh Đấng Christ. Ngài định tội thể gian về tội lỗi, và ban đời sống mới cho những ai ăn năn và có đức tin. Ngài thánh hóa các tín hữu, và dẫn dắt họ trong tất cả các lẽ thật trong Chúa Giê-su.

(Giăng 7 :39; 14 :15-18, 26; 16 :7-15; Công Vụ 2 :33; 15 :8-9; Rô-ma 8 :127; Ga-la-ti 3 :1-14; 4 :6; Ê-phê-sô 3 :14-21; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4 :7-8; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2 :13; 1 Phê-rơ 1 :2; 1 Giăng 3 :24; 4: 13)

IV. KINH THÁNH

4. Chúng tôi tin nơi sự thần cảm tuyệt đối và toàn vẹn của Kinh Thánh. Chúng ta hiểu rằng 66 quyển sách của Cựu Ước và Tân Ước mặc khải cho chúng ta tất cả mọi điều cần biết về sự cứu rỗi. Tất cả những điều khoản của đức tin phải dựa trên nền tảng Kinh Thánh.

(Lu-ca 24 :44-47; Giăng 10 :35; 1 Cô-rinh-tô 15 :3-4; 2 Ti-mô-thê 3 :1517; 1 Phê-rơ 1 :10-12; 2 Phê-rơ 1 :20-21)



V. TỘI LỖI, NGUYÊN TỘI VÀ TỘI LỖI CÁ NHÂN

5. Chúng tôi tin rằng tội lỗi đã vào thế gian bởi sự bất tuân Chúa của tổ phụ đầu tiên chúng ta, tội lỗi của họ đã mang đến sự chết. Chúng tôi tin tội lỗi có hai loại: nguyên tội và kỷ tội.

5.1. Chúng tôi tin rằng bởi tội lỗi của tổ phụ đầu tiên của chúng ta, A-dam và Ê-va, tất cả chúng ta đều được sinh ra với bản chất băng hoại. Bản chất tội lỗi này làm mọi người sống cách xa với sự chính trực nguyên thủy mà sự chính trực này đã tồn tại vào lúc Chúa tạo dựng A-dam và Ê-va. Chúng ta bị chết về mặt thuộc linh, với khuynh hướng luôn luôn quay về sự gian tà. Chúng tôi tin rằng bản chất tội lỗi vẫn hiện hữu trong lòng của Cơ đốc nhân cho đến khi tấm lòng người ấy được thanh tẩy một cách trọn vẹn bởi báp tem với Đức Thánh Linh.

5.2. Nguyên tội khác biệt với tội lỗi. Nguyên tội là khuynh hướng tự nhiên đẩy chúng ta đến việc phạm tội. Con người không chịu trách nhiệm về nguyên tội cho đến khi biện pháp cứu chuộc được Đức Chúa Trời ban cho bị xem thường hay chối bỏ.

5.3. Kỷ tội là một hành động cố tình vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời. Chỉ khi người đó đã ý thức được trách nhiệm đạo đức về những hành động của mình, thì người đó mới có thể phạm kỷ tội. Tội lỗi không giống với những sai trật, sai lầm, các thất bại, và những lệch hướng, nó là hậu quả để lại bởi sự sa ngã của con người. Các thái độ, cách cư xử hay các phản ứng đối nghịch lại tinh thần của Đấng Christ, được gọi là các tội lỗi thuộc linh. Kỷ tội chủ yếu là sự vi phạm luật của tình yêu thương và không tin nơi Chúa Giê-su Christ.

(Nguyên tội: Sáng Thế 3; 6 :5; Gióp 15 :14; Thánh Thi 51 :5; Giê-rêmi 17 :9-10; Mác 7 :21-23; Rô-ma 1 :18-25; 5 :12-14; 7 :1 – 8 :9; 1 Cô-rinh-tô 3 :1-4; Ga-la-ti 5 :16-25; 1 Giăng 1 :7-8) (Kỷ tội hay tội lỗi cá nhân: Ma-thi-ơ 22: 36-40 (cùng với 1 Giăng 3 :4); Giăng 8 :34-36; 16 :8-9; Rô-ma 3 :23; 6 :15-23; 8 :18-24; 8 :18-24; 14 :23; 1 Giăng 1 :9 – 2 :4; 3 :7-10)

VI. SỰ CHUỘC TỘI

6. Chúng tôi tin rằng Chúa Giê-su Christ chịu khổ, đổ huyết và chịu chết trên thập tự giá để đem đến sự chuộc tội trọn vẹn cho tất cả tội lỗi của nhân loại. Sự cứu chuộc đó là nền tảng duy nhất cho sự cứu rỗi. Chúa Giê-su đã chết thay cho tất cả chúng ta. Ngài mang đến sự cứu rỗi cho những người thiếu năng và trẻ em. Tất cả những người khác phải ăn năn hối cải và có đức tin để được cứu rỗi.

(I-sa 53 :5-6 ; Mác 10 :45 ; Lu-ca 24 :46-48 ; Giăng 1 :29 ; 3 :14-17 ; Công Vụ 4 :10-12 ; Rô-ma 3 :21-26 ; 4 :17-15 ; 5 :6-21 ; 1 Cô-rinh-tô 6 :20 ; 2 Cô-rinh-tô 5 :14-21 ; Ga-la-ti 1 :3-4 ; 3 :13-14 ; Cô-lô-se 1 :19-23 ; 1 Ti-mô-thê 2 :3-6 ; Tít 2 :11-14 ; Hê-bơ-rơ 2 :9 ; 9 :11-14 ; 13 :12 ; 1 Phê-rơ 1 :18-21 ; 2 :19-25 ; 1 Giăng 2 :1-2)

VII. TIỀN AN HAY AN ĐIỂN DỰ PHÒNG

7. Ân điển của Đức Chúa Trời qua Chúa Giê-su Christ đã được ban tặng một cách miễn phí cho mọi người. Ân điển này khiến cho mỗi một người đều có thể chọn từ bỏ tội lỗi để đi đến sự công chính, tin cậy nơi Chúa Giê-su Christ cho sự tha thứ và thanh tẩy của tội lỗi, và sống một cách làm hài lòng Chúa và được chấp nhận trước mắt Ngài. Chúng ta tin rằng loài người được tạo dựng theo hình ảnh của Đức Chúa Trời. Một phần trong đó nghĩa là con người có khả năng lựa chọn giữa điều

thiện và điều ác, điều đó gọi là trách nhiệm đạo lý; bởi sự sa ngã của A-đam và Ê-va, tất cả chúng ta đều được sinh ra với bản chất tội lỗi, và họ không thể tự quay lại với Chúa và làm những việc lành để tự cứu bản thân.

(Hình ảnh Đức Chúa Trời và trách nhiệm đạo lý: Sáng Thế 1: 26-27; 2 :16-17; Phục Truyền 28 :1-2; 30 :19; Giô-suê 24 :15. Thánh Thi 8 :35; I-sa 1 :8-10; Giê-rê-mi 31 :29-30; Ê-xê-chi-ên 18 :1-4; Mi-ca 6 :8; Rô-ma 1 :19-20; 2 :1-16; 14 :7 – 1; Ga-la-ti 6 :7-8)

Sự bắt lực trong bản chất: (Gióp 14 :4; 15:14; Thánh Thi 14 :1-4; 51 :5; Giảng 3 :6a; Rô-ma 3 :10-12; 5 :12-14, 20a; 7:14-25)

Ấn điển miễn phí và các công việc của đức tin: (Ê-xê-chi-ên 18 :25-26 ; Giảng 1 :12-13 ; 3 :6b ; Công Vụ 5 :31 ; Rô-ma 5 : 6-8,18 ; 6 :15-16, 23 ; 10 :6-8 ; 11 :22 ; 1 Cô-rinh-tô 2 :9-14 ; 10 :1-12 ; 2 Cô-rinh-tô 5 :18-19 ; Ga-la-ti 5 :6 ; Ê-phê-sô 2 :8-10 ; Phi-líp 2 :12-13 ; Cô-lô-se 1 :21-23 ; 2 Ti-mô-thê 4 :10a ; Tít 2 :11-14 ; Hê-bơ-rơ 2 :1-3 ; 3 :12-15 ; 6 :4-6 ; 10 :26-31 ; Gia-cơ 2 :18-22 ; 2 Phê-rơ 1 :10-11 ; 2 :20-22)

VIII. SỰ ẪN NẴN HỐI CẢI

8. Chúng tôi tin rằng Thánh Linh của Đức Chúa Trời giúp một cách rộng rãi cho tất cả những ai có ý muốn ăn năn hối cải và muốn nhận sự thương xót của Chúa để mà họ có thể được sự tha thứ và có một đời sống thuộc linh. Sự ăn năn hối cải là điều kiện cần thiết cho sự cứu rỗi. Ăn năn là sự biến đổi thành thật và toàn diện của tâm trí liên quan đến tội lỗi. Nó liên quan đến sự cảm nhận của tội lỗi cá nhân và sự từ bỏ tội lỗi một cách tự nguyện. Sự ăn năn được đòi hỏi bởi tất cả chúng ta đều là tội nhân, qua hành vi và mục đích của chúng ta chống nghịch Chúa.

Chúng tôi tin rằng mọi người, mặc dù đã được cứu và được thánh hóa, vẫn có thể quay trở lại với tội lỗi và bội đạo. Nếu họ không ăn năn hối cải các tội lỗi của mình, họ sẽ trở nên vô vọng và hư mất một cách vĩnh viễn. Chúng tôi tin rằng những người được tái sinh cần không trở lại với tội lỗi, nhưng có thể sống trong mối thông công cùng Đức Chúa Trời qua năng quyền Đức Thánh Linh, Đấng ở trong lòng và làm chứng với linh hồn của chúng ta rằng chúng ta là con của Đức Chúa Trời.

(2 Sử Ký 7 :14; Thánh Thi 32: 5-6; 51 :1-17; I-sa 55 :6-7; Giê-rê-mi 3 :12-14; Ê-xê-chi-ên 18 :30-32; 33 :14-16; Mác 1 :14-15; Lu-ca 3 :1-14; 13 :1-5; 18 :9-14; Công Vụ 2 :38; 3 :19; 5 :31; 17 :30-31; 26 :16-18; Rô-ma 2 :4; 2 Cô-rinh-tô 7 :8-11; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 1 :9; 2 Phê-rơ 3 :9)

IX. SỰ XUNG CÔNG CHÍNH, SỰ TÁI SANH, VÀ SỰ NHÌN NHẬN LÀM CON

Đại Hội đồng Tổng hội 2017 đã thông qua những thay đổi của hiến chương trong phần này nhưng không ảnh hưởng đến bản tiếng Việt.

9. Chúng tôi tin rằng tất cả những ai tin nơi Chúa Giê-su và công nhận rằng Ngài là Đức Chúa Trời và Đấng Cứu Thế thì được xưng công chính. Điều đó nghĩa là Ngài đã ban cho sự ân xá trọn vẹn đối với tất cả mọi tội lỗi và giải cứu con người khỏi sự trừng phạt các tội lỗi đã vi phạm. Ngài chấp nhận họ như là người công chính.

9.1. Chúng tôi tin rằng Ngài ban sự tái sinh một cách rộng rãi cho tất cả những người đã ăn năn và chấp nhận Chúa Giê-su là Đức Chúa Trời và Đấng Cứu Thế. Chúa ban cho họ một đời sống thuộc linh mới, và một phẩm hạnh mới. Đời sống mới này là một đời sống của đức tin, có tình yêu thương và sự vâng lời.

9.2. Chúng tôi tin rằng Chúa xưng công chính và tái sinh rộng rãi cho những tân tín hữu và nhận họ làm con trong gia đình của Ngài.

9.3. Chúng ta tin rằng sự xưng công chính, sự tái sinh, và sự nhìn nhận làm con xảy đến cùng một lúc. Tất cả những điều đó dựa vào sự ăn năn và niềm tin của chúng ta nơi Đấng Christ. Đức Thánh Linh làm chứng cho chúng ta rằng Chúa đã làm trọn điều này.

(Lu-ca 18 :14 ; Giăng 1 :12-13 ; 3 :3-8 ; 5 :24 ; Công Vụ 13 :39 ; Rô-ma 1 :17 ; 3 :21-26, 28 ; 4 :5-9, 17-25 ; 5 :1, 16-19 ; 6 :4 ; 7 :6 ; 8 :1, 15-17 ; 1 Cô-rinh-tô 1 :30 ; 6 :11 ; 2 Cô-rinh-tô 5 :17-21 ; Ga-la-ti 2 :16-21 ; 3 :1-14, 26 ; 4:4-7 ; Ê-phê-sô 1 :6-7 ; 2 :1, 4-5 ; Phi-líp 3 :3-9 ; Cô-lô-se 2 :13 ; Tít 3 :4-7 ; 1 Phê-rơ 1 :23 ; 1 Giăng 1 :9 ; 3 :1-2,9 ; 4 :7 ; 5 :1, 9-13, 18)

X. SỰ THÁNH KHIẾT CỦA CƠ ĐỐC NHÂN VÀ SỰ NÊN THÁNH TRỌN VẸN

10. Chúng ta tin rằng sự nên thánh là công việc của Đức Chúa Trời làm thay đổi đời sống của tín hữu trở nên giống Chúa Giê-su. Ân điển này của Chúa được Đức Thánh Linh thực hiện một cách từ từ. Sự nên thánh bắt đầu bằng sự tái sanh (và xảy ra đồng với sự xưng công chính). Điều này gọi là sự nên thánh đầu tiên. Điều này tiếp diễn cho đến sự nên thánh trọn vẹn và sau đó Đức Thánh Linh tiếp tục làm công việc của Ngài là thánh hóa những người tin. Điều này kết thúc trong sự vinh hiển, ngay thời điểm đó chúng ta sẽ hoàn toàn trở nên giống với hình ảnh của Chúa Giê-su.

Chúng tôi tin rằng tiếp theo sự tái sinh là công việc tiếp tục của Chúa, bởi đó các tín hữu được tự do khỏi nguyên tội, họ được đưa vào sự tận hiến trọn vẹn cho Chúa và chính vì yêu Ngài họ muốn vâng phục Chúa. Điều đó gọi là sự nên thánh trọn vẹn.

Sự nên thánh trọn vẹn được thực hiện bởi báp-tem Đức Thánh Linh, điều đó cũng được gọi là sự đổ đầy Thánh Linh. Nó bao gồm hai trải nghiệm: thanh tẩy tâm lòng khỏi tội lỗi và Đức Thánh Linh ngự trong lòng, thêm sức cho người tín hữu phục vụ Chúa và sống một đời sống thuộc về Chúa. Sự nên thánh trọn vẹn có thể thực hiện được bởi huyết của Chúa Giê-su. Điều này xảy ra ngay lập tức ân điển qua đức tin, sự thánh hiến trọn vẹn đến sau sự cam kết của tín hữu với Chúa, điều này gọi là sự thánh hóa hoàn toàn. Đức Thánh Linh làm chứng cho tâm linh chúng ta Ngài đã thanh tẩy và đổ đầy tâm lòng chúng ta.

Kinh nghiệm này còn được biết đến bởi nhiều thuật ngữ khác nhau, mỗi thuật ngữ đại diện cho một số giai đoạn khác nhau như:” Cơ đốc nhân trọn vẹn, tình yêu thương toàn vẹn, sự thánh sạch của tâm lòng, báp-tem Đức Thánh Linh, sự đổ đầy Thánh Linh, sự sung mãn của ân phước, và sự thánh khiết Cơ đốc.”

10.1. Chúng tôi tin rằng có sự khác biệt rõ rệt giữa một tâm lòng thánh sạch và một bản tính trưởng thành. Một tâm lòng thánh sạch xảy ra trong một khoảnh khắc, kết quả của sự nên thánh trọn vẹn, một bản tính trưởng thành xảy ra trong quá trình của sự tăng trưởng thuộc linh từ từ.

Chúng tôi tin rằng một người được nên thánh trọn vẹn bao gồm sự khao khát để tăng trưởng trong ân điển như một môn đồ của Chúa. Tuy nhiên sự tăng trưởng này không tự động, nhưng phải được nuôi dưỡng một cách cẩn thận qua những kỷ luật thuộc linh để phát triển một bản tính và nhân cách giống như Đấng Christ. Những người không có sự nỗ lực trong sự tăng trưởng thuộc linh sẽ hủy hoại sự làm chứng của người ấy và ân điển của Chúa trong đời sống của họ, người đó có thể bị nản lòng và cuối cùng bị hư mất.

Bởi việc tham gia vào phương tiện ân điển, tín hữu lớn lên trong ân điển và trong tình yêu với Chúa và người lân cận hết lòng. Những phương tiện ân điển này đặc biệt bao gồm thông công, những kỷ luật thuộc linh, và những thánh lễ của Hội thánh.

(Giê-rê-mi 31:31-34, Ê-xê-chi-ên 36 :25-27 ; Ma-la-chi 3 :2-3 ; Mathi-ơ 3 :11-12 ; Lu-ca 3 :16-17 ; Giăng 7 :37-39 ; 14 :15-23 ; 17 :6-20 ; Công Vụ 1 :5 ; 2 :1-4 ; 15 :8-9 ; Rô-ma 6 :11-13,19 ; 8 :1-4,8-14 ; 12 :12 ; 2 Cô-rinh-tô 6 :14-7 :1 ; Ga-la-ti 2 :20 ; 5 :16-25 ; Ê-phê-sô 3 :14-21 ; 5 :17-18, 25-27 ; Phi-líp 3 :10-15 ; Cô-lô-se 3 :1-17 ; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5 :23-24 ; Hê-bơ-rơ 4 :9-11 ; 10 :10-17 ; 12 :1-2 ; 13 :12 ; I Giăng 1 :7, 9)

“Sự hoàn hảo Cơ Đốc”, “tình yêu thương toàn vẹn”: (Phục Truyền 30 :6; Ma-thi-ơ 5 :43-48; 22 :37-40; Rô-ma 12 :9-21; 13 :8-10; I Cô-rinh-tô 13; Phi-líp 3 :10-15; Hê-bơ-rơ 6 :1; I Giăng 4: 17-18 “Sự thánh sạch của tâm lòng”: Ma-thi-ơ 5 :8; Công Vụ 15 :8-9; 1 Phê-rơ 1 :22; I Giăng 3: 3 “Báp-tem với Đức Thánh Linh”: Giê-rê-mi 31:31-34, Ê-xê-chi-ên 36 :25-27; Ma-la-chi 3 :2-; Ma-thi-ơ 3 :11-12; Lu-ca 3 :16-17; Công Vụ 1:5; 2 :1-4; 15 :8-9)

“Sự sung mãn của ân phước”: (Rô-ma 15: 29 “Sự thánh khiết Cơ Đốc” : Ma-thi-ơ 5 :1 – 7 :29 ; Giăng 15 :1-11 ; Rô-ma 12 :1 – 15 :3 ; 2 Cô-rinh-tô 7 :1 ; Ê-phê-sô 4 :17 – 5 :20 ; Phi-líp 1 :9-11 ; 3 :12-15 ; Cô-lô-se 2 :20-3 :17 ; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 3 :13 ; 4 :7-8 ; 5 :23 ; 2 Ti-mô-thê 2 :19-22 ; Hê-bơ-rơ 10 :19-25 ; 12 :14 ; 13 :20-21 ; 1 Phê-rơ 1:15-16 ; 2 Phê-rơ 1 :1-11 ; 3 :18 ; Giu-đe :20-21)

XI. HỘI THÁNH

11. Chúng tôi tin vào Hội thánh, cộng đồng tuyên xưng Chúa Giêsu Christ là Chúa. Hội thánh là con dân của Đức Chúa Trời được đổi mới trong Đấng Christ. Hội thánh là thân thể của Đấng Christ, được kêu gọi bởi Đức Thánh Linh để hiệp nhất với nhau qua lời của Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời kêu gọi Hội thánh bày tỏ đời sống của mình bằng nhiều cách bao gồm sự thờ phượng hiệp một và sự thông công, qua sự giảng dạy Lời Ngài, sự tham dự các thánh lễ, mục vụ trong Danh Ngài bởi sự vâng phục Đấng Christ, đời sống thánh khiết và khích lệ lẫn nhau.

Sứ mệnh của Hội thánh trên thế gian là để chia sẻ công việc của Đấng Christ trong khi Ngài cứu chuộc và giảng hòa thế gian trong quyền năng của Đức Thánh Linh. Hội thánh làm trọn sứ mạng bằng việc môn đồ hóa thông qua việc truyền giảng, giáo dục, những hoạt động từ thiện, làm việc cho công lý và kiên nhẫn làm chứng về vương quốc của Chúa.

Hội thánh vừa hiện hữu như hội chúng địa phương và cũng hiện hữu như một cộng đồng toàn cầu. Hội thánh bày tỏ đời sống của mình và thờ phượng bằng những cách khác nhau trong những nền văn hóa khác nhau. Hội thánh công nhận rằng Chúa kêu gọi một số người cho những chức vụ đặc biệt và đặt họ vào những vị trí để thực hiện mục vụ. Hội thánh sống dưới sự tể trị của Ngài trong niềm vui đợi chờ ngày Chúa Giê-su Christ tái lâm.

(Xuất Hành 19 :3 ; Giê-rê-mi 31 :33 ; Ma-thi-ơ 8 :11 ; 10 :7 ; 16 :13,19,24 ; 18 :15-20 ; 28 :19-20 ; Giăng 17 :14-26 ; 20 :21-23 ; Công Vụ 1 :78 ; 2 :32-47 ; 6 :1-2 ; 13 :1 ; 14 :23 ; Rô-ma 2 :28-29 ; 4 :16 ; 10 :9-15 ; 11 :13-32 ; 12 :1-8 ; 15 :1-3 ; 1 Cô-rinh-tô 3 :5-9 ; 7 :17 ; 11 :1, 17-33 ; 12 :3,12-31 ; 14 :26-40 ; 2 Cô-rinh-tô 5 :11 – 6 :1 ; Ga-la-ti 5 :6,13-14 ; 6 :1-5,15 ; Ê-phê-sô 4 :1-17 ; 5 :25-27 ; Phi-líp 2 :1-16 ; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4 :1-12 ; 1 Ti-mô-thê 4 :13 ; Hê-bơ-rơ 10 :19-25 ; 1 Phê-rơ 1 :1-2,13 ; 2 :4,12, 21 ; 4 :1-2,10-11 ; 1 Giăng 4 :17 ; Giu-đe 24 ; Khải Huyền 5 :9-10)

XII. THÁNH LỄ BÁP-TEM

12. Chúng tôi tin rằng thánh lễ báp-tem Cơ đốc là một thánh lễ được truyền ra bởi Chúa Giê-su, thánh lễ này có ý nghĩa là một người chấp nhận các phúc lợi từ sự cứu chuộc của Chúa Giê-su

Christ và là một phần của thân thể Đấng Christ. Báp tem là phương pháp ân điển chứng minh đức tin vào Giê-su Christ là Chúa Cứu Thế. Thiếu nhi và những người không có khả năng lựa chọn về mặt đạo đức cũng là một phần của giao ước mới. Họ cũng có thể được làm báp tem nếu cha mẹ hoặc người giám hộ yêu cầu. Hội thánh sẽ bảo đảm rằng họ được dạy dỗ về Cơ đốc. Thánh lễ báp-tem có thể được cử hành như rải nước, hay đổ nước lên đầu, hay trằm mình dưới nước, tùy theo sự chọn lựa của người xin nhận lãnh thánh lễ này.

(Ma-thi-ơ 3 :1-7; 28 :16-20; Công Vụ 2 :37-41; 8 :35-39; 10 :44-48; 16 :29-34; 19 :1-6; Rô-ma 6 :3-4; Ga-la-ti 3 :26-28; Cô-lô-se 2 :12; 1 Phê-rơ 3 :18-22)

XIII. TIỆC THÁNH

13. Chúng tôi tin rằng lễ tiệc thánh là thánh lễ thiết yếu đã được thiết lập bởi Chúa Cứu Thế của chúng ta Chúa Giê-su Christ. Thánh lễ này nhắc lại đời sống của Ngài, sự thương khó, hi sinh chịu chết, sống lại và hi vọng về sự tái lâm của Ngài. Bằng cách nhận ân điển này Đấng Christ hiện diện qua Thánh Linh. Mọi người được mời tham gia bởi đức tin trong Đấng Christ, vì vậy, là Hội thánh họ có thể làm tươi mới trong đời sống, trong sự cứu rỗi và hiệp một. Mọi người nên dự Tiệc Thánh trong sự tôn kính, đánh giá cao tầm quan trọng của Tiệc Thánh. Qua sự tham gia này, họ tiếp tục nhớ lại sự chết của Chúa cho đến khi Ngài tái lâm. Đấng Christ mời tất cả những ai yêu Chúa và dân sự của Ngài dự lễ càng nhiều càng tốt.

(Xuất Hành 12 :1-14; Ma-thi-ơ 26 :26-29; Mác 14 :22-25; Lu-ca 22 :17-20; Giăng 6 :28-58; 1 Cô-rinh-tô 10 :14-21; 11 :23-32)

XIV. SỰ CHỮA LÀNH CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Đại Hội đồng Tổng hội 2017 đã thông qua những thay đổi của hiến chương trong phần này nhưng không ảnh hưởng đến bản tiếng Việt. 14. Chúng tôi tin giáo lý của Kinh Thánh về sự chữa lành của Đức Chúa Trời. Chúng tôi khích lệ anh chị em cầu nguyện trong đức tin cho sự chữa lành của những người bệnh tật. Chúng tôi cũng tin là Đức Chúa Trời chữa lành qua những phương tiện y khoa.

(2 Các Vua 5 :1-19; Thi Thiên 103 :1-5; 51 :1-17; Ma-thi-ơ 4 :23-24; 9 :18-35; Giăng 4 :46-54; Công Vụ 5 :12-16; 9 :32-42; 14 :8-15; 1 Cô-rinh-tô 12 :4-11; 2 Cô-rinh-tô 12 :7-10; Gia-cơ 5 :13-16)

XV. SỰ TRỞ LẠI LẦN THỨ HAI CỦA Đấng CHRIST

15. Chúng tôi tin rằng Chúa Giê-su Christ sẽ trở lại một lần nữa. Những tín hữu đã ngủ sẽ được sống lại và những tín hữu còn bước đi trong Chúa, tất cả sẽ được cất lên cùng với những tín hữu đã ngủ để gặp gỡ Chúa trên không trung, kể từ đó, họ sẽ luôn luôn ở cùng với Chúa.

(Ma-thi-ơ 25 :31-46; Giăng 14 :1-3; Công Vụ Các Sứ Đồ 1 :9-11; Philip 3 :20-21; I Tê-sa-lô-ni-ca 4 :13-18; Tít 2 :11-14; Hê-bơ-rơ 9 :26-28; 2 Phê-rơ 3 :3-15; Khải Huyền 1 :7-8; 22 :7-20)

XVI. SỰ SỐNG LẠI, SỰ PHÁN XÉT VÀ ĐỊNH MỆNH

16. Chúng tôi tin nơi sự sống lại của những người chết, điều đó để nói rằng thân thể của người công chính cũng như người bất chính sẽ được sống lại và hiệp nhất với linh hồn của họ “những người



đã thực hiện điều tốt lành thì sẽ sống lại để sống đời đời; và những người đã thực hiện điều gian ác sẽ sống lại cho sự xét xử.”

16.1. Chúng tôi tin nơi sự phán xét trong tương lai mà mỗi người sẽ phải trình diện trước mặt Đức Chúa Trời để được xét xử theo những công việc, những hành vi của mình trong cuộc đời này.

16.2. Chúng tôi tin rằng những ai đã được cứu bởi việc tin vào Chúa Giê-su và những ai vâng phục bước đi theo Ngài được đảm bảo một sự sống đầy vinh hiển và vĩnh cửu; những người từ chối ăn năn sẽ chịu đau khổ đời đời trong hỏa ngục.

(Sáng Thế 18 :25 ; 1 Sa-mu-ên 2 :10 ; Thánh Thi 50 :6 ; I-sa 26 :19 ; Đa-ni-ên 12 :2-3 ; Ma-thi-ơ 25 :31-46 ; Mác 9 :43-48 ; Lu-ca 16 :19-31 ; 20 :27-38 ; Giăng 3 :16-18 ; 5 :25-29 ; 11 :21-27 ; Công Vụ 17 :30-31 ; Rôma 2 :1-16 ; 14 :7-12 ; 1 Cô-rinh-tô 15 :12-58 ; 2 Cô-rinh-tô 5 :10 ; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 1 :5-10 ; Khải Huyền 20 :11-15 ; 22 :1-15)

HỘI THÁNH

I. HỘI THÁNH CHUNG

17. Hội thánh của Đức Chúa Trời gồm có tất cả những ai được tái sinh về mặt thuộc linh và tên của họ được ghi trên trời.

II. NHỮNG HỘI THÁNH RIÊNG

18. Những hội thánh riêng, bao gồm những người được tái sinh theo ý của Đức Chúa Trời và sự dẫn dắt của Thánh Linh cộng tác với nhau để thông công và mục vụ.

III. HỘI THÁNH NAZARENE

19. Hội thánh Nazarene bao gồm những người tình nguyện cộng tác với nhau theo giáo lý và tổ chức của hội thánh nói trên, họ nhất trí tìm kiếm sự thông công Cơ đốc thánh khiết, sự qui đạo của tội nhân, sự nên thánh toàn vẹn của tín hữu, được gây dựng trong sự thánh khiết, và sự đơn giản cùng quyền năng thuộc linh đã bày tỏ trong Hội thánh đầu tiên thời Tân Ước, cùng với sự rao giảng Phúc âm cho mọi người.

IV. NHẤT TRÍ BẢN TUYÊN XƯNG ĐỨC TIN

20. Chúng tôi nhìn nhận rằng quyền hạn và đặc ân của những người là thuộc viên của hội thánh dựa trên sự kiện là họ được tái sinh, chúng tôi yêu cầu chỉ những lời xác nhận đức tin là nền tảng cơ bản chính yếu đối với Cơ đốc nhân. Chúng tôi thiết nghĩ những lời diễn đạt dưới đây đầy đủ. Chúng tôi tin:

20.1. Ba Ngôi Đức Chúa Trời - Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh.

20.2. Kinh Thánh Cựu và Tân Ước, là sự mặc khải trọn vẹn của Đức Chúa Trời ban cho, chứa đựng tất cả lẽ thật cần thiết cho đức tin và nếp sống của Cơ đốc nhân.

20.3. Con người ra đời với bản chất sa ngã, vì vậy cứ nghiêng về điều ác và cứ tiếp tục như vậy.



20.4. Số phận cuối cùng của người không ăn năn là tuyệt vọng và hư mất đời đời.

20.5. Sự cứu chuộc qua Giê su Christ dành cho toàn thể nhân loại, và bất cứ ai ăn năn và tin nơi Chúa Giê su Christ thì được xưng công bình và được tái sinh, cũng như được cứu khỏi quyền thống trị của tội lỗi.

20.6. Sau khi được tái sinh do sự tin nơi Chúa Giê su Christ, những người tin được Đức Chúa Trời làm nên thánh trọn vẹn.

20.7. Thánh Linh làm chứng cho sự tái sinh và sự nên thánh trọn vẹn của tín hữu.

20.8. Cứu Chúa chúng ta sẽ tái lâm, người chết sẽ sống lại, và sự phán xét cuối cùng sẽ xảy ra.

V. GIAO ƯỚC CỦA PHẨM HẠNH CƠ ĐỐC

21. Được kết hợp với Hội thánh hữu hình là đặc ân phước hạnh và bổn phận thiêng liêng của tất cả những ai được cứu khỏi tội lỗi và tìm kiếm sự trọn vẹn trong Đức Chúa Giê-su Christ. Chúng tôi mong muốn những ai kết hiệp với Hội thánh Nazarene và bước đi trong sự thông công với chúng tôi, bày tỏ được bằng cơ của sự được cứu khỏi tội lỗi bằng nếp sống tin kính và lòng nhiệt tình sống động; họ khao khát được tẩy sạch khỏi tội lỗi bên trong. Họ sẽ bày tỏ bằng cơ về sự kết ước với Đức Chúa Trời-

21.1. THỨ NHẤT: Thực hiện theo lời Kinh Thánh, vốn là nguyên tắc của đức tin và sự sống đạo của chúng ta, bao gồm:

(1) Hết lòng, hết linh hồn, hết tâm trí, và hết sức lực yêu kính Đức Chúa Trời và yêu người lân cận như mình (Xuất hành 20:3-6; Lêvi 19:17-18; Phục Truyền 5:7-10; 6:4-5; Mác 12:28-31; Rô-ma 13:8-10).

(2) Mang nặng tâm tình chú ý đến người chưa được cứu để loan báo phúc âm cho họ, mời họ đến nhà Chúa, và quan tâm nhiệt tình đến sự cứu rỗi linh hồn họ (Ma-thi ơ 28:19-20; Công vụ 1:8; Rô-ma 1:14-16; 2 Cô-rinh-tô 5:18-20)

(3) Lịch sự nhã nhặn với mọi người (Ê-phê-sô 4:32; Tít 3:2; 1 Phê-rơ 2:17; 1 Giăng 3:18) ³

(4) Giúp đỡ những người có cùng đức tin, trong tình yêu thương chịu đựng lẫn nhau (Rô-ma 12:13; Ga-la-ti 6:2-10; Cô-lô-se 3:12-14)

(5) Tìm kiếm điều tốt lành cho thân thể và linh hồn con người, nuôi nấng, cứu trợ những người đói khát, mặc áo cho người bị trần truồng, thăm viếng những người bị đau và bị tù; giúp đỡ người thiếu thốn khi có cơ hội và có khả năng (Ma-thi-ơ 25:35-36; 2 Cô-rinh-tô 9:8-10; Ga-la-ti 2:10; Gia-cơ 2:15-16; 1 Giăng 3:17-18) ⁴

(6) Đóng góp một phần mười và các khoản dâng hiến khác góp phần giúp đỡ cho công tác mục vụ và những công tác khác trong hội thánh (Ma-la-chi 3:10; Lu-ca 6:38; 1 Cô-rinh-tô 9:14; 16:2; 2 Cô-rinh-tô 9:6-10; Phi-líp 4:15-19)

(7) Trung tín tuân theo những lễ nghi qui định của Đức Chúa Trời và những đặc ân của sự cứu rỗi bao gồm sự thờ phượng chung (Hê-bơ-rơ 10:25), chia sẻ Lời Chúa (Công vụ 2:42), dự Tiệc Thánh (1 Cô-rinh-tô 11:23-30); nghiên cứu và suy gẫm Kinh Thánh (Công vụ 17:11; 2 Ti-mô-thê 2:15; 3:14-16); thờ phượng cá nhân và nhóm gia đình lễ bái (Phục Truyền 6:6-7; Ma-thi-ơ 6:6)

21.2. THỨ HAI: Tránh mọi hành vi tội lỗi bao gồm:

1) Sự sử dụng Danh Đức Chúa Trời cách bất kính hay thề thốt (Xuất Hành 20:7; Lê Vi 19:12; Gia-cơ 5:12)



(2) Sự xúc phạm ngày của Chúa bằng việc tham dự những hoạt động trần gian không cần thiết, ham mê làm những điều xâm phạm sự thánh khiết (Xuất Hành 20:8-11; I-sa 58:13-14; Mác 2:27-28; Công vụ 20:7; Khải Huyền 1:10)

(3) Sự phạm tội về tình dục như lấy nhau trước khi kết hôn, ngoại tình, đồng tính, sống phóng túng, đòi truy cùng những hành vi vô luân (Sáng Thế 19:4-11; Xuất Hành 20:14; Lê Vi 18:22; 20:13; Ma-thi-ơ 5:27-32; Rô-ma 1:26-27; 1 Cô-rinh-tô 6:9-11; Ga-la-ti 5:19; 1 Tê-sa-lô-nica 4:3-7; 1 Ti-mô-thê 1:10)

(4) Vương vào những thói quen ảnh hưởng xấu đến sức khỏe và tinh thần của con người. Cơ đốc nhân phải coi mình là đền thờ của Thánh Linh (Châm Ngôn 20:1; 23:1-3; 1 Cô-rinh-tô 6:17-20; 2 Cô-rinh-tô 7:1; Ê-phê-sô 5:18)

(5) Sự cãi lộn, lấy ác trả ác, nói xấu, rải những sự nghi ngờ làm hại danh tiếng tốt của người khác (2 Cô-rinh-tô 12:20; Ga-la-ti 5:15; Ê-phê-sô 4:30-32; Gia-cơ 3:5-18; 1 Phê-rơ 3:9-10).

(6) Sự không thành thật, lừa dối trong việc mua bán, làm chứng dối, và những việc xấu tương đương (Lê Vi 19:10-11; Rô-ma 12:1; 1 Cô-rinh-tô 6:7-10)

(7) Sự ham thích khoe khoang trong cách ăn mặc hay cử chỉ. Dân sự Chúa phải ăn mặc đơn giản và khiêm tốn để giữ mình thánh sạch (Châm Ngôn 29:23; 1 Ti-mô-thê 2:8-10; Gia-cơ 4:6; 1 Phê-rơ 3:3-4; 1 Giăng 2:15-17)

(8) Sự ham thích những loại âm nhạc, văn chương và giải trí vốn làm ô danh Đức Chúa Trời (1 Cô-rinh-tô 10:31; 2 Cô-rinh-tô 6:14-17; Gia-cơ 4:4)

21.3. THỨ BA: Luôn luôn ở trong mối thông công hết lòng với hội thánh, không công kích nhưng hoàn toàn thuận phục theo giáo lý và những tập quán của hội thánh, quan tâm tích cực trong sự làm chứng và mở rộng hội thánh cách liên tục (Ê-phê-sô 2:18-22; 4:1-3; 1116, Phi-líp 2:1-8; 1 Phê-rơ 2:9-10)



CHÚ THÍCH

Chương 1

1. Sydney E. Ahlstorm, *Một Lịch Sử Về Tôn Giáo của Dân Mỹ* [*A Religious History of the American People*] (London and New Haven, Conn. Yale University Press, 1972), trang 475.
2. Donald F. Dunrbaugh, *Hội Thánh thuộc về các Tín Hữu: Lịch Sử và Đặc Tính của Cải Chính Giáo Bảo Thủ* [*The Believers' Church: The History and Character of Radical Protestantism*] (New York, Macmillan Co. 1968), trang 32-33.
3. J.B. Chapman, “Mùa Gặt tháng 10” [“October Gleanings”], *Sứ Giả của sự Thánh Khiết* [*Herald of Holiness*] 15 tháng 10, 1930, trang 5; cùng một tác giả, “Tiền Sĩ Bresee, Một Lãnh Đạo Theo Truyền Thống Các Sứ Đồ” [Dr. Bresee, an Apostolic Leader], *Tuần Báo Người Truyền Giảng*, [*Preacher's Magazine*] tháng 12, 1938, trang 2
4. P.F. Bresee, “Lời Ban Biên Tập: Mọi Sự Đều Tốt Đẹp” [Editorial: It Is All Right] *Sứ Giả Giáo Hội Nazarene* [*Nazarene Messenger*] 15 tháng 1, 1902, trang 6
5. Sự So Sánh Được Thực Hiện với Carl Bangs, *Phineas F. Bresee: Cuộc Đời Ông Trong Truyền Thống Giám Lý, Phong Trào Thánh Khiết, và Giáo Hội Nazarene* [*Phineas F. Bresee: His Life in Methodism, The Holiness Movement, and the Church of the Nazarene*] (Kansas City: Beacon Hill Press of Kansas City, 1995) trang 282

Chương 2

1. *Cẩm Nang, Giáo Hội Nazarene 2017-2021* [*Manual, Church of the Nazarene 2017-2021*] (Kansas City: Nazarene Publishing House, 2017) Các phân đoạn được trích dẫn từ bản phát hành này.
2. Stan Ingersol, “Thánh Lễ Báp-têm và các Tín Hữu Nazarene Đầu Tiên: Những Nguồn Gốc Đã Uốn Nắn Truyền Thống Báp-têm Đa Dạng,” [Christian Baptism and the Early Nazarene: The Sources That Shaped a Pluralistic Baptismal Tradition] *Tuần Báo Thần Học Wesley* [*Wesleyan Theological Journal*] 25, số 2 (mùa thu 1990); trang 3435.
3. Maria Harris, *Hãy Tạo Dựng Cho Ta một Dân Sự* [*Fashion Me a People*] (Louisville, Ky: John Knox Press, 1989), trang 77
4. Hãy xem bảng báo cáo của vị tổng thư ký, *Sứ Giả của sự Thánh Khiết* [*Herald of Holiness*] tháng 6 năm 1997, phần bổ sung đặc biệt, trang không mang số.
5. Clyde E. Fant, *Truyền Giảng cho Ngày Hôm Nay* [*Preaching for Today*] (New York: Harper and Row, 1975) trang 22.
6. Richard Lisher, *Một Nền Thần Học Dựa Trên Sự Truyền Giảng* [*A Theology of Preaching*] (Nashville: Abingdon Press, 1981) trang 74.
7. Wesley D. Tracy et al., *Sự Kêu Gọi Thiên Thượng: Sự Đào Tạo Thuộc Linh và Đời Sống Thánh Khiết* [*The Upward Call: Spiritual Formation and the Holy Life*] (Kansas City: Beacon Hill Press of Kansas City, 1994) trang 133
8. Hãy xem bảng báo cáo của vị ủy viên học vụ, *Sứ Giả của sự Thánh Khiết* [*Herald of Holiness*] tháng 6 năm 1997, phần bổ sung đặc biệt, trang không mang số.
9. Phần trích dẫn từ tác giả Donald S. Metz, *Đại Học Nazarene Trung Mỹ: Những Năm Tiên Phong 1966-1991* [*MidAmerica Nazarene College 1966-1991: The Pioneer Years 1966-1991*] (Kansas City: Nazarene Publishing House, 1991) trang 6

10. Ibid, trang 46
11. Charles Wesley, “Chúa Ôi, Xin Ngài Giúp Chúng Con Hỗ Trợ lẫn Nhau” [“Help Us to Help Each Other, Lord”, *Các Bài Thánh Ca của ông Wesley [Wesley Hymns]* comp. Ken Bible (Kansas City: Lillenas Publishing Co., 1982). Số 110
12. Maxie Dunnam, “*Sinh Động Trong Đấng Christ*” [“*Alive in Christ*”], (Nashville Abingdon Press, 1982) trang 113
13. Ibid, trang 118. Tác giả Dunnam trích dẫn từ tác phẩm *Một Điều Gì Đó Tuyệt Đẹp cho Đức Chúa Trời [Something Beautiful for God]* của Malcolm Muggeridge
14. John Telford, ed. *Những Bức Thư của Mục Sư John Wesley [The Letters of Rev. John Wesley]*, A.M. 8 quyển (London: Epworth Press, 1960) 1:239

Chương 3

1. J.B. Whiteley, *Anh Quốc của ông Wesley [Wesley's England]* (London: Epworth Press, 1954) trang 28
2. *Thời Báo của thành phố Luân-đôn [London Chronicle]* 21 tháng 12, 1772; *Thời Báo Leeds Mercury*, 29 tháng 12, 1772
3. D.D. Thompson, *John Wesley như một Người Cải Cách Xã Hội [John Wesley as a Social Reformer]* (New York: Eaton and Mains, 1898) trang 94.
4. *Thời Báo thành phố New Castle (Anh Quốc) [New Castle (England) Journal]* 21 tháng 3, 1767
5. Thompson, *John Wesley như một Người Cải Cách [Wesley as a Reformer]* trang 94
6. *Leeds Intelligencer*, 1791. Trích dẫn từ tác giả Robert Wearmouth, *Giáo Hội Giám Lý và Tầng Lớp Lao Động vào Thế Kỷ Thứ 18 [Methodism and the Common People of the Eighteenth Century]* (London: Epworth Press, 1945) trang 71-72
7. *Thời Báo của thành phố Luân-đôn [London Chronicle]* 11 tháng 9, 1762; về điều kiện xã hội thời ông Wesley, mời anh chị xem “Chính Sách Kinh Tế và sự Đàn Áp Pháp Lý như các Yếu Tố Ảnh Hưởng Trên Nền Thần Học của ông John Wesley,” bởi tác giả Wesley D. Tracy trong *Tuần Báo Thần Học Wesley* [“Economic Policies and Judicial Oppression as Formative Influences on the Theology of John Wesley – *Wesleyan Theological Journal*], mùa xuân – thu năm 1992, trang 30-56. Cũng mời anh/chị xem quyển sách của tác giả Wearmouth trong chú thích 6.
8. *Tạp San Người Thượng Lưu [Gentlemen's Magazine]*, tháng 7, 1741
9. Richard P. Heitzenrater, *Ông Wesley và Những Người Mang Danh Xưng Giám Lý [Wesley and the People Called Methodist]* (Nashville: Abingdon Press, 1995) trang 80
10. Hãy xem tác giả Tracy et al., *Sự Kêu Gọi Thiên Thượng [Upward Call]*, trang 193-200 về gia đình tín ngưỡng Wesley.
11. John Wesley, thư gửi ông Frances Godfrey ở Telford, *Các Tín Thư [Letters]* 8:158
12. John Wesley, thư gửi ông William Holland, ngày 6 tháng 2, 1748, *ibid*, 2:115
13. Tracy et al., *Sự Kêu Gọi Thiên Thượng [Upward Call]*, trang 139. Để xem phần nghiên cứu – phân tích chi tiết và đầy đủ hơn về lịch sử và các nguyên tắc của Hội Nghị Cơ Đốc Wesley, hãy xem *Sự Kêu Gọi Thiên Thượng [Upward Call]*, trang 133-200.
14. Telford, *Các Tín Thư [Letters]* 1:239
15. *Các Công Việc của ông John Wesley [The Works of John Wesley]*, xuất bản lần thứ 3, bộ 14 quyển (tái ấn hành, Kansas City: Beacon Hill Press of Kansas City, 1978-79) 8:267

16. Ibid., 7:286-87
17. *Thời Báo của thành phố Luân-đôn* [London Chronicle], tháng 1, 1761
18. *Các Công Việc* [Works] 7:424
19. Ibid., 8:47
20. Telford, *Các Tín Thư* [Letters] 5:101-3
21. Ibid., 4:188
22. Ibid., 5:215
23. Henry Bett, *Tinh Thần của Truyền Thống Giám Lý* [The Spirit of Methodism] (London: Epworth Press, 1937) trang 123
24. John Wesley, *Các Bài Giảng Trong Nhiều Trường Hợp* [Sermons on Several Occasions] (London: Methodist Book Room, n.d.) trang 4
25. Ibid., 552
26. Ibid., 549
27. Ibid., 556
28. Albert Outler, *Nền Thần Học trong Tư Duy Wesley* [Theology in the Wesleyan Spirit]
29. Durwood Foster, “Nền Thần Học Wesley: Di Sản và Trách Nhiệm Công Việc” [Wesleyan Theology: Heritage and Task], ed. T. Runyon (Nashville: Kingswood Books, 1985) trang 31
30. Bett, *Tinh Thần của Truyền Thống Giám Lý* [Spirit of Methodism] trang 20
31. John Wesley, *Các Bài Giảng Trong Nhiều Trường Hợp* [Sermons on Several Occasions], trang 297
32. Outler, *Nền Thần Học* [Theology] trang 46

Chương 4

1. Arthur B. Moss, “Barbara Ruckle Heck” trong *Tự Điển Bách Khoa của Thế Giới Truyền Thống Giám Lý* [The Encyclopedia of World Methodism] ed. Nolan B. Harmon (Nashville: The United Methodist Publishing House, 1974) 1:1103-4
2. Kenneth B. Bedell, *Niên Giám Các Giáo Hội Mỹ và Canada, 1996* [Yearbook of American and Canadian Churches, 1996] (Nashville: Abingdon 1996) trang 250-51
3. *Quyển Sách Kỷ Luật của Giáo Hội Giám Lý Hiệp Nhất, 1996* [The Book of Discipline of the Methodist Church, 1996] (Nashville: The United Methodist Publishing House, 1996) trang 41-42.
4. Ibid., 43-46.
5. Ibid., 62
6. Ibid., 71
7. Ibid., 107-17
8. A.M. Hills, “Kỷ Niệm Bạc Một Ngàn Năm” *Sứ Giả của sự Thánh Khiết* [“The Silver Jubilee Anniversary”, *Herald of Holiness*], 22 tháng 11, 1933, trang 10.
9. E. F. Walker Outler, “Các Giáo Hội Mới” [New Denominations] *Sứ Giả Nazarene - Nazarene Messenger*, 1 tháng 4, 1909, trang 7.

Chương 5

1. Paul Westphal Thomas và Paul William Thomas, *Những Năm Tháng Hành Hương của Chúng Tôi: Lịch Sử của Giáo Hội Hành Hương Thánh Khiết* [Days of Our Pilgrimage: History of the Pilgrimage Holiness Church] (Marion, Ind.: Wesley Press, 1976) trang 95;



- Lee M. Haines và Paul William Thomas, *Một Đại Cương của Lịch Sử Giáo Hội Wesley* [*An Outline of the Wesleyan Church*] xuất bản lần thứ 3 (Marion, Ind.: Wesley Press, 1985) trang 126-27
2. *Niên Giám Các Giáo Hội Mỹ và Canada, 1997* [*Yearbook of American and Canadian Churches, 1997*] Ed. Kenneth B. Bedell, (Nashville: Abingdon Press, 1997) trang 251, 258; Frank S. Mead và Samuel S. Hills, *Cẩm Nang về các Giáo Hội tại Hoa Kỳ* [*Handbook of Denominations in the United States*], xuất bản lần thứ 10 (Nashville: Abingdon Press, 1995) trang 303
 3. Bedell, *Niên Giám Các Giáo Hội 1997* [*Yearbook of Churches, 1997*] trang 250, 257
 4. Ibid., 250, 257
 5. John W. V. Smith *Con Đường Tìm Kiếm sự Thánh Khiết và sự Hiệp Nhất: Lịch Sử Một Thế Kỷ của Hội Thánh Đức Chúa Trời (Anderson, tiểu bang Indiana)* [*The Quest for Holiness and Unity: A Centennial History of the Church of God (Anderson, Ind.)*] (Anderson, Ind.: Warner Press, 1980) trang 37-40, 44-80; *Thế Kỷ Đầu Tiên* [*The First Century*], ed. Barry L. Callen, 2 bộ sách (Anderson, Ind.: Warner Press, 1979), trang 1:25-29; 43-54; *Một Tự Điển Bách Khoa về các Tôn Giáo tại Hoa Kỳ: Một Trăm Nhóm Tôn Giáo Tự Giải Bày* [*An Encyclopedia of Religions in the United States: One Hundred Religious Groups Speak for Themselves*] ed. William B. Williamson (New York: Crossroad, 1992), trang 80.
 6. A.M. Kiergan, *Các Phác Họa Lịch Sử về sự Phục Hưng của sự Thánh Khiết Chân Chính và Chính Sách của Hội Thánh Địa Phương từ năm 1865 đến 1916* [*Historical Sketches of the Revival of True Holiness and Local Church Polity from 1865 - 1916*] (Fort Scott, Kans.: Sự Biện Hộ cho Giáo Hội và Con Đường Chân Chính [Church Advocate and Good Way] n.d.; tái phát hành 1972) trang 34-42; Clarence Eugene Cowen, *Một Lịch Sử của Hội Thánh Đức Chúa Trời (Thánh Khiết)* [*A History of the Church of God (Holiness)*] (Overland Park, Kans.: Herald and Banner Press, 1949) trang 17-32
 7. Charles Edwin Jones, *Sự Thánh Khiết Người Da Đen: một sự Hướng Dẫn cho sự Nghiên Cứu về sự Tham Gia của Người Da Đen trong Tư Duy Wesley Hoàn Thiên và các Phong Trào Ngũ Tuần theo Ân Từ Nói Tiếng Lạ* [*Black Holiness: a Guide to the Study of Black Participation in Wesleyan Perfectionist and Glossolalic Pentecostal Movements*] (Metuchen, N.J.: American Theological Library Association and the Scarecrow Press, 1987) trang 17-32
 8. Bedell, *Niên Giám Các Giáo Hội 1997* [*Yearbook of Churches, 1997*] trang 248, 253; D.P. Hollinger, “Liên Hiệp Cơ Đốc Truyền Giáo” [“Christian and Missionary Alliance”] trong *Tự Điển Cơ Đốc Giáo tại Hoa Kỳ* [*Dictionary of Christianity in America*] ed. Daniel G. Reid et al. (Downers Grove, Ill.: InterVarsity Press, 1990) trang 251-52.

Chương 6

1. Ted A. Campbell, *Tuyên Xưng Cơ Đốc* [*Christian Confessions*] (Louisville, Ky.: Westminster / John Know Press, 1995) trang 19.
2. Patrick Henry Reardon, “Phương Đông Khác” [“The Other East”] *Các Quyển sách và Văn Hóa* [*Books and Cultures*] tháng 3 & 4, 1996, trang 7.
3. Bức thư – G. Williams, *Giáo Hội Chính Thống Giáo Phương Đông vào Thế Kỷ Thứ 18* [*The Orthodox Church of the East in the Eighteenth Century*] trang 17, trích dẫn trong tác

- phẩm của tác giả Timothy Kallistos Ware, *Giáo Hội Chính Thống Giáo* [*The Orthodox Church*] (New York: Penguin Books, 1993), trang 196.
4. Campbell, *Tuyên Xưng Cơ Đốc* [*Christian Confessions*] trang 19.
 5. Reardon, “Phương Đông Khác” [“The Other East”] trang 6.
 6. Ware, *Giáo Hội Chính Thống Giáo* [*Orthodox Church*] trang 196.
 7. *Quyển Cẩm Nang, Giáo Hội Nazarene, 2017-2021* [*Manual, Church of the Nazarene, 2017-2021*] (Kansas City: Nazarene Publishing House, 2017), trang 28.
 8. Campbell, *Tuyên Xưng Cơ Đốc* [*Christian Confessions*] trang 39.
 9. *Quyển Cẩm Nang, Giáo Hội Nazarene, 2017-2021* [*Manual, Church of the Nazarene, 2017-2021*] trang 29.
 10. Ware, *Giáo Hội Chính Thống Giáo* [*Orthodox Church*] trang 257
 11. Ibid.,
 12. Ibid., 229,30
 13. Ibid., 230
 14. Ibid.,
 15. Ibid., 230-31
 16. *Quyển Cẩm Nang, Giáo Hội Nazarene, 1997-2001* [*Manual, Church of the Nazarene, 2017-2021*] trang 29,
 17. Ware, *Giáo Hội Chính Thống Giáo* [*Orthodox Church*] trang 257
 18. Ibid., 259
 19. Ibid., 219
 20. Campbell, *Tuyên Xưng Cơ Đốc* [*Christian Confessions*] trang 48.
 21. Ibid.
 22. Ware, *Giáo Hội Chính Thống Giáo* [*Orthodox Church*] trang 223
 23. Ibid.
 24. See Michael J. Christensen, “Thần Học và sự Nền Thánh: sự Chính Sửa của ông John Wesley về Giáo Lý của Đức Chúa Cha” [“Theosis and Sanctification: John Wesley’s Reformulation of a Patristic Doctrine”] *Tuần Báo Thần Học Wesley* [*Wesleyan Theological Journal*] trang 31, số 2, (mùa thu 1996): 72
 25. Ware, *Giáo Hội Chính Thống Giáo* [*Orthodox Church*] trang 231
 26. Sự kết nối giữa giáo lý Wesley về sự toàn hảo và giáo lý tương tự của các phụ giáo Phương Đông đã được rất nhiều học giả nghiên cứu. Các nguồn tài liệu sau đây là một số được đề nghị để đọc thêm: Paul M. Basset và William M. Greathouse, *Nghiên Cứu Sự Thánh Khiết Cơ Đốc* [*Exploring Christian Holiness*] quyển 2, *Sự Phát Triển của Lịch Sử* [*The Historical Development*] (Kansas City: Beacon Hill Press of Kansas City, 1985); Ted Campbell, *John Wesley và Cơ Đốc Giáo Cổ Đại* [*John Wesley and Christian Antiquity*] (Nashville: Kingswood Books, 1991); Randy L. Maddox, *Ấn Điển Với Trọng Trách: Thần Học Ứng Dụng của ông John Wesley* [*Responsible Grace: John Wesley’s Practical Theology*] (Nashville: Abingdon Press, 1994). Trong số các bài hữu ích về chủ đề này được trích dẫn từ *Tuần Báo Thần Học Wesley* [*Wesleyan Theological Journal*] có các bài của các tác giả Luke L. Keefer Jr., “Ông John Wesley: Môn Đồ của Cơ Đốc Giáo Khởi Nguyên [John Wesley: Disciple of Early Christianity,” quyển 19, số 1 (mùa xuân 1984); John G. Merritt, “Cuộc Đối Thoại Bên Trong một Truyền Thống: ông John Wesley và ông Gregory của

Nyssa Thảo Luận về sự Toàn Hòa Cơ Đốc [“Dialogue Within a Tradition: John Wesley and Gregory of Nyssa Discuss Christian Perfection”], quyển 22, số 2 (mùa thu 1987): trang 92-116; và Christensen, hãy xem chú thích 24 ở trên

27. Ware, *Giáo Hội Chính Thống Giáo* [*Orthodox Church*] trang 262
28. Ibid., 278
29. Ibid., 300
30. Ibid., 307

Chương 7

1. Richard P. McBrien, *Giáo Hội Công Giáo* [*Catholicism*] (San Francisco: Harper San Francisco, 1989) trang 3. Tác giả McBrien đã trích dẫn ông Ignatius như một tín đồ Công Giáo đang hấp hối vào năm 107 Công Nguyên. Một số tác giả khác đã ấn định niên đại của *Tín Thư Gửi cho các Tín Đồ ở thành Smyrna* [*Epistle to the Smyrnaeans*] vào năm 110 hay 120
2. *Tự Điển Thần Học Tháp Sáng* [*Beacon Dictionary of Theology*] ed. Richard S. Taylor (Kansas City: Beacon Hill Press of Kansas City, 1983) trang 96.
3. Paul L. Williams, *Tất Cả Những Gì Anh Chị Luôn Luôn Muốn Biết Về Giáo Hội Công Giáo Nhưng Không Dám Hỏi vì Sợ Bị Dứt Phép Thông Công* [*Everything You Always Want to Know About the Catholic Church but Were Afraid to Ask for Fear of Excommunication*] (New York: Doubleday, 1989) trang 8.
4. Walter A. Elwell, *Tự Điển Thần Học Truyền Giảng Phúc Âm* [*Evangelical Dictionary of Theology*] (Grand Rapids: Baker Books, 1982), trang 296
5. Williams, *Tất Cả Những Gì Anh Chị Luôn Luôn Muốn Biết Về Giáo Hội Công Giáo Nhưng Không Dám Hỏi vì Sợ Bị Dứt Phép Thông Công* [*Everything You Always Want to Know About the Catholic Church but Were Afraid to Ask for Fear of Excommunication*] (New York: Doubleday, 1989) trang 8.
6. Bruce L. Shelley, *Lịch Sử Giáo Hội Với Ngôn Ngữ Thông Dụng* [*Church History in Plain Language*] (Waco, Tex.: Word Books, 1982)
7. Elwell, *Tự Điển Thần Học Truyền Giảng Phúc Âm* [*Evangelical Dictionary of Theology*] trang 1134
8. *Năm Mươi Năm Thần Học Công Giáo: Đối Thoại với ông Yves Congar* [*Fifty Years of Catholic Theology: Conversation with Yves Congar*] ed. Bernard Lauret (London: SCM Press, 1988) trang 15
9. Williams, *Tất Cả Những Gì Anh Chị Luôn Luôn Muốn Biết Về Giáo Hội Công Giáo Nhưng Không Dám Hỏi vì Sợ Bị Dứt Phép Thông Công* [*Everything You Always Want to Know About the Catholic Church but Were Afraid to Ask for Fear of Excommunication*] trang 31
10. Shelley, *Lịch Sử Giáo Hội Với Ngôn Ngữ Thông Dụng* [*Church History in Plain Language*] trang 479
11. Williams, *Tất Cả Những Gì Anh Chị Luôn Luôn Muốn Biết Về Giáo Hội Công Giáo Nhưng Không Dám Hỏi vì Sợ Bị Dứt Phép Thông Công* [*Everything You Always Want to Know About the Catholic Church but Were Afraid to Ask for Fear of Excommunication*] trang 67



12. Oscar Lukefahr, *Chúng Tôi Tin ... Một Sự Khảo Sát về Đức Tin Công Giáo* [*We Believe ... A Survey of Catholic Faith*] (Liguori, Mo: Liguori Publications, 1995) trang 67
13. Ibid., 68
14. Ibid., 69
15. Oscar Lukefahr, *Đặc Ân Được Là Một Tín Đồ Công Giáo* [*The Privilege of Being Catholic*] (Liguori, Mo: Liguori Publications, 1993) trang 125
16. Lukefahr, *Chúng Tôi Tin ... Một Sự Khảo Sát về Đức Tin Công Giáo* [*We Believe ... A Survey of Catholic Faith*] trang 94-95
17. Ibid., 95
18. *Quyển Cẩm Nang, Giáo Hội Nazarene, 2017-2021* [*Manual, Church of the Nazarene, 2017-2021*]
19. Lukefahr, *Chúng Tôi Tin ... Một Sự Khảo Sát về Đức Tin Công Giáo* [*We Believe ... A Survey of Catholic Faith*] trang 93
20. Ibid., 97
21. *Giáo Lý Vấn Đáp cho Giáo Dân* [*The People's Catechism*] ed. Raymond A. Luckier, Patrick J. Brennan và Michael Leach (New York Crossroad Publishing Co. 1995) trang 149
22. Williams, *Tất Cả Những Gì Anh Chị Luôn Luôn Muốn Biết Về Giáo Hội Công Giáo Nhưng Không Dám Hỏi vì Sợ Bị Dứt Phép Thông Công* [*Everything You Always Want to Know About the Catholic Church but Were Afraid to Ask for Fear of Excommunication*] trang 284-288
23. Ibid., 286
24. Ibid., 117
25. Ibid.
26. Hãy xem Ibid., 247
27. Mead and Hill, *Cẩm Nang về các Giáo Hội - Hệ Phái* [*Handbook of Denominations*] trang 270

Chương 8

1. Williston Walker, *Một Lịch Sử của Giáo Hội Cơ Đốc* [*A History of the Christian Church*] phát hành lần thứ 2 (New York: Charles Scribner's Sons, 1959) trang 291-97
2. Heiko A. Oberman, *ông Luther; Con Người Đứng Giữa Đức Chúa Trời và Quỷ Vương* [*Luther: Man Between God and the Devil*] (New York: Image Books, 1992) trang 277-83
3. Ernest Stoepler, *Sự Trỗi Dậy của Truyền Thống Tin Kính Truyền Giáo Phúc Âm* [*The Rise of Evangelical Pietism*] (Leiden E. J. Brill), 1:965
4. *Niên Giám Các Giáo Hội Mỹ và Canada, 1996* [*Yearbook of American and Canadian Churches, 1996*] ed. Kenneth B. Bedell (Nashville: Abingdon Press, 1996) trang 2
5. Martin E. Marty, "Các Giáo Hội Tín Nghĩa tại Hoa Kỳ" ["Lutheran Churches in America,"] in Reid et al., *Tự Điển Cơ Đốc Giáo tại Hoa Kỳ* [*Dictionary of Christianity in America*] trang 670-74
6. J.D. Sutherland, "Liên Đoàn Giáo Hội Tín Nghĩa Thế Giới" ["Lutheran World Federation"] ibid., trang 678
7. Hãy xem tác phẩm của ông Robert E. Cushman "Quang Cảnh Phục Hưng của Truyền Thống Wesley" ["The Landmarks of the Wesleyan Revival"] trong văn tuyển của ông, *Đức Tin*



Mưu Cầu Kiến Thức [Faith Seeking Understanding] (Durham N.C.: Duke University Press, 1981) trang 51-52

Chương 9

1. Một sự khảo sát rất hữu ích về sự nghiệp của ông Zwingli được tìm thấy trong tác phẩm của ông John T. McNeill, *Lịch Sử và Bản Tính của Truyền Thống Calvin [The History and Character of Calvinism]* (London: Oxford University Press, 1954) trang 18-52. Quyển sách cũng chứa đựng một tiểu sử về cuộc đời và tư tưởng của ông John Calvin.
2. Ulrich Zwingli, “*Luận Giải về Tín Ngưỡng Chính Chắn và Sai Trật [Commentary on True and False Religion]*” (Durham, N.C.: Labyrinth Press, 1981) trang 185-97
3. Ibid., 233-34
4. McNeill, *Lịch Sử và Bản Tính của Truyền Thống Calvin [The History and Character of Calvinism]* trang 52
5. Ibid., 208-14
6. Paul Tillich, *Một Lịch Sử của Tư Duy Cơ Đốc [A History of Christian Thought]* (New York: Simon and Schuster, 1968) trang 270
7. John Calvin, *Các Giáo Thể của Tín Ngưỡng Cơ Đốc [Institutes of the Christian Religion]* ed. John T. McNeil, trans. Ford Lewis Battle, quyển 2 (Philadelphia: Westminster Press, 1960) trang 1324-33.
8. McNeill, *Lịch Sử và Bản Tính của Truyền Thống Calvin [The History and Character of Calvinism]* trang 263-66. Tiểu sử chính xác của ông Arminius tiếng Anh là tác phẩm của ông Carl Bangs, *Arminius: Một Nghiên Cứu về Cải Chánh Giáo Hòa-lan [Arminius: A Study in the Dutch Refomation]* (Nashville: Abingdon Press, 1971)
9. Bedell, *Niên Giám Các Giáo Hội, 1996 [Yearbook of Churches, 1996]* trang 94
10. L. W. Wilshire, “Truyền Thống Hội Chúng” [“Congretionalism”] in Reid et al. *Tự Điển Cơ Đốc Giáo tại Hoa Kỳ [Dictionary of Christianity in America]* trang 309-11
11. Bedell, *Niên Giám Các Giáo Hội, 1997 [Yearbook of Churches, 1997]* trang 257
12. E. J. Bruins, “Giáo Hội Cải Chánh Giáo tại Hoa Kỳ” [Reformed Church in America”] in Reid et al. *Tự Điển Cơ Đốc Giáo tại Hoa Kỳ [Dictionary of Christianity in America]* trang 985-86
13. A.H. Preundt, “Giáo Hội Trưởng Lão tại Hoa Kỳ”, [Presbyterian Church in America”] ibid. trang 929-30
14. “Các Nhóm Trưởng Lão Phát Triển Nhanh Chóng tại Hàn Quốc” [Presbyterian Groups Grow Rapidly in Korea”] *Thế Kỷ Cơ Đốc [Christian Century]*, 25 tháng 9, 2 tháng 10, 1996, trang 888
15. John Wesley, *Các Công Việc [Works]* 8:284-85

Chương 10

1. J. R. H. Moorman, *Lịch Sử Giáo Hội tại Anh Quốc [History of the Church in England]*, xuất bản lần thứ 3 (London: Adam and Charles Black, 1976) trang 355-56
2. Bedell, *Niên Giám Các Giáo Hội, 1996 [Yearbook of Churches, 1996]* trang 129, 246, 253
3. Stephen Neil, *Truyền Thống Anh Giáo [Anglicanism]* (London: Penguin Books, 1958) trang 418
4. Ibid.



5. Ibid., 424
6. Ibid., 426
7. Harmon, *Tự Điển Bách Khoa của Giám Lý Thế Giới* [Encyclopedia of World Methodism] 1:149; *Cẩm Nang, Giáo Hội Nazarene Ngũ Tuần* [Manual, Pentecostal Church of the Nazarene] (Los Angeles: Nazarene Publishing Co., 1908) trang 26-27; và *Cẩm Nang, Giáo Hội Nazarene, 2017-2021* [Manual, Church of the Nazarene, 2017-2021] trang 30

Chương 11

1. “Văn Bản Schleithem” [“The Schleithem Text”] *Sứ Giả Phúc Âm* [Gospel Herald], 27 tháng 2, 1977, trang 153-56
2. Bedell, *Niên Giám Các Giáo Hội, 1997* [Yearbook of Churches, 1997] trang 257
3. Thống kê về thành viên Hội Thánh Các Anh Em [Church of the Brethren] và các giáo hội chị em, *ibid.*, trang 253-57
4. Thomas Hamm, *Sự Biến Đổi của Truyền Thống Quaker Mỹ* [The Transformation of American Quakerism] (Bloomington, Ind.: Indiana University Press, 1988) trang 16
5. Bedell, *Niên Giám Các Giáo Hội, 1997* [Yearbook of Churches, 1997] trang 255

Chương 12

1. Durnbaugh, *Giáo Hội Thuộc về các Tín Hữu* [Believers' Church] trang 97-99
2. Ibid., 99
3. William H. Brackney “Đại Hội Đồng Truyền Giáo của Giáo Hội Báp-tít, 1814-1845: Một Ẩn Dụ Mỹ” [“The General Missionary Convention of the Baptist Denomination, 1814-1845: An American Metaphor”] *Lịch Sử Báp-tít* [Baptist History] tháng 7, 1989, trang 14
4. Willis Hubert Porter và Philip E. Jenks, *Tín Hữu Báp-tít* [“Baptists”], Williamson, *Tự Điển Bách Khoa Tôn Giáo*, trang 30
5. M.G. Bell, “Quang Cảnh Phong Trào” [“Landmark Movement”] in Reid et al. *Tự Điển Cơ Đốc Giáo tại Hoa Kỳ* [Dictionary of Christianity in America] trang 629-30
6. B. Gray Allison, “Thành Tích Đáng Kể về các Sứ Mệnh Truyền Giáo và Truyền Giảng Phúc Âm Từ Năm 1845” [“Notable Achievements in Missions and Evangelism Since 1845”] *Lịch Sử Báp-tít* [Baptist History] tháng 7, 1989, trang 33; Claude L. Howe Jr., “Một Chân Dung của các Tín Hữu Báp-tít tại Hoa Kỳ Ngày Nay” [“A Portrait of Baptists in America Today,”] *ibid.*, 50-51; Bedell, *Niên Giám Các Giáo Hội, 1997* [Yearbook of Churches, 1997] trang 252
7. J. Gordon Melton, *Tự Điển Bách Khoa về Tôn Giáo tại Hoa Kỳ*, xuất bản lần thứ 2 [Encyclopedia of American Religion, 2nd ed.] (Detroit: Gale Research Co. 1987), trang 388; Bedell, *Niên Giám Các Giáo Hội, 1997* [Yearbook of Churches, 1997] trang 254
8. Bedell, *Niên Giám Các Giáo Hội, 1997* [Yearbook of Churches, 1997] trang 94-95, 256
9. Melton, *Tự Điển Bách Khoa về Tôn Giáo tại Hoa Kỳ* [Encyclopedia of American Religion] trang 401; Bedell, *Niên Giám Các Giáo Hội, 1997* [Yearbook of Churches, 1997] trang 251
6. Bedell, *Niên Giám Các Giáo Hội, 1997* [Yearbook of Churches, 1997] trang 86, 255

Chương 13

1. Mark G. Toulouse, *Hiệp Nhất Trong Môn Đồ Hóa* [Joined in Discipleship] (St. Louis: Chalice Press, 1992), trang 27. Trích dẫn không có tham khảo.

2. Lester G. McAllister and William E. Tucker, *Hành Trình Đức Tin: Một Lịch Sử của Hội Thánh Cơ Đốc (Các Môn Đồ Đấng Christ)* [*Journey in Faith: A History of the Christian Church (Disciples of Christ)*] (St. Louis: Bethany Press, 1975), trang 77-79.
3. “Ước Muốn Cuối Cùng và Di Chúc của Giáo Hội Trưởng Lão thành phố Springfield” [“The Last Will and Testament of the Springfield Presbytery”] trong tác phẩm của ông Louis Cochran và Bess White Cochran, *“Bị Thế Gian Giam Cầm”* [*Captives of the World*] (Garden City, N.Y.: Doubleday, 1969) trang 31
4. Stephen J. England, *Chúng Tôi, các Môn Đồ* [*We Disciples*] (St. Louis: Christian Board of Publication, 1946), trang 12
5. Về các tóm lược của tài liệu này, hãy xem Cochran and Cochran: *“Bị Thế Gian Giam Cầm”* [*Captives of the World*] trang 6-7, và England, *Chúng Tôi, các Môn Đồ* [*We Disciples*] trang 14-16
6. England, *Chúng Tôi, các Môn Đồ* [*We Disciples*] trang 18
7. Liên quan đến sơ đồ so sánh giữa các tín lý và thực hành của 3 giáo hội thuộc về truyền thống này, hãy xem Cochran và Cochran: *“Bị Thế Gian Giam Cầm”* [*Captives of the World*] trang 254. Hãy xem tác phẩm của Mead và Hill: *Cẩm Nang Các Giáo Hội – Hệ Phái* [*Handbook of the Denominations*] trang 94-101 để có thêm chi tiết về thống kê và cấu trúc của các hội thánh – giáo hội thuộc về Phong Trào Khôi Phục.
8. D. Duane Cummins, *Một Cẩm Nang Cho Các Môn Đồ Ngày Nay* [*A Handbook for Today’s Disciples*] (St. Louis: Bethany Press, 1981), trang 23
9. Ibid., 50-51
10. Ibid., 51
11. Ibid., 28
12. Điều Khoản XII [Article XII] *Cẩm Nang, Giáo Hội Nazarene, 20217-2021* [*Manual, Church of the Nazarene, 20217-2021*] trang 38
13. Điều Khoản I [Article I] Ibid., 26
14. Cummins, *Cẩm Nang Cho Các Môn Đồ Ngày Nay* [*Handbook for Today’s Disciples*] trang 25
15. Ibid., 46
16. Ibid.,
17. John Wesley, “Một Sự Thận Trọng Đối Với Sự Cuồng Tín” [“A Caution Against Bigotry”] trong *Các Bài Giảng Trong Nhiều Trường Hợp* [*Sermons on Several Occasions*] trang 547

Chương 14

1. Một lịch sử về giáo hội rất hay là tác phẩm của Vinson Synan: *Quyền Năng Xưa Cũ: Một Lịch Sử của Giáo Hội Ngũ Tuần Thánh Khiết* [*Old-Time Power: A History of the Pentecostal Holiness Church*] (Franklin Springs, Ga.: Advocate Press, 1973).
2. Bedell, *Niên Giám Các Giáo Hội, 1996* [*Yearbook of Churches, 1996*] trang 254 và website của Giáo Hội Ngũ Tuần Thánh Khiết Quốc Tế [International Pentecostal Holiness Church] <http://www.iphc.org/docs/hisherit.html> 26 tháng 3, 1997
3. Bedell, *Niên Giám Các Giáo Hội, 1996* [*Yearbook of Churches, 1996*] trang 251. Cũng như Susie C. Stanley, “Các Hội Thánh của Đức Chúa Trời” [“Churches of God”, trong Reid et al. *Tự Điển Cơ Đốc Giáo tại Hoa Kỳ* [*Dictionary of Christianity in America*] trang 279. Cũng xem Hội Thánh của Đức Chúa Trời (Cleveland, tiểu bang Tennessee) [the Church of



- God (Cleveland, Tennessee)] website <http://www.mindspring.com/~cog3.htm> 31 tháng 3, 1997
4. Willian W. Menszies “các Nguồn Gốc ngoài Truyền Thống Wesley của Phong Trào Ngũ Tuần” [“The Non-Wesleyan Origins of the Pentecostal Movement”] trong “*Các Khía Cạnh của các Nguồn Gốc Ngũ Tuần - Ấn Tử*” [*Aspects of The Pentecostal-Charismatic Origins*] ed. Vinson Synan (Plainfield, N.J.: Logos International, 1975) trang 90-92.
 5. Website của Thông Công Ngũ Tuần các Hội Chúng Đức Chúa Trời [Assemblies of God Pentecostal Fellowship] <http://www.cyberramp.net/~gdm/index.htm> 27 tháng 3, 1997
 6. Website của Hội Thánh Quốc Tế Phúc Âm Tứ Ô [International Church of the Foursquare Gospel] <http://www.foursquare.org/detail.htm> 7 tháng 3, 1997
 7. Les Parrot III và Robin D. Perrin, “Các Giáo Hội – Hệ Phái Mới” [“The New Denominations”], *Cơ Đốc Giáo Ngày Nay* [*Christianity Today*] (11 tháng 3, 1991) trang 30
 8. Website của Thánh Công Hội Ấn Tử [Charismatic Episcopal Church] <http://www.iccec.org/info.htm> 26 tháng 3, 1997
 9. Ron và Vicki Burks, *Môn Đồ bị Tổn Thương* [*Damaged Disciples*] (Grand Rapids: Zondervan Publishing House, 1992) trang 7-8
 10. Robert Digitale, “Một Ý Tưởng Của Thời Đã Trôi Qua” [“An Idea Whose Time Has Gone?”] *Cơ Đốc Giáo Ngày Nay* 34 số 5 [*Christianity Today*] (tháng 3, 1990) trang 40
 11. Thomas F. Zimmerman, “Những Ưu Tiên và Tín Lý của các Tín Hữu Ngũ Tuần” [Priorities and Beliefs of Pentecostals] *Cơ Đốc Giáo Ngày Nay* [*Christianity Today*] (4 tháng 9, 1981) trang 36-37

Chương 15

1. *Sự Thánh Khiết Truyền Giảng Phúc Âm* [*Holiness Evangel*] 1 tháng 1, 1907 trang 1; và 15 tháng 11, 1907 trang 4. Cũng xem *Biện Hộ Ngũ Tuần* [*Pentecostal Advocate*] 8 tháng 4, 1909 trang 10.
2. Hội Đồng các Tổng Quản Nhiệm, “Lập Trường của Giáo Hội Nazarene về Việc Nói Tiếng Lạ” [“The Position of the Church of the Nazarene on Speaking in Tongues”] *Sứ Giả của Sự Thánh Khiết* [*Herald of Holiness*], 15 tháng 11, 1976 trang 5;
3. *Cẩm Nang, Giáo Hội Nazarene, 2017-2021* [*Manual, Church of the Nazarene, 2017-2021*]
4. H. Ray Dunning, *Ấn Điển, Đức Tin và Sự Thánh Khiết: Một Hệ Thống Thần Học Wesley* [*Grace, Faith and Holiness: A Wesleyan Systematic Theology*] (Kansas City: Beacon Hill Press of Kansas City, 1988) trang 429-77
5. Ronald M. Enroth, *Các Giáo Hội Lạm Dụng* [*Churches That Abuse*] Grand Rapids: Zondervan Publishing House, 1992) trang 150. Tác giả Enroth trích dẫn quyển Hội Chúng Đức Tin [Faith Assembly] ở tiểu bang Indiana (không liên quan đến Các Hội Chúng của Đức Chúa Trời) của tác giả Hobart Freeman.
6. Ibid., 26
7. Ibid., 198
8. Wesley Tracy “Tín Hữu bị Lạm Dụng” [Abuse Believers] *Sứ Giả của Sự Thánh Khiết* [*Herald of Holiness*], 10 tháng 8, 1992 trang 10;
9. Enroth, *Các Giáo Hội Lạm Dụng* [*Churches That Abuse*] trang 196. Ông Phil Aguilar là vị mục sư được trích dẫn
10. Hãy xem “Hộp Thư Các Câu Hỏi” [“The Question Box”] *Sứ Giả của Sự Thánh Khiết* [*Herald of Holiness*], tháng 10, 1997 trang 34;



11. “Lập Trường ...” [“The Position ...”] *Sứ Giả của Sự Thánh Khiết* [*Herald of Holiness*], 15 tháng 10, 1976 trang 5

HẾT

Có lẽ anh chị gặp họ hàng ngày. Ở tiệm tạp hóa. Trên xa lộ. Trong khu phố như là láng giềng của anh chị. Họ đến từ mọi miền, đủ các màu da, kích cỡ và khuôn khổ. Nhưng họ là một cộng đồng trên toàn cầu, và họ kết nối với nhau bởi một đức tin. Họ là các tín hữu Nazarene. Và họ cùng chia sẻ một ước mơ.

Vào đầu thế kỷ thứ 19, phong trào Thánh Khiết thật sự bành trướng trên khắp Hoa Kỳ. Các giáo hội Wesley – Thánh Khiết đã trăm hoa đua nở ở mọi nơi tại Mỹ. Và vào năm 1907-08 năm trong số các giáo hội này cùng nhau kết hợp để thành lập Giáo Hội Nazarene.

Một giấc mơ đã đem các tín hữu thành lập giáo hội lại với nhau chính là một hội thánh theo truyền thống Wesley. Đó cũng là giấc mơ ngày nay vẫn định hướng cho Giáo Hội Nazarene. Nhưng làm sao chúng ta có thể thông dịch lại ý nghĩa của giấc mơ này để định vị trong một thế giới mà các truyền thống giáo hội – hệ phái trông không còn quan trọng như trước nữa? Một tín hữu Nazarene có gì khác biệt với tín hữu Trưởng Lão (Presbyterian), Báp-tít hay một anh em Ngũ Tuần, cũng như đối với một chị em trong Đấng Christ?

Quyển sách *Các Tín Hữu Nazarene Là Ai?* xin giải đáp một cách cụ thể, chính xác và dễ hiểu các câu hỏi này với sự nghiên cứu và phân tích các điểm tương đồng và khác biệt giữa Giáo Hội Nazarene và các giáo hội truyền thống khác. Với những ý tưởng và thấu hiểu đổi mới và trung thực, quyển sách *Các Tín Hữu Nazarene Là Ai?* xin giúp anh chị nhận lãnh một di sản ra đời từ một khái tượng đã đem đến sự sống cho ước mơ đó.

WESLEY D. TRACY hiện nay đã về hưu và từng thuộc về ban biên tập của *Herald of Holiness* – Sứ Giả Thánh Khiết, tuần báo của Giáo Hội Nazarene. Ông đã từng là một mục sư hội thánh, giáo sư, tác giả, ban biên tập, và đã phục vụ với chức vụ chủ tịch Hiệp Hội Thần Học Wesley (Wesleyan Theological Society). Ông tốt nghiệp Đại Học Nazarene Miền Nam [Southern Nazarene University], Chung Viện Thần Học Nazarene [Nazarene Theological Seminary] và được trang bị với hai bằng cấp Tiến Sĩ (D. Min. và S.T.D.) tốt nghiệp từ Chung Viện Thần Học San Francisco [San Francisco Theological Seminary]. Hàng trăm bài viết và rất nhiều quyển sách đã được ông sáng tác và biên soạn. Ông Wesley và phu nhân, Bettye, là thành viên của Hội Thánh Nazarene Thứ Nhất của thành phố Kansas [Kansas City First Church of the Nazarene]

STAN INGERSOL, Ph. D. (Thạc Sĩ) từng là giám đốc của Bộ Lưu Trữ Văn Thư của Giáo Hội Nazarene từ năm 1985. Ông đã viết chương mục “Cội Nguồn của Truyền Thống Nazarene” [Nazarene Roots] cho tuần báo *Herald of Holiness* – Sứ Giả Thánh Khiết trong vòng 13 năm và đã đóng góp nhiều bài viết cho *Từ Điển Cơ Đốc Giáo ở Mỹ* [Dictionary of Christianity in America], *Một Từ Điển Bách Khoa về Tôn Giáo tại Hoa Kỳ* [An Encyclopedia of Religions in the United States, Dictionary of Christianity in America], *Thế Kỷ Cơ Đốc* [Christian Century] và *Tuần Báo Thần Học Wesley* [Wesleyan Theological Journal]. Hiện nay ông đang phục vụ cho ban biên tập của Tuần Báo Thần Học Wesley. Ông đã lập gia đình với bà mục sư Cheryl Somers-Ingersol, nhiệm chức mục vụ tại thành phố Overland Park, tiểu bang Kansas. Gia đình Ingersol có hai con tuổi vị thành niên.